



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẪM THÁNG TÁM QUÝ TÝ • 19-9-2013

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG ĐẠI LỄ TRIỀU THIÊN VÔ CỰC 2013

TỪ "LÝ SƯƠNG" ĐẾN
"KỶ HUYẾT HUYỀN HOÀNG"

LỜI DẠY CỦA ĐỨC MẸ
VỀ VIỆC XÂY ĐIỀU TRÌ BỬU ĐIỆN

Ý NGHĨA LỄ
HỘI YẾN BÀN ĐÀO

**MÙA THU
ĐẦU TIÊN**

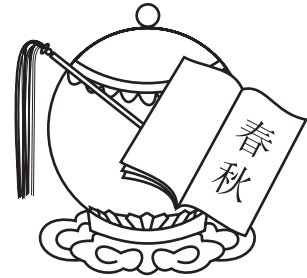
LÒNG TỪ MẪU

HỌC TU THEO LỜI MẸ DẠY

NỮ CHUNG HÒA,
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG 20 NĂM

120





Nội san Cao Đài Giáo Lý số 120

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 120

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



mục lục

QUAN ĐIỂM: MẸ LÀ BẢN THỂ CỦA SỰ SỐNG VĨNH CỬU ■ <i>Ban biên tập.</i>	4
THÁNH GIÁO DẠY NỮ PHÁI TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ TRÍCH LỤC MINH THIỆN CHƠN KINH ■ <i>Thiện Chí sâu tâm. Lê Anh Minh chú giải.</i>	5 7
TÌM HIỂU LỊCH SỬ DANH HIỆU CỦA ĐỨC MẸ ■ <i>Đạt Tường.</i>	13
Ý NGHĨA LỄ HỘI YẾN BÀN ĐÀO ■ <i>Hồng Phúc.</i>	18
TÌM HIỂU LỜI DẠY CỦA ĐỨC MẸ VỀ VIỆC XÂY ĐIỀU TRÌ BỬU ĐIỆN ■ <i>Thiện Chí.</i>	25
TỪ "LÝ SƯƠNG" ĐẾN "KỶ HUYẾT HUYỀN HOÀNG" ■ <i>Thiện Chí.</i>	28
HỌC THÁNH GIÁO MỖI NGÀY ■ <i>Huệ Ý.</i>	30
HỌC TU THEO LỜI MẸ DẠY ■ <i>Diệu Nguyên.</i>	33
LỜI HỨA NGUYỆT ■ <i>Xuân Mai.</i>	37

LÒNG TỪ MẪU VÔ CÙNG VÔ TẬN ■ <i>Diệu Thuận.</i>	41
LÒNG TỪ MẪU ■ <i>Trúc Thảo.</i>	47
TÌNH THƯƠNG CỦA MẸ ■ <i>Nguyễn Thị Hồng Thắm.</i>	52
VÀI ĐIỀU CẢM NHẬN LỜI ĐỨC MẸ DẠY VỀ TÌNH THƯƠNG ■ <i>Bạch Tuyết.</i>	54
TRUNG THU NHỚ LỜI MẸ DẠY ■ <i>Đoàn Thị Kim Sơn.</i>	57
MẸ KHÔNG NGỰ TRÊN ĐÀI CAO HOANG VẮNG TÌNH THƯƠNG ■ <i>Huỳnh Châu Lan.</i>	61
NỮ CHUNG HÒA - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG 20 NĂM ■ <i>Nguyễn Thị Kim Yến.</i>	63
“NỮ PHÁI RẤT DỄ TU CHỨNG MÀ CŨNG RẤT DỄ SA ĐỌA” ■ <i>Trúc Thảo.</i>	65
MÙA THU ĐẦU TIÊN ■ <i>Nguyễn Thị Kim Yến.</i>	69
TÂM SỰ NGÀY XANH ■ <i>Giáo sĩ Kim Dung.</i>	70
NGÔN NGỮ HÌNH TƯỢNG TRONG BÀI PHẬT MẪU CHƠN KINH ■ <i>Phan Thị Bảo Trân.</i>	72
GHI NHẬN VỀ BUỔI THAM GIA KHÁM BỆNH TẠI PHÒNG KHÁM THÁNH TÂM TÂN ĐỊNH ■ <i>Bác sĩ Phi Yến.</i>	78
TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VIỆT NAM ■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	79
TRANG THƠ: TÌNH THU BÊN MẸ ĐIỀU TRỊ ■ <i>Thiện Lý.</i>	85
VUI HỌC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI ■ <i>Trần Ngọc Tâm biên soạn.</i>	86
ĐÓA HOA SỮ MẠNG ■ <i>Lý Như.</i>	88
KHÚC CA CỦA MẸ ■ <i>Lý Như.</i>	92
VỌNG CỔ: TRUNG THU MẸ SƯỜI ẤM LÒNG CON ■ <i>Chánh Tâm.</i>	94
THÂN PHẬN PHỤ NỮ HỘI GIÁO ■ <i>Ban biên tập sưu tầm và tổng hợp.</i>	95
TRANG SỨC KHỎE: NHỮNG CÔNG DỤNG CHỮA BỆNH QUÝ BÁU CỦA CẦN TÂY ■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	101
MỘT CỤ ÔNG SỐNG THỌ... 256 NĂM ■ <i>H.P. sưu tầm.</i>	103
TRANG GIA CHÁNH: BÁNH CUỐN CHAY ■ <i>Bạch Tuyết.</i>	106

MẸ LÀ BẢN THỂ CỦA SỰ SỐNG VĨNH CỬU

Từ thuở khởi nguyên của đạo tức tôn giáo Cao Đài chúng ta, khi Đức Chí Tôn vừa thâu nhận xong hai nhóm đệ tử đầu tiên của Ngài thì Đức Từ Mẫu bèn đến với chư Tiên Khai trong khung cảnh Hội Yến Bàn Đào.

Sự lâm phạm Khai Đạo của Thầy được biểu trưng bằng Thiên Nhân, mà Thiên Nhân cũng chính là ngôi Thái Cực hóa sanh vạn vật, vạn hành vũ trụ.

Sự lâm phạm của Mẹ được biểu trưng bằng cuộc hội yến trùng hoan.

Một cung cách thống ngự, khai sinh của Thầy.

Một cung cách gần gũi, vỗ về của Mẹ.

Hình thức mở đạo đã bày tỏ Thiên lý, Thiên cơ.

Mẹ là Vô Cực, là bản thể, là ngôi Bảo tồn. Thầy là Thái Cực, là ngôi Sáng tạo. Cho nên, đứng về hiện tượng tôn giáo, khai Tam Kỳ Phổ Độ thì duy có Thầy là Giáo chủ. Còn về mặt cứu rỗi vô vi thì Đức Từ Tôn chưởng quản.

Thế nên, Đức Mẹ muốn cho con cái của Mẹ phải ý thức được Thiên lý ấy để hiểu được cơ vận hành của Đại Đạo mà hành đạo đạt được tôn chỉ cứu cánh. Nghĩa là Tam Kỳ Phổ Độ phải vượt lên đến hoạt động tôn giáo thông thường nghiêng về tín ngưỡng, sùng tín, tìm kiếm một chỗ dựa tâm linh. Mà cơ cứu độ kỳ ba phải song hành giác mê khai ngộ chúng sanh với cứu khổ hành thiện, xây dựng xã hội an lạc tiến bộ.

Mẹ là bản thể cho nên trong mỗi sự sống và sau mỗi kiếp sống, trong mỗi chu kỳ và kết thúc mỗi chu kỳ vạn vật – chúng sanh đều thọ bẩm sinh khí của Mẹ để tăng trưởng tiến hóa rồi trở về trong lòng Mẹ.

Đối với Bản Thể Vô Cực không có phân biệt sự sống chết. Sự sống và sự chết chỉ đánh dấu từng giai đoạn tăng trưởng.

Hãy nhìn một cái cây, tăng trưởng từ hạt thành gốc rễ cành lá rồi qua bốn mùa tám tiết, biết bao lần nảy mầm, và bao lần lá rụng. Và kết quả sau cùng của sự tiến hóa của nó là hoa quả, là những gì tinh túy kết thành trong biết bao chu kỳ sống chết của nó.

Bởi vậy Mẹ muốn chúng ta ý thức sâu sắc lý Đạo để đừng làm sai lệch cơ đạo. Vì Tam Kỳ Phổ Độ là cơ quy Nhứt, hiệp Nhứt. Nếu tiêu biểu tối thượng của Đạo mà có hai thì không khỏi làm cho nhân sanh phân tán sau này.

Mẹ không muốn xây ngôi Điều Trì hữu tướng nhưng Mẹ vẫn đến trần gian để cứu rỗi con cái. Thầy và Mẹ vĩnh viễn vẫn là quyền năng hợp nhứt của Đại Đạo để khai hóa, để bảo tồn chúng sanh, nhứt là vào thời Hạ ngưng này đã và đang tuôn tràn ân điển để cứu thế Kỳ Ba. ■

THÁNH GIÁO DẠY NỮ PHÁI TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

SAMEDI 17 JUILLET 1926 (08-6 BÍNH DẦN)

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG
ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

Đường thị! Thầy giao phe nữ cho con lập thành.
Chẳng phải vì đờn bà mà sớm nổi cơn, chiều
trã cháo hoài.

Phần các con truyền đạo kỳ Phổ độ này cũng
lắm nặng nề; bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ;
Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao?
Thầy đã nói Bạch Ngọc Kinh có cả Nam và Nữ,
mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều.

Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành
Nữ phái. Nghe và tuân, Thầy hằng ở bên con, lo
chung cùng con; con chớ ngại.

H... Thầy giao Nữ Phái cho con rộng quyền
dạy dỗ làm chủ, chớ Thầy thân đến mà giao cho
con, trách nhiệm con, Thầy sẽ chia bớt với.

THÁNH GIÁO NGÀY KHAI ĐẠO

18 NOVEMBRE 1926 (14-10 BÍNH DẦN)

KHAI ĐẠO TẠI CHÙA GÒ KÉN TÂY NINH (TỪ LÂM TỰ)

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO
NAM PHƯƠNG**

Hỷ chư môn đệ, chư ái nữ.

Nữ phái nghe Thầy khai tịch đạo.

Hương tâm nhứt phiến cận Càn Khôn,

Huệ đức tu chơn độ dẫn hỗn.

Nhứt niệm Quan Âm thùý bảo mạng,

Thiên niên đảng phái thủ sanh tồn.

Lâm thị: Phong vị Giáo Sư, lấy Thiên ân
Hương Thanh.

Ca thị: Phong vị Phó Giáo Sư, lấy Thiên ân
Hương Ca.

Đường thị đã thọ mạng Thiên sai cú giữ địa
vị mình.

Còn cả chư ái nữ Thầy sẽ lập đại hội cho đủ
mấy vị rồi sẽ phong sắc một lần.

Thầy ban ơn cho các con, cứ hành lễ theo lời
dặn. Thăng.

▪

05-3-1927

THƯỜNG CƯ NAM HẢI QUAN ÂM NHƯ LAI

Hỷ chư đạo hữu, chư đạo muội, chư chúng sanh.

Thiên phong bình thân.

Chư đạo muội nghe.

Thiếp lấy làm hân hạnh được trông thấy
lòng thành kính của chư đạo muội. Từ đây khá
chung hiệp nhau mà lo diu dắt đàn sau bước
tới; nhiều đạo muội chẳng để trọn lòng về nền
Đạo, phải ráng công thêm nữa, đặng làm cho
đáng nét yêu dấu của đấng Chí Tôn cho nở mày
khách quần thoa cõi Việt, đều thăng thưởng
chẳng mất phần. Ngày giờ nhật thức, nếu diên
trì thì bước đường sau khó theo dấu. Thiếp để
lời mừng chư đạo muội khá chịu nhọc mà làm
cho trách nhiệm hoàn toàn, ấy là điều Thiếp
trông mong nơi các đạo muội vậy.

Làu soi gương hạnh rạng Nam hoa,

Sau trước rồi đây cũng một nhà,

Liễu yếu đem đường diu liễu yếu,

Tranh xưa thêm rõ cảnh liên tòa.

Chư đạo hữu, chư đạo muội, khá lưu tâm.

Thăng.

▪

HUỲNH QUANG SẮC, NGỌ THỜI, 27-7 TÂN HỢI (16-9-1971)

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Cơ chuyển hóa hòa đồng nữ đạo,

Tấm nhạc lòng sáng tạo việc chung,

Làm cho rạng mặt quần hồng,

Các con là gái há nhường kém ai.

Các con cũng đủ tài có đức,

Hãy thi gan hợp sức hành ca,

Tạo nên khí sắc mặn mà,

Gãy nên sóng đạo kỳ ba cứu đời.

ĐỨC VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU

(...) Các em ơi! Nhờ tiền kiếp dày công tu tập, tuy chưa được đắc quả vị ở phần cao siêu thượng đẳng thanh thoát, hiện kiếp các em đã được đặc ân của Thượng Đế bố ban trong Tam Kỳ đại ân xá này. Các em bình tâm lần dở những trang sử cổ kim xem – trong hàng nữ giới đã có biết bao nhiêu bậc anh thư liệt nữ bạt chúng siêu quần, từ đó nảy sanh các bậc vĩ nhân anh hùng hào kiệt lập quốc cứu dân hoặc phò nguy tế khổn. Nhưng phụ nữ đã khép mình trong nề nếp quần thoa tam tùng tứ đức, khuôn viên mẫu mực hạnh kiểm đoan trang, từ cổ cập kim đã nổi tiếng là anh thư nữ giới luân lý đông phương bất hủ. Thế mà xã hội loài người đã bất công đặt nữ giới vào

khung cảnh chật hẹp trên đường thế nhân, địa vị nữ giới bị đẩy lùi trong xã hội loài người.

Các em thử nghĩ xem luật lệ xã hội loài người đã đặt nữ giới vào cán cân chênh lệch. Trên đời đã có Võ Tắc Thiên làm khuy nh đảo san hà xã tắc, thì cũng có Châu U Vương đem con người làm trận cười cuồng loạn... Cũng đã có Lê Lợi, Quang Trung chống xâm lăng giữ gìn bờ cõi, gây hạnh phúc cho muôn dân, thì cũng có Triệu Nữ, Trưng Vương vì thù nhà nợ nước quật khởi trừ bạo diệt tàn để đem lại độc lập phú cường hạnh phúc cho dân tộc.

Những cái tầm thường là những tầm thường chung của mọi người, những cái phi thường cũng vẫn là phi thường chung của tất cả, chớ không dành để riêng cho nữ hoặc nam.■

NỮ CHỨC SẮC CAO CẤP TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

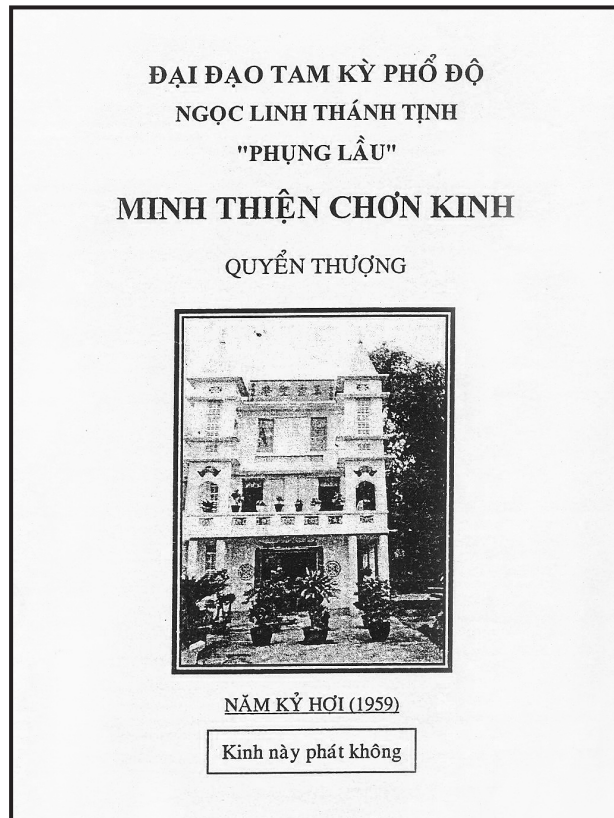


TỪ TRÁI SANG PHẢI: ĐÁU SƯ NGUYỄN HƯƠNG HIẾU, ĐÁU SƯ HỒ HƯƠNG LỰ, ĐÁU SƯ LÂM HƯƠNG THANH.



NỮ SINH LỚP PHỔ HUẤN CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.

Trích lục **MINH THIÊN CHƠN KINH**



■ **THIỆN CHÍ SƯU TẦM • LÊ ANH MINH CHỦ GIẢI**

XUẤT XỨ

Tình cờ chúng tôi được đọc quyển Minh Thiên Chơn Kinh, nhận thấy đây là một tác phẩm rất đặc biệt do Diêu Trì Cung ân tứ tại Ngọc Linh Thánh tịnh vào những năm 1958–1959 (Mậu Tuất – Kỷ Hợi).

Hầu hết quyển kinh do các đấng Nữ Phật, Tiên Nữ, Thánh Mẫu và những Nữ Nguyên nhân đặc đạo thọ lệnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Đại Từ Tôn giáng đàn tả kinh.

Nội dung chính của Minh Thiên Chơn Kinh là bốn Bài Sám (Sám Nhứt Diệu Đê, Sám Nhị Diệu Đê, Sám Tam Tứ Diệu Đê) và mười Bài Hạnh (Đệ Nhứt Hạnh đến Đệ Thập Hạnh),

nhằm giác ngộ và giáo hóa nữ lưu từ thanh xuân đến lớn tuổi trở thành người đạo đức tâm hạnh vẹn toàn.

Điểm đặc biệt là mỗi đấng Thiêng Liêng giáng đàn, trước khi tả kinh bằng quốc ngữ, đều cho một bài thi chữ Nho đạo lý cao siêu, văn chương tuyệt vời, với nhiều điển tích cần tra cứu mới hiểu hết lời Tiên tiếng Phật.

Phần chú giải trong các bài Thánh giáo dưới đây do hiền hữu Lê Anh Minh công quả.

THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU

NGỌC LINH THÁNH TỊNH (MINH THIỆN CHƠN KINH), HỢI THỜI, RẼM THÁNG 9 KỶ HỢI (16—10—1959).

THI

Hoa hương yếu điệu lộng hoa tiên,
Bộ bộ khinh khinh tứ mạch nhiên,
Ca khúc ngâm tàn minh nguyệt chiếu,
Yến diên thưởng liễu bạch vân tiên.
Hòa phong phi phát quang sanh tịch,
Thoại khí trùng chưng lộ tiết yên,
Đa thiếu trần hoàn tri liệu phủ,
Nhơn gian biệt chiến nhứt hồ thiên.

▪

(Hương hoa yếu điệu giống với tiên của loài hoa
Nhẹ bước chân đi, huyết mạch sáng khoái
Ngâm nga xong dưới ánh trăng soi
Tiệc bày thưởng thức liễu và mây trắng
Cùng gió thoảng ánh sáng soi tịch tịch
Khí lành xông lên cho thấy thời tiết yên ổn
Đời này mấy ai biết mà lo liệu
Nhân gian thôi chiến tranh, cả thảy cùng
chung một bầu trời.)

VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU. Mừng chư môn sanh.
Hôm nay, Ta lâm đàn để tiếp tả quyền “Minh
Thiện Chơn Kinh”. Nhưng trước khi nhập đề,
Ta có đôi lời để nhắc nhở chư hiền đồ. Vậy chư
môn sanh hãy tọa thiền, tịnh lòng nghe. Ta có
đôi hàng minh huấn.

THI BÀI

Thu sắp mãn lá vàng rơi rụng,

*Lệ làng thay tháng lun ngày qua,
Thanh xuân thấm thoát thấy già,
Cũng như hoa nở rồi hoa lại tàn.*

Ba vạn sáu thiếu quang¹ qua mãi,
Nghĩ câu “xuân bất tái”² mà thương,
Cho người chẳng biết độ lường,
Cứ bôn ba mãi trên đường lợi danh.

Vòng danh lợi đua tranh thành bại,
Để bước cùng hồ hải tứ phương,
Đến khi đi đã tột đường,
Xét ra như giấc mộng trường có chi.

Ai để ý xa suy mới rõ,
Kiếp người như cửa sổ ngựa qua;³
Bao nhiêu phú quý vinh hoa,
Cuối cùng cũng trả lại mà trần gian.

Tội chi phải đa mang lấy ách,
Mà không lo rửa sạch tâm hồn,
Ý không để đến thiên môn,
Lòng còn e ngại mới chìm bước chơn.

Khi Ta còn vi nhơn thế hạ,⁴
Trước bao nhiêu sang cả lạnh lùng,
Mặc dù trong chốn thâm cung,
Nhưng lòng mong một chữ “không” tạc thành.

Bên Bắc Quốc Trường Canh⁵ cũng thế,
Tài an bang tế thế có thừa,
Lại đành mượn chén say sưa,
Xa vòng quan quý sớm trưa buộc ràng.

Biết kiếp sống trần gian khổ lụy,
Mới mượn đường thú vị Thần, Tiên,

1. Thiếu quang = ánh sáng đẹp ngày xuân.

2. Xuân bất tái = tuổi xuân chỉ có một lần, qua rồi là không trở lại.

3. Nguyên chữ Hán là “Khích câu chi ảnh” = hình ảnh của ngựa câu (một loài ngựa)

4. Vi nhơn thế hạ = làm người ở trần gian.

5. Trường Canh tức Ngài Thái Bạch Kim Tinh, tức Lý Bạch.

Câu thơ chén rượu bạn hiền,
Muôn thu còn tiếng “Thanh Liên”⁶ thức thời.

Gọi tri thức ở đời mấy kẻ,
Hãy làm theo những lẽ vừa phân,
Mặc dù còn ở thế trần,
Cư trần mà bất nhiễm trần là tiên.

Ta từ thoát cõi miền trần giới,
Về Thiên cung thơ thới xiết bao,
Sớm chiều du ngoạn động đào,
Nương mây lướt gió tiêu dao tháng ngày.

Ai dứt được sợi dây oan trái,
Mặc dù không cắt ái ly gia,
Nhưng lòng tu niệm thiết tha,
Ta nguyện bảo hộ toàn gia khương bình.⁷

Nguyên Ta khi còn tại thế, thân sanh của Ta chỉ sanh hạ được ba chị em gái mà thôi. Ta cùng hai em gái Ta đều ở chốn thâm cung, nhưng Ta không màng cái ngôi Công chúa mà chỉ biết lo tu hành, thờ Quan Âm Như Lai làm thấy. Nhờ có thế mà cả ba chị em Ta đồng đắc đạo đăng Tiên, được Đức Chí Tôn phong làm Thánh Mẫu tại Bích Diêu cung dưới quyền Đức Cửu Thiên Huyền Nữ. Hai em Ta cũng được phong đồng một hiệu gọi là Vân Hương Đệ Nhị Thánh Mẫu, Vân Hương Đệ Tam Thánh Mẫu. Bởi thế Ta có lập nguyện: Nếu được một môn đồ nào mà lo việc tu hành tha thiết, thì Ta nguyện độ tất cả toàn gia của môn đồ ấy, dù gặp trường hợp nào cũng có chư linh bảo hộ. Hôm nay, Ta thừa lệnh Đức Mẹ làm đàn để tả kinh “Minh Thiệu”. Chư môn sanh có duyên mới gặp đặng Ta. Âu cũng là do sự tiền định. Vậy trước đàn, Ta khuyên chư hiền sanh nam cũng như nữ, nếu đã làm môn đồ Ta, chỉ nên biết việc tu hành cần chuyên hôm sớm, mặc dù gia đình ở xa xôi đến đâu, Ta cũng hứa sẽ bảo toàn cho trọn vẹn. Mong rằng chư hiền hãy để ý những lời Ta vừa dạy đó.

6. Ngài Lý Bạch có hiệu là Thanh Liên.

7. Khương (= kang) = khoẻ mạnh. Bình= bình an.

TIẾP THI BÀI

Cõi thế hạ nghiêng chính sớm tối,
Chư sanh là căn cội Thần Tiên,
Nói ra khuyên chớ trách phiền,
Vì Ta còn thấy trần khiên buộc ràng.

Ta đây vẫn lo toan để bặt,
Cho môn đồ bờ giác bước lên,
Hầu mau trở lại cung đền,
Mới là sống được vững bền dài lâu.

Nay Ta để đôi câu răn bảo,
Mong nữ nam hiểu thấu tận lòng,
Ráng mà luyện được chữ không,
Con đường trở lại non Bồng không xa.
(...)

Hãy còn nhiều nam nữ môn sanh đang mong đợi, nhưng bốn phận Ta đến đây đã trọn, vì phải nhường lại đàn điểm danh cho Đức Mẹ ở hôm sau.

▪

TÝ THỜI, 03—6 KỶ HỘI (08—7—1959)

(...)

VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU. Mừng chư môn sanh nam nữ. Hãy tọa thiền nghe Ta tả kinh: “Tĩnh tâm”⁸

PHÚ

Hội đào lý thiên luân tự lạc,⁹
Ngàn năm sau bia tạc rành rành,
Tĩnh thân kinh nhứt bộ thơ thành,
Trước Đức Mẹ sau chư linh huệ tứ.¹⁰
Tâm thử lý hà phân kim cổ,¹¹
Dầu không không mà có có như y,
Thiện chi thiên tất phước chi,¹²
Trong cơ báo ứng hào ly không nhảm.¹³

8. tĩnh tâm = thức tĩnh tâm

9. Từ khi luân lạc từ hội bàn đào trên trời xuống trần gian.

10. Trước tiên Đức Mẹ ban ân, kể đến các Đấng Thiêng Liêng sẽ ban ân cho.

11. Tâm chỉ có một lý như vậy chứ nào có phân xưa và nay.

12. Hễ làm việc thiện thì Trời ban phước cho.

13. Việc báo ứng thiện ác là chính xác không sai suyễn chút nào.

Khuyến nơn thế tâm tâm như nhút,
 Trước ở lành sau tức hưởng lành,
 Vinh hoa phú quý công danh,
 Hỏi rằng: Trời Đất riêng tình với ai?
 Vô đơn chí bất trùng lai,¹⁴
 Không lằm mảy tóc, không sai tơ hào.
 Vật vị thiên cao, cao tại thượng,¹⁵
 Mà thiếu điều tin tưởng nơi lòng.
 Cầu tắc ứng, cảm tắc thông,
 Thần minh chỉ chứng cho lòng kính tin.
 Vật vị thiên huyền, huyền thả mặc,¹⁶
 Mà trong lòng nhỏ nhặt làm can.
 Đúc báo đức, oan báo oan,
 Hai bên Thần Thánh sẵn sàng chứng minh.
 Thiện thơ tảo tảo phụng hành,¹⁷
 Sau rồi Trời, Đất chứng minh hộ trì.

THI

Bạch lộ hà phương nhút trọng phu,¹⁸
 Thơ thành sổ quyển hà thần hưu,
 Tinh thân nhị tự minh kim thạch,
 Bửu huấn¹⁹ chương chương vạn cổ lưu.
 (Sương trắng nơi nào, [??])

Viết kinh thành vài quyển, sáng sớm nào
 mới ngưng?

Bản thân hai chữ “Tinh thân” làm rõ ý nghĩa
 vàng đá.

Lời dạy quý báu sáng rực rỡ lưu truyền từ
 ngàn xưa.)

▪

THÁNH GIÁO ĐỨC CỬU THIÊN HUYỀN NỮ

14. Hoạ vô đơn chí, phúc bất trùng lai = họa xảy đến
 nhiều lần nhưng phúc thì không đến hai lần.

15. Các người chớ có nói Trời ở trên cao [không hay biết
 gì, nên các người nghi ngờ, không tin].

16. Các người chớ nói Trời lồng lộng [không hay biết điều
 sai quấy nhỏ nhặt của con người].

17. Thiện thơ = thiện thư (sách khuyến thiện). Phụng
 hành = tuân theo mà thi hành. Tảo tảo phụng hành: Hãy
 sớm phụng hành.

18. Có bản chép “vọng phu”. “Trọng phu” và “vọng phu” ở
 đây đều không có nghĩa. Có thể là “trọng thu” (giữa mùa
 thu) thì có thể phù hợp với ý thơ hơn.

19. Bửu huấn = bảo huấn (lời dạy quý báu)

TÝ THỜI, 23—6 KỶ HỢI (28—7—1959)

THI

CỬU tầng mây án khuất vắng trăng,
 THIÊN đạo hoàng khai đã rẽ lần,
 HUYỀN bí cơ Trời Ta hé mở,
 NỮ nam các trẻ ráng tâm phăng.

CỬU THIÊN HUYỀN NỮ. Dưỡng Mẫu mừng các
 con nam nữ thân yêu. Đã hèn lâu Mụ mới làm
 đàn để mừng các con thân yêu. Mụ lấy làm vui
 lòng mà nhìn thấy đường đạo đức các con được
 tấn triển phần nào.

Hôm nay Mụ làm đàn để tạ Sám Tam, Tứ Diệu
 Đệ hầu cho các con tu học cho kịp cơ Tạo Hóa.

Vậy các con hãy toạ thiền tịnh lòng nghe Mụ
 tạ Sám, vì Mụ nhận thấy thời giờ thật cấp bách.
 Hơn nữa đồng tử vì sức yếu thiếu thần, nên Mụ
 phải gom hai bài Sám lại một.

Các con hãy nghe đây:

SÁM TAM TỬ DIỆU ĐỆ

Đạo Trời mở khắp Nam Thiên,
 Chí Tôn Thượng Đế chủ quyền càn khôn.

Nguyên căn linh chưởng²⁰ bảo tồn,
 Chín mươi hai ức Thiên môn quy hồi.

Để hồ ngọc trấn kim bôi,²¹

Chuốc quỳnh Tiên tửu²² để thời thưởng công.

Hai hàng Ngọc Nữ, Kim Đồng,

Trước Linh Tiêu điện tiếng lồng²³ hát vang.

Chí Tôn cao ngự ngại vàng,

Từ Tôn Kim Mẫu đăng đàn xướng danh.

Lão Quân Thái Thượng chúc lành,

Kim Tinh Thái Bạch Trường Canh tiến vào.

Một đoàn linh chưởng theo sau,

Y quan rực rỡ báo châu Thiên Nhan.

20. linh chưởng = có lẽ là “người nắm giữ linh hồn”, đồng
 nghĩa với “linh căn”.

21. Để hồ = chất vàng từ bơ nấu ra, biểu thị trí huệ, minh
 triết, Phật giáo cổ điển có tục tưới để hồ lên đầu tín đồ để
 gia tăng trí huệ (chữ Hán là “để hồ quán đầu”); ngọc trấn
 = chén ngọc; kim bôi = ly vàng.

22. Quỳnh = ngọc quỳnh. Thí dụ: quỳnh bôi (ly ngọc),
 quỳnh tương (rượu trong chén bằng ngọc quỳnh), quỳnh
 đao (ngọc quỳnh và ngọc đao). Chuốc quỳnh tiên tửu =
 rót rượu tiên vào ly bằng ngọc quỳnh.

23. lồng = đọc trại từ chữ “lùng” (vang lùng) cho hòa vận
 “đồng” ở câu trên.

Cha lành chi tiết hân hoan,
 Phỉ lòng²⁴ Kim Mẫu hội bàn yến diên.
 Mừng con đã được hồi nguyên,
 Sẵn sàng ngôi vị Thần Tiên Mẹ dành.
 NHỊ ĐỂ huấn tử hồi minh,
 Truyền Tam Tú Diệu quả thành công viên.
 Mới hay Thiên Đạo vô biên,
 Nào ai rõ sự diệu huyền cao sâu.
 Ai ngờ một năm Bửu châu,
 Một trăm lẻ tám nhịp cầu bước qua.
 Để chân về đến Tiên Tòa,
 Bao nhiêu khổ hải nghiệt hà²⁵ còn đâu.
 Mới hay cơ Tạo nhiệm mầu,
 Tục Tiên chỉ cách xa nhau một tấm.
 Đạo Trời vô thượng thậm thâm,
 Không tìm ra cội bởi tâm con tà.
 Nay nhờ bửu pháp Tiên gia,
 Vệt mây cho trẻ thấy mà Trời xanh.
 Ngắm nhìn lại cội phù sanh,²⁶
 Bợn đời²⁷ quấy rũ dễ dành bấy lâu.
 Trước Thầy con trẻ đề đầu²⁸ (1 lạy)
 Mong ơn lượng cả thương âu con khờ.
 Từ nay chẳng dám hững hờ,
 Con đã biết rõ đầu bờ sạch trong.
 Định ninh lòng lại dặn lòng,
 Con nguyện giữ sạch bụi hồng từ đây.
 Thầy ôi! con nguyện theo Thầy,
 Thủy chung như nhứt đám sai lời nguyên.
 Mai sau con có đảo diên,
 A tỳ con chịu xích xiềng vương mang.
 Con nguyện giữ đạo vẹn toàn,
 Lê đầu con dám phụ phàng Mẫu Nghi.
 Mẹ đã thương đến hải nhi,
 Xuống nơi thế trước cũng vì con thơ.
 Tiếc vì trẻ quá ngu khờ
 Bấy lâu để Mẹ nay chờ mai trông.
 Đề đầu vọng bái Từ Tôn (lạy 1 lạy)

24. Phỉ lòng = hả hê, toại nguyện.

25. Khổ hải = biển khổ; nghiệt hà = sông oan nghiệt.

26. Cội phù sanh (sinh) = Phù là trôi nổi bất định, tạm bợ, vô thường. Cội phù sinh = cội trần gian vô thường.

27. Bợn = chất dơ, cặn bã. Bợn đời = cặn bã cuộc đời.

28. Đề đầu = cúi đầu.

Những lời Mẹ dạy hết lòng nghe theo.
 Dù cho vượt biển qua đèo,
 Con nguyện theo Mẹ khổ nghèo đành cam.
 Đề đầu lạy Đức Quan Âm, (lạy 1 lạy)
 Công ơn Phật Mẫu muôn năm ghi lòng.
 Trần ai con được xa vòng,²⁹
 Là nhờ Bồ Tát hết lòng dạy con.
 Dù cho biển cạn non mòn,
 Những lời dạy dỗ con còn nhớ ghi.
 Đề đầu vọng trước đơn trì (lạy 1 lạy)
 Lạy chư Thánh Mẫu các vì Tiên Nương.
 Nghĩa sâu biển cả khôn lường,
 Ôn trên đã hết lòng thương cho trần.
 Đem lời châu ngọc dạy răn,
 Từ nay con nguyện siêng năng học hành.
 Đề đầu lạy trước Điện linh, (lạy 1 lạy)
 Chư Thần, Chư Thánh thương tình chờ che.
 Bấy lâu vì trẻ muội mê,
 Nên đường tu học bỏ bê nhiều ngày.
 Ôn nhờ Thần Thánh vẽ bày,
 Hết lòng dạy dỗ ra tay dắt dìu.
 Con nguyện siêng học mộ triều,³⁰
 Giỏi mài hạnh đức Linh Tiêu theo Thầy.
 Đến đây là dứt bài sám “Tam, Tứ Diệu Đế”
 mà Mụ gom lại làm một, để cho các con dễ học
 thuộc lòng. Nếu các con muốn mau thông đạo
 thì sau khi niệm chuỗi với sám “Nhị Diệu Đế”
 các con hãy nghỉ trong một lúc rồi thành tâm ra
 trước điện đọc bài sám “Tam, Tứ Diệu Đế” sẽ có
 các Thần minh chứng cho các con.

NGÂM

Giã con ở lại trần ai,

Ân hồng ban bố Thiên Đài Mụ thẳng.

▪

TÝ THỜI, 20—6 KỶ HỘI (25—7—1959)

THI

Hoá hoá sanh sanh hoá hoá sanh,

Nghiễm nhiên vi tượng kiến chơn hình,

Tuyết mi hoa mạo tinh sơ lạc,

Liễu nhãn đào tư nguyệt bán minh.

29. Vòng = vòng trần ai, vòng luân hồi.

30. Mộ = chiều tối, triều = sáng sớm.

Song kiếm hoành yêu oai lẫm lẫm,
Hà y tuần thể bộ khinh khinh;
Anh hoa tả xuất truyền chơn bút,
Tinh thái trường lưu nhứt bộ kinh.

(Sinh ra rồi biến hoá cứ như vậy mãi,
Nhưng nay bỗng trang trọng thấy được hình
dạng chân chính của mình.

Chân mày trắng như tuyết, vẻ mặt như hoa,
vì sao mới mọc.

Mắt liểu, vẻ hoa đào, mặt trắng sáng một nửa.
Song kiếm trừng trị yêu quái, uy nghi lẫm liệt,
Áo màu rán trời đi theo thân thể, bước chân
nhẹ nhàng

Anh hoa phát tiết, giáng bút tiên truyền lại
Tuyển chọn tinh tế để lưu truyền một bộ kinh.)

Vân Hương Thánh Mẫu, mừng chư môn
sanh nam nữ. Chư môn sanh được phép tọa
thiền hầu nghe Ta tả kinh như dịp lễ kỷ niệm
Đức Nam Hải Như Lai. Ta thấy rằng: bốn kinh
thời nhiều, nhưng thời giờ rất ít; nên Ta phải
lâm đàn hầu tả cho kịp. Đàn sau sẽ có Đức Như
Lai giáng lâm. Hôm nay Ta lại tả “KINH GIỚI
KHẨU”, còn bài kinh “KHUYẾN PHỤ NỮ Thanh
Xuân” phần sau Ta nhượng lại cho Thủy Cung
Thánh Mẫu sẽ lâm đàn nay mai để tả tiếp. Vậy
chư hiền đệ muội nam nữ hãy tịnh lòng, hầu
giúp cho điển đồng tiếp trọn.

GIỚI KHẨU KINH

THI BÀI

Người dương thế thường hay lẫm lỗi,
Biết vì đâu nên nổi sai ngoa,
Cũng vì cái miệng nói ra,
Những lời bất chánh mới gia tội tình.
Khuyến như thế vật khinh khinh thị,
Hãy dọn lòng trước nghĩ sau phân,
Cổ lai quân tử hiền nhân,
Dặt dè lời nói như bưng miệng bình.
Nhứt ngôn xuất phi vinh tắc nhục,³¹
Nói sao cho kẻ phục người vì,

31. Một lời nói ra nếu không làm cho ta vẻ vang thì ắt làm
cho ta nhục nhã.

Miệng mà lẫm tiếng thị phi,
Ăn càn³² nói bướng khổ thì về sau.
Để nói ra lấy vào rất khó,
Chớ tưởng rằng không có làm sao,
Hai bên vai vác³³ chép vào,
Huyền thuyên cái miệng dạ nào nghĩ cho.
Muốn nấu cơm phải vo sạch gạo,
Mà sao lời bất hảo không chừa,
Hãy noi gương những người xưa,
Mỗi khi muốn nói lọc lừa từ câu.
Trên Bắc Đẩu Nam Tào soi xét,
Cái miệng mà thót mét chi đây,
Nhiều lời tai nạn còn dài,
Nghe lời Ta dạy để rày nghe theo.
Bao nhiêu kẻ tiếng tiêu miệng ớt,
Ngọt như đường muốn sốt của cho,
Nhưng mà lòng quá đần đo,
Khuyên chư môn đệ giữ cho được lời.
Hãy nghe kỹ Ta thời dạy bảo,
Để trở nên người đạo mai chiều,
Một là chớ có lẫm điều,
Hai đừng xảo ngữ ra chiều đẩy đưa.
Ba, thấy kẻ đi trưa về tối,
Chớ bày điều nên mới thị phi,
Rồi ra tiếng bắc tiếng chì,
Đã dơ cái miệng ích gì cho ta.
Bốn, khi đến Phật Toà lễ bái,
Giữ tâm tâm van vái Phật Trời,
Chớ hề lẫm tiếng nhiều lời,
Phước chưa được hưởng tội thời thấy ngay.
Năm, Ta dạy những ngày còn bé,
Ăn nói cho có lễ có nghi,
Trên thời cha mẹ kính vì,
Mẹ cha có hỏi con thì sẽ thưa.
Sáu là dạy khi đưa khi đón,
Mẹ cha chông sẵn đón nhỏ to,
Chớ hề khi bán khi mua,
Khi nhiều khi ít, càng đùa khi khinh.

32. Ăn nói càn quấy.

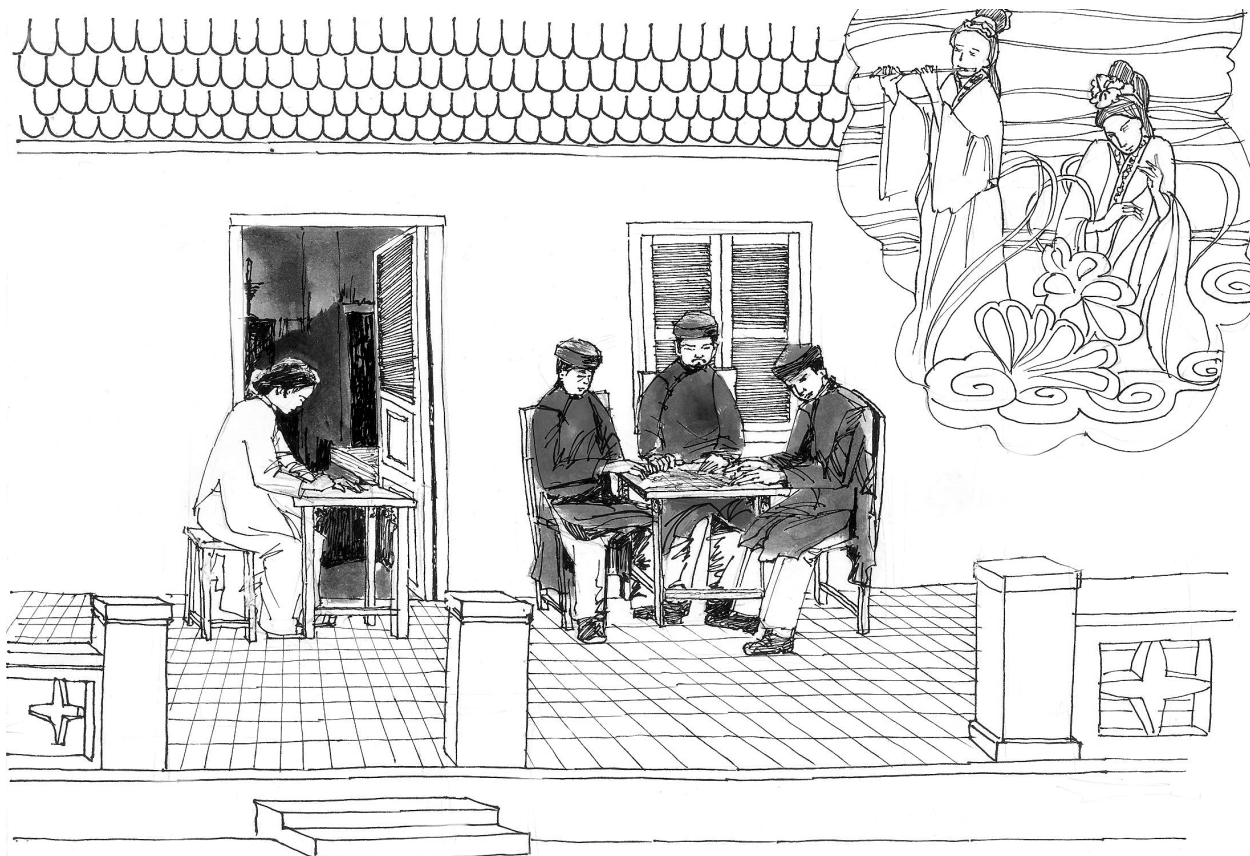
33. Trên vai ta đều vác hai vị thần để ghi chép việc thiện
ác của ta.

(XEM TIẾP TRANG 32)

tìm hiểu

LỊCH SỬ DANH HIỆU CỦA ĐỨC MẸ

■ ĐẠT TƯỜNG



QUÝ TIỀN KHAI PHẠM CÔNG TẮC, CAO QUỲNH CƯ, CAO HOÀI SANG ĐÀN HỌA VỚI THẮT NƯƠNG VÀ BÁT NƯƠNG.
MINH HỌA: BỬU LONG.

Hội Yến Điều Trì là một trong những sự kiện trọng đại của thời kỳ tiềm ẩn trong lịch sử hình thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tuy nhiên, phần lớn các sử gia Cao Đài chỉ mới chuyển tải được nội dung tổng quát chứ vẫn chưa nhấn mạnh đến vài chi tiết căn bản như danh hiệu chính xác của Đấng Nữ Thiêng Liêng cao cấp gắn liền với sử kiện này là gì... Vì thế với những thông tin đã được phổ biến qua sách báo hay bài thuyết đạo của một số tác giả đã làm cho một số lớn tín hữu Cao Đài chúng ta chưa được cung cấp chi tiết thật sự chính xác theo lịch sử. Chính vì vậy, có một nhầm lẫn khá nghiêm

trọng đã xảy ra và kéo dài cho đến hiện nay! Từ sai lệch này đã dẫn đến một vài hệ lụy khác.

Để có thể khắc phục phần nào sự cố đáng tiếc này, chúng ta cần lật lại các trang sử và cất công đi tìm những chứng cứ để góp phần điều chỉnh những lệch lạc nhận thức về Đức Chương Quân Điều Trì Cung hầu góp phần gây dựng việc “thống nhất tinh thần” cho toàn đạo với sự kiện lịch sử hết sức quan trọng này!

I. DIỄN TIẾN LỊCH SỬ

1. Buổi đầu trong lúc sử dụng hình thức Xây Bàn tiếp xúc với thế giới vô hình, ba ông Cao Quỳnh Cư – Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang có kết

giao với vong linh Đoàn Ngọc Quế. Ít lâu sau chư vị mới biết thật ra đó là chơn linh cô Vương Thị Lễ và được giới thiệu thêm một bạn làm thơ xướng họa khác là cô Hớn Liên Bạch.

2. Đồng thời với thời gian này, chư vị cũng đã được tiếp xúc với một Đấng Thiêng Liêng xưng danh là AĂĂ. Ngày mùng 08-8 Ất Sửu, Đức AĂĂ dạy chư vị làm một tiệc chay để đãi mười Đấng vô hình.¹

Khi mỗi giao hảo đã thâm tình, trước lời dạy này chư vị không biết nên thực hiện thế nào để tiếp đãi trang trọng, nên xây bàn cầu hỏi vong cô Vương Thị Lễ. Đành hôm đó, cô Vương cho biết mình và chị Hớn Liên Bạch thật ra là Thất và Bát Nương trên Điều Trì Cung dưới quyền chưởng quản của Đức Cửu Thiên Nương Nương.

Hiền tài Nguyễn Văn Hồng có ghi lại trong Đạo Sử Nhựt Ký quyển 1 trang 58:

“Lối thượng tuần tháng 8 năm Ất Sửu (1925), Thất Nương cho biết về Điều Trì Cung:

“Trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có chín Tiên Nương mà cô là Thất Nương, Hớn Liên Bạch là Bát Nương.

(...) phải có Ngọc cơ cầu mới đặng.”

3. Khi dùng Đại Ngọc Cơ để thông công hầu lễ, Đức Thất Nương dạy ba ông cùng nhập tiệc và ngâm thơ đàn họa.

Buổi tiệc được chừng nửa tiếng, chư vị tái cầu, khi đó Đức Cửu Thiên Nương Nương giáng cơ chào mừng. Bốn vị Tiên Nương gồm Nhất Nương, Lục Nương, Thất Nương và Bát Nương giáng cơ lần lượt ban cho 4 bài thi bát cú.²

Xong tiệc, chư vị tái cầu Đức AĂĂ.

II. BƯỚC ĐẦU GHI NHẬN CÁC SỬ LIỆU LIÊN QUAN

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI, quyển 1: KHAI ĐẠO, 2005, tr.117.

2. Rất tiếc, vật chứng là bốn điển của một số đàn trong “thời kỳ tiềm ẩn” sử dụng Đại Ngọc cơ để thông công của nhóm Phổ Độ đã không còn lưu giữ được! Điều này gây khó khăn cho việc nghiên cứu tìm hiểu nguồn gốc của một số vấn đề căn bản của Cao Đài giáo như: Đạo phục Bạch Y, Đạo kỳ, v.v.

1. DANH HIỆU CỦA Đấng CHUỖNG QUẢN

ĐIỀU TRÌ CUNG:

1.1. Danh hiệu trong thời kỳ tiềm ẩn của Cao Đài giáo:

Từ khi Đức Thất Nương hướng dẫn ba vị Cư, Tắc, Sang sắp đặt chuẩn bị đêm Hội Yến cho đến những lần sau trong năm 1925, danh hiệu của Đấng Nữ Thiêng Liêng cao cấp cai quản nữ phái trên thượng giới đều chỉ được các Đấng Thiêng Liêng khác dùng để gọi khi nhắc đến Ngài là “CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG”.

• Vào đêm mùng 03-9 Ất Sửu, Đức AĂĂ nói với quý vị:

“Tôi nói lộ Thiên cơ, trên Ngọc Hư bắt tội, xin tam vị đạo hữu cầu trên Ngọc Hư Cung tha tội tôi. Nếu không lo cầu giùm thì tôi sẽ bị phạt...”³

Chúng ta hãy lưu ý đến bài thơ của Ngài Cao Quỳnh Cư soạn ra vào thời điểm đó (20-10-1925) để thỉnh cầu xin xá tội cho Đức AĂĂ. Khi đó Đấng Thiêng Liêng cao cấp nhất mà ba vị Cư, Tắc, Sang được quen biết mới chỉ duy nhất là Đức “Cửu Thiên Nương Nương”. Vì thế, cụm từ này đã được quý vị sử dụng để khẩn cầu:

“Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,

Tâu với Ngọc Hư tỏ ngọn nguồn. (...)⁴

• Khoảng ba tháng sau, trong đàn ngày cuối năm 1925, khi dạy chư vị phải học tập theo gương đức hạnh của mình và các Đấng Tiên Nương, Đức AĂĂ có lời dạy:

“(...) Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy mún gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy. Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mấy mún gì chưa? Học sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Nhất Nương, con có chút đỉnh gì chưa? Phải học nhân đức của Nhất Nương.

Tình nghĩa yêu mến của con có bằng Bát Nương không? Phải học.

Phải học tình nhơn ái, trung tín cứu giúp của Ba con có đặng như Cửu Thiên Nương Nương chăng? Phải học gương.

3. Đạo Sử Xây Bàn 1 – Hương Hiếu, số 13.

4. Nguyễn Văn Hồng, Đạo Sử Nhựt ký, quyển 1, tr.68.

Sự kính nhượng, ba con bằng Cửu Nương chẳng? Phải học.”⁵

1.2. Các danh xưng khác của Đức Ngài sau khi đã có Cao Đài giáo:

Sau khi thực hiện hoàn tất việc đến độ dẫn các môn đệ đầu tiên của “cơ phổ độ”, bằng đi một thời gian dài, Đức Cửu Thiên Nương Nương không có giảng cơ.

Quý tư Đinh Mão, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển bốn thứ Nhứt được chư Tiên Khai soạn xong vào đầu tháng 10 Đinh Mão (1927) và xuất bản vào đầu năm 1928, chúng ta hoàn toàn không thấy có bài Thánh ngôn nào của Đức Mẹ được thể hiện trong đó. Đây là một chứng cứ cho thấy Đức Ngài, cho đến thời điểm này, vẫn chưa có dạy Đạo.

Ngày nay, khi dựa vào tài liệu còn được lưu giữ của chư đạo hữu tiền bối phái nữ tại Hội Thánh Tây Ninh để tra cứu, thì ba năm sau vào tháng Chạp Mậu Thìn – đầu năm 1929, Đức Nương Nương mới bắt đầu giảng cơ trở lại.

Khi đó, Ngài xưng danh:

“**DIÊU TRÌ KIM MẪU...**

Thiếp còn nhớ khi đến đìu dắt chư đạo hữu vào đường Đạo, phải mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì Thiếp đã nói bởi vì tình riêng của mấy Đấng Chơn Quân đến lo cứu độ chớ không phân sự chi trong lúc này, và cũng bởi lệnh Chí Tôn sai khiến, chắc rằng: Nếu không phải Thiếp mở Đạo thì không phương thành Đạo đặng.

Khi Thiếp mở Đạo thì độ ai? Có phải là cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài. Các Chơn Quân thiệt tình của Thiếp là ai chẳng?”⁶

Kể từ đó, Ngài thường xuyên giảng cơ dạy Đạo:

- Đa số danh xưng của Ngài là **DIÊU TRÌ KIM MẪU**. Cũng nhiều lần, Ngài xưng danh **DIÊU TRÌ NƯƠNG NƯƠNG**.

- Đôi khi là **DIÊU TRÌ THÁNH MẪU**, **DIÊU TRÌ PHẬT MẪU**.

Ngày nay, tín hữu Cao Đài ai cũng biết Đức

Vô Cực Từ Tôn là Đức Diêu Trì Kim Mẫu nhưng lần đầu tiên trong danh xưng của Ngài có nói lên yếu tố bản thể Vô Cực khi xưng danh “**DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN**” là khi nào?

Cho đến nay, chúng tôi chỉ mới tìm được đàn cơ vào mười hai năm sau khi có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đàn năm Mậu Dần (1938), Đức Mẹ lần đầu tiên xưng danh Vô Cực ở miền Trung qua Ban thông công Truyền Giáo.⁷

TIẾP ĐIỂN:

MẸ ban ơn các con.

THI

vô vi là MẸ hữu hình con,

CỰC lạc đòi phen quyết độ tròn,

Từ Mẫu những toan phương cứu trẻ,

TÔN đàn nhủ bảo ngọt cùng ngon.

Riêng ở Tây Ninh, cho đến ngày mùng 9 tháng giêng năm Đinh Hợi (1947) mới biết danh xưng này “**DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN**” của Đức Mẹ.

1.3. Danh xưng ngắn gọn “Mẹ”:

Danh xưng “Mẹ” đã được Đức Diêu Trì Kim Mẫu sử dụng ngay từ lần đầu trở lại với chư vị Tiên bối vào cuối năm Mậu Thìn (đầu năm 1929). Kể từ đó, “Mẹ” đã trở thành một đại từ thân thương triu mến thường được sử dụng của Đức Nương Nương và đàn con thân yêu cho cả nữ và nam.

2. SỰ LIÊN QUAN GIỮA HAI Đấng CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG VÀ CỬU THIÊN HUYỀN NỮ

2.1. Hiện nay có nhiều đạo hữu chúng ta lẫn lộn nghĩ rằng Đức Cửu Thiên Nương Nương là Đức Cửu Thiên Huyền Nữ!

Vào ngày mùng 3 tháng 9 Ất Sửu (1925), khi ba vị Cự, Tắc, Sang khấn cầu “Cửu Thiên Nương Nương” xá tội cho Ngài AẢẢ. Tuy nhiên, ba vị không nhận được sự trả lời chi.

Nhưng ngay khi đó, Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, lần đầu tiên giảng cơ dạy gọn:

5. Đạo Sử Xây Bàn I, đàn ngày 31 Décembre 1925.

6. Thảo Xá Hiên Cung, ngày 10–12 Mậu Thìn (20–01–1929).

7. Thánh Tịnh Thanh Quang, ngày 25–3 ĐĐ13 Mậu Dần (25–4–1938).

“... phải tu tâm dưỡng tánh phòng ngày sau
đặng quy vị.”

Rồi bỗng nhiên gần hai tháng sau, vào đêm
27-10 Ất Sửu, Đức Cửu Thiên Huyền Nữ tiếp tục
giáng cơ ban lệnh:

“Mồng 1 này, tam vị đạo hữu vọng Thiên cầu
Đạo...”

Kể từ thời điểm này mãi cho đến một năm
rưỡi sau, vào Rằm tháng 5 Đinh Mão (1927) Đức
Huyền Nữ mới được phép giáng cơ trở lại. Qua
“Thánh Ngôn Chép Tay Niên Số Thời Thiết Lục”
của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh có ghi
nhận đàn này:

Tờ 309b: “... Thấy để Diêu Trì Cung hội cùng
các con đêm rằm...”

Séance spécial du 15 Mai 1927 “Thấy các con...”

Tờ 310b:

“... Từ đây sự nhỏ mọn chớ cầu Thấy, các con
miễn lo hành đạo là tròn phận sự.

Thấy cho Cửu Thiên nương nương giáng cơ.”⁸

TÁI CẦU:

“DIÊU TRÌ CHUỖNG QUÂN CỬU THIÊN HUYỀN NỮ...”

Thiếp chứng lòng đạo đức mà thành kính của
chư đạo hữu...

Chư đạo hữu và chư đạo muội ráng lo hành
đạo đặng độ nhơn sanh...”⁹

Đây có thể là nguyên nhân chính gây ra sự
nhầm lẫn, tưởng rằng hai Đấng Cửu Thiên
Nương Nương và Cửu Thiên Huyền Nữ là một!

Chúng ta cũng không thể biết chính xác bài thơ
của Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, sau này được dùng
làm kinh cúng trong Đại Lễ Rằm tháng 8 hàng
năm, Ngài đã ban cho vào thời điểm nào và tại đâu!

Cũng như đã trình bày bên trên, sau lần duy
nhất giáng cơ vào lúc Hội Yến Diêu Trì, Đức
Nương Nương ngưng giáng cơ cho đến hơn 3
năm sau vào lúc cuối năm Mậu Thìn Ngài mới
trở lại để trực tiếp dạy Đạo.

Những điểm vừa trình bày trên liên quan đến

8. Không biết câu này là lời của Thấy hay là câu viết thêm khi
Ngài Thái Thơ Thanh chép lại bốn điển. Ở câu này chúng tôi
đánh máy lại, sao đúng y như trang vật chứng (về chánh tả).

9. Niên Số Thời Thiết Lục, tờ 310b.

số lần và thời điểm giáng cơ đã giúp chúng ta
hiểu vì sao danh hiệu “CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG”
không được khắc ghi trong trí não chư vị Tiên
Khai. Việc này cũng giống tương tự như danh
chùa Gò Kén là Thiên Lâm Tự nhưng lại ít được
biết hơn Từ Lâm Tự!

2.2. Phẩm vị thiêng liêng của hai Đấng:

Thực hiện việc sưu tầm và đọc Thánh giáo
các chi phái trong chương trình đào tạo cấp Phó
Ban theo Lịch trình Hành Đạo, hiện nay chúng
tôi đã tìm được một số đàn cơ mà trong một
buổi đàn vừa có Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Đức
Cửu Thiên Huyền Nữ cùng giáng cơ.

Thí dụ:

2.2.1. NGỌC ÂM THÁNH TRUYỀN, quyển 2, trang
27, Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

ĐÀN GIỜ NGỌ, 08-5 (NHUẬN) NHÂM THÌN (1952)

THI

Cửu huyền thất tổ đặng siêu thăng,

Thiên sắc lệnh ban Mẹ giáng đàn,

Huyền bí cho xem hình diện đó,

Nữ lai trẻ thấy lúc mơ màng.

(...)

Giờ trưa nay Mẹ rời cung điện,

Đức Diêu Trì hộ điển Mẹ đây;

Nên con đã thấy mặt mày,

Của đây hai Mẹ con hoai nghi nan.

2.2.2. THÁNH GIÁO DẠY ĐẠO SỐ 16, tr.23. Đền Phật
Mẫu – Tòa Thánh Châu Minh, 19-4 Quý Tỵ (1953).

2.2.3. THÁNH GIÁO DẠY ĐẠO SỐ 39 tr.43 & 47.
Huần Cung Đàn, Rằm tháng 8 Giáp Ngọ (1954).

2.2.4. Hội Thánh Tiên Thiên; Ngọc Linh
Thánh Tịnh, 17-11 Canh Tý (04-01-1961)

“HUYỀN NỮ NGUYÊN QUÂN – Dưỡng Mẫu mừng các
con nam nữ thân yêu. Giờ nay Dưỡng Mẫu làm đàn
để dự Hội Liên Trì hầu tầm phương pháp cứu nguy
cho các trẻ. Hiện giờ Dưỡng Mẫu chưa tiện phô bày
chơn lý nhưng một ngày gần đây sẽ tái lâm đem cơ
bí ẩn để truyền dạy các con, hầu nhờ đó cứu cánh
chúng lại đời khổ nạn nguy nàn. Thế thì các con hãy
nghiêm trang hầu tiếp lệnh Đức Đạo Tổ giá lâm.

Dưỡng Mẫu xuất cơ thượng tọa. Thăng.

TIẾP ĐIỂN

THI

ĐIỀU Điện Mẹ nay rất đẹp lòng,
TRÌ liên thượng hội lập thành xong,
KIM ngôn Tiên Phật đã ghi chép,
MẪU tử đoàn viên buổi thể cùng.
Vô ảnh không còn che lấp trẻ,
CỰC minh rọi lối đến Lai Bồng,
TỪ ông Tiên Phật đã ban bố,
TÔN quý các con giữ tận lòng.

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN – Mẹ linh hồn mừng các con nam nữ thân yêu. Giờ nay, Mẹ lâm đàn trước là chủ tọa Hội Thượng Liên Trì(...).”

2.2.5. HỘI THÁNH TRUNG ƯƠNG TRUNG VIỆT TAM QUAN

THÁNH THẤT PHỤNG MỸ, 15-8 TRUNG THU MẬU THÂN (06-10-1968)

THI

CỬU Trùng Điện Ngọc chiếu Thần Thơ,
THIÊN Đạo Ban Khai chuyển thế cờ,
HUYỀN Pháp Nam Bang minh quốc Đạo,
NỮ ban hồng phúc đạt thân thơ.

Cửu Thiên Huyền Nữ, Ta chào mừng chư chức sắc lưỡng đài, chư hiền đệ hiền muội có mặt trước đàn trung đả vì Thầy vì Đạo.

Này chư hiền! Cơ Đạo nơi miền Trung tồn vong cũng do chư hiền đệ hiền muội Chư chức sắc Chư việc. Chư hiền là sứ giả của Đấng Tạo Công có nhiệm vụ thiêng liêng bảo tồn cơ Thống Đạo. Chư hiền đệ hiền muội là thể xác của Đấng Chí Tôn đã lãnh sứ mạng nơi tầng Trời lập Đạo, minh truyền chánh lý. Ta có đôi lời chư hiền đệ hiền muội nghiệm rõ.

Chư hiền đọc bài mừng có Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu giáng lâm.

TIẾP ĐIỂN

Mẹ linh hồn các con. Giờ nầy Mẹ vui mừng nhìn thấy các con tựu tề trước đàn hiến dâng tấm lòng thành cùng Mẹ.

THI

ĐIỀU diêu lãng nguyệt lạc Thiên Thai,
TRÌ hội Long Hoa lập Phật Đài.
KIM sắc Long Hoa truyền Đại Đạo,
MẪU Hoàng Thiên Hậu chưởng Thần Oai.
Vô vi hữu tác nhơn, nhơn ngộ,

CỰC thanh cực suy biến hóa hoài.
TỪ điển Kim Bàn quy vạn chúng,
TÔN đồ Đế Khuyết hội Tam Tài. (...)

IV. KẾT LUẬN

– Cũng như danh xưng là “AẢẢ” của Đức Ngọc Hoàng thường dùng vào giai đoạn ban đầu còn sử dụng hình thức Xây Bàn để thông công chứ không là bất kỳ tên gọi nào khác; khi chúng ta chép lại lịch sử ghi nhận những sự kiện liên quan đến giai đoạn ban đầu khi Đức Phật Mẫu giáng cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ không thể nào viết hay kể lại khác hơn danh từ “CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG” là tên gọi gắn liền với lịch sử Hội Yến Diêu Trì.

Qua Thánh giáo của các Hội Thánh trong Đại Đạo, chúng ta còn biết thêm nhiều danh xưng khác của Đức Mẹ như: Diêu Trì Kim Mẫu, Diêu Trì Nương Nương, Diêu Trì Thánh Mẫu, Vô Cực Từ Tôn, Diêu Trì Phật Mẫu, Kim Bàn Phật Mẫu, Tây Vương Mẫu, Tây Thiên Mẫu, Tây Cung Kim Mẫu, Diêu Cung Kim Mẫu, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Huyền Thiên Thánh Mẫu... hay kết hợp: Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, (...)

– Qua cơ bút buổi đầu của Tây Ninh, Đức Cửu Thiên Nương Nương chỉ giáng cơ duy nhất một lần vào đêm Hội Yến Diêu Trì (1925).

Còn sau đó Đức Cửu Thiên Huyền Nữ có đôi lần giáng cơ cho đến giữa năm 1927.

Và đến ngày (20-01-1929) đầu tháng chạp Mậu Thìn, Đức Mẹ mới trở lại với danh hiệu: “ĐIÊU TRÌ KIM MẪU”.

Đây là những nguyên nhân chính gây sự lầm lẫn tưởng rằng hai Đấng là một!

– Với văn hóa Trung Hoa xưa đã phân biệt được hai Đấng Tây Vương Mẫu và Cửu Thiên Huyền Nữ với hai ngày lễ vía khác nhau thì ngày nay trong Tam Kỳ Phổ Độ qua cơ bút, tín hữu Cao Đài chúng ta cũng được Ông Trên giúp cho những cơ hội để xác minh, nhận thức được điểm chung và điểm khác nhau giữa Đức Mẹ – Cửu Thiên Nương Nương hay Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn và Dưỡng Mẫu – Cửu Thiên Huyền Nữ hay Huyền Nữ Nguyên Quân. ■

Ý NGHĨA LỄ HỘI YẾN BÀN ĐÀO



Hàng năm, đến ngày Rằm tháng tám Trung Thu, người tín đồ Cao Đài hân hoan tổ chức lễ Triều Thiên Vô Cực – Hội Yến Bàn Đào, cũng là lễ vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, hay chính xác là lễ kỷ niệm ngày Đức Mẹ giáng trần mở đầu cơ Phổ Độ Kỳ Ba của Đức Cao Đài Thượng Đế tức chỉ mới có từ năm Bính Dần 1926 như Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã có lần đề cập: “*Nầy chư liệt vị! Về sử liệu Thánh đản xưa kia, ngày 18 tháng 7 là ngày lễ Đức Diêu Trì Kim Mẫu... Đến khi Đức Thượng Đế lâm phạm tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, khai Đại Đạo Tam Kỳ phổ Độ, thì ngày lễ Vô Cực Từ Tôn được thiết vào đêm rằm tháng 8. Tuy ngày tháng có khác, nhưng nguyên lý vẫn một, duy chỉ có tùy thời kỳ mà giáo hóa, tùy cơ*

*duyên mà phổ độ. Về hình thức cũng như tổ chức, trước dụng sự để vào lý, sau dụng lý mà hóa sự.”*¹

NGUỒN GỐC LỄ TRIỀU THIÊN VÔ CỰC VÀ HỘI YẾN BÀN ĐÀO

Ngược dòng lịch sử, vào năm Ất Sửu 1925, thời gian chư vị Tiên Khai Đại Đạo mới bắt đầu được hồng ân tiếp xúc với Đức Thượng Đế dưới danh xưng là Đấng AẢẢ, ngày mùng 08-8 năm Ất Sửu (24-9-1925), Đức AẢẢ giáng cơ dạy ba vị Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang và Phạm Công Tắc chuẩn bị thiết một lễ chay để cầu thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và Cửu vị Tiên Nương giáng trần.

Nghê lệnh dạy, ba vị rất đổi vui mừng nhưng

1. Minh Lý Thánh Hội, 05-8 Quý Sửu.

cũng hết sức lo lắng vì sắp được tiếp rước các Đấng Thiêng Liêng mà từ trước đối với con người cứ ngỡ là những nhân vật huyền thoại. Quý Ngài không biết phải dùng lễ phẩm như thế nào cho đúng lễ, nên đêm hôm sau, mùng 09-8, ba vị cầu cô Đoàn Ngọc Quế, là chơn linh đã giáng điển xuống họa cùng ba vị trước đó, để hỏi cách thức.

Đàn hôm ấy, cô Đoàn Ngọc Quế nhập cơ cho biết cô chính là Thất Nương, một trong Cửu vị Tiên Nương theo hộ giá Đức Diêu Trì Kim Mẫu (hay Đức Phật Mẫu), và Ngài dạy các vị đầy đủ nghi thức tiếp lễ Đức Mẹ vào đêm Trung Thu với lời dặn dò quý vị phải trai giới ba ngày trước khi hầu lễ và phải dùng Đại Ngọc Cơ để cầu thay cho cách xây bàn trước đó. Ngoài ra, Ngài còn cho biết thêm Bát Nương chính là Hồn Liên Bạch, một chơn linh mà quý vị đã được tiếp xúc xuống họa thi thơ trước đó.

Đúng đêm Rằm tháng Tám Trung Thu Ất Sửu, lễ Hội Yến với chư Thiên lần thứ nhất được thiết lập tại tư gia Ngài Cao Quỳnh Cư, số 134 đường Bourdais (nay là Calmette), được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc kể lại trong bài thuyết đạo tại Tòa Thánh ngày Rằm tháng 8 năm Kỷ Sửu 1949 như sau: “Ngày Rằm, lập bàn hương án, chưng những hoa thơm, xông trầm trọn ngày (nhà không tiếp khách nào hết)

Sắp tiệc ấy do tay bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu vâng mạng linh tạo thành một tiệc. Trên, bàn thờ Phật Mẫu. Ở dưới đặt một chiếc bàn lớn, sắp chín cái ghế như có người ngồi vậy. Chén, đĩa, muống, đĩa, bất kỳ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy.”

Giờ Tý đêm 14 rạng Rằm tháng Tám Ất Sửu, Đức Phật Mẫu và chín vị Tiên Nương lâm đàn cùng với các Đấng khác như: Liên Huê Tiên, Diệu Đạo Thiên Tôn, Phổ Hiền Bồ Tát...

Lập đàn tái cầu, theo lời hứa trước, bốn vị Tiên Nương là Nhất Nương, Lục Nương, Thất Nương và Bát Nương giáng tặng bốn bài thơ. Trong đó, nay chỉ còn bài thơ của Lục Nương (từng giáng trần ở Pháp là Thánh Nữ Jeanne d’Arc 1412-1431,

sau đó giáng sanh ở Việt Nam tên Hồ Thị Huệ làm phối thất vua Minh Mạng, sinh vua Thiệu Trị được 13 ngày thì mất)² tả cảnh Thu:

*Im lìm cây cỏ vẫn in màu,
Mờ mịt vườn đào điểm sắc thu.
Gió dậy xao trời mây cuốn ngọc,
Sương lông ướt đất liễu đeo châu.
Ngựa vàng ruổi vó thoi đưa sáng,
Thỏ ngọc trau gương đậm vẻ lâu.
Non nước điều hui xuân vắng chúa,
Nhìn hoa cảnh úa giục cơn sầu.*

Kể từ đó, hàng năm vào ngày Rằm tháng Tám Trung Thu, đạo Cao Đài tổ chức trọng thể Lễ Hội Yến Diêu Trì cũng được gọi là Hội Yến Bàn Đào với những nghi thức noi theo cách thức buổi lễ đầu tiên ấy nhưng có bổ sung một số nghi thức cho thêm trang trọng.

“Cũng chính từ đêm này, các Đấng bắt đầu ban lời khuyến tu, với nhiều ẩn ý sâu xa. Liên Huê Tiên khuyên: “Mật sự, khá kiếm hiểu!” Phổ Hiền Bồ Tát dặn dò: “Gắng thiện niệm rõ cơ trời!”³

Ý NGHĨA LỄ HỘI YẾN BÀN ĐÀO

1. Tên gọi “Hội Yến Bàn Đào” dựa vào huyền tích:

Quyển Địa Mẫu Diệu Kinh của Phật giáo có câu:

*Công quả song toàn tế phó hội
Bàn Đào đại hội thọ huê vinh.*

Có nghĩa: Công quả đầy đủ sẽ được dự hội Bàn Đào.

Qua kinh sách, Yến Bàn Đào do Đức Tây Vương Mẫu đãi chư Tiên, có đào tiên mấy ngàn năm mới chín một lần. Quyển “Thất Chơn Nhơn Quả” cũng ghi rằng Hội Yến Bàn Đào có tên gọi Quỳnh Tiên Đại Hội. Mỗi lần Hội phải có mặt thêm các vị tiên mới. Nếu không có, chứng tỏ nơi trần gian không có người tu hành đắc quả, và khi ấy Đức Mẹ rất buồn vì con cái của Ngài

2. Theo Lê Anh Dũng, Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn 1920-1926, NXB Thuận Hóa, 1996.

3. Ibid.

có đi mà không có trở về. Tương truyền, Hội Bàn Đào 3000 năm mới khai mở một lần.

Trong cơ mạt pháp, vũ trụ sắp giáp mỗi tuần hườn châu nhi phục thổ, Đức Thượng Đế mở đạo tận độ quần linh, mỗi năm vào Rằm tháng 8, lễ cúng kỷ niệm ngày Đức Mẹ giáng trần trong đạo Cao Đài, yến Bàn Đào lại được tổ chức như một sự nhắc nhở:

*Con giữa chốn trần ai lẫn lóc,
Mẹ thiên cung lụy ngọc rơi rơi,
Đành rằng khai Đạo cứu đời,
Đạo cho nên Đạo thì đời mới yên.*⁴

2. Là một cách dụng sự để cầu lý, giúp con người nhớ đến cội nguồn xa xưa mà tu hành để trở về quê cũ:

Tương truyền, Hội Bàn Đào 3000 năm mới mở một lần, nhưng nay nơi trần thế, từ khi Đức Cao Đài khai đạo, mỗi năm mùa Trung Thu, Yến Bàn Đào lại được tổ chức vì sự thúc bách của cơ tận độ thời mạt pháp, Thiêng Liêng muốn nhắc nhở con người tu hành để thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, trở lại cội nguồn nơi chốn thượng thiên, Đức Mẹ dạy:

*Mẹ Hội Yến ban trao bí pháp
Gọi Bàn Đào thu nạp vạn sanh.*⁵

Và qua đêm lễ Hội, người tín đồ Cao Đài quy tụ về cúng lễ, sẽ nhận được ân điển thiêng liêng của Đức Mẹ để thức tỉnh tâm linh nhớ lại bản căn của mình vốn từ thượng giới, ra đi xuống trần để thay Trời tiếp nối hoàn tất công cuộc hóa sanh vạn vật, rồi phải quay về:

*“Hội Yến Bàn Đào quả tốt xinh,
Thương con Mẹ bố phép huyền linh,
Cho con thọ hưởng khuây lòng tục,
Nhớ đến căn xưa chốn Ngọc Đình.”*⁶

Như vậy, Đức Mẹ giáng trần trong thời mạt pháp, dạy thiết lễ Yến Bàn Đào để gieo ý thức về tâm linh cho con người hiểu rằng trần gian chỉ

là cõi tạm mà mỗi người đến thế gian này là để thực hiện một sứ mạng, sứ mạng vương mang trên hai đoạn đường, một đem Đại Đạo lập đời, một trở về cùng Đại Đạo.

*Hội Yến để nhớ con còn sứ mạng,
Là Thiên ân gánh Đạo bước vào đời,
Thức tỉnh người trong biển khổ chơi vơi,
Sống cõi tạm cuộc đời sớm tối.*⁷

3. Tượng trưng cho sự sống và sức sống Đức Mẹ ban cho con người để con người vượt qua mọi nỗi khó khăn của cuộc sống thế gian:

Hội Yến Bàn Đào còn là một sự ân ban thường công, tiếp sức của Đức Mẹ dành cho con cái của Ngài sau một năm đạo đời lo toan nhọc nhằn để con người thêm mạnh mẽ, gia tăng nội lực, vững bước trên đường tiến hóa, thực hiện sứ mạng tự độ, độ tha. Trong ý nghĩa này, Yến Bàn Đào tượng trưng cho sự sống và sức sống được ban rải cho con người.

*Cõi nê hoàn Mẹ chiêm súc tửu,
Vào Cao Đài Mẹ trụ sanh quang,
Rồi con đến đó hội bàn.
Đủ đầy sức sống vững vàng độ nhân.*⁸

▪
*Bàn Đào Hội Yến đêm thanh,
Mẹ cùng chư Phật ân lành bố ban,
Cho các con hòa chan lý Đạo,
Cho lòng con hoàn hảo thiên lương,
Cùng nhau chung sống tình thương,
Như hoa xinh đẹp, ngọt đường đào tiên.*⁹

4. Yến Bàn Đào cũng chính là hình thức thể hiện sự hợp tác giữa hai cõi sắc không trong cùng một sứ mạng chuyển đời Hạ ngươn thànhThánh đức, hay nói khác đi, người và Trời cùng tham dự vào sứ mạng hoằng giáo tận độ nhân loại trong cơ Phổ độ Kỳ Ba. Bởi vì trong đêm Hội Yến, chư Phật Tiên Thánh Thần giáng trần dự lễ.

4. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 15-8 Ất Tỵ.

5. Vạn Quốc Tự, 14-8 Quý Sửu.

6. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Canh Tuất.

7. Đức Diêu Trì Kim Mẫu Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi.

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Tân Dậu.

“Hỡi các con! Mẹ dựng yến Diêu Trì là tượng trưng cho mùa đào tiên kết trái, và chư Thần Thánh Tiên Phật đến trần gian dự yến cùng các con là hòa hợp hai cõi sắc không, đồng thọ lãnh sứ mạng hoằng dương chánh pháp phổ độ kỳ ba. Dầu các con nam hay nữ cũng đồng chung trách nhiệm. Các con hãy tự làm sáng cái Đạo hằng hữu của các con rồi mới vững bước trên đường Thiên Đạo Đại Thừa.”¹⁰

Như vậy, Đại lễ dâng Yến Bàn Đào là hình thức dựng sự để cầu lý. Con người sắm sanh lễ phẩm cúng kính để đón rước, châu kính Đức Vô Cực Từ Tôn và chư Phật, Tiên, Thánh Thần... đến hội yến cùng người phàm, để bố điển ân ban... thể hiện tinh thần Thiên Nhân Hiệp Nhứt trong cơ Phổ Độ Kỳ Ba.

5. Cuối cùng đặc biệt nhất, Lễ Hội Yến Bàn Đào trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là sự minh định sứ mạng quyền pháp của nữ giới trong kỷ nguyên tận độ. Công việc tổ chức, thiết lễ đêm rằm Trung Thu là công việc dành riêng cho phái nữ để nhằm nói lên vai trò của nữ giới ngang bằng nam giới trong việc tu hành, góp phần vào công cuộc tái tạo cõi dinh hoàn, kết thúc chu kỳ vũ trụ của Đấng Chí Tôn Thượng Đế.

Đức Mẹ dạy:

“Từ xưa, đạo đức chỉ để dành cho hàng nam giới. Đó là vào những thời kỳ phong kiến nê chấp giới này được trọng, giới khác bị khinh. Đến Tam kỳ Phổ độ là thời kỳ đại ân xá, Chí Tôn Thượng Phụ cùng chư Phật Tiên dựng huyền cơ diệu bút mở đạo tại đất nước nhỏ bé này, các con trong hàng nữ giới nhờ hồng ân ấy đã được nâng lên ngang hàng nam giới để các con không còn mặc cảm giới trọng giới khinh. (...) Các con dầu giàu dầu nghèo, dầu khôn dầu dại, dầu thông minh xuất chúng, dầu dốt nát dại khờ, dầu hàng Thiên phong chúc sắc, dầu ở giới tín hữu như sanh, nhưng trước mắt Chí Tôn Thượng Đế, trước chư Phật Tiên, các con mỗi mỗi đều mang một điểm linh quang như nhau. Sự ban ơn đãi ngộ ngang

nhau không giới nào được trọng, chẳng giới nào bị khinh, nhưng sự trọng với khinh ấy nếu có là tự các con làm cho mình được trọng hoặc bị khinh trước như sanh mà thôi.”¹¹

Đây là một đặc điểm nổi bật trong Cao Đài giáo, là tiếng chuông tỉnh thức nhân loại, vì dù đã bước qua thời kỳ phong kiến, phụ nữ trên thế giới đã tham gia mọi sinh hoạt trong nhiều lãnh vực, nhưng thực tế trong chiều sâu của cuộc sống, thân phận người phụ nữ vẫn còn đang bị bạc đãi như lời của giáo sư Hoàng Như Mai đã phát biểu: “Thân phận người phụ nữ từ muôn ngàn đời sẽ làm cho bạn phẫn nộ, nếu bạn là người suy nghĩ về lẽ phải, về sự công bình ở đời... Trong xã hội hôm nay còn biết bao nỗi bất hạnh chồng chất lên đầu người phụ nữ...” (Xã hội Hồi giáo Afghanistan, Iran... Buôn bán phụ nữ tại nhiều quốc gia...)

Người nữ tín đồ Đại Đạo trong cơ phổ độ kỳ ba phải là hạt nhân để đưa phụ nữ trở về vị trí thật sự của mình, bởi vì như lời của Đức Vân Hương Thánh Mẫu: “... Luật lệ xã hội loài người đã đặt nữ giới vào cán cân chênh lệch. Trên đời đã có Võ Tắc Thiên làm khuynh đảo sơn hà xã tắc thì cũng có Châu U Vương đem con người làm trận cười cuồng loạn... Cũng đã có Lê Lợi, Quang Trung chống xâm lăng, giữ gìn bờ cõi, gây hạnh phúc cho muôn dân thì cũng có Triệu Nữ, Trưng Vương vì thù nhà, nợ nước quật khởi trừ bạo diệt tàn để đem lại độc lập phú cường, hạnh phúc cho dân tộc. Những cái tâm thường là những cái tâm thường chung của mọi người. Những cái phi thường cũng vẫn là phi thường chung cho tất cả chứ không dành để riêng cho nữ hoặc nam.”¹²

Đức Vô Cực Từ Tôn cũng dạy:

Nữ nam phân cách bởi hồng trần,
Diện mạo hình hài với xác thân,
Bổn tánh chơn như đâu có khác,
Con nào cũng có vị nguyên nhân.¹³

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Đinh Tỵ.

11. Thánh Tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu.

12. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Quý Sửu.

13. Nam Thành Thánh Thất, 15-6 Tân Hợi.

Hay:

Đời khi thị rằng mình nhi nữ.

Hỏi: không con, quân tử ai sanh?

Chớ chê phận gái tơ mảnh

Công bình xã tắc một nhành nữ lưu.

THỂ HIỆN TẤM LÒNG TỪ MẪU

Ý nghĩa của lễ Hội Yến Bàn Đào cho thấy tấm lòng Từ Mẫu với tình thương Vô Cực trường dưỡng muôn loài không phút giây nào ngừng nghỉ. Con người đã không nhớ rằng mình đang nằm trong vòng tay nhiệm mầu của Đức Mẹ: *“Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ. Yêu là Mẹ. Tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?”*

Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,

Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,

Không lãnh vực, không biên cương,

Bao trùm vũ trụ, tình thương vạn loài.¹⁴

Ngay trong cõi đục giới này, không có gì cao quý thiêng liêng hơn tấm lòng người mẹ: *“Mẹ là dòng suối ngọt ngào, Mẹ là lời hát thần tiên...”* Đối với thế nhân, tấm lòng người mẹ được ví như như một kỳ quan của thế giới, không gì sánh kịp. Từ bậc vua chúa cho đến cùng dân không ai có mặt trên đời mà không nhờ công lao mang nặng đẻ đau, cứu mang hoạn dưỡng của mẹ. Người mẹ nơi cõi chốn hữu hình là người đã tạo cho ta một mảnh hình hài, rồi nuôi dưỡng xác thân này khôn lớn. Mẹ lo cho con từng miếng ăn giấc ngủ, từ tấm áo manh quần, sẵn sàng hy sinh tất cả kể cả mạng sống của chính mình cho con. Khi con tượng hình trong bụng mẹ là đã bắt đầu chuỗi ngày cực khổ của mẹ, cho đến lúc con cất tiếng khóc chào đời... Biết bao công lao của mẹ cho con.

Người xưa có câu: *“Mồ côi cha ăn cơm với cá. Mồ côi mẹ liếm lá đầu đường”*, cho thấy con người mất cha, có thể thay thế bằng tình mẹ,

nhưng mất mẹ rồi, con người không còn nổi bất hạnh nào hơn.

Ngay đối với loài cầm thú, lòng mẹ cũng là điều kỳ diệu nhất. Con hùm thật dữ tợn cũng không hề ăn thịt con mình. Con gà hiền lành cũng sẵn sàng giương đôi cánh nhỏ chống chọi với bầy điều hâu để che chở con mình.

Nói lên điều này, để thấy rằng dù ở cõi hữu giới nhị nguyên với nhục thể phàm phu chất chứa đầy thất tình lục dục mà mỗi người làm mẹ đều có một tấm lòng không gì sánh được. Huống hồ là người Mẹ linh hồn toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ.

Tình thương của Đức Từ Tôn bao trùm lên cả vũ trụ. Một thứ tình thương cho đi mà không cần đáp trả. Ai đã từng đọc qua quyển kinh Địa Mẫu để thấy rằng tất cả những gì hiện hữu trên thế gian nầy phục vụ cho sự sống loài người đều do quyền năng của Ngài tạo ra. Từ nhịp thở của mỗi con người đều không ra ngoài sự bảo tồn của Đức Mẹ. Chỉ một sát na Đức Mẹ quay lưng, cả vũ trụ này chìm vào cõi chết.

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, cơ tận diệt gần kề để châu nhi phục thổ. Từ chín tầng thượng giới, Đức Mẹ nóng lòng vì đàn con còn ngụp lặn nơi cõi trầm luân khổ hải:

Tình mẫu tử sâu như biển cả,

Kiếp tàn linh đày đọa trần gian.

Mẹ nhìn dòng lệ ngập tràn,

Biết làm sao được cứu an muôn loài.¹⁵

Lòng Từ Mẫu nơi cõi hư vô, luôn khắc khoải mong chờ những đứa con giác ngộ quay về phục vị ngôi xưa, và Ngài đã lâm trần, dụng ý nghĩa Hội Yến Bàn Đào để thức tỉnh đàn con lạc lối:

Con đến trần gian chịu khổ nản,

Mẹ nơi Diêu Điện dễ nào an,

Mây sâu đờ gót lâm trần thế,

Bút lệ nương cơ tả mấy hàng.¹⁶

Bao mùa Thu rồi, Đức Mẹ đến nơi đây chỉ mong nhắc nhở rằng:

14. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi.

15. Vạn Quốc Tự, 02-01 Ất Tỵ.

16. Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân.

*Con hồi trần gian côi tạm chung,
Đến đây rồi hãy trở về cùng.¹⁷*

Nhưng con người vẫn còn vô minh trong đêm trường nhân thế, đến nỗi Đức Mẹ phải nghẹn ngào:

*Sao con tránh Mẹ đi đường khác?
Đến nỗi tang thương chịu não nùng!¹⁸*

Tất cả chúng ta có mặt nơi này, có thể xuống trần do tự nguyện lãnh sứ mạng lập đời hoặc do phạm lỗi bị đày, hay để thực hiện công cuộc tiến hóa chung của vũ trụ, đều đã gặp nhau ở một điểm “Men đời chưa thấm mà mình đã say”¹⁹, không còn nhớ đến cội nguồn, để Đức Mẹ phải thúc giục:

*Hỡi tàn linh ơi, hỡi tàn linh!
Có nhớ quê xưa chốn ngọc đình?
Quày gót mau về nơi cội vị,
Thôi đừng dan díu kiếp phù sinh.²⁰*

Để rồi mỗi mùa Thu đến, Ngài lại đến với loài người, không phải để trông chờ những lễ phẩm trang trọng dâng lên Ngài trong đêm Hội Yến, vì Ngài đã xác định: “Các con từ các phương hướng quy tụ về đây để rồi chia tay ra về mọi phương hướng. Các con sẽ học được những gì và mang theo những gì về địa phương mình? Đó là điều đáng kể, chớ không phải chỉ đến đây với mục đích tâm thường là hiến dâng lễ phẩm cho trang trọng để tỏ lòng kính yêu Đức Mẹ vô vi và nhờ sự hộ trì dìu dắt bằng an trên bước nhân thế cho bản thân, cho gia đình. Nếu như vậy thì không đúng nghĩa và không ý thức được ngày lễ này đầu đó các con. Vì ngày thường bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào và bất cứ giai tầng xã hội nào trong đó các con vẫn luôn luôn có tình thương Từ Mẫu chờ che. Khi các con tưởng đến Mẹ là đã có Mẹ nơi tâm con rồi, lựa là phải đến đây làm chi cho tốn công hao của và phí thời giờ...”

Như vậy trọng tâm của cuộc lễ này là chi hồi các con? Vì Đạo đã sinh ra các con đầu đòi các con phải đền ơn đáp nghĩa. Vì sự sống của các con mới hóa sanh hoa quả thảo mộc cùng ngũ cốc để bảo dưỡng các con, đầu đòi các con phải đem lễ phẩm hiến dâng. Vì sự quên gốc, quên nguồn, quên tình thương giữa nhau nên khai minh các tôn giáo để dạy dỗ các con nên người đạo hạnh, đầu đòi các con thành kính đọc kinh chúc tụng tôn xưng... Cũng không đòi hỏi các con phải làm những gì để gọi là đền ơn Tào Hóa.”²¹

Trong tinh thần đó, lễ Hội Yến Bàn Đào chính là sự nhắc nhở con người hãy thương yêu nhau, như lời Đức Mẹ nhủ khuyên: “Con ôi! Con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. Hãy quên mình vì cứu độ, quay bánh xe đại thừa vào khắp chốn. Đừng buồn khi gặp chướng ngại, có vào lửa đỏ mới cứu được kẻ bị hỏa tai, có chịu sóng gió bão bùng mới vớt được người chết đuối, có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân. Tùy khả năng, tùy duyên cứu độ, đó là đại lễ các con hiến dâng lên Mẹ mỗi độ Trung Thu...”²²

“Lòng con là một hiến dâng nhiệm mầu.”²³

Tóm lại, nói đến lễ Hội Yến Bàn Đào là nói đến tấm lòng của Đức Đại Từ Mẫu trong sự trường dưỡng bảo tồn muôn loài vạn vật nói chung và con người nói riêng.

KẾT LUẬN

Mỗi năm, đến ngày Rằm tháng Tám, toàn thể tín đồ Cao Đài tụ họp về dưới mái nhà chung Đại Đạo, nhất là nữ phái, thành phần được giao phó trọng trách tổ chức lễ vía Đức Mẹ thật trang trọng và thành kính. Ai cũng muốn dâng lên Đức Mẹ và Cửu vị Tiên Nương những đóa hoa đẹp nhất, những quả tươi ngon nhất. Nhưng Đức Mẹ đã dạy: “Mẹ sẽ nhận món lễ phẩm trang trọng nhất mà các con đang hiến dâng, đó là tâm

17. Ibid.

18. Ibid.

19. Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Quý Sửu.

20. Trúc Lâm Thiền Điện, 06-01 Ất Tỵ.

21. Thánh Thất Bình Hòa, 14-8 Nhâm Tý.

22. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Mậu Ngọ.

23. Vạn Quốc Tự, 14-8 Quý Sửu.

đạo chí thành chí kính phụng thiên sự dân của các con...²⁴

Và ai cũng mong ước nhận được từ Đức Mẹ dòng thiên điển nhiệm mầu có khả năng hóa giải mọi khổ đau của kiếp người nơi miền trần thế mà trong niềm tin thiêng liêng tuyệt đối của mỗi người, ân điển ấy đã được ban rải trong từng trái cây, từng chiếc bánh, cả rượu, trà, nước cúng trong đêm Hội Yến... Chúng ta hãy nghe lời dạy của Đức Vân Hương Thánh Mẫu: *“Nếu người đời chưa thoát ra khỏi cái tháp ngà riêng rẽ, chưa dứt khoát vô minh, thì làm sao suy luận nổi bí pháp nhiệm mầu của Tạo hóa. Dù cho có được hưởng Hội Yến Bàn Đào cũng không thấm các hương vị trường sinh; khi có bí pháp ban trao cũng hóa thành công cụ riêng tư trong kho tàng ích kỷ. Chỉ những người có tâm pháp như như mới thấu triệt huyền vi hoán chuyển ấy.”*²⁵

Do đó, người tín đồ Cao Đài nói chung, nữ phái Cao Đài nói riêng phải hiểu rõ trách nhiệm của mình là xiển dương tinh thần của lễ Hội Yến Bàn Đào qua thông điệp mà Đức Mẹ đã chuyển giao: *“(...) tiếng nói vô thính của Mẹ ngân vang rung chuyển trong lòng nhân thế để họ tươi cười với nhau mà bắt tay nhau trong nguồn sống đạo đức mặc dù họ là thù địch lẫn nhau ngày trước. Hướng nhắm của các con là đó. Mẹ đặt trọn niềm tin nơi các con. Vì ngoài các con ra, Mẹ không làm cách nào để truyền đạt nguồn sống vô biên ấy cho cõi trần đầy hỗn độn vô minh.”*²⁶

Đó chính là tình thương mà người Cao Đài phải phát huy để làm nền tảng cho việc hướng đến cứu cánh Thế Đạo Đại Đồng, xây dựng một cõi thế gian an lạc hòa bình trong tình thương Vô Cực, trong thế nhân hòa với sự bình đẳng giữa con người với con người, không phân biệt giới tính, màu da, chủng tộc, trình độ tiến hóa... ■

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8.Nhâm Tuất.

25. Minh Lý Thánh Hội, 05-8 Quý Sửu.

26. Nam Thành Thánh Thất, 25-5 nhuận Tân Hợi.



Tâm giác ngộ tìm về đường thánh,
Chí quyết trau duyên hạnh Đại Thừa,
Cuộc đời có nắng có mưa,
Mảnh thân trần cấu khó ngừa phong vân.

Trường Thiên đạo dò lần từng bước,
Nẻo thế đồ cổ vượt cho qua,
Tham, sân, si, dục, ái hà,
Thị phi, nhân ngã, đó là vô minh.

Khóa Dụ Bị dọn mình trong sạch,
Huyền công là phương cách luyện tâm,
Đời người dầu có bao năm,
Lần thang tiến hóa khỏi lâm luân hồi.

Vào học Đạo can trường chung thủy,
Cho nên người thiện mỹ trong đời,
Đừng rằng vào được dễ xuôi,
Tuổi xanh học Đạo ơn Trời riêng ban.

Đấng Chí Tôn lời vàng dạy bảo,
Dặn lấy lòng bồ báo cho vừa,
Đừng rằng kiếp sống, sống thừa,
Đạt chơn mượn giả lọc lừa mới nên.

(...)

Vào thế tục nắng mưa sao khỏi,
Bước hoạn đồ muôn nổi phong vân,
Ở trần con chớ nhiễm trần,
Như sen tịnh khiết, như vàng nguyệt quang.

Muốn chứng ngộ vào hàng Đại giác,
Tâm Đại thừa hoàng phát vô tâm,
Cơ mầu lặng lẽ hành thâm,
Cú trông con trẻ mà tầm thiên chân.

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-6 ĐINH TÝ (16-7-1977). ■

TÌM HIỂU LỜI DẠY CỦA ĐỨC MẸ VỀ VIỆC XÂY ĐIỀU TRÌ BỬU ĐIỆN

■ THIỆN CHÍ

Hướng về Lễ Triều Thiên Vô Cực.



BÁO AN TỬ (ĐIÊN THỜ PHẬT MẪU TÒA THÁNH TÂY NINH).

THÁNH GIÁO

**THÁNH THẤT BÌNH HÒA, NGỌ THỜI, RÀM THÁNG
8 ĐINH MÙI (18—9—1967) — LỄ AN VỊ NGÔI ĐIỀU
TRÌ BỬU ĐIỆN:**

ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN.

Mẹ linh hồn các con nam nữ. Mẹ mừng các con toàn thể lớn nhỏ trong ngoài.

THI

vô vi mà có mới là ngoan,
cực lạc lòng đây Mẹ ước rằng,
từ thiện mỗi con đà sẵn có,
tôn vinh hành đạo cứu đời an.
(...)

Các con đã chung tâm hiệp sức, kẻ có của, đứa có công, đã xây cất nên hình thể trụ tướng, để tượng trưng lòng kính thành ngưỡng mộ đối với Mẹ. Đó là vẻ mặt tinh thần của các con. Còn về phần công quả hành đạo đối với ngôi Điều Trì Bửu Điện, cần phải có một tác dụng gì đáng kể để cứu thế độ dân. Nếu không phải nhằm vào tác dụng ấy thì không thể hiện đúng lòng đại từ đại bi của Đức Mẹ Điều Trì nơi cung Vô Cực.

Các con thử nghĩ lại: Một bà mẹ phàm trần nhục thể có khi nào bằng lòng nhìn thấy sự hy sinh đời rết, đốt nát, tội lỗi để tạo phần vật chất xây dựng lâu đài cho mình an hưởng đâu con? (...)

Hỡi các con! Học đạo, hành đạo, các con hãy ý thức điều này: Mẹ là sự sống và trong sự chết. Ở đâu có sống có chết là có Mẹ. Mẹ không khởi điểm và không tận cùng. Không hẳn ở đâu có Thánh Thể của Thầy là phải có cung vàng của Mẹ. Chính Tòa Thánh, vì là tượng trưng biểu thị, nên phải đủ đầy nghi thể đó thôi. Các con đừng tưởng ở đâu đều cũng phải như vậy.

Con ôi! Mẹ vẫn biết các con càng khổ lụy lại càng nhớ đến Mẹ. Có thể ví Mẹ như Từ Mẫu hằng ngày gần gũi bên con, chắt chiu nâng đỡ, an ủi, dỗ dành lòng con, Mẹ đã bù lại bằng ân huệ vô biên khi các con nên người và hiểu đạo.

Nhưng hỡi con! Nơi đâu có Thánh Thể của Thầy là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi. Nên từ đây về sau, các con đừng có ý tạo ngôi Điều Trì Bửu Điện song hành với ngôi Thánh Thể là sai lý Đạo nghe con. Những nơi nào đã có rồi, hay thay vì lòng tưởng niệm, các con được phép tượng trưng và hãy dùng nó làm nơi cứu khổ cho nhơn loại chúng sanh.

Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương, mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bố bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.

Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên,

thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?

TIẾP BÀI

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.
(...)*

SUY GẪM

Chúng ta thử suy gẫm vì sao Đức Mẹ dạy không nên xây Diêu Trì Bửu Điện song song với ngôi Thánh thất thờ Đức Chí Tôn.

– Trước nhất, như lời Đức Mẹ dạy trên đây, do đức từ bi, tình thương vô cực vô biên của Đức Mẹ, Mẹ không chịu để cho con cái phải hy sinh tiền của, công sức để tạo cung vàng điện ngọc thờ Mẹ. Dù bất cứ nơi đâu không có hình thức nguy nga gọi là “Điện thờ Phật Mẫu,” vẫn có ân điển vô vi của Mẹ bao trùm che chở cho tín hữu nhân sanh.

– Kế đến, nếu do đức tin nơi ngôi Vô Cực hay lòng kính ngưỡng tình mẫu tử bao la, lập nên điện thờ Đức Mẹ mà nơi đó không có “tác dụng gì để cứu thế độ dân” thì không biểu thị được ý nghĩa tình thương huyền diệu của cung Diêu Trì.

– Dĩ nhiên, đã là một tôn giáo, bao giờ cũng phải xây dựng những đền đài cung điện để làm nơi thờ phụng, cầu nguyện, hành lễ, tức là những trụ tướng lập thành tôn giáo đó. Đạo Cao Đài cũng không ngoài thông lệ ấy, nên ở đâu có người tín hữu Cao Đài, ở đó có Thánh thất Cao Đài hay ngược lại. Và ngay như nơi Tòa Thánh đầu tiên tại Tây Ninh, ngoài Đền Thánh còn có Điện Thờ Phật Mẫu tức nơi thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn. Mẹ cho rằng đó là “biểu thị tượng trưng theo nghi thể,” chứ những nơi khác không nhất thiết phải như vậy. Nghiên cứu Sử Đạo và giáo lý Đại Đạo, chúng ta đều biết, từ buổi sơ khai, khi Đức Chí Tôn vừa thân nhận những đệ tử đầu tiên, thì Đức Diêu Trì Kim Mẫu đã giáng lâm dự Yến Bàn Đào tại thế

với chư thiên ân. Cho thấy Cơ cứu độ Tam kỳ mặc nhiên bao gồm hai nguồn ân điển tối cao đúng theo nguyên lý Vô Cực – Thái Cực trong vũ trụ Càn Khôn.

Theo Đạo học, Vô Cực là Bản thể uyên nguyên, tuyệt đối thanh tịnh vô vi, là Thực tại bao hàm toàn thể vũ trụ vạn vật, là Ngôi Bảo Tôn. Nên Phật Mẫu Chơn Kinh có những đoạn:

*Tạo Hóa Thiên Huyền Vi Thiên Hậu,
Chưởng Kim Bàn Phật Mẫu Diêu Trì,
Sanh quang dưỡng dục quần nhi,
Chơn linh phối nhứt thân vi Thánh hình.
Thiên cung xuất Vạn linh từng pháp,
Hiệp Âm Dương hữu hạp biến sanh,
Càn Khôn sản xuất hữu hình,
Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sinh.*

Và:

*Chủ Âm quang thường tòng Thiên mạng,
Độ chơn thần nhứt vãng nhứt lai,
Siêu thăng phụng liễn quy khai,
Tiên cung Phật xứ Cao Đài xướng danh.*

Còn Thái Cực là động năng do Âm Dương ngưng tụ giữa Vô Cực. Thái Cực còn gọi là Bản Thể Đại Linh Quang thuộc về Ngôi Sanh Hóa theo Quy luật Âm Dương tương hiệp, tương tác, cũng gọi là Ngôi Sáng Tạo. Nên Kinh Ngọc Hoàng Bửu Cáo có đoạn:

*Đại La Thiên Đế,
Thái Cực Thánh Hoàng,
Hóa dục quần sanh,
Thống ngự vạn vật.
Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,
Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh,
Nhược thiệt nhược hư,
Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

*Thi không thị sắc,
Vô vi nhi dịch sử quần linh.*

*Thời thừa lục long,
Du hành bất tức,
Khí phân tứ tượng,
Oát triển vô biên,
(...)*

Biển hóa vô cùng.

*Lữ truyền bửu kinh dĩ giác thế.
Linh oai mạc trắc,
Thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh. (...)*

Qua những đoạn kinh trên, Ngôi Vô Cực được các Đấng Thiêng Liêng dạy chúng sanh kính ngưỡng là Đức Phật Mẫu tức Điều Trì Kim Mẫu; Ngôi Thái Cực được các Đấng Thiêng Liêng truyền cho chúng sanh phụng thờ là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Hai Đấng đều có các đức tương đồng: “*dưỡng dục*”, “*hóa dục*”; “*bát hồn vận chuyển*”, “*dịch sử quần linh*”; “*độ chơn thần, nhứt vãng nhứt lai*”, “*thường thi thần giáo, dĩ lợi sanh*”...

Do đó, có thể hiểu một cách khái quát, hai Đấng là Một, vì đồng phối kết chuyển cơ sanh hóa và cơ tiến hóa của vạn loại chúng sanh. Kinh Phật Mẫu viết: “*Chủ Âm quang thường tòng Thiên mạng*.” Kinh Ngọc Hoàng viết: “*Thời thừa lục long, du hành bất tức*” và thể theo nguyên lý Âm – Dương Sinh Hóa, các sách chú giải thường giải rằng Đức Phật Mẫu Điều Trì chủ Âm quang, và Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chủ Dương quang.¹ Các nhà đạo học còn nêu khái niệm: “*Vô Cực nhi Thái Cực*” (Vô Cực tức Thái Cực).

Quy chiếu công năng Tạo hóa của hai Đấng vào Kinh Dịch, nơi Quẻ Bát Thuần Kiên và Quẻ

1. Phật Mẫu là Chủ Âm quang, Chí Tôn là Chủ Dương quang. Âm Dương tương hiệp, đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó. Đối với năng lực tạo đoàn Càn Khôn Thế Giới thế nào thì đạo Cao Đài ngày kia sẽ có năng lực như thế đó. (Trích Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Quyển 1, tr.70).



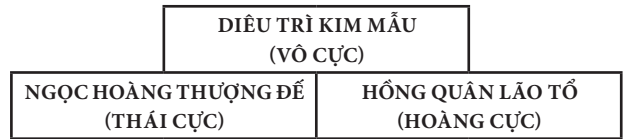
BỬU ĐIỆN TAM TÔNG MIẾU.

Bát Thuần Khôn, Soán truyện cho thấy Đức Thượng Đế vận hành Kiên đạo: “Thoán viết. Đại tai Kiên nguyên. Vạn vật tứ thủy. Nãi thống Thiên.” Đức Từ Tôn Kim Mẫu vận hành Khôn đạo: “Thoán viết. Chí tai Khôn nguyên. Vạn vật tứ sinh. Nãi thuận thừa thiên.” Hai Đấng đều là “Đức Nguyên” trong vũ trụ. Kiên Nguyên sanh đến đâu Khôn Nguyên dưỡng đến đó.

Khảo cứu cách thờ phượng nơi chánh điện của Minh Lý Đạo Tam Tông Miếu, ta thấy cấp thứ nhất (trên hết) thờ Điều Trì Kim Mẫu, cấp thứ hai thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế và Hồng Quân Lão Tổ. Minh Lý Đạo chú thích Ba Ngôi lần lượt là Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực, gọi là “Ba ngôi đồng đẳng” và “*Đây là 3 Đấng đại diện của 3 Ngôi Thượng Đế.*”

Thế nên, Thánh giáo Đức Mẹ dạy rằng: “*Nhưng hỡi con! Nơi đâu có Thánh Thể của Thầy là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi.*”

SƠ ĐỒ THỜ “BA NGÔI THƯỢNG ĐẾ” TẠI TAM TÔNG MIẾU.



BA NGÔI ĐỒNG ĐẲNG.

▪

Vậy, chúng ta có thể hiểu lời dạy của Đức Mẹ về việc xây dựng Điều Trì Bửu Điện theo các mức độ:

1. Hiểu theo Hình nhi hạ hay theo nghi thức tôn giáo đơn thuần, với đức tin nơi Đức Phật Mẫu, nếu đã xây Điều Trì Bửu Điện thì phải làm cho nơi này có tác dụng cứu dân độ thế thực tiễn, mới đúng đạo lý tôn thờ Đức Đại Từ Đại Bi.
2. Hiểu theo Hình nhi thượng, thì không nhất thiết xây Điều Trì Bửu Điện song song với Thánh thất thờ Thầy. Vì “*nơi đâu có Thánh Thể của Thầy là đã có Mẹ.*”
3. Hiểu theo Đạo học, “*Vô Cực nhi Thái Cực*” thì Thầy Mẹ là Một. ■

2. Minh lý Chơn Giải, chương thứ nhì – nghĩa Tam Tông Miếu – cách kiến trúc và thờ phượng.

TỪ “LÝ SƯƠNG” ĐẾN “KỶ HUYẾT HUYỀN HOÀNG”

■ THIÊN CHÍ

Sáng tinh mơ, khách dạo quanh vườn hoa kiểng, chợt bước vào nếp cỏ xanh, thấy lớp sương còn đọng long lanh giữa tiết Đông giá buốt. Khách thâm nghĩ, nếu như Xuân về muộn, mai nầy sương sẽ đóng băng, tự nhiên cản lối di hành. Ôi! Cái luật dinh hư tiêu trường có chờ ai chậm tiến! Bỗng nhớ câu “Lý sương, kiên băng chí” trong quẻ Khôn Kinh Dịch. Trên đường tu thân, sửa tánh, người xưa thường cảnh giác cái móng tâm ban đầu. Nếu tà tâm đã khởi mà hành giả không biết phản tỉnh, cứ mãi mê nuôi dưỡng dục vọng ngày càng lớn mạnh, sẽ không còn cơ hội sửa đổi thì hậu quả khó lường. Đó là lúc sương đã thành băng. Nên hào từ Sơ lục quẻ Khôn viết “Lý sương, kiên băng chí.” Nhà Dịch học giải lý rằng “Hào Sơ Lý Sương mô tả lúc Âm khí vừa thoát mới manh nha. Tuy nó vừa chớm nở, chớm phát, nhưng đó là điểm quốc phá gia vong sau này. Phải thận trọng, phải ngăn ngừa ngay mới kịp.”¹

Thận trọng, ngăn ngừa như thế nào? Kinh Dịch đã dạy lòng mình phải ngay thẳng, cởi mở, không được nghiêng ngả đảo điên, vui đâu chúc đó, lánh xa những việc sai lương tâm. Đó là người biết tìm lại chỗ đứng trung chánh như hào Lục nhị ở giữa Sơ lục và Lục Tam. Nhưng cuộc đời biến hiện khôn lường, người đời tạt đổ cạnh tranh, trung chánh phải “kiến cơ nhi tác”, dù tài trí, vẫn khiêm nhường nhu thuận mới tròn

1. BS Nguyễn Văn Thọ, Dịch Kinh Đại Toàn, Bình giảng quẻ Khôn.

câu tế thể. Đó là biết mình biết người, bền lòng giữ đạo mới thật sáng suốt. Hào tử Lục tam quẻ Khôn viết: “Hàm chương khả trình”, ấy là “tự mình phải giữ cho trình chính” nhờ phát huy cái căn cơ tốt lành hàm ẩn thuở nào.

Thoảng như, phẩm chất vốn thuần nhu vào cương vị Lục tứ, tự biết không có thực tài, lại ở gần người quyền thế, tốt nhất nên im hơi lặng tiếng, an phận thủ thường mới khỏi bề lo ngại, ví như thắt miệng túi lại, gọi là “Quát nang vô cữu, thân bất hại dã.” Ấy là “minh triết bảo thân”.

Tuy nhiên, trên đường tiến hóa, không thể chỉ xoay trở, kinh quyền để thủ thường hay thành đạt trong xã hội phàm phu, nên bậc Thánh nhân còn dạy người quân tử tu tiến tâm linh để phát huy Thiên bẩm tức Bản căn chân tánh. Người hướng thượng, có duyên ngộ đạo là cơ hội bước vào Thiên đạo giải thoát. Giải thoát tức thoát ngoài Âm khí vây hãm, không để đời người cố kết trong vòng phàm phu tục tử như “sương kiên băng chí”. Người ấy sẽ đạt đến địa vị cao cả bởi đặc Trưng cao tột, phát huy được cái đức lớn của đạo Khôn. Nhà Dịch học viết: “Mục đích tu thân của người quân tử, là đạt tới Thiên vị, tức Trưng Điểm, hay Lý Trưng Hoàng. Nhận thức được bản tính cao sang của mình, thực hiện được định mệnh sang cả của mình, lồng được Trời vào trong Tâm mình, để cho vẻ đẹp đẽ của Trời chói rọi ra nơi châu thân mình, tỏa lan ra sự nghiệp của mình. Thế mới là đặc Đạo (Hoàng thường. Nguyên cát).”²

Nhưng thế nhân mang nặng xác phàm, sống giữa cuộc đời vật chất nhiều nhương, thất tình lục dục chi phối tâm tu, nếu không phục thiện, phản tỉnh nội cầu mấy ai đạt được “hoàng thường nguyên cát”. Đức Mẹ dạy: “*Trăng kia tròn khuyết đổi đời,/ Hướng chi con sống trong đời nhị nguyên.*” Và “*Nước*

kia còn có lớn ròng,/ Đời con sao khỏi trong vòng quần quanh.”

Hơn nữa, những người có quyền cao chức trọng, phú quý vinh sang lại ở vào thế Âm cực thịnh như hào Thượng lục, tự cao, tự đại, ngã mạn đến mức mục hạ vô nhân. Đó là lúc:

(...)

*Dấy lòng phàm đoạt chiếm tranh giành,
Ngày ngày sanh sự, sự sanh,
Vét vơ đủ cách, tung hoành đủ phương.
Kể lanh xảo khôn lường nổi ý,
Thêm mắt, tai lợi khí chẳng vừa,
Kể chi then khóa ngăn ngừa,
Vào ra ai thấy, đảo lừa ai hay?*³

thì cuộc đời sẽ giải quyết cuộc đời, bất chánh đương nhiên bị đào thải.

Nhìn rộng ra thế giới, một thời đại mà vật chất hoàn toàn làm chủ, vô đạo làm chủ, phân ly, gián cách làm chủ... “Khi ấy nhân loại sẽ sống một thời kỳ nhiễu nhương, máu lửa ngập trời. Dịch kinh đã đề cập đến thời đại ấy bằng mấy chữ “Long chiến vu dã. Kỳ huyết huyền hoàng.”⁴

Phương chi, Đức Vô Cực Từ Tôn Kim Mẫu từng tha thiết dặn dò:

*Lạ gì vật chất đảo điên,
Nay còn mai mất biến thiên không chừng.
Ai tưởng cuộc thế đầy lũng,
Rủi may sanh tử nhân thân thế nào?
Ai tưởng nắng hạn mưa rào,
Thiên tai chiến họa ra sao bao giờ.
Quý là con tỉnh giấc mơ,
Là tâm giác ngộ là cơ diệu huyền.
Là đường giải thoát nghiệp duyên,
Là tu tự độ là giềng độ tha.*⁵

Người đời hay người tu cũng thế, hướng về tương lai, phải chọn đúng đường, tỉnh thì được “hoàng thường nguyên cát”; mê thì đành “kỳ huyết huyền hoàng”.■

2. Sdd.

3. Bài chữ tâm, Bát Nhã Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội.

4. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, Dịch Kinh Đại Toàn, Quẻ Khôn.

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn (07-9-1976).

■ HUỆ Ý

HỌC THÁNH GIÁO MỖI NGÀY

1. NGÀY MỪNG 1 THÁNG 7 NĂM QUÝ TỶ (2013)

MÙA THU: CƠ HỘI MỞ HỘI CHO NỮ PHÁI.

– Trung thu, Đức Mẹ ban Hội Yến Bàn Đào cộng với khóa tu Thu phân, chúng ta được phần Thiên, tập thể và cá nhân nhận thêm tiềm lực quang năng trên đường tự độ, độ tha.

– Phần nhơn, Nữ Chung Hòa tổ chức họp mặt nữ phái để cùng nhau trao đổi kinh nghiệm hành đạo, giao lưu giáo lý, thi đua bồi công lập đức. Đức Liên Hoa Thánh Mẫu dạy:

Tạo cơ hội, Thu phân mở hội,

Nữ Chung Hòa mở lối nhơn hòa,

Trong thời ân xá Kỳ Ba,

Quy nguyên Tam Giáo, xây nhà Phật Tiên.¹

Qua lời dạy này, chúng ta học được:

– Cơ hội là lúc đầy đủ thiên thời, địa lợi, nhơn hòa để hành động, vì lý do nào chúng ta bỏ lỡ thì khó tìm lại được lần thứ hai.

– Mùa Thu là mùa của Đức Mẹ, là cơ hội để mỗi năm phái nữ cùng nhau họp mặt giao lưu.

– Tam Kỳ Phổ Độ là thời điểm Đức Chí Tôn ban ân chung tất cả con cái, nhất là cơ hội cho phái nữ góp sức vào sứ mạng quy nhất để lúc viên thành có một vị trí trên Thiên Hoa Đài Vị.²

2. NGÀY MỪNG 2 THÁNG 7 NĂM QUÝ TỶ (2013)

MÙA THU: NỮ PHÁI THƯƠNG MÌNH, MẾN ĐẠO, KÍNH TRỜI, CẦU TIẾN.

Đức Đô Thống Quản Địa Thần (nay là Đức Giác Minh Tôn

1. Minh Lý Thánh Hội, 01-8 Kỳ Dậu (12-9-1969).

2. Mỗi năm vào Rằm Tháng Bảy, Lễ Chơn Giác Đồng Đăng Thiên Hoa Đài Vị, Đức Chí Tôn ban ân vị nào tùy mức độ công quả, công phu, công trình: Lần đầu là được ân ban đạo quả, Những lần sau là được cao thăng đạo quả.

Thánh) thường xuyên, trực tiếp giúp đỡ Cơ Quan nói chung, nữ phái nói riêng về mặt vô hình nhận xét:

*“Bốn Thân cũng rất mừng cho quý chị nữ phái cũng đã tiến triển rất nhiều. Khi còn sanh tiền, Bốn Thân nghe quý chị khi muốn nói một lời đạo trước chỗ đông người, quá ư rụt rè ấp úng. Ngày nay có nhiều chị lên diễn đàn, hoặc nói việc đạo trước đại chúng, rất ư lưu loát vững chãi, truyền cảm êm dịu, thao thao bất tuyệt. Còn các quý anh thì khỏi cần khen việc ấy. Đó nhờ sự cố gắng thương mình, mến đạo, kính Trời, cầu tiến đương nhiên sẽ tiến. Ngoài ra lại còn có sự hộ trì, trợ duyên của các hàng chư Tiên...”*³

Đức Tiên Bối Cao Triều Phát dạy thanh thiếu niên *“các em đừng mặc cảm, đừng rụt rè, đừng cầu an, đó là những chướng ngại to lớn cho đời mình.”*⁴ Dù nam, dù nữ, dù trẻ hay già, áp dụng được lời Ngài dạy vào cuộc sống là mọi việc kết quả tốt đẹp. Vượt qua được mặc cảm, rụt rè là thắng được bản thân, đó là bước đầu để thành công trong đạo, ngoài đời. Đức Cao Triều dạy tiếp *“nếu các em không thắng được bản thân thì làm sao thắng được các gian lao của cuộc đời”*. Vừa chiến thắng được rụt rè, tiêu cực, cùng lúc phát huy được ý chí tích cực *“thương mình, mến đạo, kính Trời cầu tiến”* nên chúng ta nhận được sự hộ trì, trợ duyên của Ông Trên mà bước đạo vững tiến đi lên.

3. NGÀY MỪNG 3 THÁNG 7 NĂM QUÝ TÝ (2013)

MÙA THU: NHẮC NHỞ, DẮT DÌU THÂN QUYẾN.

Đức Đò Thống Quản Địa Thần một lần trở lại Cơ Quan: *“Nhờ đạo huynh Thiện Bảo vui lòng cho Bốn Thân nhắn lời về tệt xá thăm viếng hiền nương Diệu Long, hãy vững tâm tưởng niệm Chí Tôn và Đức Mẹ để được sự hộ trì và để lời khen ngợi tinh thần tưởng đạo của hiền nương khá vững về chỗ thủy chung. Nhưng nên bớt bớt nghe những tiếng thị phi khiến cõi lòng xao động.*

*Ráng nhắc chừng mấy đứa con phải nhớ đường xưa lối cũ lai vãng cửa đạo kéo bị ma dắt lối, quý đứa đường rồi mất đức tin cả đám, tội nghiệp. Xin cảm ơn đạo huynh trước nhất.”*⁵

Dù đã về cõi vô hình nhưng tình cảm, mối liên hệ và trách nhiệm với thân nhân vẫn còn nên Ngài nhắn lời về thăm Đạo Tỷ Diệu Long và các con. Qua lời nhắn ấy, chúng ta ghi nhận được các bài học:

1. Để nhận được sự hộ trì của Thầy, Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng, chúng ta phải “Vững tâm tưởng niệm các Đấng” tức là máy thu phải mở công tắc, đồng thời phải đúng tần số thì mới liên thông được.

2. Chưa thể “Thính nhi bất văn” nên Ngài dặn Đạo tỷ Diệu Long (cũng là khuyên chúng ta) “bớt bớt nghe những tiếng thị phi”⁶ thì lòng mới thanh tịnh nhận được lời dạy vô tình của các Đấng Thiêng Liêng.

3. Thương con thì cha mẹ phải chăm sóc không những về vật chất mà quan trọng hơn là mặt tâm linh. Cổ nhân đã dạy “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, vào chùa thì lo kinh kệ, vào chợ thì lo mua bán. Phòng bệnh hơn chữa bệnh, chịu khó nhắc nhở con cái siêng đến tịnh, thất học đạo, hành đạo, nếu vì lý do nào con cháu mất đức tin rồi khó mới lửa đức tin lại lắm. Nếu cha mẹ buông xuôi thì tội nghiệp con cái đã ở bên vựa lúa mà chịu đói, ở bên dòng suối mà chịu khát.

Đức Khổng Tử dạy: *“Đừng trách cây cỏ lẫn át cây lúa, mà hãy trách người nông phu chênh mảng.”*

Không phải ngẫu nhiên mà con cái thác sanh vào trong gia đình Đạo. Ngày tổ chức Lễ Nhập môn tổng hợp cho con em gia đình nhân viên Cơ Quan, Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Măng tươi tốt đã vừa vươn ngọn,
Tay thợ vườn khéo bón nước phân,
Biết đâu là những nguyên nhân,
Tam Kỳ Phổ Độ vào trần lập công.*

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–11 Nhâm Tý (20–12–1972).

4. Thánh thất Bình Hòa, 28–8 Đinh Mùi (01–10–1967).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–11 Nhâm Tý (20–12–1972).

6. Thị phi: phải trái, đúng sai.

*Nên chuyển kiếp vào trong cửa Đạo,
Nương bóng lành thiện bảo kỳ thân,
Hiệp cơ tiến hóa tinh thần,
Một trường thánh thiện góp phần thế Thiên.⁷*

4. NGÀY MỪNG 4 THÁNG 7 NĂM QUÝ TỶ (2013)

MÙA THU: TỊNH VIÊN NHẬP KHÓA THU PHÂN.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:
*Kể từ Đông chí đến Thu phân,
Đệ muội lo tu tịnh dưỡng thân,
Ở pháp môn nào hành pháp ấy,
Tại gia thường nhứt đắc Thiên ân.⁸*

Từ Đông chí này đến Thu phân sau là một năm, rồi lại tiếp tục, vì thời gian vốn vô trụ nên hành giả phải nhứt dụng thường hành, chung thân hành công cho đến ngày viên thành.

Tịnh là dưỡng thân, hành giả phải bớt việc đời, việc nhà, để lo hành công. Đức Lão Tổ dạy thêm: *“Bản Đạo cảm thông đến sinh kế mỗi đệ muội, nên đặc ân dễ dãi, nhưng vì sự đặc ân dễ dãi đó mà tam bửu ngũ hành chư đệ muội luyện mãi cũng chưa thống hợp, chỉ mới ở giai đoạn thân khí giao hội mà còn chưa trọn vẹn thay. Vậy kể từ Đông chí, chư đệ muội tịnh viên trước đây đã có thọ pháp hãy hành pháp theo cấp bậc đó. Ngoài giờ hoạt động về sinh kế, nên cố gắng tối đa, cũng tưởng như mình gia nhập tịnh phòng để sớm thâm ngộ thời giờ hầu học qua các pháp môn cao hơn.”⁹*

Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:
*Tu tâm chớ vọng điều cao thấp,
Thấp bởi lòng phạm quá bấp bênh.*

Mỗi bước hành công đều có chỗ diệu dụng, bước một hành đến nơi đến chốn thì các bước tiếp theo dễ thông suốt.

Tùy tâm của tịnh viên mà có tịnh phòng. Khi tịnh viên quán tưởng mình đang luôn luôn ở tịnh phòng, để luôn luôn luyện kỹ hành công, kết quả

7. Ngọc Minh Đài, 10–5 Giáp Dần (29–6–1974).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–11 Nhâm Tý (20–12–1972).

9. Ibid.

diệu dụng của bước một được sớm vững vàng thì Ôn Trên sớm ban ân bước lên các bậc thang mới.

Ôn Trên mở khóa tu tại Thánh sở nào là nâng cao độ, cường độ, trường độ thần lực tại nơi đó thêm nhiều bậc nữa để góp phần hiệu quả trong sứ mạng tận độ Kỳ Ba. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Mở khóa tịnh cho sinh khí vượng,
Độ người tu đặng hưởng công tu,
Trên cao đã có hộ phù,
Dưới nhờ chư đệ vận trù lo toan.¹⁰*
Xin cầu và nguyện được như thế.

THU PHÂN QUÝ TỶ (2013). ■

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19–8 Tân Hợi (07–10–1971).

TRÍCH LỤC MINH THIỆN CHƠN KINH

(TIẾP THEO TRANG 12)

Bảy là dạy nghe kinh tụng niệm,
Giữ tắc lòng đốn tiệm siêng cần,
Khuyên đừng miệng đọc lắng nhăng,
Rồi ra câu được câu chẳng ích gì.
Tám là dạy khi đi với bạn,
Lời thiệt hơn phải ráng nghe nhau,
Chớ hể nói trước nói sau,
Giữ lời chánh trực ai hầu dám khinh.
Chín là dạy giữ mình làm trước,
Ở làm sao cho được như lời,
Chớ hể nhạo báng chê cười,
Mười phần ở được trọn mười như kinh.
Mười là dạy chớ bình phẩm bạn,
Muốn nói ra lóng gạn từ câu,
Ai mà giữ đúng đuôi đầu,
Thì người ấy được theo hầu Phật Tiên.
Bút Thần giáng trước đàn tiên,
Gọi là “Giới Khẩu” một thiên truyền đời.
NGÂM
Giã từ Ta thượng thiên đài,
Tịnh lòng tiếp lĩnh Như Lai lâm đàn. ■

Học tu

THEO LỜI MẸ DẠY

■ ĐIỀU NGUYÊN

Cách đây 47 năm, vào đêm Trung thu năm Bính Ngọ (1966), Đức Mẹ đã giáng đàn nơi Thánh thất Tân Định và ban cho các con cái của Ngài lời giáo huấn như sau:

DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC ĐẠI TỬ TÔN. Mẹ mừng các con.

THI

*Chín trùng Mẹ đến với con thơ,
Chúng ở lòng con biết kính thờ,
Ân huệ sẵn dành bao hạ quý,
Phước hồng chan rưới mấy thu sơ.
Nhơn tâm miễn đặn nơi đường chánh,
Thế đạo may ra thoát cảnh mờ,
Mỗi độ thu về ghi bút ngọc,
Giữ gìn tu học ấy Thiên cơ.*

Mỗi độ thu về, các con đều mong mỗi đến trước linh cơ để nhìn Đấng Từ Mẫu vô hình, dâng lên tấm lòng thành kính thiết tha giữa hồi diên nguy thế sự.

Con ôi! Tình Vô Cực vô biên vẫn ban đều muôn vật. Hôm nay, trước các con, Mẹ đem hồng ân chan rưới cho các con được bình tâm, khuây hết nỗi niềm riêng của mỗi đứa. Mẹ miễn lễ, các con đồng an tọa đàn tiền nghe Mẹ dạy:

Hồi các con! Mẹ đã dạy rất nhiều từ khi dùng linh điển đến với các con. Mùa Thu này, Mẹ khen ngợi tinh thần đạo đức của các con có phần tiến hóa, dầu trải qua bao nhiêu khảo đảo của nhơn tâm và thế sự. Trung Thu này, Mẹ không đem công việc mới đến cho các con, chỉ dạy thêm các việc con đang làm mà chưa được đó thôi.

Con ôi! Chí Tôn hằng ngự nơi lòng mỗi trẻ. Mẹ hằng nuôi nấng linh hồn các con. Còn trong việc tu hành học đạo đã có giới luật quyền pháp là

khuôn mẫu mực thước để un đúc các con, và các con lần dò trong đường chánh quả. Thánh ngôn, Thánh giáo là những tiếng gọi thiêng liêng khi các con bị thất tình lục đục bao vây. Những điều hay dở thị phi là những tấm gương sáng chói cho các con thấy rõ sự thực hư thành bại, thì các con phải quây quần với nhau, để giữ gìn những điều quan trọng lại mà tu học, đừng ngại chuyện xa xôi để tư tưởng được phát minh thành đạo. Tu học và hành đạo là những Thánh Hiền Tiên Phật đó con à. (...)

Con ôi! Mưa thu còn âm đạm, gió thu còn thê lương. Các con phải bình tâm tu học, đừng buông lung ngoại vọng, đừng nghĩ chuyện bao đồng. Những công quả của các con trong một năm, công tác các con cần phải tiến lên, còn những chuyện xa xôi thì nên dứt bỏ. Tất cả thành công rực rỡ sẽ đem đến niềm tin hành chánh đạo của các con. (...)

Trung thu bút ngọc để thơ,

Ban ơn con trẻ gọi nhờ điển ân.

Mẹ ban ơn lành các con Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Chư Thánh Nữ Tiên Nương đã ban ân huệ trong các hoa quả, vậy khi xả đàn, các con chia nhau mà dùng.

Giã từ các con, Mẹ hồi Diêu Điện. Thăng. ▀

Trong bài Thánh giáo trên đây, Đức Mẹ đã dạy rằng: “Mẹ đã dạy rất nhiều từ khi dùng linh điển đến với các con.” Thật vậy, theo lịch sử đạo Cao Đài, Đức Mẹ giáng trần ban ơn cho chư vị Tiên Khai Đại Đạo trong đêm Hội Yến Bàn Đào đầu tiên vào ngày Rằm tháng 8 năm Ất Sửu 1925, và kể từ cái đêm Rằm tháng 8 đầu tiên lịch sử ấy, hầu như Trung thu năm nào Đức Mẹ cũng đều giáng trần để ban cho các con cái của Ngài biết bao lời dạy dỗ nhủ khuyên, chưa kể những lần

Đức Mẹ giáng đàn vào những thời điểm khác trong năm. Tuy nhiên, có lần Đức Mẹ hỏi rằng:

*Từ thử dạy khuyên đã quá nhiều,
Hỏi con còn nhớ được bao nhiêu?*¹

Mẹ dạy nhiều mà chúng ta chẳng nhớ được bao nhiêu. Do đó, trong đàn cơ này Đức Mẹ bảo rằng: “*Trung Thu này, Mẹ không đem công việc mới đến cho các con, chỉ dạy thêm các việc con đang làm mà chưa được đó thôi.*” Làm mà chưa được nghĩa là làm chưa tốt hoặc chưa rõ ràng.

Vậy, chúng ta hãy thử kiểm điểm xem những việc nào chúng ta “*đang làm mà chưa được*” như lời Mẹ nói. Mẹ dạy:

1. Điều thứ nhất, Mẹ dạy: “*Con ôi! Chí Tôn hằng ngự nơi lòng mỗi trẻ.*” Chúng ta quán xét xem tâm mình có phải là tòa sen để Thấy ngự chưa? Đức Mẹ bảo rằng “*Chí Tôn hằng ngự nơi lòng mỗi trẻ*” có nghĩa là Thấy luôn sẵn sàng ngự vào tâm của các con cái nơi cõi hồng trần, tuy nhiên phải có điều kiện. Giống như trong nhà chúng ta bóng đèn đã được bắt sẵn với dòng điện, dòng điện luôn có sẵn nhưng chúng ta phải bật công tắc thì đèn mới cháy sáng. Tương tự như vậy, chỉ khi chúng ta nghĩ đến Thấy thì Thấy mới ngự vào tâm như lời Đức Vạn hạnh Thiên Sư đã dạy: “*Tâm tưởng Phật, Phật Trời hằng ngự/ Tâm tưởng ma, ma cứ vắng lai*”² Nếu tâm chúng ta chứa đầy những tham sân si dục, những hỷ, nộ, ái, ố, thì làm gì còn chỗ cho Đức Chí Tôn ngự vào. Do đó, hằng ngày hằng giờ hằng phút, cần phải dọn dẹp tâm mình cho sạch sẽ thanh khiết và hướng thượng để được Thấy ngự nơi tâm, tức là thông công với Thượng Đế ngoại tại.

Lời Mẹ dạy: “*Chí Tôn hằng ngự nơi lòng mỗi trẻ*” còn có thể được hiểu theo nghĩa Chí Tôn là Thượng Đế nội tại, là Thượng Đế tính hay cái Đạo tự hữu nơi mỗi người. Chúng ta kiểm điểm xem mình đã phát huy được Thượng Đế tính hay đã làm sáng cái Đạo tự hữu nơi mình chưa hay vẫn còn để cho thất tình lục dục bao phủ điểm Thiên lương.

2. Điều thứ hai, Mẹ dạy: “*Mẹ hằng nuôi nấng linh hồn các con.*” Con người chúng ta có hai phần: thể xác và linh hồn. Nếu như thể xác cần phải được nuôi dưỡng hằng ngày bằng thực phẩm thì linh hồn chúng ta cũng cần phải được nuôi dưỡng bằng những món ăn tinh thần. Đức Mẹ hằng nuôi nấng linh hồn chúng ta bằng những lời đạo lý thanh cao, bằng pháp môn công phu tịnh luyện. Chúng ta thử kiểm điểm xem hằng ngày mình có nuôi dưỡng linh hồn bằng những thức ăn tinh thần thanh khiết mà Mẹ ban cho không? Trong thời đại điện tử ngày nay, chỉ cần một cái nhấp chuột thôi là chúng ta có thể đi ngay vào mạng internet với biết bao những món ăn tinh thần trong đó, bổ dưỡng có, độc hại có, nếu chúng ta không biết chọn lọc, để cho những thứ độc hại thâm nhập vào A Lại Da Thức của mình thì linh hồn chúng ta sẽ bị đau ốm quặt quẹo ngay.

3. Điều thứ ba, Mẹ dạy: “*Còn trong việc tu hành học đạo đã có giới luật quyền pháp là khuôn mẫu mực thước để un đúc các con.*” Chúng ta kiểm điểm xem mình đã tuân thủ nghiêm ngặt giới luật quyền pháp chưa. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã từng dạy rằng:

*“Chư hiền ôi! Đời có gì quý trọng hơn vàng bạc, người tu hành có gì quý trọng hơn giới luật. Giới luật là một chiếc thuyền để sang sông, người tu hành muốn qua bờ giác bên kia phải nương nhờ ở giới luật. Giới luật là cái chun để cho các hiền đi đến tận cùng Thấy. (...) Kẻ nào tu hành dù cho pháp môn nào mà không gìn giữ giới luật thì khác nào kẻ qua sông mà không có thuyền, kẻ muốn đi mà không có chun đó vậy. (...) Không ở trong khuôn khổ giới luật mà làm sao thành được Đạo.”*³

Muốn giữ tròn giới luật thì cần phải luôn ghi nhớ và thực hành những lời Ôn Trên dạy. Do đó mà Đức Mẹ dạy rằng: “*Thánh ngôn, Thánh giáo là những tiếng gọi thiêng liêng khi các con bị thất tình lục dục bao vây.*” Thật vậy, Thánh ngôn

1. Hườn Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

2. Minh Lý Thánh Hội, 11-5 nhuận Tân Hợi (03-7-1971).

3. Tịnh Đường (Hội Thánh Truyền Giáo), 08-11 Ất Tỵ (30-11-1965).

Thánh giáo là vị cứu tinh giải thoát chúng ta ra khỏi vòng vây của Thất tình lục dục. Chẳng hạn như mỗi khi tâm mình có điều phiền não thì hãy nghĩ ngay đến lời dạy của Đức Giáo Tông: “Rằng đời cõi tạm thế gian/ Thì chi ta phải cứu mang nặng lòng.”⁴, tâm sẽ bình an trở lại ngay tức khắc. Hoặc những lúc lo âu bối rối vì những khó khăn trắc trở của cuộc sống thì hãy nghĩ ngay đến lời dạy của Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn: “Lòng con tin Đấng Cao Đài, Đạo đời Trời sẽ an bài cho con”⁵, tâm ta sẽ được nhẹ nhàng, bớt âu lo ngay. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, đôi khi thất tình lục dục bao vây ngặt nghèo quá thì chúng ta cũng không còn tâm trí đâu mà nhớ nghĩ đến lời dạy của Thiêng Liêng. Do đó, nếu mỗi ngày chúng ta đều dành một giờ để đọc Thánh kinh hiền truyện, Thánh ngôn Thánh giáo như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã nhủ khuyên thì tâm hồn chúng ta sẽ luôn được mạnh khỏe cứng cáp, không dễ gì bị thất tình lục dục lôi kéo cám dỗ vào đường tội lỗi, khổ đau phiền não cũng được tiêu trừ. Đức Mẹ cũng đã từng dạy:

Hằng xem đọc kệ kinh Thánh giáo,
Để tâm hồn cõi thảo nghệt oan,
Cho lòng con được thênh thang,
Cho tâm con được dịu dàng dễ thương.⁶

4. Điều thứ tư, Đức Mẹ dạy: “Những điều hay dở thị phi là những tấm gương sáng chói cho các con thấy rõ sự thực hư thành bại, thì các con phải quay quần với nhau, để giữ gìn những điều quan trọng lại mà tu học, đừng ngại chuyện xa xôi để tư tưởng được phát minh thành đạo. Tu học và hành đạo là những Thánh Hiền Tiên Phật đó con à.” Những điều hay dở, tốt xấu, thành công hay thất bại của người khác đều là những bài học quý giá cho bản thân mình. Chúng ta học tập những điều hay và tránh chừa những điều dở mà người khác đã lỡ vấp phải. Đức Mẹ nhắc nhở chúng ta hãy giữ gìn những điều quan trọng lại mà tu học chứ

đừng mơ tưởng chuyện xa xôi. Ở đoạn cuối bài Thánh giáo, Đức Mẹ lại nhắc: “Các con phải bình tâm tu học, đừng buông lung ngoại vọng, đừng nghĩ chuyện bao đồng. Những công quả của các con trong một năm, công tác các con cần phải tiến lên, còn những chuyện xa xôi thì nên dứt bỏ.” Vậy, những chuyện bao đồng xa xôi là những chuyện gì? Và những điều quan trọng là những điều gì?

Những chuyện bao đồng xa xôi là những chuyện không mang lại lợi ích thiết thực cho sự tu tiến, chẳng hạn như chạy đây chạy đó, nghe nói nơi nào có thầy hay sư lạ thì liền chạy theo để tìm hiểu Thiên cơ xem khi nào thì tận thế, khi nào Hội Long Hoa diễn ra, v.v. Trước đây, có nhiều người đi hầu đàn nhằm mục đích cầu hỏi Thiêng Liêng về thời sự Thiên cơ và đã được Đức Mẹ dạy như sau:

“Các con đừng mong vọng Thiêng Liêng thổ lộ Thiên cơ cùng thời cuộc. Mong vọng đó là kẻ hở, là chỗ yếu để cho mị tà lợi dụng sở thích đó, hướng dẫn các con xa Thấy xa Đạo. Hỡi các con! Muốn biết để làm chi? Giả thử Thiêng Liêng cho biết đời Thượng nguyên Thánh đức sẽ lập vào năm, tháng, ngày, giờ nào đó, rồi các con phải làm gì cho thích hợp, nếu khi các con thiếu công quả, thiếu những đức tính của người tu. Tai hại hơn nữa, khi các con biết được Thiên cơ thời sự, bản tánh háo danh, hiếu kỳ sẵn có, tiết lậu đầu đànng xó chợ, đó là mầm tai họa nảy nở trong người các con.

Các con chỉ [nên] biết có một đường lối tu chơn tích đức, công quả phổ giáo Đạo Trời, cảnh tỉnh sanh linh. Hễ mỗi người thực hiện được tình thương, hễ thương thì không còn giết hại lẫn nhau, đời thái bình thanh trị dầu không cầu mong cũng đến.”

Do đó, trong bài Thi mở đầu bài Thánh giáo, Đức Mẹ đã dạy: “Mỗi độ thu về ghi bút ngọc,/ Giữ gìn tu học ấy Thiên cơ.”

Vậy, giữ gìn các Thánh ngôn Thánh giáo của Thiêng Liêng để học tu mới là điều quan trọng mà Đức Mẹ muốn chúng ta thực hiện, đó cũng chính là làm đúng theo Thiên cơ mà Trời đã sắp bày. Đức Mẹ bảo: “Tu học và hành đạo là những

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15- 4 Đinh Tỵ (01-6-1977).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Quý Sửu (14-7-1973).

6. Ngọc Minh Đài, 15-4 Đinh Mùi (23-5-1967).

7. Hườn Cung Đàn, 29 - 8 Ất Tỵ (24-9-1965).

Thánh Hiền Tiên Phật đó con à”, có nghĩa là chỉ có tu học và hành đạo, thực hành công quả, công trình, công phu mới giúp chúng ta trở nên bậc Thánh hiền, mới thành Tiên thành Phật.

Tóm lại, Đức Mẹ mong muốn chúng ta thực hành cho được những điều sau đây:

1. Luôn giữ tâm trong sạch thanh khiết để Đức Chí Tôn ngự vào.
2. Luôn nuôi dưỡng linh hồn mình cho mạnh khỏe cứng cáp bằng Thánh ngôn Thánh giáo, bằng công phu thiền định.

3. Tuân thủ giới luật và quyền pháp Đạo.
4. Học tập những điều hay điều dở, những thành công thất bại của người khác để làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mình. Phải bình tâm tu học và hành đạo cho tinh tấn chứ đừng lo nghĩ chuyện bao đồng xa xôi.

Xin cầu chúc cho tất cả huynh tỷ đệ muội chúng ta đều thực hành được rất ráo lời Đức Mẹ dạy để làm món quà tinh thần kính dâng lên Đức Mẹ kính yêu nhân dịp Đại lễ Triệu Thiên Vô Cực Hội Yến Bàn Đào.■



Trăng kia tròn khuyết đổi dời,
Huống chi con sống trong đời nhị nguyên.
Nếu con học đạo Phật Tiên,
Lạ gì những lúc biến thiên nhân tình.
Quý hồ một mảnh tâm linh,
Bản lai diện mục biết nhìn cho thông.
Nước kia còn có lớn rồng,
Đời con sao khỏi trong vòng quần quanh.
Lòng con nếu thật chí thành,
Thủy chung như nhút tu hành mới ngoan.
Khi con vào chốn trần gian,
Là con đem đạo vào đàng thiên luân.
Biết rằng nghiệp quả do nhân,
Sao còn phiền não giận mừng đau thương.
Con ôi, học đạo hằng thường,
Là tâm thanh tịnh dứt đường quả nhân.
Lạ gì điên đảo giả chơn,
Mà con vọng động cho sờn đạo tâm.
Cái cơ biến dịch thăng trầm,
Người tu dụng đó mà cầm máy linh.
Quý là con trọn niềm tin,
Là tu tứ trí là gìn tam công.
Tâm cùng trời đất huyền đồng,
Thân hòa vạn hữu ngoài vòng biển mê.
Là con làm đạo bổ đề,

Đất trời vạn vật quay về một tâm,
Lòng con sẵn có vui thầm,
Dị đồng sai khác cũng tầm nguồn vui.
Con ơi, bước đạo chớ lùi,
Đạo là hỗn nước sục sùi sao nên.
Lạ gì vật chất đảo điên,
Nay còn mai mất biến thiên không chùng.
Ai tưởng cuộc thế đầy lừng,
Rủi may sanh tử như thân thể nào.
Ai tưởng nắng hạn mưa rào,
Thiên tai chiến họa ra sao bao giờ.
Quý là con tỉnh giấc mơ,
Là tâm giác ngộ, là cơ diệu huyền.
Là đường giải thoát nghiệp duyên,
Là tu tự độ, là giếng độ tha.
Hồng ân Từ Mẫu chan hòa,
Cho con hạnh hưởng làm quà trung thu.
Đèn lòng đừng để mờ lu,
Đạo tâm đừng để bôn xu nhiễm trần.
Bao giờ tan áng huyền vân,
Trời trong mưa tạnh lộ vắng trăng thanh.
Tình trăng muôn thuở trong lành,
Như tình Từ Mẫu tài thành thuận nhu.
ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,
14-8 BÍNH THÌN (07-9-1976).■

LỜI HỨA NGUYÊN

■ XUÂN MAI

Trong cuộc đời của mình chắc hẳn chúng ta không thể quên được một hình ảnh thân yêu tuyệt vời, dịu hiền và cao cả của một người, người ấy chính là mẹ. Chẳng văn thơ nào diễn tả được hết tình mẹ – tình mẹ cao hơn mây trời, sâu hơn sông biển, ngọt ngào hơn dòng sữa, êm đềm hơn dòng suối. Ai có mẹ cũng thấy tình mẹ sâu dày, một thứ tình mẫu tử chỉ cho đi mà không chờ đến đáp. Vì tình mẹ bao la quá, “nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông” nên không một bút mực nào có thể diễn tả cho hết được tình mẹ yêu thương. Hiểu được tình thương bao la trời biển của mẹ, chúng ta càng thấm thía rằng: dù ở cõi hữu hình với nhục thể phàm phu mà tình mẹ thương con còn trĩu nặng hướng chi là người Mẹ Thiên Liêng, Mẹ linh hồn toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ của tất cả vạn linh sanh chúng.

Tình thương của Đức Vô Cực Từ Tôn Diệu Trì Kim Mẫu bao trùm cả vũ trụ, một tình yêu vĩ đại, trường cửu, bất biến và bất diệt. Người luôn ban ân hết cho tất cả các con cái của Người không phân biệt một ai, vấn đề con người có biết và nhận được hay không.

Chúng ta may duyên được hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mới hiểu được tình thương vô cùng vô tận của Mẹ – một Đấng quyền năng, cai quản Khí Hư Vô, là Thiên tặc, Thiên điều chi phối toàn cả càn khôn vũ trụ nhưng luôn trực tiếp hướng dẫn, dạy bảo, nâng đỡ, chăm chút cho con từng bước một như bà mẹ phàm trần.

*Lòng từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.¹*

1. Đức Mẹ, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

Thương con, Đúc Mẹ luôn phải khóc thầm, phải khắc khoải lo lắng vì đàn con dại:

Riêng thương Kim Mẫu khóc thầm,

Biển trần thấy trẻ lạc lắm bấy lâu.

Đòi phen Mẹ lống u sầu,

Cũng vì tà mị dẫn đường con thương.²

Dẫu buồn lòng vì lời từ bi không kềm thúc, chuyển hóa tánh phàm của con trẻ nhưng Đúc Mẹ vẫn tin tưởng và cố gắng động viên con cái của Người như là phái nữ, bởi: tuy nữ nhi nhưng là cái chìa khóa để mở cửa đạo đức của nhưn sanh; là cái máy vận động trở tay của cha, của chồng, của con, tất cả những bậc phẩm Thiên phong để dìu mối Đạo.

(...) Theo thế đời, bậc nữ nhi là cốt yếu của đường tấn hóa, là phương hướng ngay thẳng cứu nét hưng vong. Nên cũng nhờ đó, mà hư cũng do đó.

Về đạo đức, bậc nữ nhi lại còn có một mãnh lực cao trọng hơn nữa. Nếu xét cho cùng thì nữ nhi hẳn thiệt là cái chìa khóa để mở cửa đạo đức của nhưn sanh, phương thuốc hay để cứu người đường bịnh, ngọn đèn tỏ để dìu đường. Nói tóm lại là cái máy vận động trở tay của cha, của chồng, của con, tất cả những bậc phẩm Thiên phong để dìu mối Đạo đó.

Than ôi! Người cầm máy vận động bơ thờ, không hiền lành, thiếu hạnh đức, thế nào cái máy kia không sai nẻo lạc đường, thế nào chẳng gặp điều trắc trở.

Chư hiền đồ, xin gắng gia tâm nghĩ xét bốn phận mình, học hỏi thêm mà liệu chước nào cứu bịnh cho nền Đạo.

(...) Lúc nầy là lúc cần yếu trách nhiệm khó khăn và lớn lao ấy, nếu chẳng phải nơi tay chư hiền đồ thì tưởng Nam phái chẳng có ai làm được, vì họ bị cái cường tranh lực đấu thế so tài, rồi rốt cuộc con thuyền Bát Nhã vẫn chơi vơi mà muôn ức sanh linh vẫn chẳng khỏi nơi khổ hải.³

Dù cho đàn con có mê lắm để cho tà mị dẫn

đường, nhưng Đúc Mẹ vẫn luôn đặt kỳ vọng vào con cái của Ngài, nên quyết đem chúng ta trở lại con đường hằng sống:

Ngôi trông con đặng phi thường,

Mẹ đem con đến tận đường hằng sanh.⁴

Mẹ hy sinh, nhẫn nhục để chăm sóc dạy dỗ từng chút một các con của mình rồi thật vui mừng khi thấy các con đã biết lo cho đàn em thơ dại.

“Mẹ vui được thấy các con biết lo cho chúng sanh tức là lo cho mình vậy,...phải hiểu cho rõ, nếu chúng sanh chưa ai đắc đạo thì ta phải cầu nguyện cho người đắc đạo trước ta. Nếu mình cứ mong cho cao phẩm giá, tức là trái với Thiên ý, mình phải hằng trau dồi tánh đức, lo chung cho thiên hạ, ấy là phương pháp tu tắt đó.”⁵

Tình thương bao la của bà mẹ phàm trần và tình thương vô cùng tận của bà Mẹ Thiêng Liêng – đó là hai thứ tình thương căn bản mà Tạo Hóa đã ban cho con người, như tạo cho con người vốn liếng đầu tiên để từ đó trang trải ra cho muôn người trong thế giới. Tình thương đó sẽ giúp chúng ta phát sinh trí tuệ, để chúng ta biết rằng mình không chỉ sống riêng cho bản thân, cho dân tộc, mà còn sống cho loài người.

Tình thương bao la, cao trọng đó chính là đức của Khôn: nhẫn nại, bền bỉ, nuôi dưỡng, chờ đợi cho muôn vật. Khôn là năng lượng để kết hợp với Kiên làm cho vạn vật thành hình. Kiên là “Đại tai” thì Khôn là “Chí tai,” Kiên lớn đến đâu thì Khôn lớn đến đó. Kiên sinh Khôn dưỡng, cho nên Đúc Mẹ “Không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ mẫu chẳng?”⁶

Khôn mang trọng trách của đất, cho nên Mẹ có khả năng tiếp nhận, giữ gìn và chuyển hóa tất

2. Kinh Xưng Tụng Công Đức Phật Mẫu.

3. Đúc Mẹ, Thảo Xá Hiên Cung, 15–8 Tân Mùi (26–9–1931).

4. Kinh Xưng Tụng Công Đức Phật Mẫu.

5. Đúc Mẹ dạy trong Đàn cơ tại Thảo Xá Hiên Cung, 15–8 Nhâm Ngọ (02–9–1942).

6. Đúc Mẹ, Thánh thất Bình Hòa, 15–8 Đinh Mùi (18–9–1967).

cả. Mỗi khi chúng con lao đao, mỗi khi chúng con đánh mất tự thân trong buồn tủi, trong hận thù và tuyệt vọng, chúng con phải trở về tìm nơi nương tựa nơi Mẹ để lấy lại sự bình an, để phục hồi niềm vui sống. Chúng con biết chúng con đều là con của Mẹ và dù chúng con có gây ra bao nhiêu lầm lỗi, chúng con cũng được Mẹ tha thứ, và mỗi lần trở về với Mẹ là Mẹ sẵn sàng đưa vòng tay Từ Mẫu ôm lấy chúng con vào lòng.

Mẹ có đủ sức ôm ấp và chuyển hóa, nhưng chúng con vì tham lam, vì kiêu căng, vì ngu si đã và đang dại dột nên khiến Mẹ phải nhọc lòng.

ĐƯỜNG VỀ QUÊ CŨ

Mẹ – một nơi nương tựa vô cùng vững chãi cho tất cả chúng con. Mẹ là một Tịnh độ xinh đẹp tuyệt vời, Mẹ là quê hương của chúng con mà chúng con có thể trở về trong mỗi bước chân.

Trở về Bản Nguyên là cứu cánh của vạn vật, là một hành trình hướng nội, tự tu tiến để quy nguyên trong cơ tiến hóa, là đích điểm vinh quang trên đường tiến hóa, nhưng chỉ dành cho những chủ thể đã vượt qua vô vàn thử thách, trui rèn, không bị đào thải qua vô lượng kiếp.

Nhưng tiếc thay vì dục vọng vì sự ham muốn cũng như bao chông gai thử thách đã khiến các con cái của Mẹ trôi lăn trong luân hồi sanh tử, không dễ dàng trở về quê xưa vị cũ.

Để có thể trở về bên gối Mẹ kính yêu, chúng con nguyện hứa sẽ học và hành theo Mẹ. Học theo Mẹ là học theo hạnh của đất. Học theo hạnh của đất có nghĩa là chúng con sẽ thực hành hạnh nhẫn nhục, chịu đựng, giữ lòng bình thản, sẵn lòng tha thứ, bao dung và thương yêu.

Thật vậy, trước các sự thuận nghịch trong cuộc sống, lòng chúng con phải an bình một cách tự nhiên, không bị chi phối bởi một nguyên do nào khác ngoài lòng thương yêu vô bờ bến. Càng không phải là sự bình thản vì nhu nhược, tư lợi. Như thế chúng con mới thực hành theo hạnh của đất một cách rất ráo, mới là sự nhẫn nhục đích thực. Sự nhẫn nhục của chúng con sẽ là năng lực cảm hóa và chuyển hóa được người

khác, làm cho con người không còn thù ghét, oán hận nhau nữa, mà được an vui, hạnh phúc trong cuộc sống. Hành được chữ nhẫn sẽ giúp chúng con tích tập công đức hầu tiến hóa trở lại bản nguyên, bởi nhẫn là duyên trợ Đạo tốt nhất.

Thực hành được hạnh nhẫn nhục, tâm chúng con sẽ an bình vì không còn oán hận tranh hơn, lòng từ bi trải khắp mọi chúng sanh vì không còn tâm phân biệt ta người, người và mình chỉ là một. Đó là chúng con đang thực tập theo tinh thần không phân biệt, bình đẳng của đất vậy.

Hơn thế, chúng con còn phải biết chịu thương chịu khó, hy sinh để làm điểm tựa, để nâng đỡ cho tất cả muôn loài, cho tất cả các sự vật như đất. Đất đã nâng đỡ, làm điểm tựa cho sự sống của cây cỏ, con người và các loài động vật. Không có sự nâng đỡ của đất thì sự sống trên thế gian này không thể nào tồn tại được. Học theo hạnh nâng đỡ của đất, chúng con phải cố gắng, nỗ lực để hoàn thiện bản thân mình, tự tu tự tiến, trước hết là để tiến hóa và tiếp đến là đủ sức làm chỗ dựa vật chất cũng như tinh thần cho người khác, gần gũi nhất là những người thân yêu xung quanh mình như người quân tử lấy đức dày để nâng đỡ vạn vật.

Chúng con nguyện phát tâm từ bi rộng lớn yêu thương đến muôn loài, chia sẻ công đức tu tập của mình đến tất cả chúng sanh, tiếp nhận mọi khổ đau của chúng sanh để chuyển hóa thành an vui hạnh phúc. Chúng con nguyện nâng đỡ và trao truyền kinh nghiệm cho những thế hệ tiếp nối để bước chân tiếp nối bước chân trên hành trình phổ độ nhưn sanh như lời Đức Phật dạy năm xưa:

“Này La Hầu La, con hãy học cách hành xử của đất. Dù người ta có đổ và rải lên đất những thứ tinh sạch và thơm tho như hoa hương, nước ngọt và sữa thơm, hoặc người ta có đổ lên đất những thứ hôi hám và dơ dáy như máu mủ, nước tiểu, đờm giải và phân rác thì đất cũng tiếp nhận những thứ ấy một cách rất thân nhiên, không vương mắc tự hào và cũng không oán hờn hay tủi nhục. Tại sao? Tại vì đất là địa đại, có dung tích

rộng lớn, có khả năng tiếp nhận và chuyển hóa. Nếu tâm con rộng lớn vô lượng như đất thì con cũng có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả mọi bất công và oan ức, và những thứ ấy sẽ không thể làm cho con buồn tủi và khổ đau.”⁷

Chúng con cũng học cách hành xử của nước: Tươi mát thấm nhuần các đồng hoang, mà lại không nhận rằng mình có công lao; Thế nước cuộn cuộn mênh mông, vĩnh viễn không khô kiệt, vĩnh viễn không dừng lại vì bất cứ trở ngại nào; Mạnh mẽ tiến thẳng về phía trước, mà không hề sợ hãi bởi luôn dũng cảm; Làm trong sạch vạn vật giống như một vị Thánh nhân vì lòng thiện mà đi giáo hóa; Chu đáo đến độ biết nơi nào nên đến, thì nước đều chảy đến như không quản ngại gian lao khó nhọc chỉ một lòng tận tụy phụng sự.

“Này La Hâu La, con hãy học cách hành xử của nước. Dù người ta có đổ xuống nước những chất thơm tho đẹp đẽ hoặc giặt rửa trong nước những thứ dơ bẩn và hôi hám thì cũng không phải vì thế mà nước bị vướng mắc, tự hào hoặc cảm thấy oán hờn và tủi nhục. Tại sao? Tại vì nước là thủy đại, có dung tích rộng lớn, có khả năng lưu chuyển, có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả những gì đã tiếp nhận. Nếu tâm con rộng lớn, bao la, vô lượng như nước, thì con cũng có thể tiếp nhận và chuyển hóa tất cả mọi bất công và oan ức, và những thứ ấy sẽ không thể làm cho con buồn tủi và khổ đau.”⁸

Nếu không tu tập để có được trí huệ, chí kiên nhẫn vô biên như của người mẹ đối với các con và nhất là lòng từ bi vô lượng như các vị Bồ tát thì khó lòng chúng con tránh khỏi sự thối chuyển vì muôn ngàn trở lực, thử thách.

LỜI KẾT

Cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Đời người có lúc gặp thuận duyên nhưng cũng có lắm khi

7. Kinh Phật dạy Sadi La Hâu La – Bản dịch Trung bộ Kinh II.

8. Ibid

gặp nghịch cảnh. Nhưng chúng con quyết tâm trở về với Mẹ, nguyện học theo lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, dụng công tu tập không ngừng nghỉ để xứng đáng với tấm lòng thương yêu bao la của Mẹ và Mẹ cũng có thể tin tưởng và trông cậy ở chúng con, bởi chúng con ý thức được duyên may của mình để học theo Kiền Đạo “tự cường bất tức” và “chính bền” trên các mặt tu thân, hành đạo, phổ độ nhơn sanh, luôn ý thức góp phần nhỏ bé vào sứ mạng Đại Thừa, đồng thời học theo Khôn Đạo “Khôn hậu tải vật, đức hiệp vô cương.” Học theo hạnh của đất, của nước để giữ lòng bình thản, sẵn lòng tha thứ, bao dung, nhẫn nhịn và thương yêu.

Mẹ vì con lâm trần lăn lóc.

Con vì Mẹ chí dốc tu hành,

Buổi Hạ nguơn Đạo mở ân lành,

Con hiếu tử Mẹ dành ngôi vị.

Hỡi các con nữ tài yêu quý,

Nhìn Mẹ đây chung thỉ nhớ lời,

Con lập chí hà thời phục vị,

Mấy mươi năm con ôi! Có nghĩ,

Lời Mẹ đây năn nỉ từ con.

Nhắc lòng trẻ lời nguyện đặng tròn,

*Lập chí đạo bằng son tô điểm.”*⁹■

9. Đức Mẹ, Thanh Tịnh Đoàn, 08-7 Bính Ngũ (23-8-1966).



THÁNH GIÁO

Khuyên tất cả sớm chiều tu niệm,
Khuyên cần lo kiểm điểm đạo tâm,
Rủi ra một phút lỗi lầm,
Sa chơn trái bước ngàn năm đọa đày.
Thương con giáng đàn nầy nhắc nhở,
Dặn dò con cho đỡ nhớ nhung,
Mong sao con cái tròng phùng,
Mới yên lòng mẹ Diêu cung phản hồi.

ĐỨC DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, VẠN QUỐC TỰ,

02-01 ẤT TỶ (03-02-1965).■

LÒNG TỪ MẪU VÔ CÙNG VÔ TẬN

■ ĐIỀU THUẬN

Nếu như lòng người mẹ tại cõi trần gian này được ca ngợi bao la như biển Thái Bình dạt dào, như dòng suối hiền ngọt ngào; thì tình Từ Mẫu nơi cõi thiêng liêng hằng sống lại càng to lớn và vĩ đại:

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.¹*

Tình thương của Đức Mẹ đối với con cái bao la vô cùng tận, không bút nào kể xiết. Tình thương đó không hề có sự phân chia cao thấp, sang hèn, đông tây, nam bắc... tất cả đều bình đẳng, đều là con của Mẹ. Chính vì thế mà Mẹ dạy:

“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các

con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”²

Để hiểu rõ hơn lời dạy trên của Mẹ. Ta hãy tìm hiểu xem tình thương là gì? Tại sao Mẹ lại không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương? Tại sao nơi nào có ấu nhi đau khổ, có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ? Và chúng ta phải làm thế nào để được Mẹ ngự trong tâm?

TÌNH THƯƠNG LÀ GÌ? TẠI SAO ĐỨC MẸ KHÔNG NGỰ TRÊN ĐÀI CAO HOANG VẮNG TÌNH THƯƠNG?

Con người được sinh ra trên cõi thế gian này từ sự thương yêu của Đấng Tạo Hóa. Đấng Tạo Hóa với đức háo sanh vô biên đã sinh trưởng ra muôn loài vạn vật, trưởng dưỡng, nuôi nấng, bảo tồn sự sống, cho dù đó là một sinh vật nhỏ nhoi nhất cũng đều nằm trong vòng tay che chở, dưỡng dục của Tạo Hóa.

*Tình Tạo Hóa ban đều vũ trụ,
Đức Háo sanh bao phủ Càn Khôn,*

1. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

2. Ibid.

*Chuyển luân nhật nguyệt vong tồn,
Cỏ cây như vật vô cùng hóa sanh.*³

Tình thương chính là nhân, là gốc của con người. Nói đến tình thương là nói đến một cái gì thiêng liêng cao quý, mà con người ai ai cũng mong muốn có được. Tình thương chính là sự sống, là niềm hạnh phúc của con người tại thế gian. Ai ai trong thế gian này cũng đều muốn được sống trong sự thương yêu che chở, bảo bọc của cha mẹ, nhất là mẹ. Vì mẹ tượng trưng cho sự nhu thuận, cho đức Khôn, cho sự thương yêu, che chở. Tình thương của mẹ đối với con cái vô cùng bao la, rộng lớn. Chúng ta thử nhìn xem người mẹ nơi cõi phàm trần này sau chín tháng cưu mang đứa con mình, khi con chào đời cũng là lúc mà người mẹ ngập tràn sự thương yêu, vui mừng khôn xiết; nhưng mừng vui chưa hết thì lòng mẹ lại lo lắng đủ điều, lại phải chăm sóc, nuôi nấng đứa con vô cùng khổ cực. Nào là mẹ dành nơi khô ráo cho con nằm; mớm cơm vú sữa cho con; và khi con đau yếu lòng mẹ không yên. Khi con biết đi, biết chạy thì mẹ lại luôn lo lắng, sợ con bị té ngã đau. Lớn lên, mẹ mong cho con được thành tài, sống có ích cho quốc gia, xã hội. Khi con nên thì mẹ biết bao vui mừng, khi con hư thì lòng mẹ quặn thắt, đau khổ trăm bề.

Còn người Mẹ nơi cõi vô hình khi cho con mình xuống thế, hằng ngày luống mong con trở về đoàn viên cùng Mẹ nơi cung Diêu Điện. Nhưng hồi ôi, các con mình cứ mãi mê nơi chốn hồng trần, quên mất đường về, bỏ Mẹ già phải tựa cửa trông chờ đàn con thơ nơi cõi thế. Đức Mẹ đã đổ lệ than khóc trông chờ đàn con thơ:

*Từ Mẫu xem qua bắt động lòng,
Tình thương vô tận, đứng, ngồi, trông,
Sớm chiều tựa cửa chờ tin nhận,
Ngày tháng nương hiên đợi bóng hồng.
Lắm lúc ngậm ngùi bấy trẻ dại,
Đòi phen nhắc nhở đám con Rông,
Mẹ già thốn thức nào an dạ,*

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

*Đổ lệ vì đâu vắng ẵm bông.
Ấm bông nhớ bấy con vắng dạng,
Ngồi, đứng, trông tin nhận mỗi mòn,
Sớm chiều tựa cửa trông con,
Chẳng hay con trẻ vương tròn phận chưa?
Buồn than thờ khi trưa lúc tối,
Quặn chín chiều ruột rối vô tơ,
Công danh lòng trẻ đợi chờ,
E khi mển tục hững hờ nhà Huyền.
Nay Chí Tôn rộng quyền ân xá,
Chắc phen này Mẹ đã gặp con,
Bỏ hồi cách trở nước non,
Bao nhiêu miếng ngọt miếng ngon để dành.*⁴

Lòng mẹ lúc nào cũng thương yêu con cái, cho dù con mình có nên hay hư thì mẹ lúc nào cũng dang rộng cánh tay ấm áp ra để chờ che, bảo vệ. Chúng ta thử hình dung trong một gia đình khi các con luôn yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thì dù cho trong nhà chỉ có rau dưa đạm bạc nhưng lòng mẹ cũng cảm thấy ấm áp, hạnh phúc. Ngược lại, cho dù gia đình giàu có, nhà có đầy đủ cao lương mỹ vị, hằng ngày được sống trong cảnh nhung lụa, nhưng trong nhà anh em lại không biết yêu thương nhau thì lòng cha mẹ nào có cảm thấy vui sướng chi đâu.

Còn trong cửa Đạo, nếu chúng ta xây dựng ngôi Diêu Trì Bửu Điện cho Mẹ vô cùng rực rỡ, uy nghiêm, mà nơi đó nhân sanh còn nhiều khổ sở, chưa giác ngộ tu hành; Thánh thất, Thánh tịnh, Cơ quan Đạo còn bất hòa, chia rẽ, thù nghịch, ty hiềm lẫn nhau thì lòng Mẹ nào có vui đâu. Chính vì thế, Mẹ thường đem lời khuyên nhủ, dạy bảo con cái mình phải biết yêu thương nhau, khoan dung, tha thứ những lỗi lầm cho nhau. Đó chính là món quà quý giá dâng lên cho Mẹ. Mẹ dạy:

“Hỡi các con! Học đạo, hành đạo, các con hãy ý thức điều này: Mẹ là sự sống và trong sự chết. Ở đâu có sống có chết là có Mẹ. Mẹ không khởi điểm và không tận cùng; không hẳn ở đâu có Thánh thể của Thầy là phải có cung vàng của Mẹ.(...)”

4. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, 01-01 Bính Tý (1938).

Con ôi! Mẹ vẫn biết các con càng khổ lụy lại càng nhớ đến Mẹ. Có thể ví Mẹ như Từ Mẫu hằng ngày gần gũi bên con, chắt chiu nâng đỡ, an ủi, dỗ dành lòng con, Mẹ đã bù lại bằng ân huệ vô biên khi các con nên người và hiểu đạo.”⁵

Chỉ có sự thương yêu, đoàn kết đó mới là cung vàng cho Mẹ ngự, cho dù nơi đó chỉ là chòi tranh vách lá nhưng lúc nào cũng được ấm áp tình Mẹ chở che. Ngược lại, nơi đó dù cho là đài cao rực rỡ, sáng chói uy nghi mà thiếu vắng tình thương, thiếu sự hòa hiệp, thì sẽ không bao giờ được Mẹ ngự.

Ở ĐÂU CÓ ẤU NHI ĐAU KHỔ LÀ CÓ MẸ. Ở ĐÂU CÓ LIỄU BỒ BÁT HẠNH LÀ CÓ MẸ.

Ấu nhi là những đứa con còn bé bỏng, cần được sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Thế nên, những đứa con trong gia đình phải chịu sự thiệt thòi về mặt thể xác, hay bị đau khổ về mặt tinh thần thì luôn được mẹ ưu ái quan tâm chăm sóc hơn những trẻ bình thường. Đức Mẹ tượng trưng cho tình thương bao la của ngôi Vô Cực, Mẹ không nắm quyền sanh phạt, mà ngược lại Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn tất cả đều là Mẹ. Tình thương của Mẹ bao la như tình thương của người mẹ hiền nơi trần thế đang vỗ về, che chở các con cái của mình:

“Các con nghe lời dạy, các con thử tưởng tượng một bà mẹ hiền đang đứng trước các con để che chở, vỗ về các con trong khi bị áp lực của thường tình, hoặc nhỏ hay lớn, hoặc ít hay nhiều để mát mẻ dịu dàng và xóa hết những điều ấy hay trừ hẳn đi, tự khắc con sẽ được một tình thương không bờ bến, và các con không còn thấy thế gian là miếng đất phiền não nữa, mà con phải nhận nhiệm vụ nhân sanh trong nhân sanh, một tiểu linh quang trong đại linh quang; chừng đó các con sẽ thấy các Đấng Chơn Sư hằng đến với các con và các con không

5. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

còn xa Thượng Đế Chí Tôn hay tình thương vô cực nữa.”⁶

Lòng Từ Mẫu luôn hướng đến những ấu nhi đau khổ, những đứa con khờ dại, còn đang chìm đắm trong chốn hồng trần, phải chịu nhiều thiệt thòi, đau khổ. Mẹ hằng để lời tâm sự và khuyên nhủ các con:

“Ôi! Mẹ nhìn đến các con không khỏi ngậm ngùi thương thay số kiếp tàn linh đang đắm chìm trong mọi bề khổ sở của trần gian mà con Mẹ cùng trong cảnh ấy. Nhưng các con còn được yên lành bên gối Mẹ để nghe lời giáo huấn, để giúp đạo cứu đời, tu công lập vị, hầu tìm một tương lai huy hoàng vững chắc, rồi các con có nhìn lại bao nhiêu nhân loại còn đang mơ giấc vinh quang, mơ vòng trần lụy để thương hại hay chăng?”⁷

Hướng đến những ấu nhi đau khổ Mẹ dạy chúng ta- những người đang có diễm phúc sống trong tình yêu thương của Mẹ hãy ý thức điều đó để vươn mình lên cứu độ nhân sanh.

“Giờ này các con được nghe lời Mẹ dạy, các con có nghĩ rằng cũng trong giờ này, bao nhiêu linh hồn đang chìm đắm trong chiến họa thiên tai, đang chịu luật đào thải, đang lẫn lộn trong mọi cảnh hỗn độn của thế gian, mong tìm một lời an ủi, một tiếng dịu hiền, một sự nâng đỡ, dầu đáng tin cậy hay không đáng cũng vẫn mong. Các con được hạnh phúc. Cái hạnh phúc đã giúp các con rất nhiều trong cuộc sống còn của các con, thì các con cần nên ý thức để vươn mình lên chỗ sáng suốt, khoát bức vô minh, hưởng bầu không khí thiên nhiên để lập định căn nguyên chân tánh cho đến ngày về cùng Thượng Đế Chí Tôn.”⁸

Trong đàn con của mình, đặc biệt Mẹ quan tâm chăm sóc đến nữ phái nhiều hơn hết. Vì nữ

6. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

7. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

8. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

phái vốn phải chịu nhiều thiệt thòi, thua kém so với nam giới. Nữ phái vốn là phái yếu, dễ mềm lòng trước những cám dỗ của dục vọng, tà thần. Vì thế, Mẹ nhủ khuyên nữ phái:

“Con ôi! Phụ nữ đời gọi rằng phái yếu, nhất là nhẹ dạ non lòng, nghe đây nghe đó, rồi không định được bốn phận tu hành, để lỗi đạo với gia đình, lỗi niềm cốt nhục, thì sự tu đâu đủ bù sót lại lỗi kia. Mẹ khuyên các con, duyên nghiệp đã đưa vào cảnh nào phải cam lòng trong cảnh ấy, và học gương Diệu Thiện, Lưu Hương để cảm hóa gia đình cùng chung trong đường đạo đức, đứng đi minh bạch, hành sự đoan trang, tu học phải lối, trúng đường, đó là các con biết tìm về với Mẹ. Con ôi!

Nhớ đến nữ lưu Mẹ khổ lòng
Nặng nề duyên nghiệp chốn trần hồng
Ráng tu đã có huyền linh Mẹ
Định tánh đừng mơ nẻo bắc đông.”⁹
Và Mẹ cũng dạy:

“Con ôi! Hiện tình cơ đạo còn đang phân vân bất nhất, mà các con chưa thắng được mị quyền. Vì thế mà Mẹ rất thương các con phái nữ, chúng nó có một tâm hồn yếu ớt và một hình vóc liễu bô. Lúc thiếu thời thì ít giác ngộ tu thân, đến lúc mỗi gánh oằn vai lại tìm về với Mẹ. Có đứa sớm phát tâm mộ đạo, chẳng thích việc hồng trần, tránh xa điều khổ lụy, rất đáng ngợi khen.

Mẹ rất thương là thương các con trong thời biến chuyển, tiếc là tiếc các con thiếu dạ can trường, nên trong việc tu học lại lười biếng, chỉ quen tánh vui đâu chúc đó, còn đứa giỏi giảo siêng năng, vừa vượt bực lại tự kiêu tự ái. Nhưng bịnh sanh thì tinh thần phải mờ ám, thần quyền mới thừa cơ chế ngự, mưu chước sắp bày, chỉ trích, tặng phong, nhóm này nhóm nọ. Dầu chưa đến nỗi hờn giận rẽ chia, nhưng mỗi đứa đều tách một lối riêng, phải hay không vẫn tưởng mình là cao siêu bí pháp. Nhưng con ôi! Đâu ngờ kẻ trộm đêm tối mới trộm đồ vật,

quý ma cũng thừa lúc người đam mê dục vọng mới vẽ trò tà mị.”¹⁰

Cuối cùng Mẹ dạy: “Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”

NỮ PHÁI PHẢI LÀM GÌ ĐỂ ĐƯỢC ĐỨC MẸ NGỰ NƠI TÂM?

Trong các con của Mẹ không phải ai cũng khôn ngoan, giác ngộ, mà bên cạnh đó cũng có người dốt nát, đại khờ; nhưng cho dù là người khôn ngoan tài trí, hay ngu dại thì tất cả đều vẫn ở trong tình thương Vô cực của Mẹ. Để luôn được Mẹ ngự nơi tâm chúng ta phải biết giữ cái vốn tư hữu do Thượng Đế phát ban. Mẹ dạy:

“Hỡi các con! Rừng có cây cao cây thấp, con có đứa dở đứa hay, đời có kẻ ngu người trí, đều bởi tâm thức cấu sanh, nhưng vẫn ở trong tình thương Vô cực. Nếu các con còn giữ được cái vốn tư hữu của Thượng Đế phát ban thì con sẽ thấy tình thương vô cực cùng tình Tạo Hóa có ở lòng con, và lòng mọi người là lòng con, cao thấp sang hèn ngu trí đều không bị phũ phàng ngăn ngại, mà tính chất từ bi bác ái sẽ chan hòa khắp cả. Chừng đó, mọi phiền trước tham, sân, si, dục, ái, ố, hỷ, nộ sẽ giảm tiêu, các con sẽ thấy thanh thoát mà thấu nhiếp sanh khí nhiệm mầu của trời đất mà làm sức mạnh vô biên trong trách nhiệm phò độ nhưn sanh.

Các con là Đạo tài thành trong bản chất thanh tịnh nên rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa, vì trước chất còn ẩn khuất nơi đức nhu, nên giác ngộ sớm mà cũng hay lạc lầm thiên chất. Vì thế nên:

(...) Mẹ dụng tiếng không lời với trẻ,
Con tìm ra hiểu lẽ tương quan,
Tình thương Vô cực không ngăn,
Dưỡng nuôi ấp ủ linh căn đời đời.
Bản chất tịnh từ nơi Vô cực,
Đức chính bền động lực hóa sanh,

9. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Ngọc Minh Đài, 15-3. Bình Ngũ (05-4-1966).

10. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 15-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

*Con ôi nội tướng tài thành,
Cho nên phận gái Mẹ dành hồng ân.*¹¹

Cái vốn tư hữu mà Mẹ muốn nhắc đến chính là tình thương, là đức Nhân nơi con người. Con người phải tìm về nguồn cội của mình, phải khơi dậy lòng Nhân, vì chỉ có tình thương mới xóa bỏ mọi oán thù, ngăn cách; mới đem lại hòa bình, an vui hạnh phúc cho con người. Và cũng chính tình thương mới là chìa khóa để mở cửa Bạch Ngọc Kinh tìm về bên Mẹ, để Mẹ luôn luôn ngự trong tâm mình.

Thực hiện sự thương yêu, nữ phái chúng ta phải xóa bỏ mọi tỵ hiềm, ganh ghét, đố kỵ; phải hòa hiệp cùng nhau để xứng đáng với danh từ Nữ Chung Hòa mà Đức Mẹ đã ban trao, gởi gắm cho đoàn nữ phái và để khơi dậy nguồn suối yêu thương mát mẻ, đem tình thương của Mẹ đến với nhân sanh đang còn đau khổ, để những ấu nhi đau khổ, những liễu bồ bất hạnh cũng đều được sống trong tình yêu thương bao la của Đức Mẹ Từ Tôn. Mẹ dạy:

*“Từ đây về sau, các con nữ phái hãy bảo với nhau làm sống dậy tinh thần đạo đức, đem lý trí phục vụ lương tri, để vun trồng hạnh phúc chung cho con và nhơn loại. Các con không nên dừng bước trên đường hành đạo trong khi mọi người đang đau khổ, mà cũng chớ nên đi hẳn trên đường vật chất, đem ủy mị làm cho nhứt chỉ râu mày. Các con hãy xây dựng lại “Nữ Chung Hòa” để đào sâu giếng giữa bãi sa mạc, để biến thành đầm ruộng phì nhiêu, và hãy gieo lên hạt giống lành cho mai hậu.”*¹²

Chung quanh chúng ta còn biết bao nhiêu cảnh thống khổ thê lương, bao mảnh đời bất hạnh rất cần bàn tay nữ phái đến để an ủi, vỗ về. Đức Mẹ dạy:

“Cuộc đời sanh chúng đang đau khổ về tâm, thân nhiều lắm rồi đó con, tưởng Mẹ chẳng phải nhắc lại làm chi. Các con là hiện thân của Mẹ,

11. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–12 Quý Sửu (07–01–1974).

12. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15–8 Đinh Mùi (18–9–1967).

dù lớn dù nhỏ, dù ở đây hay ở đâu, dù đoàn thể này hay đoàn thể khác đi nữa, chỉ với mục đích là đem tình thương Vô–Cực gắn liền mọi đồ võ tâm hỗn cho sanh chúng lân nhân.

Trong lúc đó, tự các con là bản chất thuần thành của keo sơn, tình thương Đại–Đạo rồi, còn nói chi đến những phân hóa nội tình, phải không các trẻ? Ấy là Mẹ muốn cho các con thực tế hơn để không phải cứ ăn bánh vẽ mãi mà phát chán, để khỏi phải nhìn tay mà ngỡ rằng trắng, khỏi phải thấy những ước lệ quy điều mà ngỡ mình đang đạt Đạo.

“Khó lắm các con ơi! nhưng đừng vì cái khó đó mà lơ lửng nản chí. Những gì người xưa làm nên cho thiên hạ được nhờ qua công trình to lớn về tinh thần, thì nay lẽ nào các con chẳng làm được như họ hoặc hơn họ sao?

Mẹ tưởng hiện nay các con có đủ phương tiện để hành đạo độ đời, truyền bá tình thương của Mẹ cho đại chúng hơn ngày xưa, nhưng chỉ còn trở ngại bởi nhân tâm điên đảo, mà chính tâm của các con cũng điên đảo nữa mà thôi!

Vấn đề đặt ra không phải là đặt trên phương diện luận bàn qua năm này tháng nọ, nhưng vấn đề chánh yếu là các con hãy bắt tay vào việc với tất cả chân tình, tất cả tâm huyết mà làm, mà hợp tác cùng nhau trong tiết nhịp quy nguyên đạo lý. Chừng đó các con sẽ thành tựu, sự thành tựu rất tự nhiên không mong cầu, không ao ước.

(...) Con ôi!

*Vì tham vọng đảo điên thiên hạ,
Vì hình danh làm chóa mắt người,
Đêm trường hố thăm chơi với,
Con cảm đước tuệ tỏ ngời đừng lu.
Những biển nạn phù du tới tấp,
Kết đoàn nhau dựng lập quả công,
Cho qua bao cuộc gió đông,
Tình thương là sức đại đồng vững an.
Thương cho trẻ gian nan lắm nỗi,
Thương cho đời đen tối bao phen,
Trao cho giữ một ngọn đèn,
Ngọn đèn bác ái khêu lên cõi trần.*

Hãy tự mình tiến thân đạo đức,
Hãy nấu nung tâm thức quân bình,
Cứu đời cho hết nghiêng chình,
Bằng câu hòa thuận bằng tình thiêng liêng.
Hồi nữ phái mỗi giềng con nắm,
Đừng buông lơ phải đảm bể trần,
Muôn vàn chỉ một tinh thần,
Nơi Trời nơi Đạo tâm dân phước hồng.
Nữ Chung Hòa hòa đồng nhứt thể,
Có hòa rồi tát bể cũng với,
Muốn am sứ mạng cứu đời,
Lòng con phải tựa lòng Trời mới nên.”¹³

KẾT LUẬN

Mùa Thu là mùa gặt hái những thành tựu mà mình đã tu học để làm lễ phẩm dâng lên Đức Mẹ, thể hiện lòng hiếu đạo đối với Đức Từ Mẫu, để Mẹ luôn ngự nơi tâm chúng ta. Lễ phẩm đó chính là sự sẻ chia tình thương Vô Cực của Mẹ đến cho mọi người, và cần phải luôn ý thức rằng Đức Mẹ không bao giờ ngự nơi đài cao rực rỡ vẻ vàng son mà nơi đó nhân sanh còn đang đau khổ, các con của Mẹ còn đang chia rẽ, thiếu sự thương yêu hòa hiệp.

Cầu xin Mẹ ban cho chúng con sức mạnh để xóa bỏ mọi tỵ hiềm, tật đố, ganh ghét lẫn nhau; xin cho chúng con được yêu như Mẹ, được thương như Mẹ. Chúng con nguyện noi theo tình thương của Mẹ để đem tình thương đó ban rải cho tất cả mọi người để tất cả cùng được ấm áp cõi lòng trong vòng tay thương yêu của Mẹ và để Mẹ già khỏi đau lòng vì con thơ không về cùng Mẹ.

Trước khi kết thúc, xin mượn đôi lời dạy dỗ của Mẹ để nhắc nhở chúng ta hãy cùng nhau siết chặt tay, yêu thương, hòa hiệp cùng nhau tức là làm tròn hiếu đạo cho vui lòng Mẹ già đang chờ đợi ngóng trông.

(...) “Lành thay! Lành thay! Ngày nay Mẹ rất hân hạnh vui mừng thấy các con níu nhau hỏi

về với Mẹ, chạnh nhớ nỗi niềm từ lúc nọ, nung lò bảo sanh, đùm bọc các con cho đến nay đã sáu triệu niên dư, có lúc Mẹ chi tiết nỗi mừng, Mẹ tưởng nhớ rằng các con thân mến đã dắt nhau hỏi về với Mẹ.

Nào hay đâu Mẹ mắc mưu với đàn con. Mẹ hồi tưởng khi các con vắng Mẹ trông giỡn trước ao sen, gió thổi lất lờ cành sen nghiêng qua lắt lại. Ôi! Đau thâm cho già chống gậy ngóng trông, mà các con đành lia Mẹ, xa khơi nơi lòng trần thế tục mà quên cả cội căn.

Nay nhờ Đại Đạo hoằng khai ân xá, nên chi Mẹ mới tầm dạng các con. Vậy các con hãy hiểu rằng: Trong kiếp chót cuối cùng này mà lo tu niệm, bồi công lập đức, hầu có trở về với Mẹ.

(...)

Nơi Diêu Điện, lưỡng ban châu chực,
Nhớ đến con bút rút lòng Già,
Gậy nâng chẳng quản đường xa,
Gậy châm mây bạc đưa Già đến đây.
Nơi đàn nội sum vầy đông đủ,
Nhìn các con ủ rũ tấm lòng,
Thương con khổ não chập chông,
Đau lòng Mẹ xuống quyết bổng con lên.
Con ôi! Khá tâm bền sức gắng,
Những lời vàng Mẹ dặn ngày xưa,
Khiêm cung, nhẫn nại, lọc lừa,
Giúp đời nào nại sớm trưa tháng ngày.

(...)

Mẹ khuyên em chị chớ lìa,
Học gương Diệu Thiện danh bia lưu truyền.
Mẹ dành để đào tiên cho trẻ,
Rượu bỏ đào tay lẹ con nâng,
Mây vàng sẵn chực bên chân,
Đưa đường tiên cảnh, chín từng hồi
nguyên.”¹⁴■

TU LIỆU THAM KHẢO

1. Lòng Từ Mẫu (1965–1969), Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.
2. Thánh Giáo Dạy Đạo của Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thiên Lý Bửu Tòa.■

13. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Nam Thành Thánh Thất, 25–5 nhuận Tân Hợi (17–7–1971).

14. Đức Diêu Trì Kim Mẫu giảng cơ năm Đinh Sửu (1937).

Lòng từ mẫu

■ TRÚC THẢO



Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận. Tình thương của Mẹ không lĩnh vực, không biên cương, đâu đâu cũng có bàn tay của Mẹ chăm nom, săn sóc. Thế nhưng, trong một lần dạy đạo, Mẹ đã cho hay không phải nơi nào Mẹ cũng ngự đến, Mẹ dạy:

“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương mặc dầu nó đầy đủ về vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bồ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”¹

1. TẠI SAO ĐỨC MẸ KHÔNG NGỰ TRÊN ĐÀI CAO HOANG VẮNG TÌNH THƯƠNG, MẶC DẦU NÓ ĐẦY ĐỦ VỀ VÀNG SON RỰC RỠ?

Đài cao chỉ nơi thờ phượng nguy nga tráng lệ. “Mẹ không ngự trên đài cao” ý nói Đức Mẹ không chỉ chứng lòng thành của con cái thế gian nơi sự thờ phượng nghiêm trang và trịnh trọng, mặc dù Mẹ đã ghi nhận tấm lòng kính

thành của nhân sanh khi xây cất những ngôi Điện thờ Phật Mẫu to lớn. Mẹ đã dạy rõ:

“Các con đã chung tâm hiệp sức, kẻ có của, đứa có công, đã xây cất nên hình thể trụ tượng, để tượng trưng lòng kính thành ngưỡng mộ đối với Mẹ. Đó là về mặt tinh thần của các con. Còn về phần công quả hành đạo đối với ngôi Điều Trì Bửu Điện, cần phải có một tác dụng gì đáng kể để cứu thế độ dân. Nếu không phải nhằm vào tác dụng ấy thì không thể hiện đúng lòng đại từ đại bi của Đức Mẹ Điều Trì nơi Cung Vô Cực.

Các con thử nghĩ lại: một bà mẹ phàm trần nhục thể có khi nào bằng lòng nhìn thấy sự hy sinh đời rét dốt nát tội lỗi để tạo phần vật chất xây dựng lầu đài cho mình an hưởng đâu con?”²

Như vậy, hình thể bên ngoài là để tượng trưng tấm lòng cung kính, còn cứu thế độ đời mới là tinh thần ngưỡng mộ lòng đại từ đại bi của Đức Mẹ trong tâm thành của nhân sanh.

Mẹ lại căn dặn rằng: *“Nhưng hỡi con! Nơi*

1. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

2. Ibid.

đâu có Thánh Thể của Thầy là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh Thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi. Nên từ đây về sau, các con đừng có ý tạo ngôi Điều Trì Bửu Điện song hành với ngôi Thánh Thể là sai lý đạo nghe con. Những nơi nào đã có rồi, hay thay vì lòng tưởng niệm, các con được phép tượng trưng và hãy dùng nó làm nơi cứu khổ cho nhơn loại chúng sanh.”³

Vì vậy, “Mẹ không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương,” dù chúng ta có xây dựng những ngôi điện thờ nguy nga lộng lẫy mà không thể hiện tình thương yêu lẫn nhau bằng hành động cụ thể, không thực hiện việc cứu độ nhân sanh thì việc xây cất ngôi điện thờ ấy cũng không có ý nghĩa gì, Đức Mẹ cũng sẽ không ngự đến, không chứng việc làm sai đạo lý ấy. Tình thương của Mẹ là vô cùng tận:

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường
Không lãnh vực, không biên cương
Bao trùm vũ trụ, tình thương vạn loài.⁴*

Tình thương này là tình thương chân thật, tình thương vì đạo nghĩa, vì nhân sanh chứ không phải là tình thương vị kỷ hẹp hòi.

Trong một lần khác Mẹ đã dạy rõ về tình thương không phân biệt như sau:

“Mẹ là Mẹ linh hồn tất cả vạn linh sanh chúng, không riêng của một thế giới quốc gia nào, không riêng tổ chức này hay tổ chức kia, cũng không riêng tôn giáo này hay tôn giáo khác, mà cũng chẳng phải riêng cho con. Vì thế nên Mẹ không đặt các con vào phạm vi hạn hẹp. Mẹ bảo tồn con trong khung trời bao la thanh thoát để các con khỏi bị vướng víu phiền não chướng ngại hầu thực hiện lòng nhân để gieo rắc tình thương Vô Cực cho thế gian này, cho con cái của Mẹ sớm được an lạc tu hành, trở về quê xưa vị cũ.”⁵

3. Ibid.

4. Ibid.

5. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Canh Tuất (14-9-1970).

Có nhiều thứ tình thương, từ tình yêu thương vị kỷ cá nhân cho đến tình yêu thương đại đồng nhân loại. Đức Quan Âm dạy phải phân biệt tình thương đúng đạo lý như sau:

“Biết thương cho sở thích nhất thời, biết thương cho thị dục cá tính, biết thương cho từng giai đoạn một. Chung quy lại là thương cho ma quỷ, làm nô lệ cho dục vọng, ích kỷ hại nhân.

(...)

Nếu thương thân mình, thương gia thê tôn tử, dung lượng tình thương đó như dung lượng nước ở chậu chơn trâu. Còn tình thương quốc gia dân tộc, dung lượng bằng dung lượng vũng nước ao hồ; còn tình thương nhân loại như nước chơn đại dương. Xét lại mà coi: nếu nước ở chậu chơn trâu thì có giới hạn, nhiều chậu chơn trâu có nhiều giới hạn. Có những khoảng cách ngăn, chậu thì nước trong, chậu thì nước đục. Vì chỗ trong đục, đục trong, sanh ra quấy phải. Vì chỗ quấy phải, sanh ra cạnh tranh. Chính chỗ cạnh tranh là mầm xáo trộn trong nhân loại. Ở gia đình thì vợ chồng, anh em cãi vã, đánh đập xài xể thân xác, đến cùng chòm xóm cạnh tranh đến chỗ hạ thủ bất nhượng. Giữa tỉnh này cùng tỉnh khác, cạnh tranh đua đến chỗ giặc chòm. Giữa quốc gia này cùng quốc gia khác, thì vì cạnh tranh ắt đưa đến chỗ tàn sát không gớm tay! Từ đó là mầm lòi cuốn thế giới vào cuộc nguy vong. Chính vì chỗ thiếu tình thương, hoặc tình thương nhỏ hẹp, tuy khinh thường, nhưng nó là mầm non, cội rễ phát sinh ra đại cuộc. Vì lòng là tâm. Tâm người xa cách nguyên thủy, căn bản, tức là xa Thượng Đế. Xa Thượng Đế là xa tình thương. Mà hễ loài người thiếu tình thương, ôi thôi, hậu quả vô cùng vô tận!”⁶

Không có tình thương thì ôi thôi, hậu quả vô cùng vô tận. Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã kêu gọi:

“Kêu gọi nhau hãy tìm lại tình thương mới đưa đến cơ bảo tồn nhân loại. Ngược lại, mất tình

6. Huồn Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (13-6-1965).

*thường sẽ đưa đến cơ tận diệt mà các em đang đứng bên bờ vực thẳm.*⁷

Mẹ không ngự nơi thiếu tình thương, hoặc nhiều dục vọng, ích kỷ cá nhân.

*“Các con ôi! Mọi sự ở thế gian phát khởi đều do nhân dục. Hễ có nhân dục lại đồng chung với bản ngã. Hễ có bản ngã thì ắt có tư tâm, ích kỷ, tự ái, tự tôn...”*⁸

Tình thương phát xuất nơi tâm. Nếu tâm bị che mờ bởi những lớp bụi trần của thất tình lục dục thì không thể phát sanh tâm từ huệ, không thể tìm thấy tâm thiên địa được. Đức Quan Âm dạy:

*“Chữ Tâm, nếu để tự nhiên, giống như thuở sơ sinh, tâm hồn chất phác, tâm như minh cảnh đài, thông công tam thập lục thiên, tam thiên thế giới. Nhưng thường vì, khi vào đời trần cấu, gặp những ngoại cảnh cuốn lôi, làm cho tâm phai mờ dưới những lớp bụi trần: hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ó, dục, cu.”*⁹

Tâm bị bao phủ nhiều lớp vô minh nên Đức Mẹ không ngự được và con người này cũng không nhận được tình Mẹ bao la chan rười.

Tình thương là gì? Tình thương là lòng nhân ái, là đức nhân, là Thượng Đế tính, là Trời, là Đạo, là mầm sống của con người. Đức Mẹ dạy:

*Cõi Hậu Thiên thân sanh vào đó
Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân
Là mầm sống, là nguơn thân
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.*¹⁰

Tình thương không phải là lý thuyết có thể truyền giảng, mà đó là lĩnh vực thực hành, qua đối nhân xử thế từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

2. Ở ĐÂU CÓ ẤU NHI ĐAU KHỔ LÀ CÓ MẸ. Ở ĐÂU CÓ LIỄU BỒ BẤT HẠNH LÀ CÓ MẸ.

Ấu nhi: con cái của Đức Mẹ nơi trần gian. Liễu bồ: nữ phái.

7. Nam Thành Thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

8. Đức Mẹ, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

9. Hườn Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (13-6-1965).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

Mẹ đến nơi nhân sanh đang đau khổ vì thiên tai, chiến họa, bệnh tật, đói rét, tang thương, chết chóc... Mẹ cũng đến nơi nhân sanh đang đau khổ vì thiếu sự quan tâm và chăm sóc như những trẻ mồ côi, những người già yếu không nơi nương tựa, nơi con cái của Mẹ còn đang cô đơn, không có niềm tin và chỗ dựa tinh thần trong cuộc sống, những người còn chưa giác ngộ. Ấu nhi của Mẹ là tất cả con cái trần gian, không phân biệt quốc gia, dân tộc, tôn giáo, tầng lớp xã hội; cũng không phân biệt nam nữ, lão ấu, người tốt hay chưa tốt.

Đức Mẹ đã dạy:

*Tình Mẫu Tử sâu như biển cả,
Kiếp tàn linh đày đọa trần gian,
Mẹ nhìn dòng lệ ngập tràn,
Biết làm sao được cứu an muôn loài.*¹¹

Đức Mẹ luôn nhớ đến đàn con đau khổ nơi trần gian nhất là trong giờ Hội Yến Bàn Đào Rằm tháng 8 hằng năm.

Đức Mẹ dạy: *“Mẹ đến với các con không phải chỉ để vui hưởng những lễ vật trang trọng mà các con ưu tư dành dụm để sắm sanh, cũng không phải để cùng các con hứng cảnh xem mây trong gió mát trăng thanh với linh đình lễ vật, Cũng không phải đến với các con trong Bửu Điện nguy nga sơn son phết vàng, đèn hương sáng lòa nghi ngút, trong lúc mà đồng bào các con có nhiều đứa còn điêu linh khổ sở, có nhiều đứa còn quên đạo quên nguồn gốc, đang chạy theo những thị dục sở tế, tranh giành với nhau vì miếng ăn đất ở, vì chỗ đứng nơi ngôi, vì tiếng hơn lời thiệt, vì cách đối xử chẳng ngó được ngay.*

Mùa Thu này Mẹ đến với các con trong tình thương trù mến, trong giáo dục đạo đức, trong cảnh tỉnh mê tâm, để nhắc nhở giác ngộ các con trong cảnh chia ly, để hợp đoàn cùng nhau tu học, diu dắt trở lại dưới chân Thầy, Chí Tôn Thượng

11. Vạn Quốc Tự (Chơn Lý Đàn), 02-01 Ất Tỵ (03-02-1965).

Phụ. Đó là điểm chánh mà Mẹ đã và đang đến với các con trong giờ này.”¹²

Hoặc những giờ giao thừa đón mừng xuân mới: “Mỗi lần xuân đến là mỗi lần niềm hy vọng của Mẹ trông vào các con, vào vai tuồng hành hóa của các con nơi trần gian ảo ảnh. Các con cứ vui hưởng những ngày xuân còn lại đi, để rồi tiếp tục hướng về chân Mẹ, và nhớ là trong lúc các con hỉ hạ với trời xuân, thì ở những nơi nào đó, ở những thế giới nào đó đang có những người, những loài không hưởng được mùa xuân ngoài sự đau khổ dày vò.”¹³

Dù tình thương của Mẹ ban đều cho mọi người, không phân biệt, nhưng đối với nữ phái, Mẹ luôn có sự quan tâm đặc biệt. “Ở đâu có liễu bồ bất hạnh là có Mẹ.” Vì sao với nữ phái Mẹ dành riêng những tình cảm đặc biệt như thế?

Đã có lần Mẹ đưa ra lời giải thích như sau: “Các con là Đạo tài thành trong bản chất thanh tịnh nên rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa, vì trước chất còn ẩn khuất nơi đức nhu, nên giác ngộ sớm và cũng hay lạc lầm thiên chấp.”¹⁴

Như vậy, Mẹ đặc biệt quan tâm vì nữ phái rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa. Hơn nữa, nữ phái vốn có một kho báu tiềm tàng trong tâm, đó là đạo đức, là tình thương, là lẽ hằng sống.

Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy:

“Các em, danh từ ba tiếng Nữ Chung Hòa, một danh từ trong các danh từ, trong những đoàn thể phụ nữ trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà Đức Từ Mẫu đã dành cho các em là giúp cho các em có phương tiện khai thác một kho tàng quý giá vô cùng [...]

Kho tàng mà chị vừa nói, không phải là kho tàng chứa kim cương, bảo ngọc, xà cừ, xích châu, mã não, san hô, hổ phách hữu hình...

Kho tàng ấy là một kho tàng vô vi, đã chứa bửu ngọc vô vi quý giá vô cùng. Bửu ngọc đó đã

ngắm ngăm chan hòa trong vạn vật tự nghìn xưa chỉ những nghìn sau, chính nhờ bửu ngọc đó mà nơi rừng sâu thú dữ tuy ăn thịt người, vẫn có tình mẫu tử, nơi biển sâu loài kinh ngư vẫn có tình thương bảo tồn con cái.

Kho tàng ấy là đạo đức, là tình thương, là lẽ hằng sống.”¹⁵

Nhắc đến nữ phái là phải nhắc đến đức hy sinh, đến tình yêu thương đùm bọc của một người mẹ, một người vợ hiền. “Mẹ nhìn thấy trong các con, con nào cũng có đức hy sinh.”¹⁶ Vì yêu thương, hy sinh nên nữ phái bị lệ thuộc vào trách nhiệm gia đình, hết lo cho con đến lo cho cháu, là xích xiềng trói buộc cả cuộc đời người phụ nữ. Nay Mẹ dạy nữ phái hãy tiến lên một bậc cao hơn, đó là sự hy sinh cho nhơn quần xã hội, cho Đại Đạo:

“Sự yên vui êm ấm cho gia đình là do bàn tay hiền hậu hy sinh một cách âm thầm, cay đắng mà được. Nay bước chân vào xã hội, vào Đại Đạo, các con cũng nên dùng đức hy sinh đó bằng tất cả tâm thành để xã hội thêm phần hạnh phúc để Đại Đạo thêm phần mở mang.”¹⁷

Như vậy, Mẹ muốn nâng đỡ nữ phái để sử dụng những ưu điểm của nữ tính cho công cuộc tận độ Kỳ Ba, nghĩa là Mẹ dẫn dắt nữ phái bước ra khỏi những ràng buộc chật hẹp của bốn phận gia đình, bước ra ngoài xã hội để lập công bồi đức và bước vào cửa Đạo để tu tiến lên đường giải thoát.

3. NỮ PHÁI CẦN LÀM GÌ ĐỂ ĐƯỢC ĐỨC MẸ NGỰ Ở NƠI TÂM?

Đức Mẹ đã dạy:

Kiếp nhơn sanh mặc dù phận gái,
Tánh đạo đồng trọng đại như nhau,
Âm dương là đạo nhiệm mầu,
Kiện hành thừa thuận mới hầu hóa sinh.
Mang trọng trách trong tình vạn hữu,
Gánh đạo nhà chấp cội quy tâm,

12. Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

13. Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974).

15. Nam Thành Thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

16. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

17. Ibid.

*Đời còn thánh triết hiền nhân,
Nhờ nơi thiện mỹ chánh chơn nữ hiền.¹⁸
Vâng lời Đức Mẹ, nữ phái phải cố gắng tu
học hành đạo, bằng cách:*

Đối với bản thân: cố công học tập Thánh ngôn, Thánh giáo, tu sửa tâm hạnh, dẹp bỏ ích kỷ nơi lòng, tu cầu đạo pháp.

Việc tu sửa tánh hạnh là điều rất quan trọng đối với nữ phái, có vượt ra được sự nhỏ hẹp thường tình, nữ phái mới giải thoát được chính mình.

*Tu cần giải thoát hơi con ôi!
Giải thoát con xong để độ đời,
Giải hết trước phiền tâm vướng mắc,
Thoát qua chướng ngại tánh lời thôi.
Giải oan trái trước không nhơn ngã,
Thoát nghiệp duyên sau để khứ hồi,
Giải thoát tự thân hành đúng phận,
Sẽ nên Tiên Phật, sẽ nên người.¹⁹*

Đối với gia đình: làm tròn bổn phận người con, người vợ, người mẹ. Chẳng những chăm sóc, giúp đỡ mọi người mà còn un đúc về tinh thần, tâm linh cho mọi thành viên trong gia đình.

Đối với xã hội, tôn giáo: ráng lập công bồi đức và tá trợ nam phái trong sứ mạng Kỳ Ba; thực hiện tình thương qua công việc từ thiện xã hội: giúp người nghèo, người già neo đơn, trẻ em mồ côi, dạy học, dạy giáo lý, y tế xã hội, ... như lời Mẹ dạy:

*Hỡi ái nữ hòa đồng cất bước,
Dem thân lành trái bước muôn dân,
Dù bao nhiêu nổi toan tâm,
Trên đường tận độ hy thân phụng hành.²⁰*

Tóm lại, nếu chúng ta biết thương như Mẹ, yêu như Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn như Mẹ, thì Đức Mẹ đã xác nhận: “Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.” ■

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Quý Sửu (07-01-1974).

19. Ibid.

20. Ibid.

THÁNH GIÁO

Đạo đầu mỗi vẫn xoay sanh hóa,
Từ đất trời đến cả vạn sanh,
Trong con có Đạo vận hành,
Linh tri hạt giống trọn lành phát ban.

Tâm giác ngộ khai đàng mở ngõ,
Chí hoằng dương sáng tỏ đạo mầu,
Cho đời hết cảnh bể dâu,
Cho người thoát khỏi ngục sâu vô minh.

Mẹ trao gởi chân tình Vô Cực,
Con nhận rồi chí đức chí tâm,
Dầu cho thế cuộc thăng trầm,
Độ đời con giữ một tâm vững vàng.

Muốn tạo cảnh thiên đàng cực lạc,
Phải dạn lòng giải thoát cho xong,
Trong con vốn một tình không
Lo chi chẳng được đại đồng đệ huynh.

Các lễ phẩm huyền linh Mẹ bố,
Con chia nhau mà độ lẫn nhau,
Phần con dự yến bàn đào,
Cũng tình Vô Cực chan vào cho con.

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,
14-8 ĐÌNH TÝ (26-9-1977). ■



TÌNH THƯƠNG CỦA MẸ

■ NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

Thánh tịnh Thanh Tịnh Đoàn.

Tên thế gian có muôn màu vạn vẻ, từ thú cầm đến con người, tuy khác nhau về hình thể, bản chất, màu da,... nhưng trong mỗi sanh thể đều luôn ẩn chứa một kho báu thiêng liêng vô cùng tận. Kho báu ấy tuy vô hình vô ảnh, nhưng lại vô cùng quý giá không gì sánh bằng: đó chính là tình thương bao la, vô bờ, vô bến mà Đấng Tạo Hóa đã ban cho khắp cả vạn loại. Kho báu ấy xuất phát từ nguồn suối yêu thương vô tận của Đức Mẹ vô vàn kính yêu:

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,
Không lãnh vực, không biên cương,
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.¹*

Chính bởi tình thương mà tạo nên càn khôn vũ trụ, vạn vật muôn loài.

Chính bởi tình thương là nhịp cầu nối liền những bờ vui cho bao mảnh đời bất hạnh, là nguyên nhân cho sự xuất hiện của các hội từ thiện, những tấm lòng từ tâm,... đang dang rộng vòng tay che chở, góp nhặt yêu thương để ban trao niềm vui trong cuộc sống.

Chính bởi tình thương mà cha mẹ luôn bảo bọc con cái, nuôi dưỡng, chắt chiu từ tấm bé đến lúc trưởng thành chẳng quản chi nhọc nhằn mưa nắng, tội nghiệp chất chồng, thân mòn xác xơ:

*Cho dù nắng đã tàn phai,
Cho dù tóc đã thay hai màu buồn,
Cho dù mắt nhắm tai ương,
Dành cho con hết mọi nguồn yêu thương.²*

1. Đức Diêu trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

2. Ca Dao về Cha Mẹ.

Ngay cả đến khi tắt thở, lòng cha mẹ cũng vẫn còn thương nhớ, thế nên trong Kinh Tụng Cha Mẹ Quy Liễu có câu “Đừng vì nhớ trẻ trở vào phạm gian.” Và cũng chính vì tình thương mà rất đỗi ác thú nơi chốn rừng sâu, loài ăn thịt người cũng vẫn có tình mẫu tử.

Thế mới biết, dẫu cuộc đời có nhiều gian nan, vất vả nhưng chính tình thương đã dần xóa tan những giá lạnh, để thay vào đó là sự ấm áp tình người.

Nói lên điều này, để thấy rằng ở cõi thế gian với nhục thể phàm phu, thất tình lục dục buộc ràng mà mỗi người làm mẹ đều có một tình thương không bút mực nào tả xiết, hướng chỉ là tình thương Thiêng Liêng của Đấng Từ Tôn, Mẹ linh hồn của vạn linh sanh chúng. Không một ngôn ngữ thế gian nào có thể diễn tả được hết tấm lòng Từ Mẫu dành cho đàn con thơ đang lạc lối nơi cõi hồng trần đầy chạm bẫy này.

Tuy nhiên, Đức Mẹ đã từng dạy rằng:

“Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương mặc dù nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”³

Cho dù có cung son rực rỡ, điện ngọc nguy nga mà không có tình thương thì Mẹ cũng không ngự đến. Mẹ chỉ ngự nơi lòng những đứa con biết thương yêu, đùm bọc, nâng đỡ những mảnh đời đau khổ bất hạnh.

Tình thương của Mẹ thiêng liêng là thế đó, một thứ tình thương cho đi mà không cần đáp

3. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

trả. Vậy mà con người vẫn vô tình chạy theo ảo ảnh trong đêm trường nhân thế để gánh chịu khổ đau khiến cho Đức Mẹ phải đau buồn:

Sao con tránh Mẹ đi đường khác?

Đến nỗi tang thương chịu nỗi nùng.⁴

Kể từ khi Mẹ cho các con đến chốn trần gian lãnh sứ mạng tạo lập nên cõi dinh hoàn đến nay, đã mấy nghìn thu, là bấy nhiêu lần Mẹ đổ dòng châu, héo von dạ ngọc, hết dạy rồi khuyên, khi ban ơn lúc dìu dẫn, nhưng than ôi!

Trông con mắt đã môi mòn,

Mà sao tin trẻ, vẫn còn bật tin.⁵

Đến nỗi Mẹ ghen ngào:

Nhìn kỹ lại con thơ Mẹ thăm,

Ruột chín chiều đòi đoạn thắt đau,

Thấy con lòng Mẹ xót xao,

Con ơi, con hỡi! Con nào thấu chăng?

Nhắc đến đây khó dần giọt lệ,

Thương con khờ chẳng kể thân già,

Nước non chôn chử bao la,

Quyết tìm một gậy mệt Già viếng con.⁶

Dẫu rằng các con chẳng vững vàng giữ bốn nguyên chơn tánh, để bụi trần che lấp điểm linh quang, rời xa bản thể nhưng tình thương của Mẹ vẫn ngập tràn, vẫn quan tâm an ủi, dỗ dành, nhất là đoàn nữ phái yếu mềm, nhẹ dạ non lòng. Bởi Đức Từ Mẫu thấu hiểu hết những gì mà kiếp quần thoa phải vương mang gánh chịu:

Bởi nữ phái lắm khi mềm yếu,

Bởi con còn thốn thiếu bản căn,

Nên hay lạc bước xa đàng,

Vui đâu chúc đó, lỡ làng phận tu.⁷

Để rồi Đức Mẹ tìm đến mà đỡ nâng, che chở bằng cả suối nguồn yêu thương, triu mến: “Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ.”

4. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Mậu Thân (11-5-1968).

5. Khuyển Nữ Hội Tâm, tr.18.

6. Đức Mẹ dạy năm Đinh Sửu 1937, quyển Thánh Ngôn Sứ Tập.

7. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 20-11 Ất Tỵ (12-12-1965).

Và chính sự giác ngộ, tu tiến, xa lánh bến mê trở về nẻo chánh, theo ánh quang minh xóa màn u ám, xây đắp tình thương... là điều kiện để được Mẹ ngự trong tâm như lời Mẹ đã dạy: “Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”

Thế nên, đoàn con áo trắng phải lấy tình thương làm căn bản hàng đầu, là nhịp cầu thân hữu, là dòng chảy vô biên, là sợi dây thiêng liêng đánh thức tâm linh giúp người mê tỉnh ngộ.

Cảm nhận được tình thương của Mẹ, Nữ phái hiểu hiển dụng mọi hình thức để đánh thức tâm linh cho nhau: đó là những buổi học tập giáo lý lưu động, là những bài luận giáo lý này đây, cùng những giờ hội học Thánh giáo, những bài ca vọng cổ của các Giáo sĩ tại Cơ Quan, hay những buổi Đại lễ Triều Thiên Vô Cực mỗi độ thu về, v.v. Tất cả đều là cơ hội để toàn thể tín đồ Đại Đạo và nhất là nữ phái hướng về Đức Từ Tôn với tất cả tấm lòng thành kính, trang trọng hiến dâng, hầu đáp tạ trong muôn một tình thương bao la của Đức Mẹ Thiêng Liêng.

Kỳ Ba Ân Xá khai mở để tìm kiếm nơi đây những hạt giống tốt lành, để gieo trồng những mầm xanh hy vọng, để đem về một kho tàng đầy ắp những bửu ngọc vô vi quý giá vô cùng. Bửu ngọc vô vi ấy chính là đạo đức, là tình thương mà Đức Từ Mẫu đã ban cho mọi người khi đến chốn trần gian này. Hãy làm sáng lên bửu ngọc vô vi đó đã từ lâu ẩn tàng trong lớp bụi vô minh và hãy làm cho nó luôn sáng mãi không bao giờ tắt để vệt tan những áng mây mù, xoá đi bao đau khổ trong lòng nhân thế, để tình thương vĩnh hằng luôn ngự trị.

Đường đạo đức hồi câu Nữ giới,

Chị cùng em tiến tới quang minh,

Khêu lên đường sáng cho mình,

Chị em nâng đỡ một tình yêu thương.⁸ ■

8. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Hườn Cung Đàn, 01-10 Tân Sửu (07-11-1961), quyển Vân Hương Thánh Mẫu điển bút.

VÀI ĐIỀU CẢM NHẬN LỜI ĐỨC MẸ DẠY VỀ TÌNH THƯƠNG

■ BẠCH TUYẾT



Lại một năm trôi qua, mùa trăng tròn của đêm Rằm tháng Tám lại đến, nhắc nhở đàn con áo trắng Cao Đài ngày Đức Mẹ Diêu Trì giáng trần khai mở Hội Yến Bàn Đào nơi cõi thế gian trong thời Hạ nguơn mặt pháp để cứu rỗi nhân loại trong cơ cộng nghiệp sàng sảy Kỳ ba.

Đã trải qua hơn 80 năm với sự mẫu nhiệm của cơ Trời. Vì tình thương bao la vô cùng, vô tận, nên Đức Mẹ đã lâm trần dạy bảo con cái của Ngài hồi đầu hướng thiện, lo tu hành để trau sửa thân tâm theo đường chánh đạo, để tránh không bị tà mị lôi cuốn vào danh lợi tình tiền, mãi mê vật chất trong sáu nẻo luân hồi.

Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận

Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường

Không lãnh vực, không biên cương

Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.¹

Trần gian là cõi tạm, là nơi mà con người phải chịu khổ đau qua bao phong ba bão tố, đầy dẫy thử thách gian lao. Cuộc đời như gió thoảng, như giấc chiêm bao, con người đang sống trong

cơ cộng nghiệp hải hùng của thời mạt kiếp, nhưng thật may duyên được gặp thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Thượng Đế, được Đức Mẹ giáng trần dạy dỗ, chỉ nẻo tu hành để không uổng một kiếp làm người.

Lấy đức tin và tình thương làm phương tiện, người tín đồ có thể tự độ chính mình rồi độ người khác cùng giác ngộ và cùng tu hành giống như mình như lời Thánh giáo: “Trước tiên phải giữ vững đức tin, tin Thấy Mẹ, tin vào Đại Đạo với tình thương yêu hòa ái, hầu vượt qua mọi khó khăn thử thách đi đến mục đích cuối cùng, đó là sự giải thoát.” Đó cũng là sứ mạng vi nhân, giúp mình và mọi người cùng trở về nguồn cội, hiệp một cùng Đức Chí Tôn.

Tuy nói dễ, nhưng muốn phản bổn hoàn nguyên phải thực hành lời dạy của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng, mở rộng lòng thương yêu hòa hiệp với tất cả mọi người, rèn tâm sửa tánh, trau giồi tác phong đạo hạnh, diệt trừ tính vị kỷ đố kỵ, tập đức hy sinh, nhẫn nhịn. Đó là những điều căn bản nhứt để chế ngự nội tâm, sống theo đạo lý, tạo thành sức mạnh vạn

1. Đức Mẹ, Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

năng để vượt qua mọi thử thách hầu làm tròn sứ mạng được ban trao. Muốn được như vậy thì phải luôn nhớ lời Mẹ nhắn nhủ:

*Hỡi tàn linh ơi! Hỡi tàn linh!
Có nhớ quê xưa chốn Ngọc Đình?
Quày gót mau về nơi cội vị,
Thôi đừng dan dáu kiếp phù sinh.²*

Tình thương Vô Cực chính là tình Tạo Hóa, là đức háo sanh đã sanh hóa, trường dưỡng, bảo tồn muôn loài vạn vật, không từ chối nguồn sống của bất cứ một sinh vật nào dù nhỏ nhoi nhất xuyên suốt bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông, ngày đêm không ngơi nghỉ.

Thầy dạy:
*Tình tạo hóa ban đều vũ trụ,
Đức háo sanh bao phủ càn khôn,
Chuyển luân nhật nguyệt vong tồn,
Cỏ cây nhân vật vô cùng hóa sanh.³*

Thánh giáo Đức Chí Tôn đã khẳng định ngay từ những ngày đầu Khai Đạo trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển đã minh chứng cho Sự Thương Yêu, chính Tình thương Vô Cực đã xuyên suốt trong quá trình của cơ sanh hóa.

Thầy dạy:
“Thầy là cha của Sự Thương Yêu. Bởi Sự Thương Yêu mới tạo thành thế giới và sanh sản các con. Vậy các con sản xuất nơi sự thương yêu, là cơ thể của Sự Thương Yêu đó. Sự Thương Yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn thế giới. Bởi Sự Thương Yêu mà vạn loại hòa bình, Càn Khôn yên tịnh. Đặng an tịnh thì không thù nghịch lẫn nhau mới không tàn hại nhau và giữ vững bền cơ sanh hóa...”

Tình thương của Tạo Hóa không bờ bến, không nơi nào không vươn tới, chính là tấm lòng bao la đối với con người và vạn loại, sẵn sàng mở rộng vòng tay khoan dung tha thứ. Dầu trong đó có những con ngõ nghịch, hư hỏng, bướng bỉnh cách mấy nhưng Mẹ vẫn thương đồng đều và chăm sóc tất cả không bỏ sót một ai.

Tình thương của Đức Mẹ bao la nhưng không vượt ngoài quy luật công bình của vũ trụ, luôn nghiêm khắc điều chỉnh thế gian, vì vậy con người phải chịu sự thưởng phạt phân minh của luật nhân quả trong vòng luân hồi chuyển kiếp. Tuy nhiên, cho dù con người có làm lỗi, gây ra muôn điều sai trái, Đấng Hóa Công vẫn chở che khoan dung tha thứ, Thầy đã dạy: *“Hỡi các con! Trong tình Tạo Hóa đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một tình thương yêu chan rười. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố nhưng lòng Trời vẫn che, đất vẫn chở...”⁴*

Tuy tình thương bao la vô bờ bến, nhưng Đức Từ Mẫu vẫn không thể nào cứu vớt những đứa con đang dẫn thân vào vòng nghiệp quả, Đức Mẹ rất đau lòng khi thấy các hàng nguyên căn lạc vào đường trầm luân bể khổ. Do đó, Đức Mẹ dạy:

“Hỡi các con! Lòng Mẹ bao la thế giới, nhìn con vô tận. Thấy các con lặn hụp nơi bể đời mạt pháp, lắm lúc Mẹ muốn dùng huyền phép để vớt cả nhơn sanh về với Mẹ, nhưng luật tiến hóa công bình, máy tuần hoàn luân chuyển, các con mãi cố tình trốn tránh Mẹ già, mãi lặn theo bánh xe tuần hoàn để dẫn thân vào đường quả báo, than ôi! Mẹ biết làm sao hỡi con!”⁵

Chính vì vậy, người tín đồ Cao Đài phải ý thức và cố gắng tu học và hành đạo, thể hiện lòng bác ái vị tha, từ bi đối với tất mọi người, không phân biệt sang hèn, không phân biệt tôn giáo, màu da, sắc tóc, tùy tâm công quả bằng những việc làm thiết thực như tham gia công tác từ thiện, giúp người bất hạnh, neo đơn, hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, thiếu ăn, thiếu mặc; có lời khuyến nhủ người khác bỏ dữ về lành, theo đường đạo đức. Nói một cách đơn giản, công quả từ thiện được thể hiện với mọi người, mọi vật qua tư tưởng, lời nói và hành động dưới nhiều hình thức nhằm mục đích xoa

2. Đức Mẹ, Trúc Lâm Thiền Điện Vĩnh Long, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

3. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).

5. Huần Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).

dịu giúp đỡ tha nhân không cần vụ lợi, không nhận ân báo đáp, không hề để lại tên tuổi của mình, hay một lợi ích nào cho bản thân mình, đó mới là tình thương yêu tha nhân, là công quả âm chất thật sự. Đó chính là công đức vô lượng. Đức Mẹ dạy:

*Có thương con mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.⁶*

Tóm lại, học tập lời dạy của Đức Mẹ về Tình thương Vô Cực, người tín hữu Cao Đài luôn quán xét lại bản thân mình, khắc phục những khuyết điểm, sửa chữa những điểm yếu, bổ sung những đức tính tốt để hoàn thiện hóa bản thân, đem Đạo vào đời. Trải qua bao nhiêu kiếp trầm luân khổ ải, ngày nay diễm phúc gặp được mối đạo Trời, được chính Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng giáo hóa đỡ nâng, nữ phái trên đường tu học đã được sánh ngang bằng nam giới, cho nên dù mang tố chất yếu mềm, vẫn phải cố gắng vượt qua mọi gian lao thử thách để lo tu học hành đạo, như lời Đức Mẹ nhắn nhủ năm nào trong đêm Hội Yến Bàn Đào:

*Hồng Ân Từ Mẫu chan hòa,
Cho con hạnh hưởng làm quà Trung Thu.
Đền lòng đừng để mở lu,
Đạo tâm đừng để bôn xu nhiễm trần.
Bao giờ tan áng huyền vân,
Trời trong mưa tạnh lộ vắng trăng thanh.
Tình trăng muôn thuở trong lành,
Như tình Từ Mẫu tài thành thuận nhu.
Thương thân con ráng lo tu.⁷*

Trên đường tu học, người môn đệ của Đức Cao Đài phải thuộc nằm lòng bài học Tình thương, vì tình thương sẽ cứu chuộc muôn ngàn tội lỗi từ vô lượng kiếp; tình thương sẽ là liều thuốc điều trị mọi bệnh tình của nhân loại; tình thương còn là điều kiện giải thoát con người ra khỏi bể khổ trần gian và cũng là con đường để đưa con người bước lên nấc thang tiến hóa. ■

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-12 Nhâm Tý (29-01-1973).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn (07-9-1976).



THÁNH GIÁO

Gió thu lay động mảnh thiên,
Gợi lòng Từ Mẫu nhớ miền trần gian.
Nhớ con cái trên đàng tiến hóa,
Nhớ đến điều siêu đọa mà đau,
Biển trần muôn lượn sóng xao,
Thuyền tâm lạc bến khó vào khởi nguyên.

Mấy mươi năm lý huyền dạy dỗ,
Sống một đời bao độ an nguy,
Trái oan nghiệp lực trì trì,
Tu tâm học đạo, đoạn ly nghiệp trần.

Học Thiên đạo con lần bước tiến,
Pháp đại thừa phương tiện tu công,
Tâm con chuyên nhứt tinh ròng,
Đạo Trời trùm khắp cộng thông nhiệm mầu.

Biết được nổi cơ cấu thế sự,
Hiểu thông rồi quá khứ tương lai,
Luyện tu tâm đức lẫn tài,
Trau dồi hiện tại ngày ngày cho tinh.

Việc quá khứ hằng in tâm thức,
Dấu dở hay hư thực mặc tình,
Mất còn, thua được, nhục vinh,
Tấn tuồng huyền hóa trọng khinh âu đành.

Mấy mươi năm thân sanh cần cỏi,
Chân đã chùn đầu đội tuyết sương,
Đó là luật tắc vô thường,
Để cho con hiểu ấy đường quả nhân.

Con hiểu được chọn chân bỏ giả,
Diệt thức tình lòng dạ sạch trong,
Vị lai nếu có nơi lòng,
Ước mơ thành quả cũng vòng nghiệp thôi.
(...)

ĐỨC DIỆU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 14-8 TÂN DẬU (11-9-1981). ■

Trung Thu

NHỚ LỜI MẸ DẠY

■ ĐOÀN THỊ KIM SƠN



Nói đến lòng Từ Mẫu là chúng ta nhớ đến Đức Diêu Trì Kim Mẫu với tình thương vô cùng vô tận, không lãnh vực, không biên cương, tình thương ấy bao trùm cả vũ trụ vạn loài.

Với tình thương Vô Cực, Đức Từ Mẫu lúc nào cũng lo lắng cho đàn con của mình đang đắm chìm trong bể khổ trần gian nên đã bao phen giáng đàn để an ủi vỗ về, ban ơn và dạy dỗ để con cái của Ngài giác ngộ tu hành, tự độ, độ tha hầu sớm trở về quê xưa vị cũ.

Đức Mẹ có dạy như sau: “*Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương mặc dù nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.*”¹

Xin được phân tích lời dạy trên của Đức Mẹ qua các phần sau đây:

1. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

1. TẠI SAO ĐỨC MẸ KHÔNG NGỰ TRÊN ĐÀI CAO HOANG VẮNG TÌNH THƯƠNG. VẬY TÌNH THƯƠNG LÀ GÌ?

Đức Mẹ dạy rằng: “*Mẹ không nắm quyền sanh phật các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn tất cả đều là Mẹ.*”²

Do thương là Mẹ, yêu cũng là Mẹ nên Đức Mẹ muốn con cái của mình ở trần gian cũng đầy đủ tình thương yêu như Mẹ. Trong gia đình, mọi người thương yêu lẫn nhau, ở các đoàn thể ngoài đời hay trong đạo đều lấy tình thương làm đầu, đối xử với nhau trong sự hòa hiệp, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có như vậy mới có thể tiến đến một thế giới đại đồng, nơi đó mọi người đều bình đẳng thương yêu lẫn nhau.

Với lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận, Đức Mẹ coi mọi người trên thế gian nếu có lòng nhân phát tâm làm việc thiện thì đều là con cái của Mẹ.

2. Ibid.

Đức Mẹ không phân biệt con của Ngài ở chi này hay phái nọ, cũng không phân biệt là trong đạo Cao Đài hay ngoài Đạo.

Đức Mẹ khẳng định như sau:

*“Các con dẫu nhóm này, dẫu nhóm khác trong đạo Cao Đài cũng như trong các tôn giáo khác đều đã phát tâm hành thiện, giúp người đời xấu số bạc phước cô đơn, thì cũng là con của Mẹ.”*³

Đức Mẹ ban ơn lành cho con trẻ nào có lòng nhân, thương người gặp cơn hoạn nạn:

*Trước những cảnh sống thừa ảm đạm,
Nơi lòng con thiện cảm phát sanh,
Nghiêng vai gánh Đạo nhọc nhằn,
Dưới tay Từ Mẫu ân lành rưới chan.*⁴

Đức Mẹ sẵn dành ân huệ cho các con nào biết giữ lòng son sắt với Đạo dù có gặp gian truân thử thách:

*Nhớ đến con thơ dưới côi trần,
Trong khi Đờ-Đạo chịu gian truân,
Lập công quyết giữ lòng son sắc,
Ân huệ dành riêng đã sẵn phần.*⁵

Với lòng thương vô cùng vô tận, Đức Mẹ không ngự trên những đài cao thiếu vắng tình thương, dẫu cho nó đẹp đẽ đến đâu chăng nữa. Trái lại nơi nào có tình thương là có Mẹ, nơi nào cần đến tình thương để an ủi chở che là có Mẹ.

Tình thương thật là quan trọng. Vậy tình thương là gì?

Từ ngàn xưa đến nay, trong bất cứ xã hội nào, vấn đề tình thương vẫn là vấn đề quan trọng nhất. Tình thương là sự trái lòng của mình ra với mọi người, đối xử với nhau một cách bình đẳng, tương thân tương trợ. Có thương yêu hòa thuận thì gia đình mới yên vui, xã hội mới đoàn kết tiến bộ, kinh tế mới phát triển, đất nước mới an lạc thái bình.

Thầy có dạy: *“Các con là cơ thể của sự yêu thương. Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn thế giới. Có thương yêu nhân loại mới hòa bình, càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa.”*

Tình thương là đức nhân, là lòng nhân ái mà Đức Thượng Đế đã ban cho mọi người khi đến trần gian tu học hành đạo, như lời Đức Mẹ dạy sau đây:

*Côi hậu thiên thân sanh vào đó,
Điểm Tiên Thiên sẵn có nơi thân,
Là mầm sống, là nguồn thân,
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.*⁶

Đức nhân của con người là Thượng Đế tính, là điểm Tiên Thiên, là Tiểu Linh Quang, là Trời, là Đạo, là tình thương mà Đức Thượng Đế đã ban trao cho con người. Tình thương không phân biệt sang hèn, cao thấp, quen lạ. Thương là để giúp đỡ, chở che chở không phải thương để nhận lời khen của người khác.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư có dạy:

*Tình thương không luận với người nào,
Giàu khó sang hèn hoặc thấp cao,
Phải tập tánh tình theo các Đấng,
Từng giờ, từng phút cố giới trau.*⁷

Đức Đông Phương Chuông Quán dạy như sau:

*Tình thương không luận lạ hay quen,
Khôn dại cao sang với thấp hèn,
Thương cả đến người dùng nước lã,
Thương vì lòng Đạo, chẳng vì khen.*⁸

Đức Mẹ cũng có dạy:

*Nhân là thương khắp muôn loài vạn chủng,
Không biệt phân nòi giống lạ hay quen,
Cũng không chia cao thấp sang hèn,
Thương kẻ ghét mình mà lo tế độ.*⁹

Tình thương nếu ban phát ra sẽ rất hữu dụng và có ba mức độ như sau:

3. Điều Trì Bửu Điện Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

4. Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

5. Ngọc Minh Đài, 15-10 Bính Ngọ (26-11-1966).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

7. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Kỷ Dậu (15-11-1969).

8. Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Kỷ Dậu (30-8-1969).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

Mức độ thứ nhất là công bằng tức là thương người như thương mình.

Ở mức độ này, Đức Vân Hương Thánh Mẫu dạy như sau: “*Một khi các em đã khởi động tình thương đạo đức phát khởi nơi tâm trung, các em sẽ thương thân người như thương thân mình, thương hạnh phúc gia đình người như hạnh phúc gia đình em, thương quốc gia xã hội nào cũng như quốc gia xã hội em...*”¹⁰

Mức độ thứ hai: bác ái, là thương xót tất cả, chẳng những như loài mà còn thương cả loài cầm thú thảo mộc. Tha thứ những kẻ có lỗi với mình để cảm hóa họ, đem họ lại gần với mình hầu hướng dẫn họ vào đường tu hành chánh đạo.

Đức Mẹ dạy:

“*Khi các con đã thật lòng bác ái các con sẽ không thấy người sang kẻ hèn, người đại kẻ khôn, người uy quyền kẻ yếu đuối, người thân kẻ sơ. Đã không chia cách như vậy, lòng các con là một cõi Bồ đề, một cõi Niết bàn, một cung Diêu Trì và chính con sẽ ở trong Thượng Đế.*”¹¹

Mức độ thứ ba: Từ bi là quên mình vì người, như Đức Phật Thích Ca đã từ bỏ ngai vàng quyết tâm tu luyện để cứu rỗi chúng sanh.

Tình thương nếu được phát ban và nhân rộng ra sẽ là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội loài người, đi đến một thế giới đại đồng nơi đó sự công bằng, lòng bác ái và từ bi là phương châm hành động của tất cả mọi người.

Tình thương quan trọng như vậy nên Đức Mẹ sẽ không ngự ở nơi nào thiếu vắng tình thương: “*Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương mặc dù nó đầy đủ vẻ vàng son rực rỡ.*”¹²

2. Ở Đâu Có Ấu Nhi Đau Khổ Là Có Mẹ, Ở Đâu Có Liễu Bồ Bất Hạnh Là Có Mẹ.

10. Nam Thành Thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968)

11. Vạn Quốc Tự, 08-3 Nhâm Tý (21-4-1972).

12. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Đinh Mùi (18-9-1967).

Vì thấy nữ phái chịu trăm bề khó nhọc nên Đức Mẹ nhắc nhở nữ phái phải lo tu học hành đạo để thoát cảnh khổ nơi trần thế:

*Phần nữ phái trăm bề khổ cực,
Kiếp quân thoa sớm chục trưa châu,
Con ôi học lấy đạo mẫu,
Thoát qua cái kiếp dãi dàu phong vân.*¹³

Thật vậy, sống ở thế gian, người phụ nữ bao giờ cũng chịu thiệt thòi hơn nam giới.

Kiếp nghèo hèn phải lăn thân đi làm tôi tớ cho người giàu:

*Sống trong cảnh vô phần bạc phước,
Thân đọa đày cửa tước nhà quan,
Lăn thân một kiếp cơ hàn,
Lo ăn chạy mặc khó toan vẫy vùng.*¹⁴

Đến thời đại ngày nay, người phụ nữ mặc dầu được xã hội công nhận là bình đẳng với nam giới, được ra ngoài xã hội để làm việc. Tuy nhiên cũng có không ít người phụ nữ vì hoàn cảnh gia đình túng thiếu, ít học nên cũng còn lâm vào cảnh khốn khổ, phải buôn gánh bán bưng, dầm mưa dãi nắng để lo miếng cơm manh áo cho chồng, cho con. Gặp những lúc chiến tranh ác liệt, đạn bom vô tình làm cho vợ phải xa chồng, con phải xa cha mẹ, sống cô cút trong cảnh bơ vơ lạnh lẽo:

*Sống trong cảnh tay bùn chân lấm,
Cũng chưa yên phận hẩm duyên hôn,
Non sông chiến loạn đến hồi,
Chia ly chồng vợ, đơn côi trẻ khờ,
Trên thế lộ bơ vơ ấm lạnh,
Giữa vùng trời bạt cánh chim non.*¹⁵

Có khi lâm vào cảnh túng quẫn, sa cơ lỡ bước, người phụ nữ còn phải bán mình để nuôi thân:

*Miễn cho thân được sống còn,
Buôn trinh bán tiết thân con quản gì.
Sống trong cảnh hàn vi cơ khổ,*

13. Thiên Lý Đàn, 20-01 Đinh Mùi (28-02-1967).

14. Diêu Trì Bửu Điện TT Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

15. Ibid.

*Phải lặn thân xô chợ đầu đường,
Dãi dẫu một kiếp nắng sương,
Liều bỏ với cảnh đoan trường song song.¹⁶*

Vì thương nữ phải phải nặng nề duyên nghiệp nơi chốn thế gian, nên Đức Mẹ khuyên nữ phải ráng lo tu hành, mọi việc sẽ có Mẹ trợ giúp:

*Nhớ đến nữ lưu Mẹ khổ lòng,
Nặng nề duyên nghiệp chốn trần hồng,
Ráng tu đã có huyền linh Mẹ,
Định tánh đừng mơ nẻo Bắc Đông.¹⁷*

Với những lời dạy trên của Đức Mẹ, chúng ta thấy rằng Đức Mẹ lúc nào cũng theo dõi bước chân của đàn con ở thế gian. Và Đức Mẹ hiện diện ở mọi nơi nhất là “ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ” để vỗ về, an ủi, chở che.

3. NỮ PHÁI CẦN LÀM GÌ ĐỂ ĐƯỢC ĐỨC MẸ NGỰ NƠI TÂM.

Tình thương của Đức Mẹ đối với con cái của Ngài ở chốn trần gian thật là vô bờ bến. Đức Mẹ muốn con cái của mình cũng có tình thương như Đức Mẹ và đem tình thương của mình ban rải khắp nơi để làm cho thế gian bớt khổ. Đức Mẹ đã dạy rằng:

*Con hãy thương yêu kẻ ghét mình,
Thương đời mặt kiếp khó tồn sinh,
Thương thân cá chậu vòng oan nghiệt,
Thương phận chim lồng chốn nhục vinh,
Thương kẻ tội tình chưa thức tỉnh,
Thương người mê muội mãi u minh.
Có thương con mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.¹⁸*

Có thương yêu thì chúng ta mới ra tay giúp đỡ, xoa dịu được nỗi đau của người khác, giúp họ thoát cơn hoạn nạn, tìm lại niềm tin trong cuộc sống. Đối với người mê muội, u minh, chúng ta dìu dẫn họ vào con đường sáng, giúp

họ tìm đến Đạo Thầy để được hưởng hồng ân của Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng.

Đức Mẹ dạy:

*Con đem rải khắp tình thương,
Mọi người chung hưởng là đường thành công.
(...)*

*Dem thân tô điểm nước nhà,
Đỡ nâng nòi giống hòa cùng vạn dân.¹⁹*

Tình thương là đức nhân đã được Thượng Đế ban cho mỗi người chúng ta khi xuống trần gian. Khi đến thế gian tiếp xúc với cuộc sống xa hoa vật chất, nếu chúng ta không làm chủ được cái tâm thì tình thương sẽ bị mất đi nhường chỗ cho sự tranh giành quyền lợi, ích kỷ, hại nhân. Để tình thương được tồn tại, chúng ta phải tìm về bốn nguyên chơn tánh, sống hiền lương đạo đức, thực hành công quả để độ đời, công trình luyện kỹ để hoàn thiện hóa bản thân và công phu thiện định để lúc nào tâm cũng sáng suốt không bị chi phối bởi lục dục thất tình. Có đầy đủ tình thương thì Đức Mẹ sẽ ngự nơi tâm của chúng ta.

4. KẾT LUẬN

Là người tín đồ Cao Đài, nữ phái không thể nào quên lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận của Đức Mẹ. Đức Mẹ không bao giờ ngự trên đài cao hoang vắng tình thương dẫu cho nó rục rở đến đâu chẳng nữa. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ.

Là con cái của Đức Mẹ chúng ta phải có lòng thương yêu mọi người, thấy người hoạn nạn thì ra tay giúp đỡ, có làm được như vậy thì Đức Mẹ sẽ ngự vào tâm chúng ta và hộ trì chúng ta trên bước đường tu thân hành đạo.

*Mẹ dành một tình thương ban bố,
Con thực hành, Mẹ độ vô vi,
Cho con rạng tiếng nữ nhi,
Sống làm liệt nữ, thác ghi sử vàng.²⁰*

NAM MÔ ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC ĐẠI TỪ TÔN.■

16. Ibid.

17. Ngọc Minh Đài, 15-3 Bính Ngọ (05-4-1966).

18. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-12 Nhâm Tý (29-01-1973).

19. Ngọc Minh Đài, 15 - 4 Mậu Thân (11-5-1968).

20. Điều Trì Bửu Điện TT Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

Mẹ không ngự trên đài cao HOANG VẮNG TÌNH THƯƠNG

■ HUỲNH CHÂU LAN

Thánh tịnh Thanh Tịnh Đàn.



Rừng thu. Tranh: Bửu Long.

Cây trên rừng có bao nhiêu lá, Mẹ thương con kể đã nhiều hơn, nước trên nguồn chảy bao nhiêu giọt, tình thương Mẹ nhiều hơn.” Đây là lời của bài hát đã nói lên lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận. Mẹ luôn hướng về đàn con nơi trần thế, không yên lòng ngồi nơi cung son rục rờ mà Mẹ luôn khắc khoải mong chờ đàn con khờ còn đang lưu lạc nơi thế gian. Mẹ đã bao lần giảng trần dạy Đạo, mong cho con thấu suốt tận tường đâu là đường siêu để đi và đâu là nẻo đọa để tránh hầu kịp trở về bên Mẹ ở cõi thiêng liêng hằng sống, thoát kiếp sanh tử luân hồi.

Thế mà ngày tháng trôi qua, con của Mẹ vẫn vắng dạng khiến Mẹ hiền đố lụy ngập tràn và Mẹ phải xuống trần đánh thức tâm linh con trẻ, chỉ lối đưa đường để con thơ đi không lầm lạc. Rằm tháng 8 năm Đinh Mùi (15-9-1967), Đức

Mẹ giảng dạy: “Con ôi! Vô Cực Từ Tôn không ngự trên đài cao hoang vắng tình thương, mặc dầu nó đầy đủ vẻ vàng son rục rờ. Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bồ bất hạnh là có Mẹ. Nếu các con làm được những việc đó là Mẹ đã ngự trong tâm hằng cứu rỗi đó con.”

Ở thế gian, trong phạm vi gia đình nhỏ hẹp, chỉ một vài đứa con khờ dốt nát không có tương lai hoặc có một đứa con ngộ nghịch dạy mãi không biết nghe thì cha mẹ vô cùng đau khổ, cố gắng dạy bảo mong cho nó nên người thì lòng cha mẹ mới được an. Huống chi người Mẹ linh hồn đối với đàn con 96 ức nguyên nhân lưu lạc, chỉ mới có 4 ức trở về, số còn lại vẫn còn đắm mình trong khổ đau nơi trần thế, quên mất đường trở lại quê xưa, không nhớ Đấng Từ Mẫu đang ngày đêm mỗi morn trông đợi.

Mẹ dạy: “Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ.” Vạy, “ấu nhi” gồm những ai? Thiển nghĩ, “ấu nhi” là con nhỏ, là tất cả những loài vật chưa tiến hóa, là những đứa con còn đang mê đắm cảnh trần, không biết được rằng có Mẹ linh hồn nơi cõi thiêng liêng đang mỗi morn trông đợi. Dưới mắt Mẹ, tất cả con cái của Ngài lúc nào cũng là con nhỏ, Mẹ luôn theo dõi để hộ trì cho đứa nào sa vào cảnh khổ vì quả nghiệp vương mang.

Mẹ lại dạy: “Ở đâu có liễu bồ bất hạnh là có Mẹ.” Liễu bồ bất hạnh chính là thân phận nữ phái nặng oằn trách nhiệm, phải hứng chịu những gian nan thử thách trong cuộc đời; và khi bước vào đường tu, vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi, điều kiện tu học hạn chế, gặp lắm khảo đảo trở ngại. Vì vậy Mẹ luôn kể cận đỡ nâng. Tuy

ngày nay nữ phái đã được nâng lên ngang hàng với nam phái, nhưng do thiên chức nhi nữ ngàn đời, người phụ nữ gắn liền trách nhiệm với gia đình, lo toan việc tế gia nội trợ, chăm sóc nuôi dạy con cái... Chẳng hạn như vào hai ngày sóc vọng hoặc những ngày lễ trong đạo, nam phái được thông thả ngồi học giáo lý, nghe thuyết giảng biết bao điều quý báu, còn nữ phái phải lo chu toàn việc trù phòng bếp núc, không có thời gian để nghe học giáo lý, cho nên “Nghĩa sâu không biết, lối lẽ không thông.”

Để kịp trở về với Mẹ trong Kỳ Ba đại ân xá này, nữ phái phải gắng công tu học để hoàn thiện chính bản thân, đồng thời thương yêu giúp đỡ đồng đạo, chị ngã em nâng, cùng tu cùng tiến, không phân biệt sang hèn, bé lớn, nhớ lời Thầy dạy: “Nếu các con không thương được kẻ ghét mình thì khó mong gần gũi với Thầy...”¹ Hoặc nếu như không thương được thì cũng đừng nên ghét nhau.

*Thương nhau khác thể thương Thầy,
Ghét nhau khác thể ghét Thầy sao nên.*²

Đức Mẹ dạy:

*Con tu là để giúp đời,
Giúp đời chính thị giúp thời cho con,
Còn trời còn nước còn non,
Còn nhơn sanh khổ con còn gia công.*³

Như vậy khi giúp cho người tức là ta đã giúp cho mình, thấy người vui ta cũng vui theo, thấy người khổ lòng ta cũng khổ theo. Khi lo cho người lòng mình cảm thấy an vui khoan khoái, cho nên thấy người khổ thì chúng ta ra công giúp sức bằng hết khả năng của mình. Không những giúp cho người về vật chất mà chúng ta phải dẫn dắt họ tìm thấy con đường đạo đức, tu hành giải thoát khỏi cảnh khổ thế gian. Riêng đối với người đã chết khi còn sống chưa biết tu hành, khi chết đi linh hồn rất đau khổ, vì vậy chúng ta có bốn phận cúng cầu siêu để họ sáng

suốt tâm linh thoát cảnh tối tăm, như cúng cầu siêu, cúng cầu, cúng cầu siêu tháng bảy, v.v.

Phải biết tập tánh nhân từ, thương yêu cả loài vật, vì chúng cùng cội nguồn được sinh ra từ Thượng Đế, do tiến hóa sau nên chúng là đàn em của chúng ta, chúng ta có bốn phận phải giúp đỡ, tạo điều kiện cho đàn em của mình cùng tiến hóa theo. Cho nên, chúng ta phải ăn chay và khuyên người khác ăn chay để không sát hại loài vật, bởi vì chúng cũng giống như con người, cũng biết sợ, biết đau khi bị người sát hại. Nếu làm được như vậy thì lòng nhân con người phát triển, tình thương mở rộng. Thầy dạy:

*Con Thầy thì phải giống Thầy,
Giống Thầy ở chỗ đủ đầy tình thương.*

Bên cạnh công quả giúp đời thì công trình, công phu không thể thiếu trong việc tu hành. Công trình rèn luyện trau sửa thân tâm cho hoàn mỹ, để làm gương cho người khác noi theo; còn công phu tịnh luyện giúp tâm thanh tịnh tiếp được điển lành gieo rải, hồi hướng đến những nơi nào có người đau khổ cần cứu giúp, để họ nhận được điển lành mà sớm thức tỉnh tâm linh, quay về nẻo chánh.

Có học giáo lý, con người mới được thấm nhập lời vàng tiếng ngọc để trở nên hiền hòa, sáng suốt hơn trên đường tu hành. Như vậy, những nơi có “ấu nhi” đau khổ cần được giúp đỡ về dân sanh, dân trí và dân đức thì mới đủ để con người thoát khổ. Có như thế thì chúng ta mới gánh vác sứ mạng giáo dân vi thiện để làm lan tỏa chân lý cứu độ của Đức Từ Tôn, để “đóng địa ngục, mở tầng thiên” ngay miền hạ giới. Lúc đó Đức Mẹ ngự nơi tâm mỗi người, và chúng ta không còn phải lo lắng, vì Mẹ đã xác nhận: “Bên con có Mẹ lo gì không nên.”

Chúng ta muốn được hạnh phúc thì hãy mang hạnh phúc đến cho mọi người, muốn được an vui thì hãy mang niềm vui đến cho người khác. Muốn có cơm ăn áo mặc, hãy nhường cơm sẻ áo cho người gặp khó khăn. Muốn sáng suốt tâm linh hãy đem giáo lý đến để khai sáng người mê

(XEM TIẾP TRANG 68)

1. Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967)
2. Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).
3. Chơn Lý Đàn, 26-01 Quý Sửu (28-02-1973).

NỮ CHUNG HÒA

*một chặng đường
hai mươi năm*



■ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Liên cảnh tịnh:

Bồng Lai – Ngọc Chiêu – Như Ý Linh Thần Đài

Trong một lần giảng đàn, Đức Mẹ có dạy:

Cùng thọ giáo một sư nam nữ,

Mà phái nam hiểu chữ tu trì,

Còn bên phái yếu nữ nhi,

Dạt dào trôi nổi, li bì Nam Kha.

Chính vì sự dạt dào, trôi nổi, không định hướng đó của nữ phái, ngày Rằm tháng 8 năm Kỷ Dậu 1969, tại Thánh thất Bình Hòa, Đức Mẹ đã từ bi ban trao chương trình 5 điểm để nữ phái có đường lối, phương thức hành đạo, lập đức, tu thân. Vâng lời Đức Mẹ dạy, kể từ ngày Rằm tháng 4 năm Nhâm Thân 1992, Nữ Chung Hòa Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo bắt đầu chương trình giao lưu học tập giáo lý lần đầu tiên tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, tới nay đã tròn 20 năm.

20 năm qua, các Chị không chỉ miệt mài, lặn lội đến hầu hết các Thánh sở trong thành phố, mà còn đến các tỉnh miền Đông, miền Tây: Bạc Liêu, Cà Mau, nơi tận cùng của Tổ Quốc. Các Chị đã đem giáo lý của Ôn Trên đến tận những nơi xa xôi, hẻo lánh, giúp nữ phái có điều kiện học tập tu hành.

Nhìn bức ảnh đạo tử Bạch Hạnh và phái đoàn Nữ Chung Hòa bước qua chiếc cầu ván nhỏ trong một lần đến nơi ước hẹn học tập, lòng xúc động chợt nhớ bốn câu thi của Đức Quan Âm Như Lai:

*Cuộc đời lắm nẻo gặp chông gai
Tà chánh lẫn chen giữa hội này
Vững bước qua cầu thanh ván mỏng
Để hầu sáng tạo ở ngày mai.¹*

Các Chị đã gom hết tâm lực, trí tài để soạn thảo rồi bình giảng những bài Thánh giáo thật sâu sắc, đầy đủ, lại dễ hiểu, rồi hướng dẫn nữ phái học tập để tự tin bước lên bục giảng góp ý, tham luận. Và nhất là phần đúc kết, Quý tử đã nhấn mạnh thêm ý chính, trọng tâm của bài Thánh giáo, nhờ thế lời dạy của Ôn Trên càng thêm sáng tỏ tận tường.

Có lần hiền huynh Hội Trưởng Liên Tịnh đã phát biểu: “Quý tử là chiếc điện đài chuyển tải những lời châu tiếng ngọc của Thầy Mẹ và các Đấng đến với nữ phái.”

Các Chị chính là chiếc cầu nối, là con đò thăm lặn rước đưa đàn em nữ phái cùng vượt sông mê xuôi về bờ giác.

Nhìn những mái đầu tóc bạc hoa râm

Mới thấy hết lòng Mẫu Từ thương con tha thiết

Nên dặn các chị, phải dắt dìu em đi học

Làm con đò, cho nữ phái bước qua sông.

Rồi mỗi năm, các Chị còn hướng dẫn chúng em làm bài thi báo cáo lại sự học, hiểu của mình để dâng lên Đức Mẹ. Mỗi lần viết bài thi, chúng em ngồi cặm cụi viết mãi mà chẳng suông câu, mỗi lần làm bài là tốn gần nửa cuốn lịch cũ, đưa

cháu thấy vậy chặt lưỡi hít hà: “Bà làm tập làm văn hao giấy quá!”

Nhiều chị em khác nói vui khi tập trung viết bài là: “Đang bận dệt áo cà sa, các việc khác tạm thời gác lại.”

Đúng lắm, vì tấm áo Đạo, món quà chị em các nơi được nhận sau mỗi lần viết bài, là phần thưởng hữu hình của quá trình học tập. Chúng em yêu quý lắm, vì chứa đựng một giá trị tinh thần mà không thể nào mua được ở chợ. Có nhiều vị đáng người hơi lớn, phải đề nghị xin thêm mấy tấc vải để chiếc áo được rộng ra một chút.

Những điều mà chúng em xúc động nhất là những bài thi của nữ phái, được các Chị đặt ở nơi trang trọng nhất trong các lễ phẩm dâng trình lên Đức Mẹ và Chư Thiên trong ngày lễ Trung Thu, ngày Đức Mẹ giảng lâm cõi trần.

Qua bao công khó, nhưng kết quả đạt được là tất cả sự thương yêu, tình đoàn kết, tương thân tương ái, và nhất là sự tiến bộ ham học, ham tu của nữ phái. Niềm vui lớn quá, làm các Chị như quên mất cả thời gian, thậm chí 20 năm rồi đó các Chị ơi!

Nữ phái vốn có rất nhiều khó khăn, trắc trở nhưng với tâm chủ định, chí cương quyết và lòng hy sinh, các Chị đã thực hành được sứ mạng Ôn Trên giao phó, các Chị đã gieo hạt giống lành, rồi vô phân tưới nước cho giống ấy đơm hoa kết trái.

Tỷ ơi! Năng chăm bón, vô phân tưới nước

Để mỗi ngày, mầm đạo đức được vươn cao

Và khi đã làm tròn lời Mẹ dạy

Tay trong tay, sau trước dắt nhau về.

Hiện tại có nhiều vị Nữ Chung Hòa đã trở về cùng Thầy Mẹ nhưng chắc chắn vẫn luôn âm phò mặc trợ cho nữ phái Đại Đạo trên bước đường tu học và phụng sự nơi thế gian.

Chúng em là lớp người đi sau, nguyện chung tay góp sức, đoàn kết cùng nhau vững bước tu hành và xin học tập tấm gương hy sinh, ý chí cương quyết, trì thủ trên đường sứ mạng của tập thể Nữ Chung Hòa. ■

1. Minh Lý Thánh Hội, 14-01 Kỷ Dậu (02-3-1969).

“Nữ phái rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa”

■ TRÚC THẢO



Đức Mẹ đã dạy nữ phái: “Các con là đạo tài thành trong bản chất thanh tịnh nên rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa, vì trước chất còn ẩn khuất nơi đức Nhu, nên giác ngộ sớm và cũng hay lạc lẫm thiên chấp.”¹

VÌ SAO NỮ PHÁI RẤT DỄ TU CHỨNG MÀ CŨNG RẤT DỄ SA ĐỌA?

Đức Vân Hương Thánh Mẫu đã từng giảng dạy như sau: “*Nữ Chung Hòa là cực điểm của tình thương.*”² Thật vậy, khi nói đến nữ phái, những mỹ từ đề cập đến thường liên quan đến tình cảm như: lòng từ mẫu, đức hy sinh, thủy chung, tảo tần, nhân hậu... Vì thương, nữ phái đã cả đời tận tụy; cũng vì thương, không ít nữ phái đã đưa mình đến bước đường cùng không lối thoát.

Đức Mẹ cũng xác nhận rằng: “*Nữ phái rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa.*”

Vì sao nữ phái dễ tu chứng? Con người nói chung, nữ phái nói riêng, có một kho tàng vô giá, “*Kho tàng ấy là đạo đức, là tình thương, là lễ hằng sống.*”³ Tình thương ấy là tình thương vong kỷ vị tha, quên mình vì người. Tình thương ấy là Đạo, là Thượng Đế tính mà Trời phú bẩm cho vạn loại. Đối với sinh vật cái nói chung hay nữ phái nói riêng, tình thương yêu là bản chất, bản năng, là lương tri tự nhiên hằng hữu; nó làm cho dã thú nơi rừng sâu vẫn có tình mẫu tử không ăn thịt con mình, nó làm cho loài kinh ngư nơi biển sâu vẫn có tình thương bảo tồn con cái. Tình thương ấy là động lực làm cho con vật mẹ có một sức mạnh vô biên bảo vệ con mình, dù phải đối diện với kẻ thù mạnh hơn gấp bội hay phải đối diện với sự chết. Ở loài người, hình ảnh

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng Chạp Quý Sửu (07-01-1974).

2. Nam Thành thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

3. Nam Thành thánh thất, 10-3 Mậu Thân (07-4-1968).

người mẹ là đề tài có giá trị muôn thuở, “trái tim người mẹ vượt lên trên sự giàu nghèo, sang hèn, ngôn ngữ cùng những phân biệt, ngăn cách của thế gian này và có khi còn vượt ra khỏi ranh giới của thiên ác nữa”⁴. Đã có không ít giai thoại về tấm lòng hiếu nghĩa, hy sinh của nữ phái, xin trích vài câu chuyện:

THOẠI KHANH - CHÂU TUẤN: Thoại Khanh là một phụ nữ xinh đẹp, tiết nghĩa và là người vợ hiền, dâu thảo. Châu Tuấn – chồng nàng, bị đày đi sứ 17 năm vì tội kháng chỉ nhà vua không chịu lấy công chúa làm vợ. Thoại Khanh cùng mẹ chồng dìu dắt nhau quyết đi tìm cho gặp được Châu Tuấn bị lưu lạc. Đói rét, Thoại Khanh đã phải cắt thịt ở cánh tay để nuôi mẹ chồng.

Một câu chuyện có thật về sự hy sinh của một người mẹ trong trận động đất ở Nhật Bản: Khi trận động đất xảy ra, khi đội cứu hộ tiếp cận hiện trường hoang tàn thuộc về ngôi nhà của một phụ nữ trẻ, họ trông thấy thi thể bất động của cô qua các khe nứt. Nhưng tư thế của cô thật kì lạ, trông cô như đang quỳ xuống như khi cầu nguyện, thân cô hướng về phía trước, và hai tay cô như đang bọc lấy thứ gì đó. Ngôi nhà đổ nát đã đè quy hoàn toàn lưng và đầu của cô. Dù rất khó khăn, người đội trưởng vẫn cố gắng đưa tay qua các khe nứt để chạm tới thân người phụ nữ. Ông hy vọng mong manh rằng cô vẫn sống. Tuy nhiên, làn da lạnh và cơ thể cứng đã bảo ông rằng người phụ nữ này đã vĩnh viễn ra đi. Linh tính mách bảo điều gì đó, người đội trưởng lại lần mò một cách khó nhọc bên dưới không gian chật hẹp cơ thể đã lạnh của người phụ nữ, và bất ngờ thay, ông reo lên một cách mừng rỡ: “Một đứa trẻ, là một đứa trẻ!”

Cả đội đã cùng với nhau, cẩn thận di dời từng mảnh đổ vỡ của căn nhà chung quanh người cô. Một cậu bé 3 tháng tuổi đã được tìm thấy trong tấm chăn hoa bên dưới thân người mẹ đã mất của mình. Người mẹ đã hy sinh thân mình để cứu lấy cậu bé, khi căn nhà sụp đổ, cô

4. <http://www.taberd75.com/linh%20tinh/ToivaMe.htm>

đã ôm trọn đứa trẻ và gánh lấy toàn bộ sức nặng của tòa nhà. Đứa trẻ vẫn ngủ, một cách bình yên, khi người đội trưởng đưa ra.

Bác sỹ nhanh chóng kiểm tra cậu bé, khi mở tấm chăn ông thấy một chiếc điện thoại. Một dòng chữ vẫn sáng trên màn hình. Dòng chữ nói rằng: “Nếu con có thể sống, con phải nhớ rằng mẹ luôn yêu con.”⁵

Hy sinh, đó là Bồ Tát hạnh. Hy sinh cho chồng, cho con, cả đời không quản. “Các con là Đạo tài thành”, người phụ nữ chẳng những đã hy sinh vật chất, thời gian, sức khỏe, mà còn hy sinh cả hạnh phúc của chính mình để cho người thân đạt được nguyện vọng: những giọt nước mắt của người vợ năm xưa tiễn chồng lên kinh kỳ ứng thí, những giọt nước mắt của người mẹ ngày nay tiễn con đi xa hay ngày con đi lấy chồng; những người vợ, người mẹ tiễn chồng con ra mặt trận...

Những mẫu chuyện đời thường như thế không thiếu trong kho tàng thi văn thế giới. Trong lịch sử các tôn giáo, còn có không ít câu chuyện thể hiện tấm lòng yêu thương thiên phú của nữ phái dành cho nhân loại. Đó là hình ảnh các nữ tu tận hiến cả cuộc đời để chăm sóc những bệnh nhân cùi, AIDS, bệnh xã hội,..., chăm sóc trẻ em mồ côi hay những người già yếu không nơi nương tựa,...

Tình thương là chìa khoá mở cửa Bạch Ngọc Kinh.⁶ Do đó, với tình thương vong kỷ vị tha, quên mình vì người, nữ phái sẽ từng bước hoàn thiện bản thân, xây đắp thánh tâm để trở nên từ ái mà trở về phục vị. Vì vậy, Đức Mẹ cho hay “nữ phái rất dễ tu chứng”.

VÌ SAO NỮ PHÁI DỄ SA ĐOẠ?

Tình thương là động lực để hành động cao thượng bao nhiêu thì tình thương cũng chính

5. <http://www.anninhthudo.vn/Nhip-tre/Cong-dong-mang-roi-nuoc-mat-vi-cau-chuyen-cam-dong/415858.antd>

6. “Sự thương yêu là chìa khoá mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế Giới và Bạch Ngọc Kinh.” – Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

là mầm mống cho bao điều tội lỗi, đưa nữ phái đến con đường lạc lẫm, sa đọa.

Yêu và hận, đó là kết quả của một tình yêu thương vị kỷ mà con người bị ngộ nhận. Đức Quan Âm dạy phải phân biệt tình thương đúng đạo lý như sau:

*“Nếu thương thân mình, thương gia thế tôn tử, dung lượng tình thương đó như dung lượng nước ở dấu chơn trâu. Còn tình thương quốc gia dân tộc, dung lượng bằng vũng nước ao hồ; còn tình thương nhân loại như nước chồn đại dương. Xét lại mà coi: nếu nước ở dấu chơn trâu thì có giới hạn, nhiều dấu chơn trâu có nhiều giới hạn. Có những khoảng cách ngăn, dấu thì nước trong, dấu thì nước đục. Vì chỗ trong đục, đục trong, sanh ra quấy phải. Vì chỗ quấy phải, sanh ra cạnh tranh. Chính chỗ cạnh tranh là mầm xáo trộn trong nhân loại. Ở gia đình thì vợ chồng, anh em cãi vã, đánh đập xài xể thân xác, đến cùng chòm xóm, cạnh tranh đến chỗ hạ thủ bất nhượng. Giữa tình này cùng tình khác, cạnh tranh đưa đến chỗ giặc chòm. Giữa quốc gia này cùng quốc gia khác, thì vì cạnh tranh ắt đưa đến chỗ tàn sát không gớm tay! Từ đó là mầm lồi cuốn thế giới vào cuộc nguy vong. Chính vì chỗ thiếu tình thương, hoặc tình thương nhỏ hẹp, tuy khinh thường, nhưng nó là mầm non, cội rễ phát sinh ra đại cuộc. Vì lòng là tâm. Tâm người xa cách nguyên thủy, căn bản, tức là xa Thượng Đế. Xa Thượng Đế là xa tình thương. Mà hễ loài người thiếu tình thương, ôi thôi! hậu quả vô cùng vô tận!”*⁷

Như vậy, tình thương thân bằng quyến thuộc, tình yêu nam nữ, tình yêu quê hương dân tộc, có khi lại là mầm mống của những cuộc chiến tranh, trả thù hàng nhiều thế hệ, như trong sử sách còn ghi lại, vì tình thương đó còn nhuộm màu vị kỷ, tình thương còn giới hạn trong phạm vi bản thân, gia đình, quốc gia, giáo phái. Tình thương đúng đạo lý là tình thương vô ngã, vong kỷ vị tha, không điều kiện và không biên giới.

Tình thương với mong muốn sở hữu cũng

dẫn đến đau khổ, làm cho con người phải lạc lẫm, sa đọa. Tình thương chân thật là cho đi mà không mong đợi điều gì, có chăng chỉ là mong muốn được phục vụ, mang điều tốt đẹp đến cho người mình thương. Tình yêu thương có điều kiện thực chất chỉ là sự ích kỷ, sự vọng cầu, mà nếu không đạt được, con người sẽ dễ mất điểm tựa, thất vọng và đau khổ.

Đức Quan Âm dạy: *“Biết thương cho sở thích nhất thời, biết thương cho thị dục cá tính, biết thương cho từng giai đoạn một. Chung quy lại là thương cho ma quỷ, làm nô lệ cho dục vọng, ích kỷ hại nhân.”* Nữ phái, vì quá yêu thương, đôi khi sa vào chỗ khắt khe, áp đặt, kiểm soát mọi người, làm mất niềm tin và tình cảm người thân, vô tình đã biến gia đình thành địa ngục. Yêu và hận, thương càng nhiều, lòng hận thù của người phụ nữ càng cùng cực, đưa đến chỗ bi kịch không lối thoát.

Chúng ta cùng học và làm theo gương Từ Mẫu: *“Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?”*⁸ Vì vậy, nữ phái phải học cho đi mà không cần nhận lại, không xét nét và cũng không cần suy tính; học yêu như Mẹ, tha thứ bảo tồn như Đức Mẹ thì mới được an vui và mang an vui đến cho mọi người.

Nữ phái thường hay yếu mềm, lệ thuộc vào tình cảm người thân. Do đó nữ phái hay thiếu quyết đoán, thiếu phân minh, thiếu sáng suốt do bị tình cảm chi phối. Tục ngữ có câu “Thương cho roi cho vọt.” Những người mẹ nếu quá yếu mềm, nuông chiều con một cách mù quáng, không có lập trường kiên định, không có sự sáng suốt để nhận định điều đúng đạo lý, để tình cảm lấn át lý trí, thường dẫn đến hậu quả khó lường, có khi làm cho người mẹ đau khổ cả đời. “Nuôi con đã khó, để dạy dỗ con còn khó hơn gấp nhiều lần. Làm cha mẹ, ai cũng yêu thương con, nhưng

7. Huồn Cung Đàn, Rằm tháng 5 Ất Tỵ (13-6-1965).

8. Thánh thất Bình Hòa, Rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

để yêu thương con đúng cách thì bản năng làm mẹ thôi chưa đủ. Bạn còn cần có sự hiểu biết, sự kiên trì, thời gian, sự phối hợp giữa những người lớn trong gia đình.”⁹ Đã có bao nhiêu cảnh gia đình tan nát, con cái hư hỏng, phạm tội ngoài xã hội, nữ phái có phần trách nhiệm rất lớn. Sáng suốt, hành xử khéo léo, kiên trì, làm cho trọn vẹn mọi bề, thể hiện đức hy sinh của nữ phái, giúp nữ phái vượt qua sự lạc lảm yếu đuối.

Tình thương không công bình cũng là nguồn gốc của sự đau khổ. Công bình là đạo lý, mất công bình là không đúng đạo. Vì không công bình nên xử sự có phần thiên lệch, “trái ấu cũng tròn, bồ hòn cũng méo”. Không công bình giữa những người con trong nhà, giữa con dâu và con ruột, giữa con và người ngoài... Sự thiên lệch này là để tài muôn thuở trong gia đình, đặc biệt là quan hệ mẹ chồng nàng dâu. Bất công sinh lòng oán hận, mà người chịu ảnh hưởng, chịu thiệt thòi và đau khổ cũng là nữ phái.

Vì tình thương, nữ phái đã tự tạo nên xiềng xích trói buộc bản thân mình. Đức Mẹ đã kể ra như sau:

*(...) Đã trót sanh trần gian cõi tạm,
Mang hình hài trong đám nữ nhi;
Đời con phải có những gì,
Hiển dưng Đức Mẹ mỗi khi trở về.*

9. <http://afamily.vn/me-va-be/yeu-thuong-con-dung-cach-cha-me-cung-can-phai-hoc-20130604045832601.chn>

*Cho khỏi thẹn lời thế năm ấy,
Vào cõi đời mang lấy vào thân;
Đến khi con xuống hồng trần,
Mệnh mang nhục thể bội phần khó khăn.
Cực hờn đám nam nhân mọi mặt,
Việc tể gia sắp đặt ngoài trong;
Con thơ một đám ròng ròng,
Cảnh nhà đủ thiếu từ trong đến ngoài.
Con ngày tháng trở xây mọi mặt,
Đứa nghèo nản đầu tắt mặt đen;
Nông phu tay đất chơn phèn,
Quanh năm suốt tháng đua chen với đời.
Có ai để khuyên lời đạo đức,
Rằng tôi còn nghèo cực long đong;
Chứng nào gia đạo vẹn xong,
Các con nên vợ nên chồng sẽ hay...¹⁰*

Tóm lại, nữ phái, với bản chất “thanh tịnh”, sống thiên về tình cảm nhất là tình cảm gia đình, với tính chất “tài thành”, luôn muốn mang đến cho người thân mọi sự tốt đẹp, nữ phái “rất dễ tu chứng mà cũng rất dễ sa đọa”, nếu không biết giác ngộ, sống đúng đạo lý, nữ phái dễ bị thiên chấp, lạc lảm, đau khổ.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Mẹ và các Đấng Thiêng Liêng đã chỉ ra con đường giải thoát hầu giúp cho nữ phái bước lên đường sứ mạng, sánh cùng nam phái mà lập công bồi đức phục hồi cựu vị. Nữ phái hãy ghi nhớ lời Mẹ dạy để sớm giác ngộ và được tu chứng. ■

10. Nam Thành thánh thất, Rằm tháng 6 Tân Hợi (05-8-1971).

MẸ KHÔNG NGỰ TRÊN ĐÀI CAO...

(TIẾP THEO TRANG 62)

muội. Muốn Ở trên tha thứ lỗi lầm hãy khoan dung tha thứ cho người có lỗi với mình. Phải lấy tình thương làm gốc để đối xử với nhau thì mọi việc mau chóng thành công, mới mong có cảnh thái bình an lạc. Tâm hỷ xả, thanh tịnh là vốn quý của con người, đó là chìa khóa mở được mọi cánh cửa.

Thầy Mẹ luôn dạy chúng ta phải biết thương yêu, đó là món quà trang trọng nhất kính dâng Thầy. Như vậy nhiệm vụ của chúng ta phải cố gắng thực hành cho được, tuy có khó khăn nhưng đừng nên thối chí ngã lòng, nếu chúng ta cố gắng thì luôn được sự hộ trì giúp sức của Ông Trên. Mẹ sẽ chờ che và ngự nơi tâm những ai biết thực hành tình thương Vô Cực. ■

Mùa thu

ĐẦU TIÊN



■ NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Liên cảnh tịnh: Bồng Lai – Ngọc Chiêu – Như Ý Linh Thần Đài.

Mùa thu lại về. Nhắc đến mùa thu là người đời nghĩ ngay đến sự buồn bã, chia ly. Nhưng với người tín hữu Cao Đài, mùa thu là mùa của lòng yêu thương, của tình mẹ hiền.

Tôi vẫn còn nhớ như in mùa thu năm Mậu Tý 2008 tại Như Ý Linh Thần Đài, lần đầu tiên tôi được dự Hội Yến Bàn Đào. Khung cảnh ngoài trời âm đạm, giọt mưa thu rả rích, nhưng trong chánh điện thật ấm áp tình thương, hoa quả xinh tươi, đèn hương sáng rực, không khí thanh tịnh trang nghiêm, những câu kinh tha thiết, những lời giáo huấn của Đức Mẹ như dòng suối mát rót vào tâm hồn chúng con. Bao giọt lệ khóc thương Mẹ, thương thân, hòa trong những giọt lệ hạnh phúc như đang được cùng nhau quây quần bên Mẹ, tất cả những quả ngọt, rượu ngon, chúng con kính dâng lên Đức Mẹ. Được Đức Mẹ ban ơn lành thành những trái phép, để chúng con cùng chung hưởng, đã thắp sáng lòng con, khai mở tâm con, qua bao nhiêu năm dài bị u tối.

Lời Thánh giáo thiết tha của Đức Mẹ: “Mẹ hồi tưởng khi các con vắng Mẹ, trững giỡn trước ao sen, gió thổi lác lờ cành sen nghiêng qua lác lại. Ôi! Đau thâm cho già, chống gậy ngóng trông, mà các con đành lìa Mẹ, xa khơi nơi vòng trần

thế tục mà quên cả cội căn” khiến lòng con đau thắt, xúc động biết bao.

Con xin kính dâng lên Đức Mẹ bài thơ Thức Tỉnh:

Người mẹ sinh ra con đã mất tự lâu rồi,
Cuộc sống trần, con những tưởng bị mồ côi.
Con đâu biết, đâu hay, con vẫn còn có Mẹ,
Mẹ linh hồn đang ngự ở trên cao,
Nhưng không xa, không cách một chút nào,
Vì tâm có Mẹ, thì Mẹ luôn bên cạnh.
Chưa gặp Mẹ nhưng lòng con vẫn nhớ,
Lời Mẫu Từ, luôn văng vẳng bên tai.
Tiếng nỉ non, Mẹ khuyên giải tận tường,
Chỉ nẻo thẳng, đường ngay cho con bước.
Dẫu lý đạo con chưa hiểu thấu,
Nhưng lòng Mẫu Từ, con đã cảm được Mẹ ơi!
Nên bao khó khăn, con chẳng dám bước lùi,
Vì chỉ sợ Mẹ buồn, rồi Mẹ khóc.
Mẹ đã thương, nên gọi con tỉnh thức,
Còn đưa tay, cho trẻ nín lần qua.
Tuy chông chênh, gập ghềnh con cố bước,
Sóng dập vùi, con lội ngược dòng khơi.
Quyết không dám buông tay, vì con rất sợ,
Lạc Mẹ hiền lần nữa biết làm sao!
Cố theo chân huynh tỷ, bước nhanh nào,
Mong trở lại ao Diêu Trì ngày trước. ■

Tâm sự

NGÀY XANH



Viết để tặng:

- Các bạn Thanh Thiếu Niên tràn đầy sức sống
- Các em Thiếu Đồng nhiều hứa hẹn ở tương lai.
- Quen nhau một chiều đẹp – thương nhau – nhiều kỷ niệm cho nhau – Muốn cùng nhau hướng về ngõ tốt lành, vụn vể, cho ngày xanh có ý nghĩa, không uổng phí – Mong rằng sẽ hiểu được nhau.

Đêm 1 tháng 3 năm 1976,

Em Đoàn Trang mến,

Giờ này Đoàn Trang đang làm gì? Chị hình dung tới một đứa em đang cặm cụi học hành mà không biết rằng chị nó đang nhớ nó rất nhiều.

Đoàn Trang ít nói nhất trong bộ ba (Trang, Mỹ, Hiền), nhưng ánh mắt nhu mì, nụ cười duyên dáng thơ ngây đã là những hình ảnh chị ghi mãi trong lòng.

Tiếc rằng chị em mình biết nhau qua một thời gian ngắn ngủi – mùa hè ác độc – mùa chia tay – cuộc chia ly nào lại không nhiều nước mắt. Thôi, dù có xa cũng đừng nói xa mãi để chị còn hy vọng, để cho cuộc chia ly bớt buồn.

Rồi đây sang năm làm sao chị nhìn thấy được hình dáng của em hằng ngày cắp sách đến ngôi trường cổ kính này, dù rằng ngày ngày chị vẫn thấy trăm ngàn đứa trẻ tuổi em.

Trang biết không, Trang còn trẻ lắm. Tuổi trẻ ưa thích hoạt động, hăng say nhất thời, không cần hậu quả ngày mai, do đó dễ bị cuốn trôi theo dòng đời – Em như con thuyền bé nhỏ mà dòng đời là bể cả mênh mông, thuyền chưa định hướng, “tuồng đời lại muôn mặt, diễn đạt đủ trò, vương bá công khanh tướng hể lẫn lộn, điều ngoa xảo trá, nay Sở mai Tần”.

Biết đâu là bến đỗ?

Bão táp phong ba có tha chăng? Dẫu rằng “càng bão tố phũ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững lèo vững lái”. Mong sao con thuyền bé bỏng được thuận buồm lướt gió, sóng yên bể lặng, xuôi về bến đỗ Tình thương.

Nói thế chứ chị dư biết rằng: với tuổi trẻ nhiều hy vọng, với khối óc đầy nghị lực, một tinh thần xã hội sẵn có, Trang sẽ thắng tất cả. Chị nào quên hôm chia tay, chị em chúng mình bàn luận rất nhiều, Trang hỏi:

– Sự hiện diện của con người trên thế gian này có mục đích gì?

Chị biết em cũng có những ưu tư, những thắc mắc như tất cả mọi người trên quả đất này, nào là: Con người từ đâu đến? Sống để làm gì? Rồi chết đi về đâu?

Ở đây chị xin mượn lời Đức Cao Triều Tiên Bối – bậc tiền bối của Thanh thiếu niên Phổ Thông Giáo Lý – để góp ý cùng em: “Đời người hữu hạn, đạo lý trường tồn. Hãy tạo lập cho mình một đạo nghiệp để cho ngày mai, mới khởi uổng một kiếp vì nhơn, khởi hoài công dung dưỡng cho cái nhục thể trong khoảng đời mấy mươi năm cơ cực.”¹

1. Thánh thất Bình Hòa, 26-12 Đinh Mùi (25-01-1968).

*Tài cũng chết, bất tài cũng chết
Biết không còn, không biết chẳng còn
Trải thân đến nợ nước non
Máu xương lấp mấy cho tròn hiếu trung.²*

Thế nên chị muốn nơi Đoàn Trang cũng như tất cả ai ai đều biết tìm cho mình một hướng đi trường kỳ, biết “*hiến dâng sở năng sở hữu để phục vụ cho lý tưởng đạo đức thanh cao, hiến dâng để quên hết cuộc truy hoan đồi trụy, bỏ hẳn nếp sống tầm thường, un đúc mình vào khuôn viên mẫu mực đạo lý hầu tiếp nối vĩ nghiệp tự năm nào còn lưu lại.*”³

Lòng chị là thế ấy. Chị hy vọng nơi Đoàn Trang một mầm non xinh tươi đang đâm chồi nảy lộc mà dân tộc và nhân loại đang chờ. Rồi đây em của chị sẽ thành công, sẽ trở nên người giúp ích nhiều cho đời.

Thôi, không biết gì hơn nữa, chúc em được an lành tiến mãi trên tinh thần lẫn vật chất. Chị ngừng bút nơi đây. Đêm đã khuya lắm rồi. ■

Đêm 1 tháng 3 năm 1976,

Em Thùy Mỹ mến,

Chị đã nhận được 4 tấm hình kỷ niệm, chị quý nhất tấm hình – chị đoán không sai – với chữ viết của Mỹ: “Hợp mặt cuối năm”

Hợp để rồi tan. Có cuộc vui nào không tàn. Vui ngắn, buồn dài lê thê.

Xuân, Hạ, Thu, Đông, 4 mùa liên tiếp, làm gì có chuyện thời gian đứng lại phải không Mỹ? Nhưng nếu làm thời gian dừng lại được, chị sẽ để cho Hè này kéo dài mãi, để chị em mình gặp nhau nhiều hơn, thông cảm nhau hơn.

Sang năm biết có còn nhìn thấy nhau mỗi ngày nữa không? Em – kẻ ra đi, Chị – người ở lại, hoặc ngược lại chị ra đi còn em ở lại, nhưng dấu sao đi nữa những kỷ niệm tuy rằng đơn sơ, vụng dại – chị không bao giờ quên.

Mai đây, mỗi người một cuộc sống, không biết 5 năm, 10 năm, 20 năm nữa, Thùy Mỹ có còn nhớ tới chị không? Bây giờ ít ra chị đã tìm

được đứa em tràn đầy nhựa sống, một nụ hoa thơm hứa hẹn ở ngày mai rất nhiều.

Chị muốn đem tất cả tình thương của người chị đặt vào tay Đoàn Trang, Thùy Mỹ, chỉ sợ rằng hai em không đón nhận.

Em đang nghĩ gì đó? Tương lai em? Tương lai đất nước? Nhân loại sẽ đi về đâu?

Bây giờ chị trả lời câu hỏi của em hơi muộn: “Nếu mọi người đều sống thực với lòng mình, thương yêu tha nhân như chính bản thân mình, biết hòa mình trong đau khổ của thiên hạ, lấy niềm vui của kẻ khác làm niềm vui cho mình”. Lúc đó, chắc chắn sẽ không còn hận thù, chiến tranh sẽ biến mất, nhân loại sẽ hưởng được cuộc sống hòa bình an lạc. Em có nghĩ như chị không?

Mỹ mến! Chắc em đã biết hữu hình thì hữu hoại. Vật chất sẽ dần dà tan biến theo thời gian, cả danh vị lẫn quyền tước cũng bị qui luật hữu hình chi phối. Thân cát bụi rồi sẽ trở về với cát bụi. Chỉ có tinh thần, đạo lý là vĩnh cửu.

– Nơi em là hiện thân của tuổi đời đẹp nhất, tuổi em là phát huy, là sáng tạo. Hãy tận dụng đi. Hãy làm những gì em nghĩ thực lòng. Thời gian không đợi chúng ta đâu. “*Muốn chống con thuyền vượt khỏi khúc quanh co, không thể đứng trên bờ đê để chỉ trỏ. Hãy buông mình ra sông rộng. Hãy bước xuống thuyền.*”⁴

Đem tuổi xuân bù chi non nước,

Mượn hồn xuân vun tước quên chồi.⁵

Đường đời vạn nẻo chông gai. Nếu có con đường nào tốt đẹp nhất, trang điểm đầy hoa thơm ngát, dẫn tới chân trời hạnh phúc, nơi đó con người không còn đua chen danh lợi, tâm hồn thanh cao – đó là con đường chị muốn em đi qua.

Bao nhiêu tâm sự chị gửi vào đây.

Tư tưởng đã cạn theo một ngày vừa tàn. Chúc em thành công trong tinh thần xây dựng. Hẹn em dịp sau, chị xin ngừng nơi đây.

Chị. ■

2. Ngọc Minh Đài, 30-10 Đinh Mùi (01-12-1967).

3. Đức Cao Triều Phát, Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỷ Dậu (07-6-1969).

4. Đức Cao Triều Phát, Minh Lý Thánh Hội, 23-4 Kỷ Dậu (07-6-1969).

5. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

NGÔN NGỮ HÌNH TƯỢNG trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

Hình tượng được dùng để tượng trưng cho một hoặc vài ý nghĩa nào đó. Hình tượng rất phổ biến trong đời sống văn hóa, tâm linh của con người từ xưa đến nay thông qua các hình thức văn học, nghệ thuật,... đặc biệt trong lĩnh vực tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Hình tượng vừa đa dạng về hình thức, vừa phong phú về ý nghĩa tượng trưng, như hình tượng các vị thần trong truyền thuyết Hy Lạp [4], hình tượng hoa sen trong Phật giáo [2], hình tượng các loài thú trong Thánh kinh của Công giáo [5], hình tượng nước, lửa [6]... Và sự đa dạng, phong phú hình tượng trong tôn giáo Cao Đài cũng vậy. Thông qua kinh sách, nghi lễ Cao Đài giáo, chúng ta có thể thấy nhiều hình tượng như hình tượng Thiên Nhân, Vô Cực đấng, đèn Lương Nghi, hoa, rượu, trà, cổ pháp Xuân Thu – Phất chủ – Bát vu, hình tượng chiếc đài cao, quả Càn Khôn, thuyền Bát nhã, hạc trắng, v.v. Các vị nữ tu Công giáo đã từng đặt câu hỏi “Điều Trì Kim Mẫu là ai” với chúng ta. Thiết nghĩ, “Điều Trì Kim Mẫu” không dừng lại ở chỗ “là ai” mà chắc chắn Ngài là hình ảnh tượng trưng cho những ý nghĩa đạo lý sâu xa. Vậy ý nghĩa đạo lý của hình tượng Điều Trì Kim Mẫu này là gì? Chúng ta có thể tìm câu trả lời thông qua nhiều nguồn dữ liệu, một trong những nguồn dữ liệu là nội dung của bài Phật

Mẫu Chơn Kinh trong kinh Thiên đạo và Thế đạo của đạo Cao Đài [10].

1. HÌNH TƯỢNG

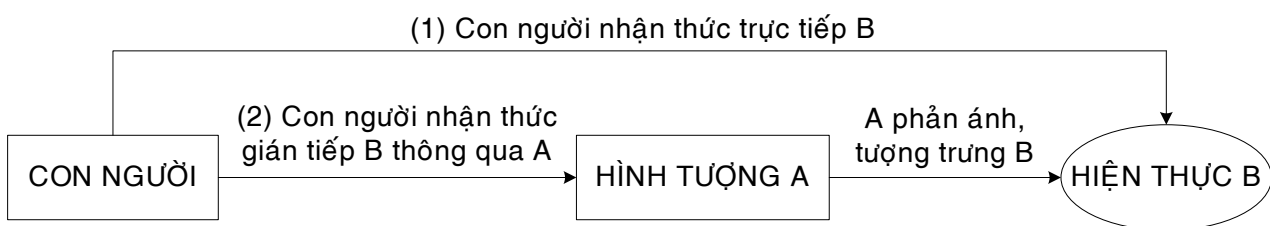
Hình tượng là sự phản ánh hay tượng trưng hiện thực (hay hiện tượng có thực) một cách khái quát bằng hình ảnh cụ thể và sinh động, được con người nhận thức (1) trực tiếp bằng thị giác hoặc (2) bằng một phương tiện khác kết hợp với kinh nghiệm của thị giác.

Trong câu ca dao “Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” thì “núi Thái Sơn” và “nước trong nguồn” đều là những hình tượng tượng trưng cho công ơn nuôi dưỡng vô cùng to lớn của cha mẹ đối với con cái. Núi Thái Sơn và nước trong nguồn là những hình ảnh cụ thể, sinh động mà con người có thể nhận thức được bằng thị giác, có thể thấy được trong thiên nhiên.

Con người có thể nhận thức một hiện thực B bằng hai cách (Hình 1). Cách thứ nhất (1) là nhận thức trực tiếp B. Cách thức hai (2) là nhận thức gián tiếp B thông qua hình tượng A, trong đó A là tượng trưng hoặc phản ánh cho B (xem hình 1).

2. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA HÌNH TƯỢNG

Để luận ra cấu trúc và đặc điểm của các hình



HÌNH 1: SƠ ĐỒ MÔ TẢ HAI CÁCH THỨC MÀ CON NGƯỜI CÓ THỂ NHẬN THỨC MỘT HIỆN THỰC B.

tượng trong nghi lễ tôn giáo, người nghiên cứu có thể dùng bốn nguồn dữ liệu [11]:

(1) Hình thức bên ngoài của biểu tượng và những tính chất khác có thể quan sát được của biểu tượng.

(2) Sự giải thích của những chuyên gia thực hành tôn giáo và những người khác.

(3) Những bối cảnh quan trọng mà các nhà nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu. Nói một cách khác, người nghiên cứu có thể có những nghiên cứu, tìm hiểu về biểu tượng, hình tượng nghi lễ tôn giáo trong những bối cảnh quan trọng.

(4) Nội dung kinh điển tôn giáo.

Hình tượng trong nghi lễ tôn giáo có một số đặc điểm như sau: cô đọng, là sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau (tính thuần lý), tràn ngập tính cảm xúc (tính cảm xúc) [1][6] [11].

Đặc điểm 1: Hình tượng có đặc điểm cô đọng.

Đặc điểm đơn giản nhất của hình tượng là cô đọng, tức là nhiều sự vật và hành động được thể hiện, được phản ánh trong một mẫu hình hay hình thái đơn nhất.

Đặc điểm 2: Hình tượng là sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau.

Mỗi hình tượng là sự phản ánh hay là sự tượng trưng của một hiện thực, hiện thực ấy là sự thống nhất của những ý nghĩa căn bản khác nhau.

Đặc điểm 3: Hình tượng ngập tràn tính cảm xúc.

Thông qua hình thức bên ngoài và ý nghĩa tượng trưng tương ứng bên trong mà hình tượng luôn đem đến cho con người nhiều cảm xúc, thôi thúc con người hướng thiện, đem đến con người sự mong muốn hoàn thiện chính mình.

Đặc điểm 4: Hình tượng bắt rễ sâu trong vô thức.

Hình tượng gợi lên hình ảnh và hình ảnh lưu lại rất lâu trong vô thức, tạo ấn tượng sâu sắc, khó quên nơi con người. Từ đó những ý nghĩa và hiện thực mà hình tượng đang phản ánh cũng tạo ấn tượng khó quên theo.

Ví dụ như trong thần thoại Hy Lạp, truyền về

các vị thần có liên quan đến sự hình thành thế giới và các thần linh, có nhắc đến một vị thần là thần Khaos [4] như sau: “Truyền thuyết của người Hy Lạp cổ xưa kể rằng thế giới ban đầu là một trạng thái hỗn mang, hồng hoang, vô biên, vĩnh hằng và chìm trong bóng tối âm u. Nó được hiện thân bằng một vị thần khởi nguyên mà người Hy Lạp gọi là thần Khaos, trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là thần Hỗn Mang. Chính thần Hỗn Mang này là nguồn gốc sự sống của vạn vật. Vạn vật, tức là cả thế giới muôn loài, trong đó có cả các vị thần bất tử đều sinh ra từ thần Hỗn Mang vô biên.” Thần Khaos (thần Hỗn Mang) là hình tượng tượng trưng cho thế giới ban đầu và nguồn gốc duy nhất của muôn loài. Cả hai ý nghĩa tượng trưng này đều nằm trong một sự thống nhất chứ không tách rời nhau. Thần Khaos là hình tượng cô đọng bởi là sự thể hiện trong một vị thần đơn nhất. Vị thần này có các đặc điểm giống với con người nên dễ tạo ấn tượng khó quên. Từ đó, con người luôn nhớ về một hiện thực rằng thế giới ban đầu là một trạng thái hỗn mang, trạng thái này là nguồn gốc sự sống của vạn vật.

3. MỘT SỐ HÌNH TƯỢNG TRONG BÀI PHẬT MẪU CHƠN KINH

Nội dung bài Phật Mẫu Chơn Kinh chứa đựng nhiều hình tượng. Mỗi hình tượng đều



HÌNH 2: VẬT TƯỢNG ĐIỀU TRỊ KIM MẪU VÀ CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG ĐƯỢC ĐÁP NỞI TRONG BẢO AN TỬ, NỘI Ô TÒA THÁNH TÂY NINH.

tượng trưng cho một hoặc nhiều ý nghĩa cơ bản. Trong đó hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu là hình tượng trung tâm, quan trọng nhất, là sự thống nhất của những ý nghĩa đạo lý căn bản khác nhau, tạo thành một hình tượng vừa mang tính cô đọng, vừa mang tính phổ quát cao. Ý nghĩa hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu cũng là nội dung chính của bài Phật Mẫu Chơn Kinh. Vậy hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh tượng trưng cho điều gì?

Nội dung bài Phật Mẫu Chơn Kinh có thể được tóm tắt như sau: [7][8][9]:

Tại từng thứ chín trong Cửu Thiên Khai Hóa là từng Tạo Hóa Thiên có một vị ở ngôi Thiên Hậu rất tôn vinh, gọi là Phật Mẫu Diêu Trì hay Diêu Trì Kim Mẫu. Đức Diêu Trì Kim Mẫu nắm giữ Kim Bàn, cầm quyền năng tạo dựng và dưỡng dục muôn loài vạn vật trong trời đất.

Ngài dùng khí sanh quang, hay khí Hư Vô đã được phân thành Âm và Dương, khi đó gọi là khí Âm - Dương để dưỡng nuôi và giáo hóa cả chơn tánh (linh hồn) lẫn hình hài (thể xác) của vạn sanh. Ngài hiệp Âm, Dương trong khí sanh quang, hay khí Hư Vô, vận chuyển, biến sanh ra mọi hình thể hữu hình, có danh, có tướng của chúng sinh trong trời đất. Chúng sinh do Ngài tạo ra được xếp theo tám phẩm hồn là Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu lấy sự nghiệp lập vị của muôn loài làm đại nghiệp của mình, đem con cái của Ngài trở về, định vị sống đời đời nơi Thiên Cung. Đại nghiệp của Ngài là lập vị cao nhất (chí linh) cho muôn loài và mở con đường để chúng sinh lập vị cho nhau.

Con người cũng giống như Trời Đất, đều có cùng đại nghiệp là phải lập vị cho muôn loài, đều có chu trình vận chuyển, còn gọi là chuyển luân. Vì vậy, con người mới có luân hồi chuyển kiếp, mới có căn, có kiếp sinh vào đời. Trong

những vòng luân hồi chuyển kiếp ấy, hoặc con người phải trả nghiệp trái oan có từ nhiều kiếp theo luật nhân quả, hoặc sẽ nhân dịp đó mà thoát được phẩm vị cao hơn, hoặc là tiến lên trên con đường thượng thiên.

Trong biển khổ của sự luân hồi chuyển kiếp ấy, Đức Diêu Trì Kim Mẫu dùng thuyền Bát Nhã, tức là dùng đạo lý, đạo Trời soi rọi vào lòng người để con người biết cải hối ăn năn, giải trừ nghiệp quả, tự tu, tự cứu mình ra khỏi trầm luân.

Và trong những vòng luân hồi của con người ấy, Đức Phật Mẫu trọn quyền xóa bỏ trần duyên oan trái của kiếp người nơi cõi tục, cho những ai gắng chí tu bồi Tam Công, đoái công thực tội, muốn thoát khỏi luân hồi, để đưa các chơn thần này phục hồi chơn nguyên.

Tam Nguơn đã vận hành ráo riết đến lúc Tam Kỳ giáp mỗi tuần huơn, cũng là lúc tận diệt, thì Đấng Chí Linh khai sáng đạo Trời để giáo dân. Đây cũng là thời kỳ Đại Hội Long Hoa, thời đại ân xá, được mở ra cho người giác ngộ tu hành, không phân chủng tộc, nòi giống, bước vào khoa thi tuyển để thành Phật Tiên. Trong kỳ đại ân xá này, nếu các chơn linh biết đoái công chuộc tội thì đều được Đức Diêu Trì Kim Mẫu ân xá. Ngài dùng quyền năng xóa bỏ khổ hình do oan nghiệt kiếp người, cho không còn cảnh địa ngục, quỷ quan, cho không còn kẻ thặng người đọa, tất cả đều được đạo quả một cách bình đẳng theo công trạng của mình.

Cũng nhờ Tam Kỳ đại ân xá, dẫu các hóa thể được sinh ra không biết nguồn gốc của mình hay các hóa thể bị thành quỷ hồn, hoặc những kiếp sinh khác thường, không có căn tu mà biết lập công bồi đức rồi cũng được phục vị Thần, Thánh, Tiên.

Trong hai kỳ phổ độ trước, đã có nhiều pháp môn khác nhau để tùy phương mà phổ độ. Đến nay là Kỳ Phổ Độ Thứ Ba, là kỳ Thượng Đế hiệp nhứt vạn pháp, điển hình là qua biểu tượng sách Xuân Thu tượng trưng cho Nho giáo, cây Phật chủ tượng trưng cho Tiên giáo

và Bát vu tượng trưng cho Phật giáo để lập thành một Chơn pháp duy nhất, đưa các bậc nguyên nhân – vốn là Phật Tiên nhưng còn mê luyến hồng trần – trở lại Phật tính của mình, và giáo hóa họ hạnh ngộ nhân duyên để trở về ngôi xưa vị cũ. Các chơn hồn xưa kia ra đi từ chốn thượng thiên, vào trần gian mà biết bốn phận lo tu thân hành Đạo, giúp đời độ chúng sanh, hoàn thành sứ mạng sẽ được trở về trời một cách vẻ vang.

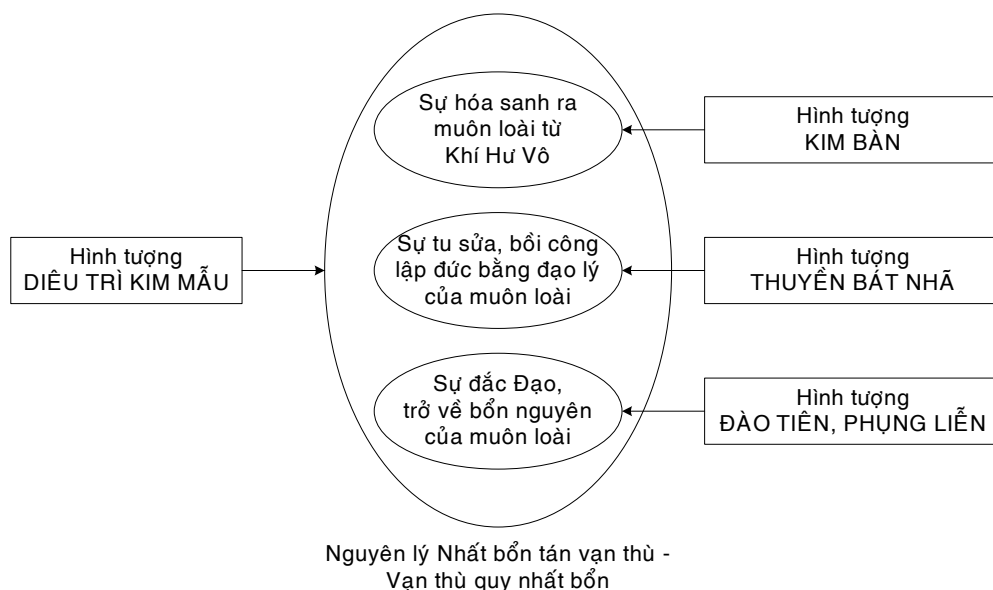
Nơi Điều Trì Cung, Đức Phật Mẫu Điều Trì chưởng quản Đào Tiên, là trái linh, vô cùng quý báu. Ngài dùng trái Đào Tiên làm phần thưởng cho các chơn linh đắc đạo trở về, ăn vào sẽ sống hơn mấy ngàn năm. Ngài vốn đưa chơn hồn đến cõi hồng trần và tìm phương đem các chơn hồn ấy quay về nơi chơn hồn ở thuở trước. Những chơn hồn lương thiện, biết tu hành sẽ có xe Phụng Liễu đưa chơn hồn siêu thăng vượt biển trầm luân đến Tiên cung, Phật xứ, được xưng danh tánh nơi cõi Phật Tiên mà mỗi chơn hồn có được.

Đức Chí Tôn sắc ban cho Thiên Hậu giáng trần lập Đạo đặng cứu độ chúng sanh. Ân dưỡng sinh, đảm bảo hồn hài ấy của Đức Phật Mẫu cao trọng sánh bằng công Tạo hóa Càn Khôn. Chúng con nguyện tôn dưỡng tâm tánh,

hằng lo tu hành hướng thượng, mỗi sáng, mỗi tối đến viếng thăm Từ Mẫu.

Nội dung bài Phật Mẫu Chơn Kinh giống như một câu chuyện. Mặc dù kể về Đức Điều Trì Kim Mẫu nhưng thông qua hình tượng này, bài kinh ẩn ý, nói về nguồn gốc vũ trụ, về chu trình sanh hóa và tiến hóa của vạn vật: từ trong Khí Hư Vô, Âm và Dương hiệp nhất, biến sanh ra muôn loài vạn vật. Muôn loài vạn vật luân hồi chuyển kiếp nơi thế gian là để tiến hóa, để lập vị cho mình và lập vị cho nhau, hầu cùng đạt đến phẩm vị cao nhất là trở về với nguồn cội thiêng liêng của mình. Theo vũ trụ quan giáo lý Đại Đạo, toàn bộ cuộc vận hành của vạn vật trong vũ trụ như thế được gọi là nguyên lý Nhất bốn tán vạn thù – Vạn thù quy nhất bốn [3]. Cho nên, hình tượng Điều Trì Kim Mẫu trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh tượng trưng cho nguyên lý Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất.

Hơn thế nữa, thông qua hình tượng Điều Trì Kim Mẫu, bài Phật Mẫu Chơn Kinh còn nói về đại ân xá Kỳ Ba: vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, thời kỳ nêu cao tinh thần vạn giáo nhưt lý, cũng là thời điểm của cơ tận diệt, nếu biết tuân theo đạo lý, giải trừ nghiệp quả, cải hối ăn năn, gắng chí tu hành, bồi công lập đức, đoái công chuộc tội thì cả con người và vạn vật, không phân biệt giống loài, không phân biệt nguyên nhân hay hóa nhân,



HÌNH 3: MỘT SỐ HÌNH TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA TƯỢNG TRƯNG TRONG BÀI PHẬT MẪU CHƠN KINH.

đều được sự ân xá, được xóa bỏ khổ hình để sớm tiến hóa, phục hồi bốn nguyên, đạt được phẩm vị Thiêng Liêng tùy theo công trạng của mình.

Ngoài hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu, bài kinh còn chứa đựng nhiều hình tượng khác như hình tượng Kim Bàn, thuyền Bát Nhã, Đào Tiên, Phụng Liễu, cổ pháp Xuân Thu – Phát chủ – Bát vu, Tiên cung, Phật xứ... Mỗi hình tượng tượng trưng cho một ý nghĩa căn bản trong một thể thống nhất là nguyên lý Nhất tán vạn – Vạn quy Nhất. Nói một cách khác, mỗi hình tượng là một thành phần phản ánh một ý nghĩa căn bản trong toàn bộ ý nghĩa của nguyên lý. Hình 3 là hình minh họa cho ba trong số các hình tượng ấy, cùng với ý nghĩa căn bản tương ứng của chúng như sau:

(1) Hình tượng Kim Bàn. Kim Bàn là bốn vàng, là nơi Đức Mẹ Diêu Trì tạo tâm linh và hình thể của vạn linh. Hình tượng Kim Bàn tượng trưng cho sự hóa sanh ra muôn loài vạn vật từ Khí Hư Vô bằng sự hiệp nhất Âm – Dương trong Khí Hư Vô.

(2) Hình tượng thuyền Bát nhã. Bát nhã là Trí Huệ, là đạo lý của con người và vạn vật. Thuyền Bát nhã là con thuyền đưa vạn loại đi qua biển khổ bằng đạo lý. Cho nên, hình tượng thuyền Bát nhã tượng trưng cho sự tu sửa, bồi công lập đức bằng đạo lý của muôn loài.

(3) Hình tượng Đào Tiên, Phụng Liễu. Đào Tiên là quả đào nơi cõi Tiên. Phụng Liễu là chiếc xe trên đó có gắn hình chim phụng. Các chơn linh đắc Đạo sẽ được ban Đào Tiên, được đón rước về cõi Tiên bằng Phụng Liễu. Cho nên Đào Tiên, Phụng Liễu tượng trưng cho sự đắc Đạo, sự trở về hiệp nhất cùng với bốn nguyên của vạn vật.

Và hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu là hình tượng cô đọng nhất trong bài kinh, là sự thống nhất của nhiều ý nghĩa căn bản khác nhau, tượng trưng cho toàn bộ nguyên lý Nhất tán vạn – Vạn quy Nhất. Thật vậy, Đức Diêu Trì Kim Mẫu “nắm giữ Kim Bàn”, cầm quyền tạo dựng và dưỡng dục muôn loài, tức là tượng trưng sự hóa sanh ra muôn loài. Ngài “dùng thuyền Bát

nhã” để đưa con người vượt khỏi biển trầm luân bằng đạo lý, tượng trưng cho sự tu sửa, bồi công lập đức bằng đạo lý của vạn vật. Ngài sẽ “thường Đào Tiên”, “ban xe Phụng Liễu” đón rước chơn hồn nào biết tu hành, lập được công trạng, trở về bốn nguyên, ẩn ý nói về sự trở về bốn nguyên của muôn loài. Tất cả những sự vật gắn liền với hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu ấy đều là những phần khác nhau trong một tổng thể, mà tổng thể ấy tượng trưng cho toàn bộ chu trình ra đi và trở về bốn nguyên của vạn vật trong vũ trụ.

4. KẾT LUẬN

Hình tượng là sự phản ánh hiện thực một cách khái quát bằng hình ảnh. Hình tượng được con người nhận thức trực tiếp bằng thị giác hoặc bằng một phương tiện khác kết hợp với kinh nghiệm của thị giác. Hình tượng là sự vật trung gian để con người nhận thức một hiện thực.

Chúng ta có thể luận ra cấu trúc và đặc điểm của hình tượng trong nghi lễ tôn giáo thông qua hình thái bên ngoài và những tính chất có thể quan sát được của chúng, thông qua kinh nghiệm thực hành, thông qua những bối cảnh quan trọng để tiến hành nghiên cứu hoặc thông qua kinh sách tôn giáo.

Hình tượng và ngôn ngữ chuyển tải hình tượng đã trở thành một công cụ phổ biến, hữu dụng và hấp dẫn bởi đặc điểm cô đọng, là sự thống nhất những ý nghĩa căn bản khác nhau, tràn ngập tính cảm xúc và bắt rễ sâu trong vô thức. Ngôn ngữ hình tượng trong kinh sách tôn giáo, không những làm cho kinh sách dồi dào tính nghệ thuật, mà còn làm phát huy tác dụng độ dẫn, khuyến tu mà bài Phật Mẫu Chơn Kinh là một ví dụ minh họa.

Trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh, mỗi hình tượng đều là hình ảnh cụ thể, sống động, phản ánh một phần khác nhau trong một chu trình sinh hóa và tiến hóa chung của vạn vật trong vũ trụ. Trong đó, hình tượng Diêu Trì Kim Mẫu là hình tượng cô đọng và phổ quát nhất, phản ánh toàn bộ chu trình vận hành của vạn vật trong

vũ trụ mà vũ trụ quan Đại Đạo gọi là nguyên lý Nhất bản tán vạn thù – Vạn thù quy nhất bản. Ngoài ra, lời dạy trong Đạo Học Chỉ Nam càng cho thấy, hình tượng trong các tín ngưỡng, các tôn giáo dù mang tính bác học hay bình dân đến đâu cũng đều tượng trưng những ý nghĩa đạo lý sâu xa và chịu sự dẫn dắt của các hiện thực là những quy luật, định luật tự nhiên trong trời đất: “Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên tắc, Thiên điều. Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo nó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất sinh động, ấn ký vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.”■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. *Gustave le Bon. Tâm lý học đám đông, chương III – Tư tưởng, sự suy luận và trí tưởng tượng của đám đông.* Nguyễn Xuân Khánh dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính, NXB Tri thức, 2008.

[2]. *Nguyễn Tuệ Chân biên dịch. Toàn tập giải thích hình tượng hoa sen Phật giáo.* NXB Tôn giáo, 2008.

[3]. *Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Yếu điểm giáo lý Đại Đạo.* Nxb Tôn giáo, 2006.

1. Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

[4]. *Nguyễn Văn Dân. Thần thoại Hy Lạp, phần một, bài “Sự hình thành thế giới và các thần linh”.* Tái bản lần thứ sáu, NXB Giáo dục, 2007.

[5]. *Jean – François Froger, Jean – Pierre Duran. Biểu tượng và ý nghĩa của các loài thú trong Thánh kinh,* NXB Hồng Đức, 2012.

[6]. *Erich Fromm. Ngôn ngữ bị lãng quên,* NXB Văn Hóa Thông Tin, 2002.

[7]. *Nguyễn Văn Hồng. Giải nghĩa kinh Thiên đạo và Thế đạo, bài “Phật Mẫu Chơn Kinh,”* Bản thảo để góp ý và sửa chữa, 1991.

[8]. *Huệ Chơn. Giải nghĩa kinh cúng tứ thời, bài “Kinh Tạo Hóa Thiên Huyền Vi...”* Bản in, lưu hành nội bộ, 2004.

[9]. *Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp – quyển 1, bài “Giải nghĩa Kinh Phật Mẫu.”* Bản điện tử tải xuống từ <http://www-personal.usyd.edu.au/~cdao/tusachdd.htm> ngày 02-01-2013.

[10]. *Tòa thánh Tây Ninh. Kinh Thiên đạo và Thế đạo.* 1968.

[11]. *Victor Turner. Những vấn đề nhân học tôn giáo, bài “Biểu tượng trong nghi lễ của người Ndembu,”* NXB Đà Nẵng, 2006.■



Trời với con tuy hai mà một,
Một do con hiểu tội ý Trời,
Trời thì bao quát con ơi,
Dữ lành, tốt xấu, ta người đều không.
Không chấp có cho lòng rộng mở,
Không biệt phân ý tợ biển sâu,
Tình thương trải khắp đâu đâu,
Vị tha vong kỷ mới hầu thi công.
Biển nước hòa muôn sông muôn rạch,
Dầu ao hồ dơ sạch luân lưu,
Đời bao khôn đại trí ngu,
Đã là tận độ chớ câu dữ lành.
Mẹ dạy con chí thành ghi nhớ,

Trước và sau nhắc nhở học hành,
Bàn đào Hội yến đêm thanh,
Mẹ cùng Tiên Phật ân lành bố ban.
Cho các con hòa chan lý Đạo,
Cho lòng con hoàn hảo thiên lương,
Cùng nhau chung sống tình thương,
Xinh như hoa đẹp, ngọt đường đào tiên.
Đào tiên kết tụ khí tiên thiên,
Trái chín ngàn năm mới đủ duyên,
Hương vị thấm vào thân bất lão,
Nhẹ nhàng thanh thoát hội quần tiên
ĐỨC DIỆU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 14-8 TÂN DẬU (11-9-1981).■

ghi nhận về buổi tham gia khám bệnh

TẠI PHÒNG KHÁM THÁNH TÂM TÂN ĐỊNH

■ BÁC SĨ PHI YẾN

Vào ngày Chúa Nhật 30-6-2013, Nhân dịp Lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu nhằm Bốn mạng Giáo xứ Tân Định, Phòng khám Đa khoa Thánh Tâm Tân Định có tổ chức khám bệnh miễn phí cho 500 đồng bào nghèo nơi đây. Hơn 45 nhân sự gồm 26 Bác sĩ, 03 Dược sĩ, và 21 nhân viên y tế đến từ các nơi, các tôn giáo khác nhau nhưng đều cùng chung một tinh thần phục vụ để giúp đỡ, xoa dịu nỗi đau về thể xác cho những người bệnh. Dịp này, bác sĩ phòng khám bệnh phước thiện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo cũng được Ban Tổ chức mời đến cùng tham dự buổi khám bệnh từ thiện.

Phòng khám Đa khoa Thánh Tâm được thành lập hơn bảy năm qua, là phòng khám Đông và Tây Y – xuất thân từ phòng chẩn trị Đông y do linh mục y sĩ Gioan B. Trần Văn Nhủ phụ trách. Phòng khám hoạt động nhờ quỹ đóng góp chung của giáo xứ, của các ân nhân xa gần và đặc biệt của Hội Đồng Giám mục Ý. Đây là lần đầu tiên chúng tôi tham dự khám từ thiện cùng Phòng khám Đa khoa Thánh Tâm.

Thế giới này luôn cần đến sự chăm sóc về vật chất cũng như tinh thần của tất cả những tấm lòng nhân ái biết chia sẻ, không phân biệt tôn giáo cũng như tổ chức. Đây là dịp để chúng tôi thể hiện tinh thần sống hòa hiệp và bác ái như những gì được học qua giáo lý, không phải bằng lời nói suông mà bằng công việc cụ thể.

Ban tổ chức đã có mặt từ rất sớm, chuẩn bị chu đáo để đón tiếp các bệnh nhân và các cộng tác viên. Từ cổng phòng khám, các nhân viên đã đứng sẵn để hướng dẫn bệnh nhân và dùng xe lăn để chuyển những bệnh nhân đi lại khó

khăn. Sự chuyên nghiệp và thân thiện của Ban tổ chức đã làm cho cộng tác viên lần đầu như tôi không có cảm giác xa lạ, bỡ ngỡ mà rất thoải mái và gần gũi. Có 6 buồng khám nội tổng quát, tai mũi họng, mắt, nha khoa cùng với hệ thống phòng cận lâm sàng bao gồm xét nghiệm, siêu âm và X-quang đã được dọn dẹp sạch sẽ, chuẩn bị sẵn sàng.

Chúng tôi được phân công vào phòng khám số 9, đây là phòng khám đôi, phòng có 2 ghế khám, phòng khám khác chỉ có một ghế khám. Chúng tôi may duyên được xếp chung phòng khám với linh mục bác sĩ Phêrô Giuse Hà Thiên Trúc cũng là Giám đốc điều hành Phòng Khám Đa khoa Thánh Tâm Tân Định. Do linh mục phải đi làm lễ nên không thể đồng hành cùng chúng tôi đến hết buổi khám nhưng sự xuất hiện của một giám đốc điều hành phòng khám, cũng gián dị ngồi khám cho các bệnh nhân cũng đủ làm chúng tôi thấy cái tâm của toàn thể nhân viên phòng khám Thánh Tâm. Phòng số 9 của chúng tôi đã khám cho hơn 100 bệnh nhân, phần lớn là người dân nghèo, lao động xung quanh giáo xứ. Các bệnh nhân đã được khám, được hướng dẫn làm xét nghiệm và lãnh thuốc trong trật tự. Các bệnh nhân đều rất vui và mong mọi hoạt động tương tự như thế này sẽ được tổ chức thường xuyên hơn.

Chúng tôi kết thúc buổi khám trong tâm trạng vừa vui và cũng thoáng buồn. Vui vì buổi khám bệnh hôm nay đã thành công tốt đẹp, mang lại những hữu ích thiết thực cho bệnh nhân và được giao lưu cùng với các anh chị bác

(XEM TIẾP TRANG 84)

TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VIỆT NAM

■ BBT SƯU TẦM

Trong tín ngưỡng của người Việt và của một số dân tộc thiểu số khác trên lãnh thổ Việt Nam, việc tôn thờ nữ thần, thờ mẫu thần, thờ Mẫu tam phủ, tứ phủ¹ là hiện tượng khá phổ biến và có nguồn gốc lịch sử và xã hội sâu xa. Tuy tất cả đều là sự tôn sùng thần linh nữ tính, nhưng giữa thờ nữ thần, Mẫu thần, Mẫu tam phủ tứ phủ không hoàn toàn đồng nhất.

1. Tam phủ là danh từ để chỉ ba vị thần thánh trong hệ thống tín ngưỡng Việt Nam gồm: Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thoải, cai quản những lĩnh vực quan trọng nhất của một xã hội nông nghiệp.

Tứ phủ công đồng hay Tứ phủ là một tín ngưỡng nằm trong của tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam. Tứ phủ bao gồm:

- Thiên phủ (miền trời): Mẫu đệ nhất (Mẫu Thượng Thiên) cai quản bầu trời, làm chủ các quyền năng mây mưa, gió bão, sấm chớp.
- Nhạc phủ (miền rừng núi): Mẫu đệ nhị (Mẫu Thượng Ngàn) trông coi miền rừng núi, ban phát của cải cho chúng sinh.
- Thủy phủ (miền sông nước): Mẫu đệ tam (Mẫu Thoải) trị vì các miền sông nước, giúp ích cho nghề trồng lúa nước và ngư nghiệp.
- Địa phủ (miền đất): Mẫu đệ tứ (Mẫu Địa Phủ) quản lý vùng đất đai, là nguồn gốc cho mọi sự sống.

Tứ phủ được thờ tại hầu hết các chùa chiền ở miền Bắc Việt Nam. Tại điện Hòn Chén ở Huế, Thiên Y A Na, nguyên là một nữ thần của người Chăm, được nhập vào hệ thống tứ phủ và thờ làm Mẫu Thiên. Trong khi đó, nhiều tài liệu cho rằng ở miền Bắc, Mẫu Thiên lại là Liễu Hạnh Công chúa. (WIKIPEDIA).

Tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam là một tín ngưỡng bản địa cùng với những ảnh hưởng ngoại lai từ Đạo giáo, tín ngưỡng lấy việc tôn thờ Mẫu (Mẹ) làm thần tượng với các quyền năng sinh sôi, bảo dưỡng và che chở cho con người. Tín ngưỡng mà ở đó đã được giới tính hoá mang khuôn hình của người Mẹ, là nơi mà ở đó người phụ nữ Việt Nam đã gửi gắm những ước vọng giải thoát của mình khỏi những thành kiến, ràng buộc của xã hội Nho giáo phong kiến.

CÁC GHI CHÉP VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU

Các văn bản ghi chép về các thần linh ban đầu đều xuất phát từ thần thoại, huyền thoại, truyện kể dân gian và đồng thời cũng có hiện tượng ngược lại là huyền thoại hóa, dân gian hóa các văn bản thần, thần tích, thần phả. Hiện tượng đó về các nữ thần, Thánh Mẫu cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

Trong truyện kể dân gian về bà chúa Liễu Hạnh lưu truyền trong dân gian khá phong phú, sau này một số được ghi chép lại trong các sách cổ như Việt Điện U Linh, ngoài ra còn có các truyện kể dân gian khác về

các vị nữ thần được các sách sau này tập hợp và ghi chép lại. Cùng với việc sưu tầm, một số tác giả là các trí thức nho học thời phong kiến đã tiến hành ghi lại và sáng tác thêm những huyền thoại, truyền thuyết đã được sưu tầm ghi chép từ trước và thậm chí là sáng tác thêm cho phù hợp tư tưởng lễ giáo thời kỳ đó. Từ thời Hậu Lê, đã có những việc như vậy nhằm phục vụ cho việc phong thần của các vị vua với hai trường hợp điển hình với các ghi chép – sáng tác về Thánh Mẫu Liễu Hạnh ở miền Bắc Việt Nam của Nguyễn Công Trứ, Đoàn Thị Điểm và trường hợp thứ hai là về Thiên Y A Na ở Nam Trung bộ Việt Nam của Phan Thanh Giản.

Ngoài các ghi chép – sáng tác như trên, cũng có một nguồn tư liệu khác được dân gian sáng tác từ các huyền thoại, truyền thuyết và thậm chí là các truyện, thơ về các Thánh Mẫu. Đó là các bài hát văn ở Mẫu Tam phủ, Tứ phủ với phần cốt lõi của các bài hát văn là lai lịch, sự tích các vị thần, nhất là các Thánh Mẫu. Ngoài ra còn nhiều tình tiết khác về khung cảnh, dung nhan, tướng mạo của các vị thần được những người sáng tác vô danh diễn tả, tô vẽ thêm.

THỜ MẪU Ở BẮC BỘ

Bắt nguồn từ tục thờ Nữ thần có nguồn gốc xa xưa từ thời tiền sử, tới thời phong kiến một số Nữ thần đã được cung đình hoá và lịch sử hoá để thành các Mẫu thần tương ứng thời kỳ từ thế kỷ 15 trở về trước với việc phong thần của nhà nước phong kiến, hình thức thờ Mẫu thần với các danh xưng như quốc mẫu, vương mẫu, thánh mẫu như hiện tượng thờ Ý Lan nguyên phi, Mẹ Thánh Gióng, Tứ vị Thánh nương. Từ khoảng thế kỷ 15 trở đi, hình thức thờ mẫu Tam phủ, Tứ phủ được định hình và phát triển mạnh, đây cũng là thời kỳ xuất hiện Thánh Mẫu Liễu Hạnh với các nghi thức ảnh hưởng từ Đạo giáo.

THỜ MẪU Ở TRUNG BỘ

Dạng thức thờ Mẫu này chủ yếu ở khu vực nam Trung bộ, đặc trưng cơ bản của dạng thức thờ Mẫu ở đây là tín ngưỡng thờ Mẫu không có sự hiện diện của Mẫu Tam phủ, Tứ phủ mà chỉ có hình thức thờ Nữ thần và Mẫu thần. Hình thức thờ Nữ thần như thờ Tứ vị Thánh nương, Bà Ngũ Hành và hình thức thờ Mẫu thần như thờ Thiên Y A Na, Po Inu Nagar.

THỜ MẪU Ở NAM BỘ

So với ở Bắc bộ, tục thờ Nữ thần và Mẫu thần có sự phân biệt nhất định với biểu hiện

rõ rệt là thông qua tên gọi và xuất thân của các vị thần thì ở Nam Bộ sự phân biệt giữa hình thức thờ Nữ thần và Mẫu thần ít rõ rệt hơn, hiện tượng này được giải thích với nguyên nhân Nam Bộ là vùng đất mới của người Việt, khi di cư vào đây họ vừa mang các truyền thống tín ngưỡng cũ lại vừa tiếp nhận những giao lưu ảnh hưởng của cư dân sinh sống từ trước tạo nên bức tranh không chỉ đa dạng trong văn hoá mà còn cả trong tín ngưỡng. Những Nữ thần được thờ phụng ở Nam Bộ như Bà Ngũ Hành, Tứ vị Thánh nương, Bà Thủy Long, Bà Chúa Động, Bà Tổ Cô,...và những Mẫu thần được thờ phụng như Bà Chúa Xứ, Bà Đen, Bà Chúa Ngọc, Bà Thiên Hậu...

NGUỒN: [HTTP://VI.WIKIPEDIA.ORG/](http://vi.wikipedia.org/)

BÀ THIÊN Y A NA

BÁCH KHOA TOÀN THƯ MỞ WIKIPEDIA Bà Thiên Y A Na hay bà Chúa Ngọc, người Chiêm Thành



(gọi tắt là người Chiêm hay Chăm), gọi là nữ thần Poh Nagar (hay Pô Ino Nogar), tuy chỉ là một vị thần theo truyền thuyết, nhưng đã được cư dân Việt và Chăm thờ phụng, và đã được nhà Nguyễn xếp vào bậc thượng đẳng thần.

TƯỢNG THỜ

Trong kalan Po Nagar (tức Tháp Bà), tượng nữ thần Poh Nagar (tức Thiên Y A Na) được đặt trong chính điện, trên một cái bệ có vòi luôn quay về hướng Bắc gọi là Snana-droni. Bệ này dùng để thoát nước khi làm lễ tắm tượng, vì dưới chân bệ có một đường thoát nước bằng đá gọi là Soma-sutre xuyên qua tường tháp ra ngoài.

Nữ thần ngồi xếp bằng trên đài sen hai lớp cánh. Sau lưng tượng là một phiến đá lớn hình lá đề² chạm kỹ cả hai mặt. GS Trần Quốc Vương cho biết, tuy là tượng nữ thần Mẹ của vương quốc, nhưng vì đặt trên một bệ Yoni nên tượng được thể hiện với dạng Uma (tức vừa là vợ & vừa là một cách thể hiện của thần Civa). Với bốn đôi tay cầm các linh vật khác nhau (bên trong cái Uma) và đôi tay thứ 5 để xuôi trên đầu gối, bàn tay

2. Lá đề: vật phẩm trang trí kiến trúc, được dùng nhiều trong kiến trúc thời Lý. Lá đề được làm bằng đá, bằng gạch đỏ, bằng sành tráng men trắng nhò; có loại đặc, có loại được chạm thủng...

trái úp, bàn tay phải mở rộng, vuông góc với cổ tay trong một thế mudra: an ùi – ban phát. Vậy, có thể hiểu toàn bộ đài thờ này tượng trưng cho cặp Linga – Yoni. Điều đáng lưu ý nữa là tượng nữ thần được thể hiện rất khác với các Uma trinh nữ. Vì tượng có bộ ngực lớn, căng, nhưng hơi sệ; trên làn da bụng có những nếp nhăn của một người nữ đã nhiều lần sinh nở. Rất tiếc, hiện nay pho tượng đã được khoác xiêm y, mũ miện sắc sỡ, làm che khuất những đường nét và vóc dáng tràn trề sinh lực mà mềm mại, dịu dàng của Bà Mẹ xứ sở.³

THÁNH MẪU LIỄU HẠNH TRONG ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

[HTTP://DAOMAUVIETNAM.COM/](http://DAOMAUVIETNAM.COM/)

Người Việt có câu “Tháng Tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ”. Cha là Vua cha Bát Hải hay Đức Thánh Cha Trần Hưng Đạo thì còn mơ hồ nhưng Mẹ chắc chắn là Mẫu Liễu. Đích xác Mẫu Liễu giáng thế từ năm nào tháng nào thì không ai nói được. Nhưng đến khoảng thế kỷ XVI thì tín ngưỡng Mẫu Liễu đã lan tỏa khắp Bắc bộ. Hai trung tâm thờ Mẫu Liễu lớn nhất miền Bắc là Phủ Tây Hồ Hà Nội và Phủ Giầy Nam Định. Trong thời phong kiến, Hội

3. Lược theo GS Trần Quốc Vượng, Theo dòng lịch sử, NXB Văn Hóa, 1996, tr. 551–552.

Phủ Giầy được tổ chức theo nghi thức quốc tế (mang tầm quốc gia), điều đó cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng Mẫu Liễu trong đời sống tâm linh người Việt Bắc bộ. Tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu tiêu biểu cho dạng thức thờ Mẫu ở miền Bắc: Mẫu Tam Phủ – Tứ Phủ.

Nhà nghiên cứu Đinh Gia Khánh trong Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hóa dân gian ở Việt Nam đi tìm cội nguồn của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh từ bước phát triển của Đạo Tam Phủ lên Đạo Tứ Phủ. Theo ông, khái quát hóa, trừu tượng hóa là con đường để tín ngưỡng phát triển lên thành tôn giáo. Tín ngưỡng Việt Nam trên con đường khái quát hóa, lại có xu hướng bổ sung tính sinh động, cụ thể. Đạo Tứ Phủ dường như là bước phát triển cao hơn của Đạo Tam phủ nhưng cũng chính là thao tác “gỡ” sự khái quát hóa đã được tạo dựng ở Đạo Tam Phủ: “Ba vị (Mẫu Cửu Thiên, Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thoải) vì được khái quát hóa từ vô vàn các bà Mẫu khác, lại trở nên trừu tượng và xa vời. Ba vị Mẫu ấy đã được đẩy lên cao và bắt đầu xa cách đời thường, giống như các thần linh của các tôn giáo phổ quát. Vì vươn lên tính chất phổ quát cao hơn tín ngưỡng dân gian về các bà Mẫu cho nên Đạo Tam phủ đã không đáp ứng được một cách đầy đủ cho những

ước vọng cụ thể và đa dạng của nhân dân. Người ta cần một bà Mẫu có tính chất phổ quát, tức là hiện diện ở khắp nơi, bảo hộ phù trợ cho nhân dân mọi địa phương, nhưng lại vẫn gần gũi với muôn mặt đời thường và gần gũi với mọi con người bình thường.” Chính vì thế họ kéo Đạo Mẫu về gần hơn với đời sống của mình bằng linh tượng Mẫu Liễu, một nữ thần xuất thân từ xã hội loài người.

Thánh Mẫu Liễu Hạnh được thờ với tư cách là Thần chủ của Đạo Mẫu và trên điện thờ, tượng Mẫu Liễu được đặt ở vị trí trung tâm của Tam Tòa Thánh Mẫu. Mẫu Thượng Thiên ở giữa, hai bên là Mẫu Thượng Ngàn và Mẫu Thoải. Mẫu Liễu được đồng nhất với Mẫu Thượng Thiên, ngồi giữa, mặc áo choàng đỏ, Mẫu Thượng Ngàn mặc áo choàng xanh còn Mẫu Thoải mặc áo choàng trắng. Các Mẫu có vẻ đẹp của “khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”, khuôn mặt phúc hậu và nụ cười hé nở trên môi. Đó là các gương mặt toát lên sự triu mến, ban phát phúc lành.

Các trung tâm thờ Mẫu Liễu lớn đều gắn liền với các huyền



BÀN THỜ TAM VỊ THÁNH MẪU.



thoại giáng trần của bà. Mẫu Liễu giáng trần lần thứ nhất ở Vụ Bản Nam Định. Ở đây có Phủ Giầy. Mẫu Liễu đi vân du lên Lạng Sơn, nơi đây cũng trở thành một trung tâm thờ Mẫu và tiêu biểu là đền Bắc Lệ. Mẫu Liễu gặp gỡ các văn nhân bên Hồ Tây, nơi đây có Phủ Tây Hồ. Mẫu Liễu giáng trần ở Thanh Hóa, nơi đây có đền Sòng.

Ở Phủ Giầy Nam Định (trung tâm thờ Mẫu lớn nhất miền Bắc), Thánh Mẫu Liễu Hạnh được thờ ở Phủ Tiên Hương và Phủ Vân Cát. Hai phủ này bề thế với bốn lớp cung. Tam tòa Thánh Mẫu ngự ở lớp cung trong cùng gọi là cung đệ nhất (hậu cung, cung cấm), tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài bởi một hệ thống cửa ngăn với cung đệ nhị, ánh sáng mờ ảo. Các Mẫu ngồi xếp bằng, hai bàn tay đặt ngửa trên hai đầu gối. Tượng Liễu Hạnh vừa là tượng Mẫu, vừa có phong thái của nhà tu hành. Phủ Giầy có vị trí đặc biệt quan trọng trong tín ngưỡng thờ

Mẫu Liễu. Nơi đây có cả một quần thể di tích thờ Mẫu mà Mẫu Liễu là thần chủ, và còn có cả lăng Mẫu. Người hành hương đến Phủ Giầy đều tâm niệm trở về nơi bà đã sinh ra và cũng là nơi bà hóa. Phủ Giầy là quê hương của Mẫu Liễu.

Ở phủ Tây Hồ, nơi thờ Mẫu lớn nhất ở Hà Nội, sau ban Tam Tòa là hậu cung riêng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh: “Tượng Mẫu Liễu được đặt trong hậu cung nơi thâm nghiêm, sâu và cao nhất. Tượng mặc áo đỏ, có khăn vàng vắt qua người, ngồi xếp bằng trong một khám thờ riêng được sơn son thếp vàng lộng lẫy với các hình chạm trổ lưỡng long châu nhật và nhiều hoa văn khác. Phía sau đầu là vòng hào quang, tạo cho Mẫu Liễu có dáng vẻ uy nghi linh thiêng.” Phủ Tây Hồ gắn liền với huyền thoại Thánh Mẫu Liễu Hạnh gặp gỡ và họa thơ với các văn sĩ Phùng Khắc Hoan và hai ông Ngô, Lý.

Ban thờ Mẫu ở đền Bắc Lệ Lạng Sơn thì có bốn pho tượng Mẫu, bốn Mẫu cai quản bốn phủ: Thiên phủ (miền trời), Địa phủ (miền nhân gian), Nhạc phủ (miền rừng), Thoải phủ (miền sông nước). Thánh Mẫu Liễu Hạnh là Mẫu Địa, cai quản miền nhân gian. Các Mẫu đội mũ có hình Mặt trời, chân ngồi xếp bằng, tay trái đặt trên đùi, tay phải giơ lên ngang bụng, ngón cái và hai ngón giữa nắm hờ, ngón trỏ và ngón út để thẳng, gương mặt

ng nghiêm nghị. Lạng Sơn gắn liền với huyền thoại Thánh Mẫu Liễu Hạnh chờ đón Trạng Bùng Phùng Khắc Hoan ở nơi địa đầu của tổ quốc trên đường ông đi sứ Trung Quốc về, nhắc nhở ông lập đền ở đây. Ở Lạng Sơn thường phối tự thờ Mẫu theo kiểu “tiền Phật hậu Mẫu” (rước Mẫu vào thờ trong chùa). Riêng có Đền Bắc Lệ là đền thờ Mẫu, thờ tứ phủ công đồng (thờ tất cả chư vị ở bốn miền vũ trụ) nhưng đặc biệt coi trọng các vị thần linh miền nhạc phủ (miền rừng núi) mà đứng đầu là Mẫu Thượng Ngàn (Bà Chúa Sơn Trang). Cô Bé Thượng Ngàn – Cô Bé Bắc Lệ (Chầu Bé) thay mặt thực hiện các ý đồ sáng tạo của Mẫu trở thành linh hồn của đền Bắc Lệ. Yếu tố địa phương đặc biệt nổi trội trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Lạng Sơn. Tuy nhiên yếu tố này không phá vỡ tính thống nhất tương đối trong quan niệm thờ Mẫu của người Việt.

“Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh” cũng là nơi thờ Mẫu Liễu. Tương truyền Mẫu Liễu đã linh báo cho các cụ nơi lập đền thờ: Một hôm có một lão già người làng Cổ Đàm, sau khi được Nữ chúa Vân Hương nhập hồn và tuân theo lời khuyên của bà, ông lão lấy một chiếc gậy tre đem cắm xuống đất và truyền làm một ngôi đền thờ ở đó. Chiếc gậy được cắm xuống đất đột nhiên bén rễ và đâm chồi. Trước hiện tượng “mẫu nhiệm” này, dân làng bèn dựng

ngay một ngôi đền theo mộng báo của Nữ chúa. Những hàng trúc mọc sau đền mà ngày nay chúng ta vẫn được thấy gắn với huyền thoại Thánh Mẫu Liễu Hạnh đã dựng quán bán hàng thuở trước. Nơi đây cũng gắn liền với huyền thoại Sông Sơn đại chiến giữa Mẫu Liễu và phái Đạo Nội. Trong cuộc giao tranh bất phân thắng bại, phái này phải cầu tới Bát Bộ Kim Cang mới thắng được Mẫu Liễu. Quan Âm Bồ Tát đã giải cứu cho Liễu Hạnh và bà đã quy y Phật pháp. Ở Đền Sông có ba cung liên tiếp. Cung đệ tam thờ hội đồng Thánh Quan, trong đó thờ các ông Hoàng và các Cô đệ tử, nổi bật là ông Hoàng Bơ (Ba), ông Hoàng Bảy. Tại cung này phối thờ cả Đức Thánh Trần Hưng Đạo Vương. Cung đệ nhị thờ Ngọc Hoàng (Vua Cha của Thánh Mẫu Liễu Hạnh) và các Quan. Cung đệ nhất là lớp trong cùng, có ba gian, gian giữa đặt tượng Mẫu Liễu Hạnh uy nghi trong khám sơn son thếp vàng. Tượng Thánh Mẫu Liễu Hạnh mặc trang phục màu đỏ lộng lẫy, dáng ngồi uy nghi mà khoan dung độ lượng. Hai bên là hai đệ tử thân tín: Quế Nương, Nhị Nương, vốn là hai tiên nữ được Ngọc Hoàng cho theo hầu Tiên chúa trong lần giáng trần thứ 3; Quế Nương trong trang phục màu hồng, Nhị Nương trong trang phục màu xanh; Hai gian bên có tượng thờ Mẫu Thoải và Mẫu Thượng Ngàn. Cung

đệ nhất là nơi thâm nghiêm, ít khi được mở cửa trừ những ngày lễ rước Thánh Mẫu hàng năm vào tháng hai âm lịch.

Các điện thờ Mẫu ở tư gia, Tứ phủ công đồng thể hiện trên một ban thờ. Trên cùng có khi là Phật Bà nghìn mắt nghìn tay, sau đó đến Thánh Mẫu Liễu Hạnh rồi đến hàng tứ vị châu Bà, rồi đến hàng ông hoàng, hàng quan. Một tượng cô, một tượng cậu đặt hai bên ở dưới mặt đất. Dưới gầm điện là hang ông Hồ. Bên trên điện là hai ông rắn một trắng một xanh treo mình trên hai bên xà, châu đầu về giữa điện.

Ngày nay, sự linh ứng của Thánh Mẫu Liễu Hạnh vẫn luôn được truyền tụng, dường như Ngài vẫn luôn hiện diện trên cõi trần này và luôn ban những dấu hiệu để con cháu nhận biết được sự trở về của Ngài. Chẳng hạn, ở Đền Sông, trước đền có một hồ nước tự nhiên hình bán nguyệt trong xanh gọi là hồ cá Thần, tương truyền rằng hàng năm cứ đến cũ Giêng, Hai có một đàn cá toàn thân màu đỏ lù lợt kéo về bơi lội trong hồ, nhưng khi hết lễ hội Đền Sông thì đàn cá tự nhiên không thấy nữa. Nhân dân quanh vùng nói rằng đó là các nàng tiên trên thượng giới hoá phép về hầu Tiên chúa Thánh Mẫu Liễu Hạnh. Hay dân gian vẫn thường truyền tụng nhau, cầu tình duyên mà cầu ở Phủ Tây Hồ thì linh lắm.

Các trung tâm thờ Thánh

Mẫu Liễu Hạnh đều rất đặc địa và có mối liên hệ sâu sắc với tiến trình lịch sử – xã hội của dân tộc Việt Nam. Đền Bắc Lệ ở Hữu Lũng, Lạng Sơn nằm trên đồi cao, dưới bóng những cây cổ thụ hàng trăm tuổi, là ngôi đền lớn trấn ở con đường huyết mạch Hà Nội.

- Lạng Sơn. Đền Sông tọa lạc trên vùng gò đồng hùng vĩ, kỳ thú ở địa phận tiếp giáp giữa Ninh Bình và Thanh Hóa. Bên này là Bắc bộ nối liền chân mây mặt đất, bên kia là Trung bộ chia cắt không gian một bên là núi thẳm, một phía là biển trời bao la. Phủ Tây Hồ nằm trên một doi đảo nhỏ được người xưa ví là “bãi đất cá vàng” nhô ra giữa mặt nước Hồ Tây lung linh, đúng thế “đầu rồng, thân rồng, rùa công”. Từ xưa, Hồ Tây đã được coi là một thắng cảnh của kinh thành Thăng Long, nơi văn nhân mặc khách gặp gỡ, tao đàm và cũng là miền thiêng của Hà Thành với mật độ dày di tích thờ phụng. Phủ Giầy ở Vụ Bản, Nam Định tọa lạc trên một địa thế bằng phẳng, giao thông thuận tiện từ Bắc vào Nam, từ Nam ra Bắc.

Trong đó, Phủ Giầy là một trong những trung tâm thờ Mẫu của Việt Nam và là trung tâm thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh lớn nhất cả nước. Đây là vùng hạ lưu sông Hồng, được tạo nên từ quá trình biển lùi, sông bồi đắp. Trong không

gian văn hóa vùng châu thổ Sông Hồng thì Phủ Giầy – Vụ Bản thuộc vùng châu thổ trẻ. “Tản Viên Sơn Thánh và Thánh Gióng là hai vị Thánh bất tử trong công cuộc chinh phục và khai thác vùng châu thổ cổ. Chủ Động Tử và Liễu Hạnh là hai vị Thánh bất tử trong công cuộc chinh phục và khai thác vùng châu thổ trẻ.” Từ đây, Thánh Mẫu Liễu Hạnh trở lại trung tâm châu thổ cổ – kinh thành Thăng Long, rồi lên “trấn” ở biên giới phía Bắc đất nước: Lạng Sơn, sau đó vào trấn ở miền Nam đất nước: Thanh Hóa (về sau theo con đường Nam tiến, biên giới phía Nam của Việt Nam mới vào đến Mũi Cà Mau), không phải là trung tâm thì cũng đều là những nơi huyết mạch, xung yếu. Trong tâm thức dân tộc, tín ngưỡng Mẫu Liễu có một vị trí không thể thay thế, càng là nơi trung tâm hay những nơi xung yếu thì ở đó cần thiết lập trung tâm thờ Mẫu Liễu, vị Thánh đủ oai linh, vừa bảo

vệ, ban phát vừa trừng phạt, tiêu trừ để bảo vệ nhân dân và giữ gìn cương thổ đất nước. Xưa kia việc đi lại của nhân dân hẳn gặp rất nhiều khó khăn, xây nhà ra thất nghiệp, sự bảo trợ của chính quyền phong kiến thì có quá nhiều hạn chế, không có sự bảo hộ chắc chắn nào cho mỗi người dân thì họ tự bảo hộ cả về vật chất và tinh thần cho mình. Bởi với một hình tượng Thánh Mẫu khuyến thiện diệt ác đẩy quyền uy thế, kẻ ác không dám bén mảng tới nơi thờ Mẫu mà người ngay thì tìm đến như đứa con sà vào lòng mẹ.

Mẫu Liễu vân du rộng khắp nhưng dừng chân ở Đèo Ngang. Bên kia là “lãnh địa” của Thiên Y A Na Thánh Mẫu và trên ngọn núi cao nhất Nam bộ, ở biên giới tiếp giáp giữa Việt Nam và Campuchia là nơi ngự của Linh Sơn Thánh Mẫu. Sau năm 1954, người Việt Bắc bộ vào Nam và mang theo Đạo Tứ Phủ. Tín ngưỡng thờ Mẫu

theo dạng thức Đạo Tứ Phủ tồn tại cùng với tín ngưỡng thờ Mẫu ở dạng thờ Nữ thần, Mẫu thần phổ biến ở Nam bộ. Là một thần chủ của Đạo Tứ phủ Bắc bộ, Thánh Mẫu Liễu Hạnh tiếp tục hành trình đi tới khắp mọi miền của đất nước. Sức sống mãnh liệt và sự lan tỏa của tín ngưỡng Mẫu Liễu khẳng định tín ngưỡng thờ Mẫu tồn tại như một hằng số tâm linh và vị Thánh Mẫu thần chủ, Liễu Hạnh, là Mẫu của các Mẫu, là sự kết tinh của tâm thức dân tộc trong suốt hành trình lịch sử nhọc nhằn mà vinh quang.

Qua việc tổng hợp các ý kiến về tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, chúng tôi cũng đồng quan điểm cho rằng tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh là một hiện tượng mang tính xã hội – lịch sử. Không phải là sự sao chép từ bất cứ tôn giáo nào và cũng không phải là sự hình thành từ mưu đồ của cá nhân nào mà là sự đáp ứng đòi hỏi bức thiết của thời đại.■

GHI NHẬN VỀ BUỔI THAM GIA KHÁM BỆNH...

(TIẾP THEO TRANG 78)

sĩ, các anh chị tôn giáo bạn và cũng để tôi thấy được việc bác ái nhiều khi không thể đơn phương tự làm mà phải cần đến nhiều bàn tay cùng chung sức. Buồn vì thấy nghiệp quả của chúng sanh còn quá nhiều, họ đang chịu những đau đớn từ thể xác đến tinh thần mà hiện đang còn loay hoay chưa biết giải quyết làm sao. Ra về, chúng tôi không quên ghé vào Thánh đường của nhà thờ Tân Định – ngay trước phòng khám Thánh Tâm – để cảm tạ và dâng những ước nguyện nhỏ bé của chúng tôi lên các Đấng Thiêng Liêng...■

TÌNH THU

BÊN MẸ ĐIỀU TRÌ

■ THIÊN LÝ



Minh họa: Bửu Long.

TRANG THƠ

Thu vàng nghiêng bóng nhân sinh,
Chở che bao nỗi oan tình, nghiệp vương.
Trần ai sóng dậy muôn đường,
Lẻ loi ánh đạo tình thương cho người.
Mỗi mong liễu mở rèm trời,
Hồn ai rót chén đạo mời trăng thu.
Sông kia soi ảnh trần tù,
Xin thôi ngưng lại tình thu Mẹ về.

Chân trần một kiếp bụi mê,
Loanh quanh đất lạ, trông về cố hương.
Mỗi khi trăng sáng bên vườn,
Hồn con mặc khách dặm trường lệ sa.
Xót xa lạc lối không nhà,
Ruổi giông một kiếp nhạt nhòa tâm linh.
Đắn đo ngoảnh lại thức tình,
Bên trong giông tố bóng hình Mẹ thương.

Theo con, nhấn nhủ thiện lương,
Theo con, Mẹ gửi mầm ươm cội nguồn.
Theo con gửi lại tiếng chuông,
Chuông lòng chơn ngã niệm buông tội tình.
Cho con nín lại tâm linh,
Vá, đan mảnh áo nhân sinh thệ nguyện.
Cho con một cõi bình yên,
Cánh chim bay lượn nơi miền tâm trung.

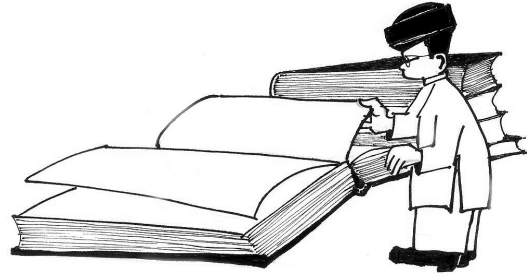
Ngâm vang sông núi chập chùng,
Khí thiêng đạo khúc hợp cùng chơn tâm.
Dậy thôi lũ khách hôn trầm!
Giác, mẹ gửi lại xa xăm nghiệp trần.
“Gươm linh, đuốc tuệ” phong vân,
Dấu nơi đất lạ, đoạn dẫn vô minh.
Trăng thu đầu nữ vô tình,
Điều Trì bên ngõ cung đình chờ con.

Ánh thu muôn thuở vẫn còn,
Ai ơi! Mẹ vẫn mãi mòn đợi trông.
Còn đây xin rót rượu nồng,
Đượm say tình đạo phiêu bông bên nhau!
Nhớ về những người anh, người bạn nơi xa. ■

vui học

SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

Tập 4



■ TRẦN NGỌC TÂM BIÊN SOẠN

Tìm hiểu Sử Đạo Cao Đài không đơn thuần là hiểu về quá khứ mà còn kết nối quá khứ với hiện tại và là nhịp cầu nối tới tương lai. Với thể hệ hậu bối hôm nay, tìm hiểu sử đạo còn góp phần quan trọng vào việc hình thành đạo đức, tác phong đạo hạnh của người tín đồ Đại Đạo.

Qua các câu trắc nghiệm sau đây, nhằm mục đích giúp chúng ta cùng nhau ôn lại, để trân trọng, gìn giữ và phát huy nền Chánh Pháp Đại Đạo của quá khứ, hôm nay và tỏa sáng đến mai sau.

1. Ngày 13–3 Bính Dần (24–4–1926) được ghi dấu là ngày Đức Ngô Minh Chiêu từ tạ phẩm vị...

- A. Đầu Sư
- B. Chánh Phối Sư
- C. Giáo Tông
- D. Hộ Pháp

2. Lễ Thiên Phong Chức Sắc lần I vào ngày Rằm tháng 3 Bính Dần (26–4–1926) tại tư gia Ngài...

- A. Cao Hoài Sang
- B. Cao Quỳnh Cư
- C. Lê Văn Trung
- D. Phạm Công Tắc

3. Ngày Rằm tháng 3 Bính Dần, những môn đệ đầu tiên của Đức Cao Đài thuộc cơ phổ độ Thọ Thiên Phong Thượng Đầu Sư là Ngài...

- A. Phạm Công Tắc
- B. Ngọc Lịch Nguyệt
- C. Đoàn Văn Bản
- D. Lê Văn Trung

4. Thọ Thiên Phong Ngọc Đầu Sư là Ngài...

- A. Như Nhân
- B. Vương Quan Kỳ
- C. Lê Văn Trung
- D. Lê Văn Lịch

5. Tháng 8 năm 1926, Ôn Trên dạy các vị Tiền Khai nào qua Minh Lý thỉnh thêm kinh?

- A. Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch và Vương Quan Kỳ
- B. Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch và Đoàn Văn Bản
- C. Lê Văn Lịch, Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư
- D. Tất cả đều sai

6. “Nguyên hồi Đạo sơ khai, chúng tôi đọc mấy bài kinh vắn vắn của Ngài Ngô Văn Chiêu và Ngài Vương Quan Kỳ trao cho. Sau, Đức Chí Tôn giao cho ông Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch) cái trách nhiệm lựa kinh thêm. Ông Lê chọn được bài “Ngọc Hoàng Kinh” (Đại La Thiên Đế...) và ba bài Tam Giáo là: Phật, Tiên và Nho Giáo.” Đây là lời kể của vị Tiền Bối nào?

- A. Trần Văn Quế
- B. Trần Văn Rạng
- C. Cao Quỳnh Diêu
- D. Nguyễn Trung Hậu.

7. Khi soạn Tân Luật, Chư Tiên Khai Đại Đạo nhận thấy sự cần thiết của bốn luật này và đã đưa bốn đó vào trọn chương 5 trong Tân Luật.

- A. Kinh Sám Hối
- B. Di Lạc Chơn Kinh
- C. Tứ Đại Điều Quy
- D. Ngũ Giới Cấm

8. Vào ngày 23–8 Bính Dần (29–9–1926) theo lệnh của Ôn Trên, cuộc họp bàn Khai Tịch Đạo tại nhà vị nào?

- A. Lê Văn Trung
- B. Phạm Công Tắc
- C. Lê Văn Tường
- D. Nguyễn Văn Tường

9. Thầy điểm đúng tên chính thức gồm bao nhiêu vị trong tờ Khai Tịch Đạo?

- A. 28 vị
- B. 29 vị
- C. 27 vị
- D. 30 vị

10. Vị Tiên Khai nào tuy vắng mặt trong buổi họp, nhưng vẫn được Đức Chí Tôn chấp nhận để thêm vào danh sách tờ Khai Tịch Đạo?

- A. Lê Văn Trung
- B. Thái Lão Sư Trần Đạo Quang
- C. Lê Văn Lịch
- D. Vương Quan Kỳ

11. Sau khi tờ Khai Tịch Đạo được Thống Đốc Nam Kỳ Le Fol tiếp nhận, chư Tiên Khai

đã lập ra tờ... để thông báo cho bốn đạo và các cấp chính quyền địa phương?

- A. Chúng Sanh Phổ Cáo
- B. Tân Luật Pháp Chánh Truyền
- C. Phổ Cáo Chúng Sanh
- D. Tứ Đại Điều Quy

12. “(...) Bản Đạo trở lại vấn đề ngày 23–8. Ngày này là ngày Khai Tịch Đạo, để mọi người trong tâm thành chí thiện, ý thức kết hợp thành một khối để chuẩn bị đủ dữ kiện cho ngày Rằm tháng 10 Khai Minh Đại Đạo trước nhân loài, trước quốc tế. Hai việc làm, hai thời kỳ có hai tác dụng: Một là hướng ngoại để xem thấy cuộc đời là đau thương khổ lụy, hầu tìm phương cứu độ. Một hướng nội để biết mục đích căn bản của Đạo và cứu cánh của Đạo, để liệu sức mình hầu thực hiện cho có kết quả.”

Và cuối cùng, Đức Hộ Pháp kết luận:

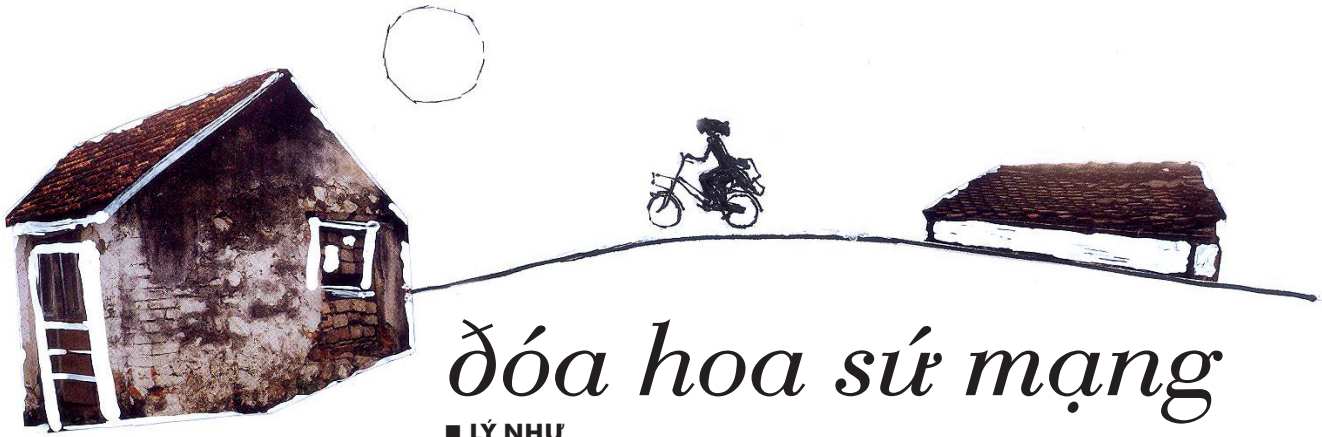
“Đạo có thành hay không là do người hành đạo, bực hướng đạo, ý thức và triệt để thực hành đến mục tiêu của Chí Tôn đã vạch. Đạo thành là ngày muôn dân đồng hát câu tình thương, hòa ái và tiến bộ. Có như vậy, ngày kỷ niệm Khai Tịch Đạo cùng Khai Đạo hàng năm mới đúng ý nghĩa của nó.”

Đoạn Thánh giáo trên đã được Đức Phạm Công Tắc giảng dạy tại đâu?

- A. Thánh thất Bàu Sen
- B. Thánh thất Cầu Kho
- C. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài.■

ĐÁP ÁN:

1C • 2C • 3D • 4D • 5A • 6D • 7C • 8D • 9A • 10B • 11C • 12D.■



Đóa hoa sứ mạng

■ LÝ NHƯ

*Thân đã tạm hồng trần cũng tạm,
Nợ làm người cho đáng con
người...¹*

Chiếc áo somi cũ kỹ rơi ra từng sợi bông vải cuốn theo từng cơn gió kỳ quặc luôn hoành hẹ vào những buổi chiều thu, nó ôm sát thân hình mảnh mai, gầy gộc, xanh xao của người nữ tu như lẩn tránh những cơn gió bụi trần tục. Những cơn gió bụi vẫn vô tình, mặt trời tây vẫn lặng lẽ đổ nghiêng bóng người tu sĩ trên chiếc xe đạp cũ kỹ. Cơn ho vội vàng bất chợt như từ xa vọng lại tiếng mõ bể bị lạc tiếng, một cảm giác mẫn mẫn tuột trôi qua cổ họng, vị nữ tu thấy một nhát đau nhói nơi ngực, trên trời chiều cũng vội lóe lên một vệt sáng vàng nhạt rồi lẩn trốn trong màn mây. Những giọt mẫn ấy chảy ngược vào hòa cùng huyết khí như cố gìn giữ thêm một khoảnh khắc sinh tồn trên cơ thể yếu nhược. Đôi mắt

trong suốt hiền hòa của vị nữ tu chợt hoen ra, lẩn dài đôi dòng lệ nóng hổi. Chân trời bỗng bùi ngùi nhìn nữ tu cúi người xuống đạp những vòng quay lẻ loi của cuộc hành trình. “Chắc chẳng còn bao lâu nữa mình cũng sẽ về nơi ấy.” Vị nữ tu thở thê. Ánh sáng bị hút vào màn đêm, chiếc xe đạp cọt két hương về Thánh thất, những âm thanh còn lại chỉ là tiếng khò khè khó thở mệt nhọc sót lại từ những luồng thông khí nhỏ nhoi yếu ớt của hai lá phổi khô đặc tàn hơi.

“Đệ nhất điều tuân lệ Phật Tiên

*Kính người trên vâng thầy
dạy truyền*

*Mến kẻ dưới lòng nguyện
điều hộ...”²*

Giọng đọc kinh trong trẻo, thơ ngây của mấy em nhỏ rập rập đều đều như tiếng chiếc thoi đưa đi, đưa lại dệt từng sợi tơ mỏng manh trắng ngần làm mát dịu tâm hồn người nghe. Nó như viên linh đơn cố kềm

lại những cơn ho xé ngực mà vị nữ tu đang cố gắng gượng, cố kềm lại bàn tay run run khi đưa chiếc khăn mù-xoa lên khoe miệng. Một màu hồng tươi của máu loang vội vàng trên nền vải trắng tinh. Da mặt nhợt đi xanh tái, nữ tu ấy vẫn nở một nụ cười hiền hậu như muốn che lấp đi sự tàn hơi kiệt sức đang đến gần...

Mình phải ghé thăm đạo tử Thanh H. một chút, mấy ngày nay tử ấy bệnh nằm liệt mà vẫn chưa rảnh đạo sự để đến thăm.

Phải lo cho anh Q. ăn xong rồi uống thuốc; đến lo cho ba. Còn phải đọc đoạn Thánh giáo Đức Mẹ dạy để chuẩn bị ngày mai cho lớp Tiến Đức Tu Nghiệp... Nghi ngơi một chút rồi hành công phu. Còn bài giảng lớp Tu sĩ, còn bài viết nội san Cao Đài Giáo Lý... Ngày mốt phải nhập tịnh liên hoàn mừng tám; còn một số bài thi của mấy em tu sĩ chưa chấm xong... Cứ như thế, đạo sự, công quả, công phu theo thời gian cuộn chặt vị nữ tu như càng lúc càng thu rút lại. Vậy mà, rất ít ai

1. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Giáo Sứ Tập 1965, 01-4 Ất Tỵ (1965).

2. Tứ Đại Điều Quy

không bắt gặp được nụ cười tươi nhuận, tự tin nơi tử ấy. Vậy mà, rất ít ai biết đến cơn bệnh trầm kha của vị nữ tu. Có lẽ đường như chỉ có một lần, ông bác sĩ già của một bệnh viện bình dân, cũ kỹ được biết. Vị nữ tu chỉ mong làm thật nhiều công quả, chạy đua với thời gian còn lại, dù rằng giấc ngủ giờ đây chỉ còn là màn mây mỏng manh dễ tan biến. Dù rằng nếu dùng thuốc, nằm viện thì chỉ tăng thêm gánh nặng cho cha, cho đồng đạo và dù rằng là không thể, bởi số tiền dành dụm chỉ đủ đắp vá qua ngày cho bữa chay đạm bạc, cho những liều thuốc không phải dành cho chính mình...

- Nguyệt con! Cái phim X-quang này của ai vậy con?

Vị nữ tu lặng lòng thần thờ, lo sợ:

- Dạ! Của người bạn con đó ba!

Sao ba thấy cái phim phổi này lạ quá. Hôm trước ba cũng đi chụp mà cái phim phổi của ba trông khác cái này.

- Dạ! Cô đó là nữ mà ba.

Không phải, phim của ba nhìn thấy hai lá phổi rõ ràng, màu đen đều đều, còn cái này không giống hai lá phổi, có nhiều đốm trắng và còn ở dưới đáy nè con thấy không,... đâu giống hình đáy phổi. Cô bạn con chắc bệnh nặng rồi đó, nói cô ấy đi chữa bệnh sớm đi.

- Ba này kỳ! Không phải là bác sĩ mà cũng chẩn bệnh.

Vị nữ tu muốn rút tim ra khỏi ngoài lồng ngực, lo cha già

biết được bệnh của mình thì càng hao tâm và bệnh nặng hơn nữa. Cơn ho dâng lên như bàn tay hung bạo chẹn ngang họng, vị nữ tu cố ghì xuống nén lại đi vội vàng vào trong, cơn đau lại nhói lên như con dao vô tình ló sâu vào ngực, kéo giật từng bước chân đi. Ngoài sân, con chim Anh Vũ không hiểu sao bỗng đứng chao lộn trong lòng, re ré rít lên từng chập...

Khổ đau ai chịu một đời

Nỡ sao nghiệp quả lại mời chơn tu

Ngoài sân, chim khóc ngực tù
Hồn ai vẫn ngóng tình thu
Mẹ về.

Trong lưu xá của Thánh thất, chợt vọng lên thứ âm thanh giận dữ, cay độc:

- Trời ơi! Chỗ này là chỗ tu mà! Ai ăn ở gì mà mất vệ sinh... khạc nhổ tùm lum... Có bệnh thì về nhà nằm đi chứ, ở đây lây cho chết hết hay sao...

Vị đạo tử già khòm, yếu ớt đang sốt rên hừ hự, nằm trên chiếc giường sát vách tường nghe tiếng quả trách thấy sợ hãi, khếp đôi chân co rút lên, nhẹ nhàng không giấu được cơn ho sù sụ lộ liễu.

Hỏi vậy thôi, biết chắc mèm là ai rồi... người đâu mà...

Nước mắt vị đạo tử già chỉ chờ chực để trào ra trên nếp da nhăn nheo khổ hạnh, trên gương mặt an phận chịu đựng. Bà ngồi dậy, tay run rẩy quệt lên đôi mắt:

- Cho tui ở đêm nay đi, ngày mai tui về với con gái tui...

Vị nữ tu đứng bên cửa, lòng chết lặng đi khi thấy và nghe toàn bộ câu chuyện. Không biết có phải mình lỡ làm mất vệ sinh hay không? Lỡ như mọi người biết được bệnh tật của mình thì phải sao đây? Một thoáng quyết định, nuốt vội một dòng nước mắt mặn nằm nơi cổ họng, vị nữ tu đến bên vị đạo tử già vỗ về:

- Không phải lỗi của tử đâu, của con đó! Để tử hàm oan con thấy thật xấu hổ. Thôi tử cứ dưỡng bệnh cho khỏe hơn, trời mưa gió như thế này mà đi sao được... Con xin lỗi...

Nước mắt vị nữ tu cũng lăn dài trên má. Một già, một trẻ tựa mặt vào nhau, không thể nhận ra giọt lệ nào là của ai, mà có lẽ những dòng lệ ấy chẳng muốn tách riêng để làm chi, bởi nó được sinh ra từ cùng một nỗi đau sâu lắng, cùng một nỗi thương cảm tủi lòng.

Người cha nằm trong bệnh viện đã hơn một tuần, ngày nào cũng thế, đêm nào cũng thế, dù có ánh mặt trời hay chỉ là bóng đêm lạnh lẽo, vị nữ tu vẫn một tư thế quỳ bên giường, tay nắm lấy tay cha và nguyện cầu, không gian và thời gian dường như đã dừng hẳn lại, tạo nên một bức tranh tĩnh lặng, cô độc ẩn dấu bên trong một sắc màu huyền nhiệm, rung cảm và một âm thanh thánh thót tiên bỗng chầm chậm rơi. Bảy ngày không có một giấc ngủ dài, hơi thở và từng giọt sinh khí của vị nữ tu như cố

len qua khe hẹp theo từng nhịp tích tắc của thời gian. Đôi khi hơi thở và luồng huyết dịch bị nghẹn lại, dành cho những cơn đau xé toạt lồng ngực xuyên thẳng lên đỉnh đầu. Cuối cùng vị nữ tu là người, ngắt lịm. Kim đồng hồ dường như bức ra khỏi sức nén của không gian cô động, nhắc đi từng nhịp... Trên giường, một nỗi buồn tan tác phủ chụp trên gương mặt người cha già nua, khổ hạnh.

– Cấp cứu! Cấp cứu!

Tiếng cô y tá vang lạnh lạnh làm người cha giật mình tỉnh giấc, lơ mơ thấy những chiếc áo blouse trắng đang xốc người con gái lên chiếc xe đẩy.

– Nguyệt ơi! Con đâu rồi?

Vị nữ tu đã hồi tỉnh đang nằm trên chiếc giường cạnh người cha, bức tranh cô tịch của căn phòng bệnh vẫn chứa đựng sắc màu và âm thanh không đổi, có khác đi là bàn tay người cha già đang cố vươn tìm nắm lấy bàn tay yếu mềm xanh xao của đứa con gái, hai dòng nước mắt cứ loang chảy trên đôi gò má thóp lại.

– Cha thấy đỡ hơn chưa?

Giọng yếu ớt của vị nữ tu thì thào hỏi.

– Cha có đỡ hơn, chỉ lo cho con ngắt lịm hai hôm rồi. Con thấy trong người ra sao?

Con thấy khỏe mà, chắc tại ít ngủ.

Nước mắt người cha càng tuôn chảy nhiều hơn, những nhói đau xốn xang như kim đâm như đang làm tưa máu

trái tim ông. Ông đã biết chứng bệnh của đứa con gái hiếu thảo, ngoan hiền, khối u trong phổi như quầng mây đen ma quái cứ chiếm dần sinh khí của con mình. Vậy mà lâu nay nó cứ giấu, ngay cả tấm phim X-quang nó cũng chọn một cái tên khác để chỉ một mình chịu đựng. Con ơi con! Không tiền thì bán đi cái nhà cũng trang trải được mà, sao con phải làm như vậy?

Trước mắt ông chỉ là màn nước nhòe nhoẹt lẫn màu vôi trắng và sắc màu ánh sáng, cánh quạt trần cứ vùn vụt quay điên cuồng. Cuộc đời tu hành đã giúp ông bao năm tĩnh mịch cõi thiên, không buồn phiền lay động mà giờ đây cái xót xa lại cứ dâng trào. Gánh nặng mình đã trút lên đứa con gái yếu đuối hiền lành! “Xin Thiên Liêng thứ tha giảm nghiệp, xin thương đứa con gái của tôi!” Ông cầu nguyện suốt cho vị nữ tu dường như đã khiến cho thời gian và không gian cũng bị dừng lại. Lời nguyện cầu như được đóng khuôn, phình lớn dần dần trong căn phòng tịch mịch. Rồi lời cầu nguyện ấy đã theo suốt linh hồn ông, ngay cả đến khi nó rời khỏi xác thân bệnh hoạn già nua bay tận lên trời cao.

Người cha đã ra đi để lại trên thế gian này lời nguyện cầu cho đứa con gái đức hạnh ngoan hiền nhưng sức khỏe yếu ớt bởi phải mang chứng bệnh ngặt nghèo. Mưa tháng tám đã nặng hạt và cuồng nộ hơn nhiều. Hôm ấy, mưa lất phất rơi lẫn trong ánh dương quang tuy điêm đậm

nhưng ngập tràn sinh khí. Vị nữ tu trầm lặng đứng trên bờ đất; gió heo may thổi từng cơn nhẹ vào bụi nước chơi vơi trong vắng trời; mảnh vải sô trắng dường như se se thấm lạnh. Con chim Anh Vũ đã thả ra tự hôm nào mà giờ đây nó vẫn còn đậu trên nhánh cây sứ trắng, nó cũng im lặng, đôi mắt ướt nhìn vị nữ tu trong những làn khói mờ từ những thếp nhang.

Sau một cơn bạo bệnh, vị nữ tu vẫn uy nghiêm và dịu dàng trở lại những công việc của đạo, vẫn những buổi đứng lớp dạy giáo lý, những buổi cúng thời đều đặn, những giờ phút công phu, những chia sẻ yêu thương chân tình, những chuyển giọng ruối trên chiếc xe đạp cũ kỹ đến các Thánh thất rao giảng đạo Trời. Đồng đạo ai cũng mừng vui dường như chứng ngộ được một sự nhiệm mầu.

Đạo sau này sức khỏe yếu hẳn đi khiến vị nữ tu mất rất nhiều tuần lễ để may xong một chiếc áo cho khách, chi tiêu dè sẻn mà vẫn bữa đói, bữa no. Với bản thân, điều ấy tựa như làn gió thoảng qua lòng vị nữ tu, điều trần trở vướng lại trong lòng là chỉ lo cho người anh bệnh tật. Vậy mà, chẳng ai biết được đôi lần người nữ tu ấy dốc tận đồng xu cuối cùng để chỉ mua đủ một miếng đậu hũ và mớ rau đem về nấu một bữa ăn đạm bạc cho vị đạo tử già yếu bệnh tật còn nương lại lưu xá với hoài mong đứa con gái đón mình về. Vậy mà, chẳng ai biết được người

nữ tu ấy vét trọn số tiền bán đi chiếc máy may để phụ giúp cho em tu sinh đóng tiền trường và có lẽ, mọi người chỉ biết được những cơn đau lói vô tình gộp với những cơn ho sặc sụa càng lúc càng nhiều hơn ở vị nữ tu.

Nhà chẳng còn ai để giúp, bệnh ngặt nghèo vô phương cứu chữa thì chẳng có ích gì khi đưa vào bệnh viện khi vị nữ tu bị chìm vào hôn mê. Các đồng đạo đành quyết định chăm nom vị nữ tu trong lưu xá và vì thế đã xuất hiện những vị y tá “ngẫu nhiên” mặc áo blouse, đeo khẩu trang, đeo găng tay cẩn thận, duy chỉ có đạo tỳ “hộ lý” già nua lạng lẽ làm những công việc “dơ bẩn” với gương mặt hiền từ, nếp da nhăn nheo bình dị và đôi tay trần ấm áp. Vị nữ tu ngày đêm vẫn vô tư thanh thản chìm đắm vào cõi hư vô, dầu cho kiếp trần này là nhọc nhằn, bệnh tật. Thời gian trở thành nỗi lo lắng đầy thử thách của mọi người và đã có lần ai đó vội vã thốt lên: “Tỳ ấy đã quy tiên rồi!” Dù vậy, phần lớn đồng đạo mỗi ngày đều cầu nguyện Thiêng Liêng với tâm thành kính, nhất là đạo tỳ già nua vẫn luôn lâm râm đọc kinh ngay cả khi tay run run đưa thìa nước ấm vào miệng của vị nữ tu để làm bớt khô đi đôi môi nhỏ bé. Chẳng bao lâu, lời cầu nguyện được chứng và sự nhiệm mầu xuất hiện, vị nữ tu ngồi dậy khoan thai, tươi tắn nở một nụ cười hiền hòa với vị đạo tỳ già luôn bên cạnh. Ai ai cũng đều mừng rỡ, nhất là vị đạo tỳ già chất phác.

Rằm trung thu năm ấy, trên trời ánh trăng trong suốt, tròn chĩnh, sáng rực cả một vùng. Dưới trần, nơi Thánh thất hoa đăng giăng mắc và ngập tràn mùi hương thanh khiết từ muôn vàn cánh hoa tươi nhuận dâng lên Mẹ hiền vô vi kính yêu. Có một đóa hoa sứ mạng đang tỏa một ánh sáng màu nhiệm, ấm áp cho mọi người tham dự và chan hòa trong ánh trăng soi. Sự hy sinh thầm lặng của đóa hoa ấy nằm lẫn bên dưới những hoa quả cúng phẩm Bàn Đào, vậy mà vẫn tỏa ra mùi hương thơm ngát dị thường khắp trong chánh điện, rồi len lỏi vào lòng người chơn tu tạo nên một hiệu ứng lạ kỳ làm dâng trào luồng khí Tiên đã ẩn chứa tự lâu rồi! Vị nữ tu ngồi xếp bằng đưa chơn thần hướng lên hòa cùng Thiên điển vô vi, sắc khí của chiếc bạch y tỏa ra tựa một búp sen trắng thanh thoát, điểm lên nét đẹp tao nhã oai nghiêm của lễ Yến Bàn Đào. Một giọng ngâm trầm ấm ngân lên:

*Thu sang rồi, thu sang đây nữa,
Thu sang thu lần lựa thu sang,
Bên màn nhật thức thiếu
quang,*

*Con ôi, lòng Mẹ chứa chan
cảm hoài.*³

Mùa lễ Yến Bàn Đào năm ấy là mùa lễ cuối cùng của vị nữ tu với những đồng đạo cùng đi trên con đường sứ mạng của cuộc đời trần thế này. Nhưng

cánh hoa sứ mạng ấy luôn hồi sinh trở lại để tiếp sức với những người bạn thiên ân đồng hành và sự hy sinh lạng lẽ của cánh hoa sứ mạng đã vượt qua không gian hai cõi sắc u.

Để luôn thấp lên ngọn lửa thiêng trong ý chí, nghị lực, để luôn hâm nóng tình yêu thương quảng đại cho thế hệ tiếp nối. Chỉ có những bậc Thiên ân mới hiểu rõ sự hồi sinh lần sau cùng là ước nguyện của vị nữ tu để được tiếp tục trọn vẹn hiến dâng, để được một lần nữa trọn vẹn hy sinh cho đạo nghiệp. Lễ Hội Yến Bàn Đào mùa thu năm nay, cánh hoa sứ mạng ấy sẽ trở về cùng hân hoan đối ẩm bên chén trà thanh tịnh với đồng đạo. Cũng có thể, cánh hoa sứ mạng ấy hóa thành những giọt mưa thu chan rưới lòng ai đại nguyện là những cánh hoa thơm tinh khiết, những đóa hoa sứ mạng của Đại Đạo ở hiện tại và tương lai. ■



CHIẾC LÁ ĐỜI NGƯỜI - BỬU LONG.

3. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Giáo Sưu Tập 1965, 15-8 Ất Tỵ (1965).

Khi được bế đứa con trên tay tôi mới cảm nhận được mang máng tình yêu của mẹ. Tình yêu thương duy nhất chân thật đầu tiên của một kiếp người đã được trao cho tôi, vậy mà suốt cả nửa cuộc đời tôi chưa bao giờ tìm lại được nó trong tiềm thức. Tình yêu của mẹ! Sao mà giản dị, sao mà âm thầm, sao mà xa xăm phía trước! Tôi tưởng như mình đang nằm trong lòng đại dương, tiếng rì rầm ù ù như kẻ điếc bị bao bọc bởi không gian âm thanh xa vắng của tiếng vọng hồng chung vội vã. Ước gì ngày tuổi đầu tiên ấy, tôi nhìn thấy ánh mắt dịu dàng, hạnh phúc của mẹ ôm lấy hồn tôi.

Một thoáng rung cảm sung sướng đến rợn người khi đôi môi bé xiu son hồng dễ thương của con mấp má mấp mồm trên bầu vú ngập ắp dòng sữa ấm ngọt ngào. Tình yêu thương của mẹ ào ạt tuôn chảy vào trong bé, đến từng ngõ ngách huyết quản rồi đổ vào từng nhịp đập của buồng tim bé nhỏ. Không biết đó có phải là lời nói đầu đời bí bô bí bõm ngây ngô của đứa con bé bỏng đang bồng trên tay của tôi ngày hôm nay hay không? Trời ơi! Sao tôi thèm được bơi ngược trở về tiềm thức!

Tôi lơ người ra chìm vào khoảng không mơ hồ giữa thực tại và giấc ngủ mỗi, đầu đó một vùng tĩnh điện nhẹ nhàng lên ra bay chậm chậm phủ lên che chắn một cách êm ái để giữ lấy dòng hơi thở âm ấm, non nớt, đều đặn của bé. Trong trạng thái mơ màng ấy, tôi chợt gặp được một vùng không gian sống động tinh linh cũng đang phủ chụp lên người tôi. Vùng không gian của mẹ ngày ấy. Tôi cố gắng nhướng mắt nhìn sang con. Bé ngủ say trong tiếng thở đều đều, đôi môi đỏ mọng xinh xắn nhoẻn miệng cười, như tiềm thức đang vui đùa cùng khoảng không gian tĩnh điện yên bình bên trên. Mẹ tôi chợt hiện về với gương mặt hiền từ thanh thản bởi nụ cười kết lại từ lớp da khô ráp, nhăn nheo khả ái. Mẹ ơi! Tôi níu lấy, giữ chặt như để hôn một nụ hôn thật sâu lắng trên đôi má mà ngày xưa tôi thèm được cò cọ vào mặt mỗi khi làm nũng. Mẹ chợt tan biến, nhạt nhòa trong ánh sáng dịu dịu qua khe cửa sổ. Nước mắt tôi lan ra làm ướt lem đôi má hồng mẫm mĩm còn phủ nhẹ lớp “chất gầy” thơm nồng của bé.

Chiều chiều ngó ngược ngó xuôi

Ngó không thấy mẹ bùi ngùi nhớ thương.

khúc ca của Mẹ

■ LÝ NHƯ



Ai đó ở giường bên hát câu ca dao khiến lòng tôi trĩu nặng. Đứa con thơ nằm cạnh ngủ vùi như dành thời gian trở lại thế giới thiên đường mà bé vừa bước ra và mẹ tôi dường như vừa đứng bên ngưỡng cửa ấy. Không biết bà và cháu có gặp nhau được không? Tôi mong bà gặp được cháu để biết được đứa trẻ ngày xưa ấy bây giờ cũng giống mẹ, sự khao khát yêu thương bắt tử từ dòng sữa ngọt ngào của mẹ luôn chảy trong huyết quản đã đến cho con của con, cháu của bà.

Mẹ ngồi trong im lặng, đôi tay gầy quơ qua quơ lại trước mâm hàng rong lớn còn vài ba quả chuối, củ khoai... như nuốt đi sự bối rối, lo lắng đang nổi loạn trong lòng. “Trưa nay, phải mua được lon gạo và mớ rau!”. Cái nắng gay gắt, cay nghiệt của xứ sở nhiệt đới này như oán ghét đổ ập xuống sự khổ sở dai dẳng trên mái đầu bạc lơ thơ, khô rộp từng sợi tóc nguệch ngoạc. Không gian lặng lẽ quá! Chỉ còn mỗi tiếng vo ve của ruồi và tiếng nước mắt lặng chảy trong lòng. Hôm ấy con giã nẩy khóc, giận mẹ vì bụng đói và không có tiền đóng cho cô. Nợ học phí hơn ba tháng rồi! Mẹ ơi! Con xin lỗi mẹ!

Ngày hôm ấy chúng con tốt nghiệp đại học, cái vui mừng náo nhiệt cùng bè bạn đã chiếm hết lòng con mà quên về bên mẹ. Ngày ấy như mọi ngày mẹ vẫn đội thúng hàng rong ra chợ. Ngày ấy như mọi ngày đôi mắt mẹ vẫn đượm âu lo bởi thùng gạo ở nhà vẫn luôn kêu rỗng. Nhưng ngày ấy mẹ đã khuyu xuống, ra đi mãi mãi bên chiếc thúng vẫn còn lớn còn vài củ khoai, bánh trái và một tình yêu thương đầy ắp trái tim. Con chết lặng đi trước tấm drap trắng lạnh lùng, vô cảm phủ choàng lên thân hình gầy guộc, chất chứa những nỗi nhọc nhằn. Con chỉ muốn nhảy đến nằm bên mẹ muôn đời.

Ngày hôm sau tang lễ, con tìm thấy được một nùi vé số cũ rách cột chặt vùi kỹ dưới đáy ống đựng nhang. Con đã khóc thật nhiều vì biết mẹ ao ước một hạnh phúc thật bất ngờ đến cho con, bởi vì mẹ không thể bao giờ có được sự bất ngờ

nào từ chiếc thúng hàng rong rẻ rúng. Mẹ chỉ có được mỗi hạnh phúc là được nhìn con trở thành bác sĩ mà ông trời cũng phũ phàng với mẹ. Còn con, đau xót suốt cuộc đời này bởi vì con không cứu được mẹ mà lẽ ra mẹ phải là người đầu tiên đón nhận.

Xa xa trông ngọn núi già
Nhớ ân tình mẹ lệ sa đôi hàng.

Tiếng khóc oe oe của bé và tiếng ru của ai đó khiến tôi chột tỉnh giấc. Bé đói rồi! Đôi môi mím chặt, má xệ xuống căng ra của bé khi khóc re re làm tôi nhớ mẹ thường hay bảo tôi: “Con gái gì khi đói là hu! Môi mím chặt, má xệ ra.”

“Nè nè! Con gái cứng của mẹ, sữa thơm, nóng hổi nè!”

Tôi cảm ơn Thượng Đế đã ban trao cho tôi một món quà quý giá để cho tôi được biết thương yêu là vĩnh cửu. Tôi sẽ chăm chút, yêu quý dạy dỗ như mẹ đã từng cho tôi, dẫu cho tôi phải còm lưng bán thúng rau ngoài chợ để cho con tôi trưởng thành nên người, để cho thế giới này mãi sáng tình yêu thương và để hình ảnh người mẹ mãi mãi là đức tin mạnh mẽ nhất giúp những người con vấp ngã đứng lên cùng đi đến nơi ánh sáng rạng rỡ của một thế giới an bình mà ai cũng có mẹ.

Miệng ru mắt nhỏ hai hàng
Nuôi con khôn lớn, mẹ càng thêm lo.

Bé nhoén miệng cười như nói chuyện với bà lần cuối trong tiêm thức còn sót lại. Ánh chiều vàng lượm rú xuống đám lá rơi ngoài sân, nụ cười hiền hậu với đôi cảm móm sòm của mẹ chột nở ra nhẹ nhẹ và dần dần lùi xa ở phía chân trời.

Gió đưa cây lựu lý hương,
Xa cha, xa mẹ, thất thường bữa ăn
Sầu riêng, cơm chẳng muốn ăn
Đã bưng lấy bát, lại dần xuống mâm.

Khúc ca của mẹ cứ mãi hát ru theo dòng thời gian vô tận, không biết bắt đầu từ lúc nào và đến bao giờ sẽ kết thúc. Chẳng ai biết cả và chẳng ai muốn biết vì tình yêu của mẹ là sự sống, là niềm tin của con trong kiếp người này. ■

TRUNG THU MẸ SƯỞI ẤM LÒNG CON

■ CHÁNH TÂM

NÓI LỐI:

Trung thu tháng tám trăng rằm
Mẫu Từ ngự giá xe loan giáng đàn
Kể bên cữu vị nữ Tiên
Bàn đào Hội yến nhũ khuyen con trần.
Đoản khúc lam giang:

Ôi hồng trần tang thương, trong kiếp nhân
sanh buộc ràng trái oan, lệ chan xót thương con
khờ, mê đắm luyến đời rơi vào bể khổ, lòng từ
trong dạ ngổn ngang, ôi thế gian muôn ngàn khổ
đau, vọng tưởng mê trần, khổ thân tâm ta nào an.
Quên nẻo quay về, chốn xưa Thấy Mẹ đợi mong.

Nay hồng trần hân hoan trên có Đức Cao
xanh, mang mối đạo lành phổ truyền năm
châu, khơi đuốc tâm linh. Nhờ Đức Từ Bi ban
phép lành tình thương khắp cùng soi sáng lòng
nguồn chơn ý thành.

Vạn thế vui chung ánh đạo mẫu, kỳ ba ân xá
nhân sinh trong thời mạt pháp, Chí Tôn khai
đạo Cao Đài truyền ban, khắp trong nhơn loại
Mẫu Từ hằng mong, trung thu sáng tâm đăng.

VỌNG CỔ:

1. Hạt mưa thu nổi lòng Mẹ đó!

Nhờ gió đưa trăng Mẹ nhũ khuyen to nhỏ đôi
... lời...

Trung thu đêm nay là của muôn người.

Con được sống trong vòng tay ấm áp
Bên Đấng Mẫu Từ bên cạnh những người thân
Đây hồng đào lê táo Mẹ ban
Bằng cả con tim bằng cả tấm lòng
Từng miếng thơm nồng thấm vị ngọt của yêu
thương

Là chân lý cuộc đời dâng trào trong mạch sống.

2. Ý nghĩa thanh cao là làm cho cuộc đời thêm đẹp
Chung hưởng niềm vui đâu phải chỉ riêng mình
Ngoài trời mưa thu mưa vẫn lạnh lùng
Chung quanh ta còn nhiều người cần chia sẻ
Đời đạo song hành ấm áp niềm vui

Nhớ xưa thời chiến loạn tang thương
Lòng Mẹ quặn đau xoa dịu con hiền
Đạo là sự sống vạn linh
Thương yêu là nguồn cội nhơn quần bình an.
Lưu thủy hành vân:

Đem mối đạo truyền ban khắp nơi, cùng hưởng
chung ân hồng.

Chung tay xây đắp thương yêu trong tình
nhơn sanh.

Nguyện hy thân sáng danh Cao Đài. (muôn đời)
Đây chung rượu tình thương chứa chan, hòa ấm
trong muôn lòng.

Đêm nay trăng sáng trung thu rạng ngời muôn nơi.
Hội hoa đăng kết trong muôn người.

VỌNG CỔ:

5. Muôn tiếng thu đưa muôn lòng nức nở
Lời Mẹ nhũ khuyen thương cảm con có thấu
chăng ... lòng ...

Vạn nẻo xuyên sơn không bằng một tấm lòng
Chung hòa là tình thương muôn thuở
Khí tiết để đời nhân nghĩa truyền lưu
Hàng ngày phải ráng lo tu
Gìn câu đạo hạnh chớ rời thân tâm
Học theo tánh hạnh Cha lành
Mẫu Từ giá ngự hằng nơi tâm thành.

6. (Bỏ 8 nhịp)

Đá khô đá đứng giữa trời
Lòng từ thương trẻ bởi bởi ruột đau
Đêm nay Hội Yến Bàn Đào
Trăng tròn tâm đạo sáng mùa trung thu
Theo con nước lớn ròng bao cuộc đời trôi nổi
Thế sự thăng trầm ai là người chí trung kiên
Hướng về miền đất Thần Tiên
Nhà xưa cảnh cũ miền miền trường tồn.
Lời Mẹ thiết tha êm đềm như dòng suối ngọt
Rơi vào lòng thấm mát cả đời con
Đạo đời sứ mạng vương tròn
Điêu cung Mẹ đợi bằng sơn danh để. ■



thân phận PHỤ NỮ HỒI GIÁO

■ BBT SUU TÂM & TỔNG HỢP

Hồi giáo có tổng số 1 tỷ 200 triệu tín đồ trải rộng trên khắp các lục địa, nên số phận của phụ nữ Hồi giáo không đồng nhất. Tùy theo luật pháp của mỗi quốc gia, số phận phụ nữ ở mỗi nước cũng khác nhau và tùy theo phong tục tập quán của mỗi dân tộc, cũng như do sự biến chuyển của lịch sử, số phận của phụ nữ Hồi Giáo cũng thay đổi theo.

Tuy nhiên, vượt lên trên mọi dị biệt của địa phương và qua mọi giai đoạn khác nhau của lịch sử, vẫn có những yếu tố chung của đạo Hồi quyết định phần lớn số phận của các phụ nữ Hồi giáo. Đó chính là những điều luật về phụ nữ được nêu rõ trong kinh Koran và trong Thánh luật Sharia

(The Holy Law of Islam). Kinh Koran là cuốn sách thiêng liêng ghi chép các lời của Thiên Chúa Allah (Words of Allah) nên Koran được coi là bộ luật tối cao và không ai có quyền sửa đổi. Bộ luật Sharia được triển khai từ kinh Koran nên cũng là Thánh luật bất khả xâm phạm. Do đó, những điều gì dù bất công và vô lý đã được kinh Koran và Thánh luật Sharia áp đặt lên số phận phụ nữ cũng đều trở thành bất di bất dịch trong các nước Hồi giáo. Thí dụ:

– Kinh Koran đã quy định chế độ y phục của phụ nữ hết sức khắt khe như sau: “Phụ nữ phải mặc che kín hoàn toàn, không được để lộ một phần nào của thân thể trước mặt

bất cứ một người đàn ông nào, bao gồm cả mặt và tay.” (They dress up completely without showing any part of their bodies, including face and hands to any man – Koran 33:53).

Kinh Koran minh thị xác nhận uy quyền của đàn ông đối với đàn bà: “Đàn ông có quyền đối với đàn bà vì Chúa đã sinh ra đàn ông cao quý hơn đàn bà và vì đàn ông phải bỏ tài sản của mình ra để nuôi họ. Đàn bà tốt phải biết vâng lời đàn ông vì đàn ông săn sóc cả phần tinh thần của đàn bà. Đối với những phụ nữ không biết vâng lời, đàn ông có quyền ruồng bỏ, không cho nằm chung giường và có quyền đánh đập.”

(Man has the authority over women because God has

made the one superior to the other and because they spend wealth to breed them. Good women are obedient because they guard their unseen parts. As for those whom you fear disobedience, admolish them, send them to beds apart and beat them – Koran 4:34).

VẤN ĐỀ ĐA THÊ

Nói chung, các nước Tây phương nhìn về các nước Hồi giáo (công nhận chế độ đa thê) một cách khinh bỉ và họ coi đa thê đồng nghĩa với chế độ nô lệ (Polygamy is slavery!). Từ hậu bán thế kỷ 20, do nhiều biến chuyển về kinh tế và chính trị trên thế giới, nhiều nước Hồi giáo đã phải điều chỉnh “Thánh luật Sharia” đối với vấn đề đa thê cho phù hợp với thực tế.

– Tunisia: Đa số đàn ông Tunisia không đủ sức nuôi vợ con cho nên hầu như chẳng có ai muốn lấy nhiều vợ, mặc dầu kinh Koran cho phép đàn ông lấy 4 vợ. Các dân biểu tán thành việc hủy bỏ tục đa thê. Do đó, vào năm 1956, Tunisia trở thành nước Hồi giáo đầu tiên ra lệnh cấm đa thê. Chẳng những thế, họ còn chê bai chế độ ly dị quá dễ dàng của Tây phương. Họ gọi các cuộc hôn nhân sau khi ly dị liên tiếp nhiều lần là một hình thức đa thê trá hình vì đó chỉ là “chế độ độc thê hàng loạt” (serial monogamy).

– Algeria: Algeria là thuộc

địa của Pháp từ năm 1830. Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng của Việt Nam năm 1954 đã đem lại một niềm hứng khởi vô cùng lớn lao cho nhân dân Algeria trong quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập. Niềm hứng khởi đó đã thúc đẩy trên 10.000 phụ nữ Algeria gia nhập hàng ngũ kháng chiến quân võ trang. Họ lợi dụng những chiếc áo choàng đen phủ kín từ đầu đến chân để giấu vũ khí, thuốc men, lương thực tiếp tế cho quân kháng chiến. Nhưng sau khi cuộc kháng chiến thành công năm 1962 thì chính quyền Algeria bị rơi vào tay của giới lãnh đạo Hồi giáo cực đoan.

Chính quyền này muốn đưa Algeria trở về thời Trung Cổ bằng cách tước đoạt mọi quyền tự do của phụ nữ. Phụ nữ Algeria ngao ngán thờ dài hồi tiếc thời Pháp thuộc vì dưới ách thống trị của thực dân, họ đã được hưởng rất nhiều quyền tự do và nhân phẩm của họ đã được kẻ địch tôn trọng còn hơn những kẻ lãnh đạo đồng hương của họ.

Vào năm 1980, một đảng Hồi giáo cực đoan khác lên nắm chính quyền ở Algeria. Năm 1984, chính quyền này ban hành luật công nhận chế độ đa thê. Nhiều phụ nữ biểu tình chống lại luật này. Chính quyền quá khích ra lệnh cho cảnh sát nổ súng khiến cho 48 phụ nữ bị thiệt mạng.

Sự đàn áp dã man của chính quyền Hồi giáo cuồng tín đã làm bùng lên một làn sóng phản đối mạnh mẽ hơn. Chính quyền liền ban hành luật thị uy với những hình phạt thật nghiêm khắc đối với những người xách động biểu tình: đàn ông bị chặt đầu, đàn bà bị thiêu sống. Bộ luật chống biểu tình này được áp dụng liền trong 10 năm, từ 1984 đến 1993, đã giết chết khoảng 7000 người! Mặc dầu vậy, phụ nữ Algeria vẫn không nản chí, họ tiếp tục tranh đấu cho tự do một cách thật kiên cường khiến cho thế giới phải khâm phục. Ngày lịch sử 22-3-1993, một nửa triệu phụ nữ Algeria vứt bỏ áo choàng và khăn che mặt từ khắp nơi đổ về thủ đô với khẩu hiệu: “Chúng tôi không nhượng bộ” (We will not yield!). Trước khí thế quá mạnh mẽ và can trường của nửa triệu phụ nữ, chính quyền Hồi giáo cực đoan đã phải chùn tay không dám bắn và cuối cùng họ đã phải nhượng bộ bằng cách hủy bỏ các luật lệ bất công đối với phụ nữ.

– Iran: Đại đa số dân Iran theo giáo phái Shiites nổi tiếng bảo thủ và cực đoan. Họ theo đúng tinh thần của Kinh Koran là chỉ tôn trọng quyền lợi của đàn ông mà thôi. Luật hôn nhân của Iran công nhận chế độ đa thê. Đàn ông muốn ly dị vợ lúc nào cũng được, thủ tục ly dị vô cùng đơn giản vì

người chồng chỉ cần nói với vợ ba lần: “Tôi ly dị cô”! Sau khi được tòa cho ly dị, người chồng luôn luôn có quyền giữ con trai trên 6 tuổi và con gái trên 12 tuổi. Người vợ chỉ được nhận tiền của chồng trợ cấp trong 3 tháng mà thôi.

Trong thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20, các vua Hồi công nhận nhiều quyền tự do của phụ nữ, nhưng sau cuộc Cách mạng Hồi giáo do giáo chủ Khomeini lãnh đạo trong 2 năm 1978–1979, chính quyền Hồi giáo Shiite cực đoan đã đưa Iran trở lại thời Trung Cổ: Phụ nữ bị bắt buộc phải đeo mạng che kín mặt và phải mặc áo choàng CHADOR phủ kín từ đầu đến chân. Luật pháp cho phép chồng có quyền đánh vợ, thậm chí dù có đánh chết vợ chẳng nữa thì cũng chỉ bị tòa án phạt tượng trưng. Tại Iran, hàng

năm có tới nhiều trăm vụ phụ nữ bị chồng giết chết!

Tuy nhiên, Iran có một số điều luật tiến bộ so với các nước Hồi giáo khác: Phụ nữ được phép lái xe, được quyền hành nghề buôn bán nhà cửa, làm chủ cửa tiệm buôn và đặc biệt là được giữ các chức vụ cao trong chính quyền. Hiện nay phụ nữ chiếm 35% lực lượng công chức tại các công sở, 25% lực lượng công nhân và 54% tổng số sinh viên đại học. (Newsweek 3.2.2001).

– Các nước Hồi giáo có nữ thủ tướng: Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan, Bangladesh và Indonesia. Tại các nước này, phụ nữ có quyền tự do gần như bình đẳng với nam giới. Nếu xếp theo thứ tự về quyền tự do của phụ nữ thì Thổ Nhĩ Kỳ đứng đầu rồi đến Indonesia, Pakistan và Bangladesh. Ngoại trừ Thổ Nhĩ Kỳ, tại Indonesia, Pakistan

và Bangladesh hầu hết các phụ nữ đều thất học. Chỉ có một trường đại học Rawanpindi ở Pakistan có nữ sinh viên. Các phụ nữ Pakistan, kể cả nữ sinh viên, đều phải che mặt. Tại vùng Kashmir đang có chiến tranh giữa Hồi giáo và Ấn giáo, tín đồ cuồng tín Hồi giáo thường hay tạt át-xít vào mặt những phụ nữ không chịu đeo mạng che mặt.

– Các nước Hồi giáo tại vùng vịnh Ba Tư.– Vùng Vịnh Ba Tư có nhiều nước Ả Rập theo Hồi giáo: Ả Rập Saudi, Koweit, Yemen, Qatar và Emerites. Các nước này giàu có nhờ dầu hỏa và có nhiều siêu thị (supermarket, Food stores) như ở Mỹ, nhưng phụ nữ bị cấm lái xe. Do đó, công tác mua sắm (shopping) và đi chợ đều do đàn ông thực hiện. Nếu đàn ông không thích đi chợ mua sắm thì cũng phải lái xe đưa vợ tới các cửa tiệm rồi ngồi ngoài xe chờ vợ.

Tại Ả Rập Saudi, nhà nước ban hành luật về y phục của phụ nữ (The National Dress Code) theo đúng tinh thần kinh Koran là “phải bảo vệ đức khiêm tốn của phụ nữ và không cho phép họ phô bày nhan sắc” (to guard their modesty and not to display their beauty). Luật này lập ra một ngành cảnh sát đặc biệt gọi là “Cảnh sát đạo đức” (Morality Police) chuyên lo việc thi hành các luật lệ về y phục của phụ nữ. Bất cứ một phụ nữ nào mặc y



PHỤ NỮ HỒI GIÁO RA ĐƯỜNG PHẢI MẶC BỘ BURKA TRÙM KÍN CẢ NGƯỜI.

phục không đúng quy định sẽ bị cảnh sát đạo đức đánh đập bằng gậy tại chỗ!

Điều rất đặc biệt tại Saudi Arabia là các phụ nữ đều không có thể căn cước. Lý lịch của họ chỉ được ghi thêm vào căn cước của cha nếu còn độc thân. Khi cha chết thì lý lịch được ghi vào thẻ của anh em trai. Nếu đã kết hôn thì lý lịch của phụ nữ được ghi vào thẻ căn cước của chồng. Khi chồng chết thì ghi vào thẻ căn cước của con trai. Đàn bà bị cấm lái xe, bị cấm hành nghề luật sư, kỹ sư và bị cấm làm công chức cho các công sở của nhà nước.

Tại Koweit: Số phận phụ nữ cũng tương tự như ở Saudi Arabia. Tuy nhiên, kể từ 1999, phụ nữ được luật pháp công nhận nhiều quyền tự do, trong đó có quyền tự do quan trọng nhất là quyền tự do ứng cử và bầu cử. (Newsweek 3/12/2001).

Tại Saudi Arabia và Koweit, các học sinh nam nữ phải học tại các trường riêng biệt từ cấp tiểu học trung học và cả ở đại học.

AFGANISTAN DƯỚI CHẾ ĐỘ HỒI GIÁO CỰC ĐOAN TALIBAN

Năm 1989, do sự giúp đỡ tích cực của Mỹ và của các nước Hồi giáo, quân kháng chiến Afganistan đã đánh đuổi quân Liên Xô ra khỏi bờ cõi. Sau đó, trong ba năm kế tiếp, quân kháng chiến tiếp tục cuộc chiến đấu để lật đổ chế độ

thân Liên Xô của Najibullah. Nhưng đến khi cuộc kháng chiến thành công thì các “chiến sĩ tự do” (Mujahideen) đã mau chóng chia thành nhiều phe nhóm chống đối và giết hại lẫn nhau vì lý do sắc tộc và giáo phái khác biệt. Tại Afganistan, từ xưa đến nay có bốn sắc tộc thường xuyên xung đột nhau là Pathans, Pashtun, Uzbek và Tajik. Về tôn giáo, có hai giáo phái vốn thù nghịch nhau và đã từng có nhiều thế kỷ thù hận đẫm máu là giáo phái Sunni và Shiite. Đất nước Afganistan rơi vào tình trạng nổi da xáo thịt trong 5 năm, từ 1989 đến 1994 làm thiệt mạng hàng vạn sinh linh.

Cuộc nội chiến được kết thúc năm 1994 do một người hùng tên Mullah Omar, lãnh đạo phe Taliban, thành công trong việc cướp chính quyền trung ương. Theo ngôn ngữ Afgan thì Taliban có nghĩa là “Một Nhóm Sinh Viên” (A Band of Students). Họ có chủ trương ổn định đất nước, thiết lập quốc gia Hồi giáo và chủ trương bài ngoại cực đoan.

Điều làm mọi người phải ngạc nhiên là phe Taliban không có quân đội, trong khi các lãnh chúa của các bộ lạc đều có quân đội và vũ khí trong tay mà không dám làm gì. Sự thành công của Taliban hoàn toàn do khả năng tuyên truyền và thuyết phục quần chúng nên họ đã được toàn dân ủng hộ và đưa lên nắm

chính quyền năm 1994. Năm 1996, Taliban mới chính thức chiếm thủ đô Kabul và kiểm soát 2/3 lãnh thổ quốc gia. Việc đầu tiên là Taliban ban hành hiến pháp công bố Afganistan là một quốc gia Hồi giáo (Hồi giáo là Quốc giáo). Các luật lệ cổ hủ lỗi thời của Hồi giáo từ 14 thế kỷ trước đều được phục hồi: kẻ bị kết án về tội trộm phải bị chặt tay, đàn bà ngoại tình bị ném đá đến chết...

Taliban ban hành luật lệ về y phục của phụ nữ hết sức khắt khe, đến nỗi đã biến họ thành “những kẻ vô hình” vì mọi người hàng xóm và những người đi trên đường phố đều không nhìn thấy mặt của phụ nữ. Mọi phụ nữ Afganistan mỗi khi bước chân ra khỏi nhà đều phải mặc bộ BURKA. Đây là một kiểu áo choàng may bằng vải thô phủ kín từ đầu đến chân. Các ký giả Tây Phương gọi Burka là “cái túi đựng xác người sống” (the body-bag for the living). Vì được may bằng nhiều nếp gấp và rộng thùng thình nên chiếc áo Burka rất nặng. Vào mùa hè trời nóng có nhiều phụ nữ bị bệnh ngộp thở (claustrophobia) hoặc mắc chứng nhức đầu kinh niên.

Tại Afganistan cũng như tại các quốc gia Hồi giáo khác, phụ nữ không được đi học. Các bé gái chỉ được học từ 7 đến 12 tuổi đủ để có thể đọc được sách kinh mà thôi.

Cũng giống như trường hợp Algeria, chính quyền

Hồi giáo bản xứ đã đối xử với phụ nữ tàn tệ hơn chế độ thực dân Pháp trước kia. Chế độ Taliban cũng tước đoạt hết mọi quyền tự do của phụ nữ Afganistan mà họ đã được hưởng dưới thời Liên Xô chiếm đóng tại xứ này trong 10 năm, từ 1979 đến 1989. Chính phủ Taliban lập ra Bộ Cải Tiến Đạo Đức và Ngăn Ngừa Thói Xấu (Ministry for Promotion of Virtues and Prevention of Vices). Các cán bộ thuộc bộ này đều là đàn ông, mỗi cán bộ được trang bị một cái roi dài quấn dây cáp bằng thép dùng để đánh bất cứ một phụ nữ nào đi trên đường phố mà không mặc y phục đúng cách. Chẳng hạn như để lộ vớ trắng ở bàn chân, đi giầy gây tiếng kêu trên hè phố, mặc quần áo quá bó sát thân hoặc trên người có đeo nữ trang, v.v.

CHARLIE NGUYỄN.■

NỘI DUNG LUẬT SHARIA

VỚI ĐÀN ÔNG:

- Hành lễ 5 lần 1 ngày, nhịn chay trọn tháng Ramadhan, đóng Zakat
- Cần để râu theo chế độ Sunnah (Không bắt buộc).
- Đối với người làm Imam (chủ lễ) đọc Adhan mỗi khi đến giờ hành lễ nhằm thông báo cho mọi người biết.
- Tích cực học Qur'an và truyền đạo cho vợ, cho con cái.
- Nghiêm cấm giết người vô tội trừ trường hợp gặp phải kẻ giết người hay kẻ phá

hoại tôn giáo nếu không sẽ bị hành hình.

- Nghiêm cấm gian dâm, ngoại tình nếu không sẽ bị đánh 100 roi với tội ngoại tình và ném đá đến chết với tội gian dâm.
- Không nghe nhạc, nhảy nhót vì điều đó không phù hợp với một người Muslim ngoan đạo.
- Luôn dang tay cứu giúp những người nghèo và tuyệt đối không được xúc phạm hay đánh đập họ.
- Không được ăn cắp, nếu không sẽ bị chặt tay.
- Nghiêm cấm đánh vợ và có những hành vi xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của vợ, nhưng trường hợp muốn dạy người vợ ngang bướng thì hãy chỉ bảo nhẹ nhàng, nếu không được thì đánh nhẹ tay. Cấm không được dùng gậy gộc để dạy vợ, nếu người vợ chịu nghe lời thì không được kiểm chuyện rầy rà với vợ.
- Khi cưới vợ cần đóng khoản tiền cưới bắt buộc.
- Khi cảm thấy không thể chung sống được với nhau thì giải phóng người vợ một cách thỏa đáng và giữ lại tiền cưới nếu người vợ không đòi lại.
- Không được phép ăn thịt lợn, chó, các loại động vật bị săn bắn, bị thắt cổ chết... nói chung là không ăn những loại động vật không được cắt cổ theo đúng nghi thức nhưng nếu trong trường hợp bất khả

kháng thì được phép ăn những thứ trên để duy trì sự sống.

- Phải dùng những thực phẩm đã được cấp chứng chỉ Halal.
 - Không được uống rượu bia hay những loại đồ uống, dược phẩm có cồn.
- ### **VỚI PHỤ NỮ:**
- Luôn ở trong nhà. Không đi lang thang không có mục đích ở trên đường. Nếu đi ra ngoài, đi cùng một mahram – một nam giới có quan hệ họ hàng.
 - Hành lễ 5 lần 1 ngày (Fajr, Dhuhur, Asr, Maghrib, Isha'a) và nên hành lễ tại nhà nhưng nếu cần có thể hành lễ tại masjid, tuyệt đối không được hành lễ chung với nam giới.
 - Tuyệt đối nghe theo mệnh lệnh của chồng (nếu đó là điều đúng).
 - Tích cực đọc Qur'an và Hadith. Phải mặc Hijab và choàng Niqab nếu cần thiết để tránh khỏi cái nhìn từ đàn ông và quan hệ hôn nhân bất hợp pháp tuy nhiên trên hết là để làm hài lòng Đấng Tạo Hóa.
 - Không nên trang điểm vì đó là làm hỏng đi nét đẹp vốn có của người phụ nữ.
 - Không được đeo nữ trang.
 - Tránh nói chuyện với đàn ông nếu chưa được người đó đáp lời.
 - Không nên nhìn vào mắt đàn ông.
 - Không cười nơi công cộng.
 - Không sơn móng tay.
 - Chỉ lấy người Muslim nam, không được phép lấy người ngoại đạo.

- Các trẻ em gái khi đến trường học phải được xếp lớp học chỉ toàn học sinh nữ, không được cho học sinh nữ ngồi cạnh học sinh nam.

- Phụ nữ nên chăm lo công việc nội trợ ở nhà trong khi chồng đi làm nhưng nếu cần thiết có thể đi làm để trang trải cho cuộc sống.

- Nếu bị bắt gặp ngoại tình bị đánh 100 roi cả 2 người và bị ném đá đến chết nếu gian dâm bất chính (quan hệ tình dục trước hôn nhân).

SHARIA LAW

Sharia law is the law of Islam. Sharia (also spelled ‘Shariah’) is cast from the Quran, the actions and words of Muhammad, and the collective reasoning and deductions of Muslim imams.

As a legal system, Islam’s Sharia law covers a wide range of subjects. The stipulations of the Sharia law, however, are unlike any other legal system in the world.

According to the Sharia law:

- Theft is punishable by amputation of the right hand (above).

- Criticizing or denying any part of the Quran is punishable by death.

- Criticizing or denying Muhammad is a prophet is punishable by death.

- Criticizing or denying Allah, the moon god of Islam is punishable by death.

- A Muslim who becomes a non-Muslim is punishable by death.

- A non-Muslim who leads a Muslim away from Islam is punishable by death.

- A non-Muslim man who marries a Muslim woman is punishable by death.

- A man can marry an infant girl and consummate the marriage when she is 9 years old.

- Girls’ clitoris should be cut (per Muhammad’s words in Book 41, Kitab Al-Adab, Hadith 5251).

- A woman can have 1 husband, but a man can have up to 4 wives; Muhammad can have more.

- A man can unilaterally divorce his wife but a woman needs her husband’s consent to divorce.

- A man can beat his wife for insubordination.

- Testimonies of four male witnesses are required to prove rape against a woman.

- A woman who has been raped cannot testify in court against her rapist(s).

- A woman’s testimony in court, allowed only in property cases, carries half the weight of a man’s.

- A female heir inherits half of what a male heir inherits.

- A woman cannot drive a car, as it leads to fitnah (upheaval).

- A woman cannot speak alone to a man who is not her husband or relative.

- Meat to be eaten must come from animals that have been sacrificed to Allah – i.e., be Halal.

- Muslims should engage in Taqiyya and lie to non-Muslims to advance Islam.

- The list goes on.■



THE MODERN MUSLIM WOMAN.



những công dụng chữa bệnh quý báu CỦA CẦN TÂY

■ V.T. SƯU TÂM

Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rau cần tây có tác dụng hạ huyết áp rõ rệt, thời gian duy trì tùy theo liều lượng nhiều hay ít và trên từng đối tượng.

Cần tây chứa canxi, sắt, photpho, giàu protid (gấp đôi so với các loại rau khác), nhiều axit amin tự do, tinh dầu, mannitol, inositol, nhiều loại vitamin, giúp tăng cảm giác thèm ăn, xúc tiến tuần hoàn máu, tăng cường khả năng miễn dịch và bổ não.

HUYẾT ÁP CAO

Cần tây chứa canxi, sắt, photpho, giàu protid

(gấp đôi so với các loại rau khác), nhiều axit amin tự do, tinh dầu, mannitol, inositol, nhiều loại vitamin, giúp tăng cảm giác thèm ăn, xúc tiến tuần hoàn máu, tăng cường khả năng miễn dịch và bổ não. Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rau cần có tác dụng hạ huyết áp rõ rệt, thời gian duy trì tùy theo liều lượng nhiều hay ít và trên từng đối tượng.

BỆNH GOUT

Kiểm trong cần tây có tác dụng trung hoà các chất axit, nhờ đó rau cần có thể hỗ trợ chữa được các bệnh do axit tăng cao trong máu như

urê huyết cao, nhiễm trùng máu, bệnh phong thấp và bệnh gout.

CÁC RỐI LOẠN VỀ MÁU

Cần tây có hàm lượng magnesium và sắt cao, nên uống dịch ép rau cần tây và cà rốt mỗi ngày, rất hiệu quả trong điều trị các chứng bệnh thiếu máu, bệnh Hodgkin, các chứng xuất huyết...

BỆNH ĐƯỜNG HÔ HẤP

Hạt cần tây có tác dụng làm giảm co thắt nên được dùng chữa hen suyễn, viêm phế quản, viêm màng phổi và bệnh lao phổi.

NGỪ SỎI THẬN

Ăn rau cần tây có thể giúp ngăn ngừa hình thành sỏi thận.

MẤT NGỦ

Lượng chất kiềm trong cần tây có công dụng giúp những người đang mắc chứng mất ngủ có thể ngủ ngon hơn. Khoáng chất này làm cho hệ thần kinh êm dịu lại, giảm bớt sự căng thẳng và lo âu.

GIÚP XƯƠNG KHỎE MẠNH

Loại rau gia vị này là nguồn cung cấp vitamin K dồi dào, cùng với rất nhiều canxi và magiê – rất có ích cho quá trình tạo xương và giúp các khớp luôn khỏe mạnh. Cần tây còn chứa polyacetylene, một chất kháng viêm, vốn có khả năng làm giảm sưng và đau xung quanh các khớp xương.

LỢI TIỂU

Hàm lượng kali và natri trong cần tây sẽ chịu trách nhiệm về khả năng giúp lợi tiểu. Chúng kích thích cơ thể sản xuất nước tiểu và điều chỉnh lượng chất lỏng trong cơ thể bằng cách loại bỏ lượng nước thừa.

TÁO BÓN

Từ xa xưa, cần tây đã được dùng làm thuốc nhuận tràng. Chúng làm dịu các dây thần kinh vốn đã hoạt động quá mức do các loại thuốc nhuận tràng nhân tạo. Nhờ đó, làm nhẹ chứng táo bón một cách tự nhiên.

CHỐNG UNG THƯ

Những hợp chất như phthalide và polyacetylene giúp loại khử các chất sinh ung thư. Coumarin giúp ngăn chặn những tổn hại ở các tế bào do các gốc tự do gây ra. Acetylenics ngăn ngừa sự phát triển của các khối u. A-xít phenolic có khả năng khóa chặt sự hoạt động của các prostaglandin (vốn là tác nhân kích thích sự phát triển của các tế bào ở khối u). Nhờ đó, sẽ ngăn không cho các khối u phát triển.

Lưu ý: Những người bị huyết áp thấp không nên dùng cần tây. Không cất giữ rau cần tây trong tủ lạnh quá 2 tuần vì chất furanocoumarin trong cần tây sẽ tăng gấp 25 lần, có thể gây ung thư. Đặc biệt, đàn ông không nên lạm dụng quá vì rau cần tây giúp giữ vững phong độ của các đấng mày râu nhưng nếu lạm dụng sẽ gây hiệu quả ngược với mong muốn.■



MỘT CỤ ÔNG SỐNG THỌ... 256 NĂM

■ H.P. SUU TÂM • THEO NGÂN HÀ



Hai tạp chí Time và New York Times từng đăng một bài viết nói về trường hợp cụ ông Li Ching-Yun (Trung Quốc) sống trường thọ tới 256 mùa xuân. Thị lực của cụ luôn tốt, sắc mặt không có gì khác so với những người kém cụ 2 thế kỷ. Cụ có đến 23 bà vợ, 180 con cháu chắt chít và bán thảo dược trong 100 năm đầu đời.

10 TUỔI ĐI HÁI THẢO DƯỢC, HỌC PHƯƠNG PHÁP SỐNG THỌ

Theo tiết lộ của nhóm tác giả bài viết trên, sở dĩ họ biết được thông tin này từ một người đưa thư ở thành phố Trùng Khánh. Trước khi mất, cụ Li đã phải chứng kiến 23 người vợ của mình qua đời, tổng số con cháu của cụ lên tới 180 người. Nhóm tác giả cho hay, ông cụ Li sống lâu đến vậy là nhờ có tâm hồn thanh thản và luôn tin rằng mỗi một con người có thể sống ít nhất 1 thế kỷ nếu đạt được thư thái nội tâm.

Về cuộc đời cụ lúc còn nhỏ thì không có nhiều tài liệu ghi lại. Cụ sinh ra và mất đi tại tại ngôi làng Kaihsien thuộc tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc). Cụ từng nói rằng mình sinh năm 1736. Tuy nhiên, dựa vào nhiều tài liệu, hồ sơ thì vào năm 1930, giáo sư người Trung Quốc, Wu Chung-Chien của trường Đại học Thành Đô đã phát hiện ra “giấy chứng sinh” của Hoàng gia cũng như những bức thư chúc thọ của các Hoàng đế nhà Thanh, cho thấy rõ Li được sinh ra vào năm 1677 (năm Khang Hy thứ 17) tại huyện Kỳ Giang (tỉnh Tứ Xuyên).

Vào các năm 1827 và 1877, triều đình nhà Thanh đã cử hành lễ mừng thọ 150 tuổi và 200 tuổi cho cụ một cách long trọng. Trong các bức thư chúc mừng này còn khẳng định: cụ Li Ching-Yun là chuyên gia thảo dược, lão võ sư kiêm cố vấn chiến thuật, đồng thời cũng là một bậc thầy khí công danh tiếng lẫy lừng Trung Quốc thời đó.

Thời báo New York Times vào năm 1928 ghi

rằng nhiều người già gần nơi ông cụ Li Ching-Yun sinh sống cho hay ông nội của họ đã biết ông Li Ching-Yun từ lúc còn nhỏ, và khi ấy ông Li đã lớn tuổi rồi.

Theo những câu chuyện lưu truyền ở tỉnh Tứ Xuyên, ông Li biết viết và đọc từ rất sớm. Năm lên 10 tuổi, ông đã tìm đến Sơn Tự, Tây Tạng, Cam Túc, Mãn Châu và Thái Lan để thu mua thảo dược. Trong 100 năm đầu tiên, ông tiếp tục theo đuổi nghiệp này, sau đó chuyển sang bán thảo dược do người khác thu mua. Cũng từ năm lên 10, ông bắt đầu học hỏi các phương pháp trường thọ, với khẩu phần ăn uống chính là các loại thảo mộc và rượu gạo.

Ông đã sống theo cách này trong 40 năm đầu tiên của cuộc đời mình. Năm 1749, khi đã 71 tuổi, ông gia nhập quân đội ở huyện Khai, trở thành thầy dạy võ thuật kiêm chuyên gia cố vấn chiến thuật.

251 TUỔI VẪN TRẺ, DẸO DAI NHƯ TUỔI 60

Năm 1927, ông nhận lời mời của tướng Yang Sen (Trung Hoa dân quốc) tới huyện Tứ Xuyên làm khách trong nhà. Ngay từ khi mới gặp mặt cụ Li, tướng Yang Sen hết sức ấn tượng và khâm phục trước sự trẻ trung, sức dẻo dai và tài nghệ võ thuật của cụ.

Khi ấy, tướng Yang Sen tự hỏi mình: “Làm thế nào mà cụ Li tuổi đã cao như vậy rồi mà vẫn trẻ khỏe như đang thời trung niên vậy nhỉ? Chẳng lẽ cụ có thần dược.” Bức chân dung nổi tiếng về cụ được chụp trong thời gian này.

Sau khi trở về được một năm, cụ Li mất. Một số nói rằng, cái chết của cụ là do nguyên nhân tự nhiên, nhưng cũng có người bảo, trước khi mất cụ Li nói với người nhà: “Tôi đã làm xong những việc mà tôi cần phải làm, tôi sắp sửa trở về nhà (tạ thế).” Quả thật sau đó một thời gian ngắn, ông tịch. Sau cái chết của cụ Li, tướng Yang Sen có những điều tra về ngày tháng năm sinh của cụ Li.

Mục đích của cuộc điều tra này nhằm làm sáng tỏ sự trường thọ kỳ lạ của cụ Li. Không lâu

sau đó, tướng Yang Sen đã viết những phát hiện của mình liên quan đến tuổi đời, cuộc sống sinh hoạt của cụ Li trong một báo cáo.

Bài viết mang tựa đề “Câu chuyện có thật về một người đàn ông 250 tuổi”, trong đó mô tả “Li Ching-Yun mắt rất sáng, cao khoảng 2m, bước chân mạnh mẽ, nước da hồng hào đầy sức sống.”

Năm 1933, sự ra đi của Li Ching-Yun đã được báo chí khắp thế giới đưa tin, bao gồm cả những tờ báo uy tín nhất thế giới đương thời như tạp chí Time và New York Times. Căn cứ vào một tài liệu có đề cập đến đời sống hôn nhân của người đàn ông nhiều tuổi nhất thế giới này, người ta biết được ông Li đã tiễn 23 bà vợ về suối vàng và đang sống với đứa con thứ 24 – khi đó đã ngoài 60 tuổi.

Trong một tài liệu khác có ghi năm 1928 nói rằng ông có 180 người con cháu chót chít, gồm 11 thế hệ và chỉ kết hôn có 14 lần.

Cụ Li Ching-Yun khi còn sống rất minh mẫn, khỏe mạnh, và cụ đã giữ được trạng thái đó cho tới tận lúc qua đời. Năm 1928, khi đó cụ đã 251 tuổi, một bài báo được đăng trên tờ New York Times đã miêu tả cụ trông chỉ như một người khoảng 60 tuổi.

Thị lực của ông Li vẫn rất tốt. Có một điều kỳ lạ mà những người từng thấy ông Li nói rằng sắc mặt của ông không có gì khác so với những người kém ông tới 2 thế kỷ. Móng tay bàn tay phải ông dài đến khoảng 15cm. Điều này đã làm cho nhiều nhà nghiên cứu về con người nghi ngờ về tuổi thọ thật sự của cụ.

MỘT NGƯỜI CÓ THỂ SỐNG ÍT NHẤT 1 THẾ KỶ NẾU NỘI TÂM LUÔN THƯ THÁI?

Một phóng viên New York Times viết: Có những câu chuyện đã được chứng minh là đúng 100% mà ta vẫn không thể không hoài nghi.

Bạn có tin một cụ ông ở Trung Quốc có thể sống trường thọ tới... 265 tuổi không? Ông cụ sinh năm 1736 hay 1677, chỉ xác định được năm mất (1933)? Theo tất cả các tài liệu tôi tìm thấy,

hình như trong chế độ ăn uống của cụ Li Ching-Yun chủ yếu là thực vật và trái cây hoang dã có trên núi.

Các dược thảo mà cụ ăn hàng ngày gồm có wolfberry (một loại trái cây thơm ngon được biết từ lâu là bổ mắt và não), He Shou Wu (hay còn gọi là Hà thủ ô, có tác dụng hồi phục sức khỏe nhanh chóng và chống lão hóa) và nhân sâm.

Ông cụ ăn Wolfberry sống và nấu chín He Shou Wu với nhân sâm.

Cũng có bằng chứng nói rằng khoảng 2 năm một lần cụ ăn cá và thịt động vật hoang dã.

Qing Li yun, người đứng đầu quân đội Trung Khánh đã từng mời ông Li về tư gia của mình với mong muốn được truyền bí quyết sống tới năm 250 tuổi.

Trong một bài phỏng vấn năm 1920, lúc này ông Qing đã 139 tuổi, cho biết: Năm 50 tuổi, tôi có đi đến một ngọn núi để thu thập một số loại thảo mộc. Ở đây, tôi đã gặp một cụ ông lớn tuổi. Qua trò chuyện, tôi biết cụ sống hàng chục năm trên ngọn núi hẻo lánh này.

Cụ xuất hiện không phải là một người đàn ông phi thường, nhưng những bước đi của cụ nhanh như thể cụ đang bay trong không khí. Tôi dồn mọi sức lực cố gắng đi theo cụ mà mãi vẫn không thể theo kịp...

Đến lần thứ hai gặp mặt, tôi đã thành tâm quỳ trước mặt cụ và cầu xin cụ truyền cho bí mật sức khỏe dẻo dai phi thường đó.

Cụ đã cho tôi một số loại trái cây, nhiều nhất là quả wolfberry và nói “bí mật duy nhất của tôi là chỉ ăn những loại trái cây này.” Kể từ đó, tôi ăn các loại trái cây đó hàng ngày.

“Luôn giữ một trái tim ôn hòa, ngời tĩnh lặng như một chú rùa chậm chạp, đi nhanh nhẹn như chú chim câu và ngủ ngon lành như chú cún.”

Đó là những lời khuyên quý báu mà cụ Li chia sẻ với Qing Li yun, người từng đưa cụ Li tới ngôi nhà của ông với mong muốn có được bí quyết về sự trường thọ. ■



Dầu thế lộ gập ghình trở ngại,
Đã làm người lòng phải dạn lòng,
Cõi đời vạn hữu sắc không,
Chẳng chi tồn tại mà mong giữ gìn.
Có cái có trong tình Tạo Hóa,
Không là không đạo cả lưu hành,
Biết đường sanh diệt diệt sanh,
Huòn nguyên phần bốn nhọc nhàn chi con.
Trái lịch kiếp nghiệp còn triu triu,
Kỳ xá ân nường níu trì tu,
Huyền môn giải phá trần tù,
Phất trần quét sạch ngút mù từ lâu.
Kìa máy Tạo phát thâu luân động,
Cực âm rồi mầm sống hiển dương,
Phục sinh là đạo hằng thường,
Hằng thường trong cõi vô thường là đây.
Đóng sáu cửa trong ngoài vắng lặng,
Tâm vô tâm bừng sáng chơn tâm,
Tổng trì tận diệt năm âm,
Chơn linh hiển hiện hành thâm cơ huyền.
Phép đốn ngộ Tiên Thiên chánh giác,
Không gì hơn tịnh lạc vô trần,
Có thân dường thể không thân,
Muôn phương thoát hóa một thần minh linh.
Đạo pháp sẵn trong tình gắn bó,
Đạt cơ mâu nào có khó chi,
Hoàng dương chánh pháp Tam Kỳ,
Vẹn tròn sứ mạng phục quy nguyên thần.
Cùng Trời đất không riêng con né,
Vui hưởng cùng, chia sẻ thương đau,
Phật Tiên Thần Thánh khác nào,
Một thân trải khắp ngàn sau hưởng nhờ.
Con đi trước chờ chờ diu dắt,
Đứa đi sau nhạt nhạt mà đi,
Chí tâm chí đạo tu trì,
Bất lao đàn chỉ phục quy căn lành.

ĐỨC VÔ CỰC TỪ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-12
BÍNH THÌN (19-01-1977). ■

BÁNH CUỐN CHAY

■ BẠCH TUYẾT



NGUYÊN LIỆU:

- 1 gói bột bánh cuốn 400g (mua ở siêu thị).
- 20 gr nấm mèo + 1 củ hành tây.
- 2 miếng đậu hũ (xẻ mỏng chiên vàng).
- 1 miếng đậu hũ ky tươi (chiên hơi vàng).
- 2 củ sắn (khoảng 700gr).
- 10 tai nấm đông cô.
- Đường, bột nêm, nước mắm, tỏi, ớt băm.
- ½ kg giá + 2 trái dưa leo, ít xà lách, rau thơm.

CÁCH LÀM:

Bánh cuốn làm có 2 công đoạn:

1. Làm nhân.
2. Quay bột và tráng bánh.

LÀM NHÂN:

Nấm mèo và nấm đông cô ngâm nước cho mềm rửa sạch, vắt ráo, cắt hạt lựu mỗi thứ để riêng. Củ hành tây, đậu hũ đã chiên, hũ ky cũng chiên rồi mỗi thứ đều cắt hạt lựu nhỏ để riêng. Củ sắn lột vỏ rửa sạch cũng cắt hạt lựu.

Bắc chảo lên bếp chờ nóng, cho 3 muỗng súp dầu ăn vào, cho hành tây và 1 muỗng tỏi đã băm vào xào cho hơi vàng kể cho nấm đông cô xào cho sần, cho củ sắn vào xào cho ráo nước, kể cho tàu hũ ky và đậu hũ vào xào, cho

1 muỗng nước mắm, một muỗng súp bột nêm và 1 muỗng súp đường xào cho thấm gia vị, cho nấm mèo vào đảo đều tắt lửa cho ít tiêu xay, cho ra tô.

CÁCH LÀM BỘT (VỎ BÁNH CUỐN):

1 gói bột 400 gr làm ra khoảng 5 – 6 đĩa.

Bột cho vào thau, cho 1 lít nước và 4 muỗng súp dầu ăn vào quậy đều. Bắc lên bếp 1 chảo chống dính, cho ít dầu vào chảo tráng, kể cho bột đã quậy vào tráng đều đầy nắp khoảng 15 giây là bánh chín, lấy bánh bằng cách úp chảo xuống mâm có thoa ít dầu để bánh không bị dính, cho nhân vào giữa cuốn bánh lại.

Cứ lần lượt làm cho tới khi hết bột. Bánh cuốn ăn với chả lụa chay kèm theo giá trứng, ít xà lách, rau thơm xắt nhuyễn, dưa leo xắt sợi.

Món bánh cuốn chay này có thành công và ngon hay không là nhờ pha nước mắm chay.

CÁCH LÀM NƯỚC MẮM CHAY:

1 chén rưỡi nước sôi (hoặc nước dừa), 5 muỗng súp đường vàng, nửa muỗng cà phê muối, 1/3 chén nước mắm chay.

Cho tất cả vào quậy đều, cho tỏi ớt băm vào. Nước mắm này phải hơi ngọt không nên làm mặn (không để chanh).■